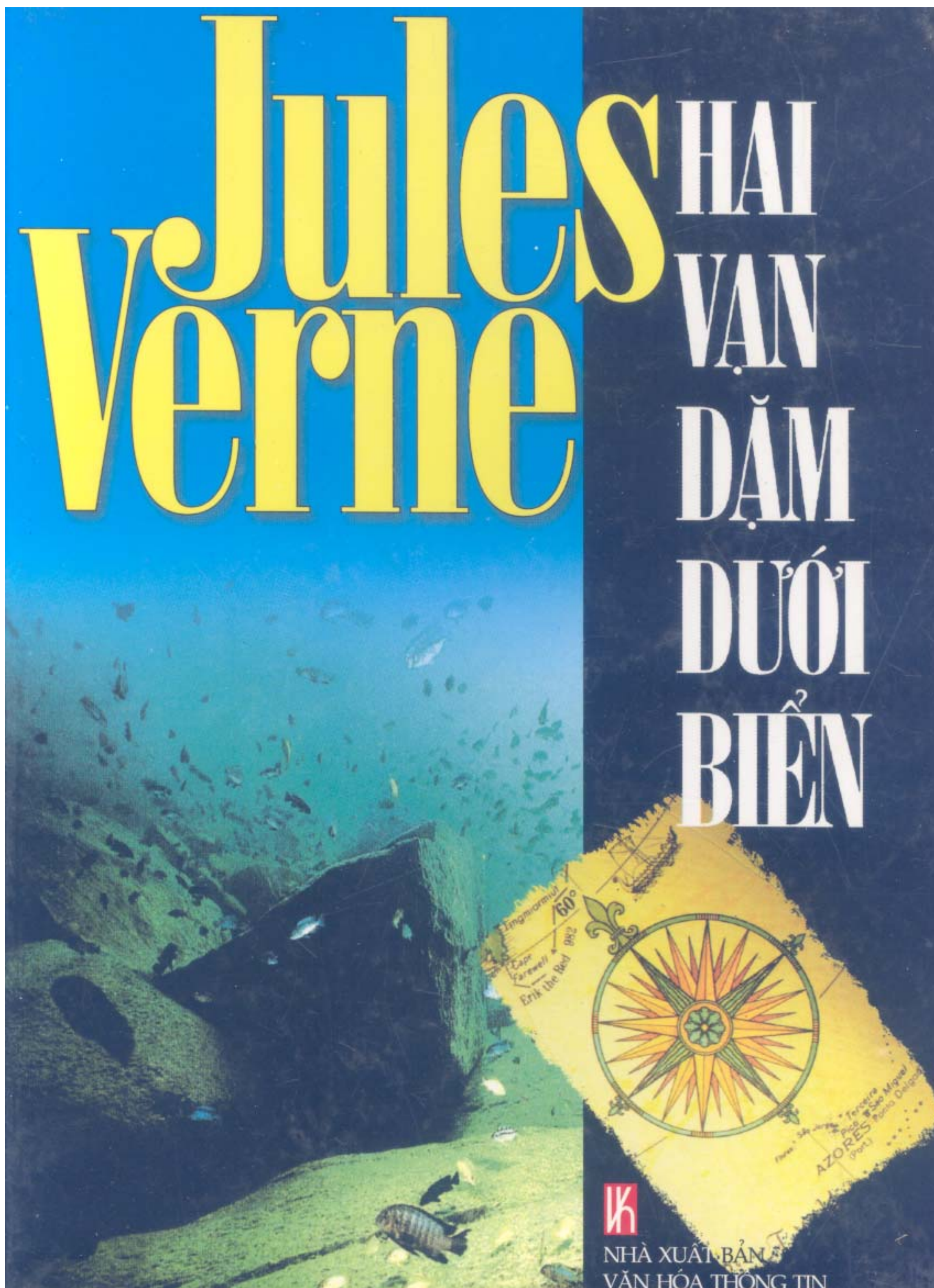

Jules Verne
HAI VẠN DẶM DƯỚI BIỂN
AZORES
Erik the Red
NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA THÔNG TIN

HAI VẠN DẶM DƯỚI ĐÁY BIỂN



Dịch theo nguyên bản tiếng Trung.
Bản in do Nhà xuất bản
Thượng Hải phát hành năm 1997

JULES VERNE

HAI VẠN DẶM DƯỚI ĐÁY BIỂN

Biên dịch: NGỌC ANH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

Hà Nội - 2003

LỜI NÓI ĐẦU

Jules Verne (8-2-1828 - 24-3-1905) là luật sư, và là nhà văn viết truyện khoa học viễn tưởng nổi tiếng người Pháp. Các tác phẩm của ông với một vẻ đẹp đầy ấn tượng của những cuộc thám hiểm ly kỳ, giầu trí tưởng tượng khoa học tuyệt vời, tỏa sáng một niềm tin vào con người và tương lai luôn được bạn đọc khắp năm châu đón nhận nồng nhiệt.

Bạn đọc Việt Nam đã được làm quen với Jules Verne qua các tác phẩm: "Năm tuần trên kinh khí cầu", "Chuyến du hành tới trung tâm trái đất", "Hai vạn dặm dưới đáy biển", "Vòng quanh thế giới trong 80 ngày" với nhiều bản dịch ở những thời điểm khác nhau. Đầu năm 2003 trước thềm của thiên niên kỷ mới - Thiên niên kỷ con người sẽ có những bước tiến mới trên con đường chinh phục đại dương, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin trân trọng tái bản cuốn ***"Hai vạn dặm dưới đáy biển"*** *của Jules Verne bản gốc tiếng Trung do Ngọc Anh dịch.*

Hy vọng qua bản dịch mới này, bạn đọc sẽ có thêm một cách tiếp cận với tác phẩm theo cuộc du lịch ở thế giới ngầm dưới đáy đại dương tráng lệ và huyền bí. Và nơi đây sẽ hấp dẫn con người có thêm nhiều khám phá để phục vụ cho lợi ích của chính mình trong tương lai.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

PHẦN I

CHƯƠNG I

DẢI ĐÁ NGẦM CHUYỂN ĐỘNG

Năm 1899 được rất nhiều người chú ý tới nhờ có một sự kiện đáng nhớ, một hiện tượng kỳ bí mà không ai lý giải được, và chắc hẳn tất cả mọi người đều chưa thể quên. Chuyện này không những chỉ gây hoang mang cho giới đi biển và cư dân các thành phố cảng, thậm chí ở sâu trong đất liền cánh thuỷ thủ cũng xôn xao bàn tán. Cánh lái buôn, giới thuỷ thủ, thuyền trưởng và các chủ tàu ở cả Châu Âu lẫn Châu Mỹ, sỹ quan hải quân của tất cả các quốc gia, và chính phủ một số nước trên hai lục địa cũng rất quan tâm đến vấn đề này.

Trong thời gian gần đây, rất nhiều tàu đi biển đã gặp một vật khổng lồ, hình thoi dài, thỉnh thoảng lại phát sáng, to lớn hơn và di chuyển nhanh hơn cá voi gấp nhiều lần.

Các thông tin miêu tả sự xuất hiện của vật bí ẩn này được ghi trong nhật ký hàng hải của các tàu đều giống nhau về hình dáng bên ngoài, về tốc độ di chuyển và sức mạnh ghê gớm của nó, và về thân thế bí ẩn mà nó đang mang. Nếu nó là một loại cá voi, thì nó to lớn hơn tất cả các loại cá voi mà khoa học từ trước đến nay từng biết đến. Nếu xem xét các phương tiện quan sát trong các lần

chứng kiến khác nhau, bỏ qua những lời đánh giá quá dè dặt của những người cho rằng con vật đó không dài quá ba mươi mét và những lời thổi phồng quá đáng cho rằng nó dài ít nhất ba dặm và rộng một dặm (Một dặm bằng 1.853,21 mét - ND), thì chúng ta có thể kết luận rõ ràng rằng sinh vật bí ẩn này, nếu nó thực sự tồn tại, nhất định vượt xa các kích thước đã được các nhà ngư học ngày nay ghi nhận. Việc nó đã và đang tồn tại là một thực tế không thể chối bỏ, và với khuynh hướng thường tin vào những điều kỳ lạ của con người chúng ta có thể hiểu cả thế giới này đã tò mò về hiện tượng siêu nhiên thần bí này như thế nào. Ý tưởng cho rằng tất cả chuyện đó chỉ là chuyện hoang đường tất nhiên là không được ai đếm xỉa đến cả.

Ngày 20- 6-1866, con tàu Ga-vơ-nơ Hic-ghi-xơn thuộc công ty tàu biển Can-cút-ta và Bơ-nát đã gặp một khối khổng lồ di chuyển cách bờ biển phía Đông của Úc năm dặm. Thuyền trưởng Bếc-kơ lúc đầu đã nghĩ rằng ông ta đã phát hiện ra một dải cát chưa được khám phá, ông ta thậm chí đã chuẩn bị xác định vị trí chính xác của dải cát đó, thì bỗng nhiên hai cột nước cao hơn bốn mươi mét bắn vọt lên từ cái khối màu đen kỳ lạ ấy cùng với một tiếng rít chói rai. Trừ phi dải cát đó có chứa một mạch nước ngầm, con tàu Ga-vơ-nơ Hic-ghi-xơn hẳn đang phải đối mặt với một con quái vật biển có vú chưa được biết đến, đang phun phì phì từ lỗ mũi ra những cột nước trộn lẫn không khí và hơi nước.

Cùng năm đó, vào ngày 23-7, trên vùng biển Thái Bình Dương, tàu Cô-lôm-bớt của công ty tàu biển Đông Ấn và Thái Bình Dương lại gặp con hải quái kỳ lạ này. Có nghĩa là loài sinh vật thuộc bộ cá voi này có thể di chuyển với vận tốc ghê gớm, vì chỉ trong vòng ba ngày, tàu Ga-vơ-nơ Hic-ghi-xơn và tàu Cô-lôm-bớt đã trông thấy nó tại hai địa

điểm cách nhau trên bảy trăm hải lý.

Rồi sau đó mười lăm ngày, cách nơi nói trên hai ngàn dặm, con tàu Hên-ve-xi-a của Công ty tàu biển quốc gia và tàu San-nông của Công ty thư tín Hoàng gia, trên vùng biển Đại Tây Dương, hải phận giữa Mỹ và Châu Âu đã cùng phát hiện ra con quái vật ở vĩ tuyến 42°15' vĩ bắc và 60°35' kinh tây. Hai tàu cùng lúc quan sát con quái vật, họ đều xác định rằng con quái vật phải dài ít nhất hơn một trăm mét bởi vì cả hai tàu đều nhỏ hơn con quái vật mặc dù cả hai đều dài gần một trăm mét.

Hiện tại, giống cá voi lớn nhất được biết đến thường được tìm thấy ở quanh vùng đảo A-lơ-ti-an, Ku-lam-mác và Um-gu-lích cũng không thể vượt quá sáu chục mét.

Các báo cáo về những cuộc diện kiến cùng quái vật liên tiếp bay về đất liền: thông báo mới nhất của tàu Pê-rê vượt Đại Tây Dương, cuộc đụng độ giữa tàu Ét-na của hãng tàu In-na với con quái vật, báo cáo của các sĩ quan trên chiến hạm Noóc-măng-đi, cuộc điều tra rất kỹ càng của thuyền trưởng Fít-giêm tàu Lo Clai-đơ, tất cả những điều đó đã ảnh hưởng lớn đến dư luận quần chúng. Những kẻ hồ đồ thì chỉ coi đó là chuyện tầm phào bông giỡn, nhưng đối với những quốc gia thực tế hơn như Anh, Mỹ và Đức thì họ lại quan tâm đến vấn đề này hết sức nghiêm túc.

Ở mọi nơi, đề tài về con quái vật là chủ đề giải trí thời thượng, họ hát về nó trong những quán cà phê, nhạo báng nó trên báo chí, và trình diễn nó trên sân khấu. Các loại báo chí tha hồ đưa tin thất thiệt về con quái vật. Con quái vật hiện lên trang báo dưới đủ hình thù quái dị, từ con cá voi trắng, con quái vật -Mo-bi-đích" của dân miền Bắc cực, đến con thuỷ quái ở vùng biển Na uy có những chiếc vòi dài gớm ghiếc có thể cuốn cả những chiếc tàu nặng năm

trăm tấn xuống tận đáy biển sâu thẳm. Họ thậm chí còn nêu giả thuyết liên quan đến những truyền thuyết về thuỷ quái từ thời cổ đại, họ lại càng tin vào quan điểm của A-rít-tốt và Pli-ni khẳng định sự tồn tại của những con quái vật, cũng như những câu chuyện truyền thuyết của Na-uy về Giám mục Pôn-tốp-pi-đan, bản tường thuật của Pôn Héc-gơ-dê và cuối cùng là bản báo cáo của ông Ha-ring-tơn (người có đức tin mãnh liệt mà không ai phủ nhận được) khẳng định rằng: có mặt trên tàu Cát-ti-lăng năm 1857, ông ta đã được tận mắt nhìn thấy con rắn biển khổng lồ này cho đến thời điểm đó chưa hề lui tới vùng biển nào khác ngoài vùng biển Côngx-ti-tu-xi-ôn-nen cổ đại.

Rồi các cuộc tranh cãi sôi nổi giữa những người tin và những người không tin vào sự tồn tại của con quái vật bùng nổ quyết liệt trên các tạp chí khoa học và hội nghiên cứu. Con quái vật thực sự đã gây kích động mạnh tới tất cả mọi người. Biên tập của các tạp chí khoa học trong cuộc bút chiến với những người cả tin vào thế lực siêu nhiên đã phải tốn biết bao giấy mực, thậm chí có người phải đổ cả máu trong suốt trận chiến đấu nhớ đời này. Chỉ vì con rắn biển mà đã dẫn đến hiềm khích cá nhân.

Trong suốt sáu tháng, cuộc chiến tranh không phân thắng bại đã được phát động trên các tờ báo hàng đầu của Viện sinh học Bra-xin, Viện hàn lâm Hoàng gia Khoa học Béc lin, Hiệp hội Anh Quốc, Viện Smít-xô-ni-an của Oa-sinh-tơn, trong các cuộc tranh luận của tờ "Quần đảo Ấn Độ", trong các mục tin thời sự của các tờ báo lớn ở Pháp và nhiều nước khác. Các tờ báo rẻ tiền hơn thì rất nhẫn nại trả lời độc giả với sự thích thú vô cùng. Các nhà báo châm biếm thì thả sức đả kích một đánh giá của Lin-nơ - người thuộc phe không tin vào sự tồn tại của con quái vật - vì đã dám nói rằng: "Thiên nhiên không bao giờ lừa gạt" và khẩn

khoản đề nghị các đồng nghiệp của mình hãy ngừng việc đổ lỗi cho thiên nhiên bằng cách thừa nhận sự tồn tại của thuỷ quái, của rắn biển, của "Mô-bi-đích" và hàng loạt các con quái vật khác do những thuỷ thủ cuồng loạn mê sảng nói ra. Một bài báo dài đăng trên một tờ báo châm biếm nổi tiếng do một nhân vật tiếng tăm lãnh đạo đã xây dựng nên con quái vật, giống như một con nửa bạch tuộc nửa hà mã đã gây nên một trận cười thất ruột trên toàn thế giới. Sự hóm hỉnh đã vượt lên trên cả khoa học.

Đến đầu năm 1867, câu chuyện về con quái vật dường như đã bị chôn vùi và không ai còn muốn gợi lại, cho đến khi những tin tức nóng hổi lại được công bố rộng rãi trước công chúng. Hiện giờ, đó không còn là một vấn đề khoa học cần được giải quyết nữa, mà đã trở thành một mối nguy hiểm nghiêm trọng cần phải ngăn ngừa. Vấn đề hiện giờ đã được khoác lên một thứ hình thù khác. Họ cho rằng con quái vật đó chỉ là một hòn đảo nhỏ, một tảng đá, một dải đá ngầm nhưng là dải đá ngầm không xác định và luôn luôn chuyển động.

Ngày 5-3-1867, con tàu Mô-ra-vi-an thuộc Công ty tàu biển Môn-trê-an một đêm khi đang chạy tại vĩ tuyến 27°30', kinh tuyến 72°15' bỗng phát hiện ra mạn phải của tàu đâm vào một dải đá ngầm không hề được ghi trên bản đồ của vùng biển đó. Đêm hôm đó gió thổi mạnh, động cơ tàu mạnh bốn trăm mã lực, lại đang chạy nhanh với vận tốc mười ba hải lý một giờ, nếu không nhờ có vỏ tàu siêu cứng thì hẳn con tàu Mô-ra-vi-an đã bị đắm do cú va đập và chìm xuống biển sâu mang theo trong mình hai trăm ba mươi bảy hành khách đang trên đường về nước từ Ca-na-da.

Tai nạn xảy ra vào khoảng năm giờ sáng, lúc trời vừa mới chạng vạng sáng. Các sĩ quan đang trực trên tàu lao vội tới mũi tàu xem xét kỹ lưỡng nhưng chẳng phát hiện

ra điều gì đáng nghi ngoài một đợt sóng ngầm mạnh nổi lên cách đó khoảng hơn nửa cây số, như thể mặt biển vừa mới rung động dữ dội. Ngay lập tức, họ xác định toạ độ vừa xảy ra sự kiện trên, và con tàu Mô-ra-vi-an lại tiếp tục cuộc hành trình mà không bị một hư hại nghiêm trọng nào cả. Nó đã va phải một dải đá ngầm, hay xác một chiếc tàu khổng lồ bị đắm? Không ai biết rõ cả. Nhưng sau đó, khi mang tàu đến trạm sửa chữa, họ đã phát hiện ra dưới đáy tàu có một bộ phận bị gãy.

Sự kiện này, cho dù là khá nghiêm trọng, nhưng hẳn rồi cũng sẽ bị chìm vào quên lãng như bao nhiêu sự kiện khác nếu như không có một chuyện tương tự như vậy xảy ra chỉ ba tuần sau đó. Nhưng lần này, nhờ vào quốc tịch của những nạn nhân trên tàu, nhờ vào danh tiếng của hãng tàu sở hữu con tàu mà sự kiện được lan truyền rộng rãi.

Ngày 13-4-1867, biển lặng êm, gió nhè nhẹ thổi. Con tàu Xcô-ti-a của công ty tàu biển Cu-na đang chạy tại vĩ tuyến 45°37', kinh tuyến 15°12' với vận tốc mười ba phảy năm hải lý một giờ.

Vào bốn giờ mười bảy phút chiều, khi hành khách đang dùng bữa tại phòng ăn lớn của tàu thì bỗng nhiên họ cảm thấy một cú va chạm nhẹ vào vỏ tàu, phía mạn dưới, bên trái guồng lái.

Tàu Xcô-ti-a chưa từng bị va chạm, nhưng hiện giờ dường như nó đang bị một vật gì thật cứng và nhọn đâm phải. Cú va chạm khá nhẹ nên không làm ai hốt hoảng nếu như họ không nghe thấy tiếng một anh chàng thợ mộc đang đứng trên boong và kêu ầm ĩ: "Chúng ta đang chìm, chúng ta đang chìm!" Lúc đầu, các hành khách rất hoảng sợ, nhưng thuyền trưởng An-đơ-sơn đã đến kịp để trấn an họ. Thực ra tàu không thể chìm được vì nó được chia ra làm bảy

ngăn riêng biệt không thấm nước, nên một lỗ thủng ở một ngăn cũng không thể đe doạ đến sự sống còn của con tàu. Thuyền trưởng An-đơ-sơn đi ngay đến chỗ lỗ thủng. Ông ta thấy nước biển đang theo lỗ thủng tràn vào ngăn số năm. Tốc độ nước tràn vào rất mạnh, chứng tỏ rằng lỗ thủng khá to. Thật may thay là trong ngăn số năm không có nồi hơi, nếu không thì lửa đốt lò đã bị dập tắt. Thuyền trưởng An-đơ-sơn ra lệnh lập tức ngừng chạy máy, rồi cử một thuỷ thủ lặn xuống biển để xem xét lỗ thủng. Một vài phút sau họ tìm thấy một lỗ thủng rộng khoảng gần hai mét dưới thân tàu. Một lỗ thủng lớn như vậy thì không thể bịt kín được, do vậy, tàu Xcô-ti-a, mặc dù guồng bánh xe của nó bị ngập một nửa dưới nước, vẫn phải tiếp tục cuộc hành trình. Lúc đó, tàu cách mũi Cli-a ba trăm dặm, và cuối cùng cũng cập bến Li-vơ-pun chậm ba ngày so với kế hoạch khiến cho mọi người đều lo lắng.

Ngay lập tức, tàu được đưa vào xưởng sửa chữa. Các kỹ sư không thể tin vào mắt mình: cách mớn nước khoảng hai mét rưỡi là một lỗ thủng rất sắc ngọt hình tam giác cân. Vết cắt trên vỏ thép rất nhẵn rõ ràng không phải do bị tình cờ đâm phải, dụng cụ gây ra vết thủng hẳn không thể là những vật thông thường. Hơn nữa, sau khi đâm thẳng vào vỏ tàu bằng thép tấm có độ dày bốn phân với sức mạnh khủng khiếp, nó lại tự rút ngược ra được, rõ ràng là một sự thật không thể giải thích nổi.

Sự kiện cuối cùng đó đã làm dư luận xôn xao hơn bao giờ hết. Từ đó trở đi, tất cả những vụ tai nạn thông thường ngoài biển mà không tìm ra nguyên nhân đều được đổ hết cho con quái vật.

Con quái vật bị qui trách nhiệm về tất cả các vụ đắm tàu, mà đáng tiếc là khá lớn. Trong số ba ngàn chiếc tàu

đắm hàng năm theo như số liệu của Loi, thì số tàu hoàn toàn mất tích không hề có tin tức gì lên tới con số không dưới hai trăm.

Và thế là con quái vật, dù công bằng hay không công bằng, bị buộc tội về sự mất tích của các con tàu đó. Do sự xuất hiện của con quái vật, giao thông đi lại giữa các lục địa trở nên ngày càng nguy hiểm. Dư luận kiên quyết yêu cầu chính phủ bằng mọi giá phải diệt trừ con yêu quái này.

CHƯƠNG II

TÁN THÀNH VÀ PHẢN ĐỐI

Vào thời gian xảy ra những sự kiện nói trên, tôi vừa mới trở về sau khi hoàn tất một cuộc nghiên cứu tại một vùng đất khắc nghiệt ở bang Nê-bratx-ka, Mỹ. Với tư cách là phó giáo sư Viện Bảo tàng lịch sử tự nhiên Pa-ri, tôi được chính phủ Pháp cử tham gia đoàn thám hiểm đó. Sau sáu tháng tại Nê-bratx-ka, tôi trở lại Niu-Ioóc vào cuối tháng ba với một bộ sưu tập quý giá. Chuyến bay về Pháp của tôi đã được sắp xếp vào đầu tháng năm. Do vậy, trong khi chờ ngày trở về, tôi dành thời gian để phân loại bộ sưu tập về khoáng vật, thực vật và động vật của mình. Lúc đó là thời điểm tàu Xcô-ti-a gặp tai nạn.

Tất nhiên là tôi phải theo dõi sát sao mọi việc đang làm cả thế giới xôn xao. Tôi còn có thể làm gì hơn được? Tôi đọc đi đọc lại những tài liệu từ Mỹ và Châu Âu mà không rút ra được một kết luận nào sáng sủa hơn. Câu chuyện bí hiểm này đã làm tôi bị kích thích. Vì chưa thể rút ra được kết luận gì rõ ràng, tôi đề ra hết giả thuyết này đến giả thuyết khác. Chẳng có gì đáng nghi ngờ cả, rõ ràng là một điều bí ẩn đã đặt bàn tay lên vết thương của con tàu Xcô-ti-a.

Khi tôi trở lại Niu - Ioóc thì dư luận xôn xao về con quái vật đã lên tới đỉnh điểm. Giả thiết tồn tại một hòn đảo di động, một dải đá ngầm không thể xâm phạm do những

người nhát gan đề xuất đã bị gạt bỏ hoàn toàn. Thật vậy, nếu không có máy móc động cơ bên trong thì làm sao một dải đá ngầm lại có thể di chuyển vị trí của mình với một vận tốc đáng kinh ngạc như vậy?

Cũng cùng một lý do như vậy, giả thiết cho là xác một chiếc tàu khổng lồ bị đắm cũng bị bác bỏ.

Chỉ còn lại hai giả thiết cho sự việc này, nó đã tạo nên hai luồng tranh cãi gay gắt. Một số người cho rằng đó là một con quái vật có sức mạnh ghê gớm, còn số còn lại lại cho rằng đó là một chiếc tàu ngầm có động cơ cực mạnh.

Giả thiết cuối cùng, mặc dù có vẻ như hợp lý hơn cả, cuối cùng cũng bị bác bỏ sau khi đã tiến hành điều tra kỹ lưỡng ở cả hai bán cầu. Giả thiết một cá nhân nào đó có khả năng sở hữu một chiếc tàu ngầm lớn như vậy là không khả thi. Chiếc tàu ngầm đó đã được đóng như thế nào, bao giờ và ở đâu? Làm thế nào người ta có thể giữ kín được chuyện đóng cả một chiếc tàu lớn như vậy? Chỉ có nhà nước mới có thể sở hữu được một chiếc tàu có tính phá huỷ lớn như vậy. Và trong giai đoạn rối ren này, khi trí tuệ của con người có thể vượt xa khả năng công phá của vũ khí chiến tranh, thì rất có thể là một quốc gia nào đó đã bí mật chế tạo và đem thử nghiệm một loại động cơ khủng khiếp như vậy lắm chứ. Sau phát minh về đạn bắn là phát minh về ngư lôi, sau ngư lôi là một chiếc tàu ngầm công phá, sau đó là một cuộc tấn công. Có thể như vậy lắm chứ.

Nhưng giả thuyết về một chiếc tàu chiến cũng bị bác bỏ trước khi tất cả các nước đưa ra tuyên bố. Vì dư luận thế giới rất quan tâm tới vấn đề này, hơn nữa tất cả các hải phận của các nước đều bị đe doạ nên không thể nghi ngờ rằng một nước nào đó đã có thể gây ra chuyện này. Việc đóng một con tàu lớn như vậy sao có thể thoát khỏi mắt dân chúng? Đối với

một cá nhân, phải giữ bí mật về việc đóng một con tàu như vậy đã là rất khó khăn, huống chi đối với một quốc gia việc đó là không tưởng khi mọi hành động nhỏ nhất đều bị các quốc gia đối địch theo dõi gắt gao.

Sau khi tiến hành điều tra tại Anh, Pháp, Nga, Phổ, Tây Ban Nha, Ý, Mỹ và thậm chí cả Thổ Nhĩ Kỳ, giả thiết tồn tại một chiếc tàu ngầm quân sự đã sụp đổ hoàn toàn.

Sau khi tôi trở về Niu - Ioóc, tôi hân hạnh được một vài người đến hỏi ý kiến về sự kiện này. Hai tập sách viết về một công trình nghiên cứu của tôi nhan đề "Những bí ẩn của đại dương" đã được xuất bản tại Pháp. Cuốn sách này đã được giới học giả thế giới đón nhận khiến cho tôi trở thành một chuyên gia nổi tiếng về một lĩnh vực của lịch sử tự nhiên ít được biết đến. Tôi được mời phát biểu ý kiến. Để không phải lên tiếng phản đối tính chân thực của sự việc, tôi buộc phải kiên quyết từ chối. Nhưng báo chí không để tôi yên, họ dồn tôi vào chân tường, tôi buộc phải thẳng thừng nói lên ý kiến của mình. Thậm chí tờ Niu - Ioóc Heran đã gọi tôi là "Ngài giáo sư tôn kính Pi-e A-rô-nát - Giáo sư viện Bảo tàng Pa-ri", tôi đã phải nhượng bộ mà phát biểu ý kiến trên báo của họ. Tôi đành phải phát biểu vì người ta cứ buộc tôi phải nói. Tôi nghiên cứu vấn đề trên mọi phương diện của nó, cả về chính trị và khoa học. Sau đây tôi xin trích một đoạn trong bài báo mà tôi đã rất tâm huyết đăng trên số báo ra ngày 30-4. Bài báo viết như sau:

- Sau khi nghiên cứu rất kỹ từng giả thiết, bác bỏ hết các giả thiết không chắc chắn, chúng ta phải thừa nhận về sự tồn tại của một sinh vật biển có sức mạnh ghê gớm.

Loài người chúng ta hoàn toàn chưa hiểu gì về thế giới đại dương đầy bí hiểm. Những cuộc thăm dò của chúng ta cũng chưa tới được tận đáy đại dương sâu thẳm. Những gì

đang diễn ra dưới lớp nước xanh thẳm, những sinh vật nào đang tồn tại, những sinh vật nào có thể sống được dưới độ sâu mười hai hay mười lăm dặm dưới mặt nước biển? Cơ thể chúng được cấu tạo như thế nào? Chúng ta chẳng thể nào biết chắc chắn mà chỉ có thể phỏng đoán. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng hiện tượng này có thể giải thích theo hai cách: con người chúng ta hoặc là đã biết rõ tất cả các biến thể của các sinh vật biển trên hành tinh, hoặc là chúng ta chưa biết hết. Nếu như chúng ta chưa biết hết, nếu như thiên nhiên vẫn còn ẩn giấu nhiều bí mật trong lòng đại dương thì tại sao chúng ta không thừa nhận sự tồn tại của một loài cá, hay một loài động vật dưới nước mà chúng ta chưa từng biết đến, một loài sinh vật được cấu tạo phù hợp với cuộc sống dưới biển sâu, dưới tầng biển mà con người chưa thể đặt chân đến được, mà do một quy luật nào đó, hoặc là do tính thất thương hay tính kỳ cục của mình, thỉnh thoảng chúng mới nổi lên tầng trên của biển cả sau một thời gian dài say ngủ.

Ngược lại, nếu con người đã biết rõ tất cả các sinh vật sống trên trái đất và đại dương, chúng ta phải tìm ra được loài vật nghi vấn đó trong số những sinh vật biển đã được phân loại, và trong trường hợp đó, tôi cho rằng có tồn tại một loài kỳ lân biển khổng lồ.

Kỳ lân biển hay còn gọi là cá một sừng thường có chiều dài trên mười tám mét. Các bạn hãy nhân kích thước của nó lên năm lần, mười lần, cho nó sức mạnh tương xứng với kích thước của nó, kéo dài chiều dài chiếc sừng của nó ra, khi đó, các bạn sẽ hình dung ra được con quái vật. Đó là kích thước mà các sĩ quan trên tàu San-nông ghi được, và nó phải có sức mạnh ghê gớm đủ để đâm thủng lớp vỏ thép của tàu Xcô-ti-a.

Con kỳ lân biển này, theo như giải thích của một số

nhà tự nhiên học, hẳn phải có một chiếc sừng bằng ngà sắc như gươm, hay một chiếc kích, chiếc sừng đó hẳn phải cứng như thép. Người ta đã tìm thấy những chiếc sừng của kỳ lân biển cắm trong thân thể những con cá voi bại trận. Trong những cuộc giao chiến với cá voi, kỳ lân biển luôn là người chiến thắng. Có những chiếc tàu đã bị sừng cá đâm thủng, rồi nó lại tự rút ra được mà không hề hấn gì, như thể một mũi khoan xuyên qua thùng gỗ vậy. Trường Đại học Y khoa hiện đang lưu giữ một chiếc sừng kỳ lân biển dài 2,75m, đường kính phần chân sừng là 48m.

Các bạn hãy tưởng tượng thứ vũ khí này mạnh gấp sáu lần, còn con cá đó mạnh hơn gấp mười lần, có thể di chuyển với vận tốc hai mươi dặm một giờ, lúc đó các bạn sẽ hiểu được sức mạnh ghê gớm đã gây ra bao nhiêu tai hoạ trong thời gian vừa qua. Cho đến khi có được những thông tin đầy đủ hơn, tôi chỉ có thể giả định rằng đó là một con kỳ lân biển khổng lồ, chiếc sừng của nó là một thứ vũ khí rất lợi hại, không phải chỉ đơn giản như một chiếc lao, mà như một chiếc cựa gà, giống như một chiếc tàu chiến bọc thép, hay tàu chiến có mũi nhọn có sức mạnh động cơ và kích thước to lớn khủng khiếp. Do vậy, hiện tượng kỳ lạ này có thể được giải thích như vậy, trừ phi có một số điều đã được phỏng đoán, được chứng kiến, được quan sát, hay được trải qua về hiện tượng này là không có thật.

Những lời cuối cùng của tôi thật là ba phải, nhưng xét trên một phương diện nào đó, tôi cũng cần phải giữ uy tín của một giáo sư có tên tuổi, và cũng là tránh không để cho những người Mỹ - những kẻ rất hay bới lông tìm vết để nhạo báng - có quá nhiều lý do để chế giễu, châm chọc mình. Tôi phải dành cho mình một lối thoát. Tuy nhiên, thực tế là tôi đã thừa nhận sự tồn tại của một con quái vật. Bài báo của tôi đã gây xôn xao dư luận, khiến cho tôi trở nên nổi tiếng hơn.

Tất nhiên, xoay quanh bài báo cũng có nhiều ý kiến trái ngược của những người thuộc nhiều phe phái khác nhau. Ý kiến tôi đã đưa ra ít nhất cũng cho phép mọi người mặc sức mà tưởng tượng. Con người tha hồ giả tưởng về những sức mạnh siêu nhiên, mà biển cả là nơi tưởng tượng lý tưởng nhất, là môi trường duy nhất mà ở đó họ thoả sức tạo dựng nên những con vật khổng lồ mà nếu đứng cạnh chúng thì những sinh vật trên trái đất như voi và tê giác chỉ là những chú kiến nhỏ bé.

Những tờ báo công nghiệp và thương mại lại nhìn nhận vấn đề chủ yếu dựa trên quan điểm đó. Tờ công báo Tàu biển và Thương mại, tờ Danh sách của Loi, tờ Tàu thuyền, và tờ Thời báo Hàng hải và Thuộc địa..., tất cả các báo đều lên tiếng buộc các hãng bảo hiểm phải tăng tỉ lệ tiền trả. Họ đều nhất trí với quan điểm này. Ý kiến công luận được các báo đăng tải. Mỹ là nước đi tiên phong trong lĩnh vực này. Tại Niu - loóc, họ đã gấp rút chuẩn bị cho một chuyến thám hiểm truy tìm con cá nguy hiểm này. Tàu A-bra-ham Lin-côn, một con tàu chiến có tốc độ cực lớn được trao nhiệm vụ quan trọng này. Thuyền trưởng Pha-ra-gut được trang bị vũ khí đến tận răng. Nhưng, thói đời thường là như vậy, khi mà người ta ra quyết định săn đuổi con cá thì nó lại chẳng thèm xuất hiện. Suốt cả hai tháng trời chẳng ai nhìn thấy nó ở đâu, chẳng ai nghe thấy tin gì của nó, như thể là con kỳ lân biển đó đã biết được kế hoạch tấn công vây bắt mình vậy. Người ta lại ì xèo bàn tán về nó. Những người thích đùa lại có dịp thoả mãn khi nói rằng tại vì kế hoạch bắt nó được truyền qua đường cáp ngầm dưới Đại Tây Dương nên con cá khôn ngoan này đã tóm được một bức điện đang được truyền đi và biết hết được mọi kế hoạch vây bắt nó.

Và thế là khi con tàu chiến, trang bị vũ khí tận răng với những loại đạn bắn cá voi tối tân nhất đã sẵn sàng cho một

cuộc hành trình dài gian khổ, thì người ta lại chẳng biết phải đi về hướng nào. Khi mọi người đang căng thẳng tột cùng thì bỗng họ nghe phong thanh rằng ngày 2-7 một chiếc tàu thuộc hạm đội San-Fran-xit-xcô, trên đường từ Ca-li-phoóc-ni-a đến Thượng Hải đã nhìn thấy con quái vật ba tuần trước đó trên vùng biển Bắc Thái Bình Dương. Tin đồn đó khiến mọi người đều hân hoan, họ hăng hái chất thực phẩm và than lên tàu, chuẩn bị khởi hành.

Ba tiếng đồng hồ trước khi tàu A-bra-ham Lin-côn rời bến Brúc-lin, tôi nhận được một bức thư với nội dung như sau:

Kính gửi: Ngài A-rô-nát, Giáo sư Viện Bảo tàng Pa-ri

Khách sạn Đại lộ số năm, Niu - Ioóc

Kính thưa ngài,

Nếu ngài có thiện ý muốn tham gia chuyến thám hiểm trên tàu A-bra-ham Lin-côn, Chính phủ Mỹ rất lấy làm vinh dự được mời ngài làm đại diện của nước Pháp tham dự chuyến đi này. Thuyền trưởng Pha-ra-gút sẽ dành cho ngài một phòng riêng trên tàu.

Trân trọng kính chào.

J.B. Hốp-xơn

Bộ trưởng bộ Hàng hải

CHƯƠNG III

QUYẾT ĐỊNH CỦA TÔI

Ba giây trước khi nhận được lá thư của ông bộ trưởng J.B. Hốp-xơn, tôi chẳng nghĩ rằng mình lại đi truy tìm con cá một sừng mà chỉ nghĩ đến chuyến đi Biển bắc. Nhưng ba giây sau khi đọc lá thư đó, tôi đã biết rằng sứ mạng duy nhất của tôi, chuyến đi thực sự của tôi sẽ là săn đuổi con thuỷ quái này, tiêu diệt nó, trả lại sự bình yên cho biển cả.

Nhưng tôi vừa mới trở về sau một chuyến đi gian khổ, tôi rất mệt mỏi và cần được nghỉ ngơi. Tôi chẳng mong gì hơn là được nhìn lại tổ quốc mình, bạn bè mình, căn phòng nhỏ bé của mình tại vườn bách thảo, gặp lại những bộ sưu tập quý giá và thân thiết của mình. Nhưng không gì có thể ngăn cản tôi tham gia đoàn thám hiểm này. Tôi sẽ quên đi tất cả: ngôi nhà, bạn bè, những bộ sưu tập, và chấp nhận lời mời của Chính phủ Mỹ.

"Hơn nữa", tôi tự nhủ, "mọi con đường đều dẫn tới Châu Âu, biết đâu con kỳ lân biển đó lại chẳng tử tế đến nỗi chạy về phía bờ biển Pháp, và biết đâu con vật quý giá này lại chẳng bị bắt ở biển Châu Âu (cái này thì là vì lợi ích cá nhân của tôi), và biết đâu tôi lại chẳng đem về cho Viện Bảo tàng Lịch sử hơn nửa mét chiếc sừng ngà của nó thì sao". Nhưng hiện giờ thì tôi phải tìm kiếm con cá ở vùng biển Bắc Đại Tây Dương, hay nói cách khác là ngược lại với hướng của nước Pháp.

"Công-xây", tôi nóng ruột gọi to.

Công-xây là người giúp việc của tôi, một người Phle-mít bản xứ, anh ta đã cùng tôi đi khắp mọi nơi. Tôi rất quý anh ta, và ngược lại anh ta cũng rất quý tôi. Anh ta là một người thật thà, nhiệt tình, nguyên tắc, rất lãnh đạm với những thay đổi của cuộc sống, rất khéo tay và sẵn lòng giúp đỡ mọi người. Mặc dù tên anh ta có nghĩa là "lời khuyên" nhưng anh ta chẳng bao giờ khuyên ai điều gì, kể cả khi người ta có hỏi ý kiến anh ta.

Công-xây đã đi theo tôi suốt mười năm qua trong tất cả các cuộc nghiên cứu khoa học, không bao giờ anh ta phàn nàn vì chuyến đi dài mệt mỏi, cũng chẳng bao giờ từ chối khăn gói theo tôi đến bất kỳ nước nào tôi phải đi, dù nước đó có xa đến đâu đi chăng nữa, dù đó là ở Trung Quốc hay Công-gô. Hơn nữa, anh ta là người rất khoẻ mạnh bất chấp mọi bệnh tật, với những cơ bắp rắn chắc, thần kinh vững vàng và đạo đức tốt. Anh ta năm nay ba mươi tuổi, tuổi của anh ta so với tuổi của tôi thì như mười lăm so với hai mươi. Xin các bạn thứ lỗi cho cách diễn đạt diêm dúa của tôi, vì ý tôi muốn nói là tôi đã bốn mươi tuổi.

Tuy nhiên, Công-xây cũng có một nhược điểm, đó là anh ta rất rườm rà, hình thức. Tôi thì không để ý lắm, nhưng đối với những người khác thì đôi khi khiến họ phát bực mình.

"Công-xây", tôi gọi lần nữa, vừa nhanh tay gói ghém đồ đạc chuẩn bị cho chuyến du hành.

Tôi tin chắc là Công-xây sẽ vui vẻ đi cùng tôi. Thường thì tôi chẳng cần hỏi xem anh ta có sẵn lòng đi cùng tôi hay không, nhưng chuyến đi thám hiểm lần này có thể kéo dài, và việc truy tìm con cá một sừng khổng lồ có thể rất khó khăn, vì nó có thể đánh chìm tàu xuống đáy biển như một chiếc vỏ hạt dẻ. Cho dù anh ta có là người dửng dưng đến đâu đi chăng nữa thì anh ta cũng phải cân nhắc kỹ

càng. Công-xây sẽ trả lời tôi thế nào nhỉ?

"Công-xây", tôi gọi lần thứ ba.

Công-xây xuất hiện.

- Giáo sư gọi tôi ạ? anh ta hỏi.

- Đúng vậy, anh bạn ạ. Anh hãy thu xếp đồ đạc cho mình và cả cho tôi nữa. Hai tiếng nữa chúng ta sẽ khởi hành.

- Xin tuỳ giáo sư, Công-xây bình thản đáp.

- Không được chậm trễ một giây nào hết, hãy xếp vào vali của tôi tất cả hành lý, quần áo, và tất, không cần phải đếm, càng nhiều càng tốt, và phải nhanh lên đấy.

- Còn cả bộ sưu tập của giáo sư nữa chứ ạ?, Công-xây hỏi.

- Cái đó cứ để đấy đã.

- Sao cơ? Để lại những bộ sưu tập quý giá đó ư?

- Chúng ta sẽ để lại ở khách sạn để họ chăm sóc.

- Thế còn con vẹt Ba-bi-ru-sa của giáo sư thì sao?

- Họ sẽ cho nó ăn khi ta đi vắng, sau đó tôi sẽ cho gửi nó về Pháp.

- Vậy ra chúng ta không phải thu xếp về Pa-ri ạ? Công-xây hỏi.

- Ờ, rồi sẽ về chứ - tôi ngập ngừng trả lời - nhưng mà đi hơi vòng một chút.

- Đi vòng thì tốt hơn cho giáo sư ạ?

- Ồi, không có gì đâu, chỉ là đi đường khác thôi. Chúng ta sẽ đi trên tàu A-bra-ham Lin-côn.

- Đi tàu nào cũng được ạ, miễn là giáo sư thấy được - Công-xây ngoan ngoãn trả lời.

- Bạn thân mến, anh cũng biết rồi đấy, chúng ta đi trừ khử con quái vật biển - con lỳ lân biển nổi tiếng đó. Tác giả hai tập sách "Những bí ẩn dưới lòng đại dương" không thể từ chối giúp đỡ thuyền trưởng Pha-ra-gút. Đó là nhiệm

vụ vinh quang nhưng cũng rất nguy hiểm. Chúng ta còn chưa biết là sẽ đi đâu, con quái vật này tính khí rất thất thường. Nhưng dù thế nào thì chúng ta cũng phải đi, Thuyền trưởng Pha-ra-gút là một người rất thận trọng.

Tôi để lại một tờ séc cho con Ba-bi-rô-sa, sau đó tôi và Công-xây gọi ngay một chiếc xe. Hành lý của chúng tôi được chuyển lên boong tàu ngay lập tức. Tôi hối hả lên tàu hỏi Thuyền trưởng Pha-ra-gút. Một thuỷ thủ chỉ tôi đến phía đuôi tàu, tôi gặp một viên sỹ quan dễ mến, ông ta bắt tay tôi và hỏi:

- Ngài là Giáo sư A-rô-nát phải không?

- Vâng, chính tôi đây. Còn ngài là Thuyền trưởng Pha-ra-gút?

- Chào mừng ngài lên tàu, chúng tôi đã chuẩn bị sẵn một phòng cho ngài.

Tôi cúi chào ông ta và đề nghị chỉ cho biết phòng của tôi ở đâu.

Tàu A-bra-ham Lin-côn quả là rất thích hợp và được trang bị rất xứng đáng cho chuyến đi này. Nó là một chiếc tàu chiến có tốc độ rất lớn, có động cơ hiện đại chạy bằng hơi nước với áp lực tới bảy át-mốt-phe. Với động cơ đó, tàu A-bra-ham Lin-côn có thể đạt tới vận tốc hơn mười tám hải lý một giờ, một tốc độ đáng nể, nhưng tiếc thay, so với vận tốc của con quái vật thì vẫn chưa thấm vào đâu.

Nội thất của con tàu cũng tương xứng với chất lượng của nó. Tôi rất hài lòng với phòng riêng của mình ở phía cuối, thông với phòng dành cho sỹ quan cấp thấp.

- Chúng ta ở đây thế này là thoải mái lắm rồi- Tôi nói với Công-xây.

- Thưa vâng, so với thân thế của giáo sư thì giống như một con cua ẩn dật trong cái vỏ ốc sên vậy- Công-xây nói.

Tôi mặc kệ Công-xây loay hoay với chiếc vali, lên boong xem thuyền trưởng ra lệnh cho tàu chuẩn bị nhổ neo.

Đúng lúc đó, thuyền trưởng Pha-ra-gút hạ lệnh tháo dây neo của tàu A-bra-ham Lin-côn ở bến Brúc-lin. Vì vậy, nếu tôi đến chậm chỉ mười lăm phút thôi, hoặc thậm chí ít hơn, thì con tàu đã nhổ neo mà không có tôi. Và tôi sẽ bỏ lỡ một chuyến thám hiểm có một không hai, rất đặc biệt và dù có kể lại thì khối người vẫn không thể tin được.

Thuyền trưởng Pha-ra-gút không để phí một ngày, một giờ nào. Ông ta phải tức tốc đến những vùng biển đã phát hiện ra con quái vật.

Ông ta gọi máy trưởng lên hỏi:

- Áp suất máy đủ chưa?

- Thưa, đủ - máy trưởng đáp.

- Khởi hành! - Thuyền trưởng Pha-ra-gút ra lệnh.

Bến tàu Brúc-lin và dọc bờ sông Đông chen chúc người ra tiễn. Hơn năm trăm ngàn người hò reo, hàng ngàn chiếc khăn tay được tung lên trời tạm biệt chiếc tàu, họ cứ đứng vậy chào cho đến khi nó ra tới mỏm Hút-xơn, chỗ vươn dài ra tạo thành thành phố Niu-Ioóc. Con tàu chạy chầm chậm dọc theo bờ duyên hải Niu-Zéc-xây, dọc bên bờ phải những dòng sông tuyệt đẹp, chạy qua những pháo đài đang nổ súng chào đón. Tàu A-bra-ham Lin-côn đáp lại bằng cách kéo cờ Mỹ lên ba lần, ba mươi chín ngôi sao rực rỡ bay phấp phới trên cột cờ.

Sáu hồi chuông rung lên, các thuỷ thủ lên boong, đứng sát bên nhau dưới cột buồm, lò được nhóm lên, chân vịt đập sóng ngày càng nhanh, con tàu chạy dọc theo bờ đảo Loong. Rồi đến tiếng chuông thứ tám, khi không còn nhìn thấy ánh sáng trên đảo Lửa, con tàu mở hết tốc lực chạy trên mặt nước Đại Tây Dương thăm thẳm.

CHƯƠNG IV

NÉT-LEN

Thuyền trưởng Pha-ra-gút là một người đi biển dạn dày kinh nghiệm, quả là xứng đáng với con tàu chiến mà ông ta đang chỉ huy. Ông ta và chiếc tàu chỉ là một, ông ta là linh hồn của chiếc tàu. Ông ta không hề nghi ngờ về sự tồn tại của con quái vật, và ông ta không cho phép bọn họ bàn tán nhảm nhí về nó trên tàu của ông. Ông ta tin vào điều đó, chỉ vì ông ta có đức tin mãnh liệt, chứ không phải vì một lý do nào cả. Con quái vật đó đang tồn tại, và ông đã thề sẽ trừ khử được nó. Hoặc là Thuyền trưởng Pha-ra-gút sẽ tiêu diệt được con kỳ lân biển, hoặc là con kỳ lân biển sẽ giết chết ông ta, không thể có khả năng thứ ba nào nữa.

Các sĩ quan trên tàu cũng có cùng quan điểm với thuyền trưởng của họ. Họ thường bàn tán sôi nổi, thảo luận và cân nhắc các khả năng giúp chạm trán với con quái vật. Họ chăm chú quan sát mặt biển mênh mông, nhiều người còn tình nguyện trực ngoài giờ, nhiệm vụ mà họ luôn coi là khủng khiếp trong những hoàn cảnh khác. Khi ánh mặt trời còn toả sáng, trên boong luôn có rất nhiều thuỷ thủ đứng quan sát, những đôi chân cháy bỏng dưới sức nóng của sàn tàu cũng không làm cho họ nản chí. Cho đến khi tàu A-bra-ham Lin-côn không còn rẽ sóng biển Thái Bình Dương nữa. Đối với các thuỷ thủ trên con tàu, họ không mong gì hơn la gặp được con cá một sừng, hạ gục nó, kép

nó lên boong và phanh thây nó. Họ lại càng chăm chú quan sát mặt biển hơn.

Hơn nữa, thuyền trưởng Pha-ra-gút đã treo giải thưởng hai trăm đô la cho bất kỳ ai nhìn thấy con quái vật đầu tiên, cho dù đó là thợ máy, là thuỷ thủ thông thường hay một sỹ quan. Như vậy, các bạn có thể hiểu rằng tất cả mọi người đều háo hức như thế nào.

Về phần mình, tôi cũng không chịu thua kém mọi người. Hàng ngày tôi vẫn lên boong quan sát. Chỉ có một người duy nhất trong số chúng tôi là Công-xây tỏ vẻ bàng quan với những vấn đề nóng hổi, anh ta dường như đứng ngoài mọi sự kích động của tất cả mọi người trên tàu.

Thuyền trưởng Pha-ra-gút đã trang bị cho con tàu của mình mọi thiết bị cần thiết để đánh bắt con cá khổng lồ này. Chưa có một chiếc tàu đánh cá voi nào được trang bị tốt hơn. Tàu A-bra-ham Lin-côn có tất cả các vũ khí tốt nhất, từ những chiếc lao ném bằng tay đến những loại đạn bắn bằng súng nòng dài. Trên boong phần dưới đuôi tàu còn có bày một khẩu súng đại bác nạp đạn, khoá nòng rất dày nhưng nòng súng thì rất mỏng, theo đúng kiểu mẫu trong triển lãm năm 1867. Loại vũ khí quý hiếm này là của người Mỹ phát minh ra, có thể bắn loại đạn hình nón nặng bốn cân đi xa mười sáu mét.

Tóm lại, tàu A-bra-ham Lin-côn không còn phải ao ước thêm một thứ vũ khí nào nữa, và hơn hết, trên tàu còn có Nét-len - vua bắn cá voi.

Nét-len là người Ca-na-đa, anh ta có đôi tay nhanh nhẹn lạ thường, anh ta chưa từng gặp đối thủ ngang sức trong sự nghiệp săn cá voi nguy hiểm của mình. Anh ta có kỹ năng, sự bình tĩnh, lòng can đảm và sự nhanh trí ở mức tuyệt vời, chú cá voi hay cá nhà táng nào đó phải mau lẹ

lắm mới mong thoát khỏi mũi lao của anh ta.

Nét-len khoảng bốn mươi tuổi, cao lớn (anh ta cao hơn một mét tám), khoẻ lực lưỡng, khắc khổ, can đảm, nóng tính nên dễ nổi nóng khi gặp chuyện trái ý. Vẻ ngoài của anh ta lôi cuốn sự chú ý của mọi người, nhưng trên hết là ánh mắt can đảm làm cho khuôn mặt anh ta trông khá lạnh lùng.

Người Ca-na-đa thì cũng là người Pháp (vì có nhiều người Pháp sống tại Ca-na-đa) và tôi phải thú nhận rằng cho dù Nét-len có vẻ tiết kiệm lời đi chăng nữa thì tôi cũng khá có cảm tình với anh ta. Rõ ràng là quốc tịch của tôi cũng khiến anh ta và tôi cảm thấy gần gũi nhau hơn. Cả tôi và anh ta đã có dịp nói chuyện với nhau bằng thứ tiếng thời Ra-bơ-le, hiện vẫn còn được sử dụng tại một số tỉnh ở Ca-na-đa. Anh ta là người gốc Qui-béc, thuộc dòng dõi những thuỷ thủ can trường từ thời thành phố này còn là thuộc địa của Pháp.

Dần dần, Nét-len đã cởi mở hơn với tôi, và tôi rất thích nghe anh ta kể về những cuộc hành trình của mình ở vùng biển Bắc và Nam cực. Anh ta kể chuyện đánh cá, chuyện những cuộc chiến đấu quyết liệt với cá voi với giọng kể hấp dẫn, truyền cảm, đậm chất thơ khiến tôi có cảm giác như đang được nghe Hô-me - nhà thơ lớn Hy Lạp cổ đại - người Ca-na-đa đang hát điệu I-li-át của vùng phía Bắc.

Tôi miêu tả anh bạn can trường này như tôi hiểu về anh ta. Chúng tôi giờ đã là bạn của nhau, một tình bạn gắn bó lâu bền do được sinh ra trong hoạn nạn. Nét-len là một người rất dũng cảm. Tôi chỉ ước được sống thêm một trăm năm nữa, như thế thì tôi sẽ có nhiều thời gian hơn để ghi nhớ mãi tình bạn của anh trong lòng.

Các bạn có băn khoăn tự hỏi rằng thế Nét-len nghĩ thế

nào về con quái vật biển không? Tôi phải thú nhận rằng anh ta không hề tin là có sự tồn tại của con cá một sừng đó, anh ta là người duy nhất trên tàu không bao giờ tham gia vào những cuộc thảo luận của số đông. Thậm chí anh ta còn tránh không bàn luận gì về chuyện này, khiến tôi đã từng có lần nghĩ rằng mình phải có trách nhiệm thuyết phục anh ta. Chiều ngày 30-7, trời tuyệt đẹp, tàu đã khởi hành được ba tuần, chúng tôi đang tiến gần đến mũi Blăng cách bờ biển Pa-ra-guay ba mươi dặm. Tàu chúng tôi đã vượt qua Chí tuyến Nam và eo biển Ma-giê-lăng chỉ còn cách chưa đầy bảy trăm dặm về phía nam. Chỉ còn tám ngày nữa thôi, tàu A-bra-ham Lin-côn sẽ rẽ sóng biển Thái Bình Dương.

Tôi và Nét-len đang ngồi phía mũi tàu nói chuyện phiếm, mắt không ngừng quan sát mặt biển bí hiểm, độ sâu của biển tới giờ vẫn vượt xa khả năng kiểm soát của con người. Tất nhiên là câu chuyện của chúng tôi vẫn không ngoài đề tài con cá khổng lồ, xem xét các cơ hội thành công hay thất bại của chuyến đi này. Nhưng tôi nhận ra rằng Nét-len chẳng mấy quan tâm đến câu chuyện của mình, tôi đành đánh bạo hỏi thẳng anh ta:

- Anh Nét-len này - tôi nói - anh có vẻ không tin vào sự tồn tại của con quái vật mà chúng ta đang theo đuổi. Nguyên cớ gì mà anh lại nghi ngờ đến như vậy?

Trước khi trả lời câu hỏi của tôi, anh chàng thợ săn cá voi nhìn tôi một lát. anh ta đưa tay vỗ vào vầng trán rộng của mình - một hành động anh ta vẫn thường làm - như thể để gợi lại trí nhớ. Rồi cuối cùng anh ta nói: - Có lẽ là tôi có lý do của tôi, thưa giáo sư A-rô-nát.

- Nhưng mà anh Nét-len này, anh là thợ săn cá voi chuyên nghiệp, anh đã gặp những con cá voi rất lớn, lẽ ra anh phải

dễ dàng chấp nhận giả thiết về sự tồn tại của một con quái vật chứ, anh lẽ ra không nên nghi ngờ gì mới phải chứ.

- Ngài lầm rồi, thưa giáo sư - Nét-len đáp - Như dân chúng vẫn tin vào chuyện sao chổi bay trên bầu trời, hay chuyện những con quái vật thời cổ đại vẫn sống ở tâm địa cầu vậy. Nhưng chẳng có nhà sinh vật học hay nhà thiên văn học nào tin vào những điều hão huyền đó cả. Là một thợ săn cá voi, tôi đã đuổi bắt rất nhiều con cá khổng lồ, đã bắn trúng và tiêu diệt được khá nhiều cá voi, nhưng tôi biết là chẳng thể có một con cá nào, cho dù nó khoẻ đến mấy, sừng nó sắc nhọn đến mấy, lại có thể đâm thủng được vỏ thép của một con tàu cả.

- Nhưng Nét này, họ chẳng đã nói là có rất nhiều tàu đã bị răng cá voi đâm thủng đấy còn gì.

- Chúng chỉ có thể đâm thủng được vỏ tàu gỗ mà thôi - Nét-len trả lời - mà ngay cả điều đó tôi vẫn chưa từng được thấy, chừng nào mà tôi chưa được chứng kiến tận mắt, tôi không thể tin được là có một loại cá voi, cá nhà táng hay kỳ lân biển nào có thể làm được những chuyện mà ngài nói.

- Anh Nét-len này, tôi đã nói đó là sức thuyết phục của những số liệu hết sức lô gic, tôi tin là có tồn tại một loại động vật biển siêu mạnh thuộc dòng đốt sống, như cá voi, cá nhà táng hay cá heo, nó có một sừng với sức mạnh vô địch.

- Hừm! anh chàng thợ săn nói, lắc lắc cái đầu ra vẻ không tin.

- Anh phải nhớ một điều, anh bạn thân mến ạ- tôi vẫn không bỏ cuộc - nếu như có một con vật như vậy tồn tại, nếu nó sống được ở dưới đáy sâu của đại dương, nếu nó thường xuyên lui tới những tầng sâu hàng dặm dưới mặt

nước biển, thì cơ thể của nó phải được cấu tạo với một sức khỏe ghê ghớm không gì có thể so sánh được.

- Nó phải có sức mạnh ghê ghớm đó để làm gì? Nét-len hỏi.

- Để đủ sức mạnh chống lại áp lực ghê gớm dưới độ sâu như vậy. Hãy nghe tôi nói nhé: Cứ hình dung rằng áp lực của một át-mốt-phe được biểu thị bằng trọng lượng một cột nước cao khoảng mười mét. Trên thực tế cột nước có thể thấp hơn vì chúng ta đang nói đến nước biển, mà nước biển thì nặng hơn nước ngọt. Vậy khi ông lặn xuống nước sâu khoảng mười mét thì mỗi cen-ti-mét vuông trên người ông phải chịu áp lực một át-mốt-phe. Từ đấy ta có thể tính rằng ở độ sâu một trăm mét, áp lực nước bằng mười át-mốt-phe, ở độ sâu một ngàn mét, áp lực nước bằng một trăm át-mốt-phe, ở độ sâu một vạn mét, áp lực nước bằng một ngàn át-mốt-phe. Tóm lại, nếu ta xuống tới độ sâu như vậy, mỗi cen-ti-mét vuông trên thân thể ta phải chịu một áp lực một ngàn ki-lô-gam. À, mà anh Nét-len này, thế anh có biết trên bề mặt thân thể con người ta rộng tổng cộng là bao nhiêu cen-ti-mét vuông không?

- Tôi không biết, thưa giáo sư.

- Khoảng mười bảy ngàn. Vì trên thực tế, áp lực không khí trên một cen-ti-mét vuông là hơn một ki-lô-gam một chút, như vậy, mười bảy ngàn cen-ti-mét vuông trên người anh đang phải chịu một áp lực mười bảy ngàn năm trăm sáu tám ki-lô-gam đấy.

- Thế sao tôi chẳng cảm thấy gì cả?

- Ông không cảm thấy gì cả. Sở dĩ ông không bị cán bẹp dí dưới áp lực như vậy là vì trong người ông cũng có một lượng không khí tương đương như vậy. Nghĩa là có một sự cân bằng hoàn hảo giữa áp lực bên ngoài và áp lực bên

trong, chúng trung hoà lẫn nhau và triệt tiêu nhau. Như vậy ông mới không cảm thấy gì hết. Nhưng môi trường nước thì hoàn toàn khác.

- Vâng, tôi hiểu rồi - Nét đáp, anh ta có vẻ chăm chú hơn một chút - nước khác với không khí, vì ngài có thể bơi dưới nước mà nước không ngấm vào người ngài.

- Rất chính xác, anh Nét ạ. Vì vậy, dưới độ sâu mười bảy mét, anh sẽ phải chịu áp lực 17.568 ki-lô-gam, dưới độ sâu 100 mét, áp lực đó tăng lên mười lần, nghĩa là bằng 175.680 ki-lô-gam. Nói như vậy có nghĩa là anh sẽ bị cán bẹp dí như thể anh vừa chui ra từ một máy ép thuỷ lực.

- Thế cơ ạ? - Nét trầm trồ.

- Đúng vậy đấy, anh bạn săn cá voi thân mến ạ. Giờ thì anh đã hiểu nếu như có một con cá nào dài hàng trăm dặm, khổng lồ như thế nếu sống được ở dưới độ sâu như vậy thì cả bề mặt cơ thể nó phải rộng đến hàng mấy triệu cen-ti-mét vuông chứ chẳng kém, chúng phải nặng mấy chục triệu ki-lô-gam, như vậy thì chúng ta có thể dễ dàng tính toán được là chúng phải chịu một sức ép khủng khiếp như thế nào. Cơ thể chúng phải được cấu tạo đặc biệt như thế nào thì chúng mới chịu được áp lực cao như thế chứ.

- Trời đất - Nét kêu lên - chúng hẳn phải được bọc một lớp thép dày hai chục phân, như một chiếc tàu bọc thép vậy.

- Có lẽ là như vậy đấy, anh Nét ạ. Và anh thử nghĩ xem cái khối đồ sộ như vậy có sức tàn phá như thế nào nếu nó lao đi với vận tốc một con tàu cao tốc đâm thẳng vào vỏ tàu.

- Vâng..., có lẽ vậy,... Có thể như vậy.. - Nét đáp, anh ta có vẻ lúng túng vì những con số, nhưng vẫn chưa muốn đầu hàng.

- Sao rồi, tôi đã thuyết phục được anh chưa?

- Ngài mới chỉ thuyết phục tôi được một điều thôi, thưa ngài, đó là nếu như có loài vật nào sống được dưới đáy biển, thì hẳn chúng có sức mạnh ghê gớm như vậy.

- Nhưng nếu anh không tin là có loài vật như vậy tồn tại, thì anh giải thích thế nào về việc xảy ra với con tàu Xcô-ti-a?

CHƯƠNG V

MAY RỦI

Tàu A-bra-ham Lin-côn từ lúc khởi hành đến giờ đã được một thời gian dài mà vẫn chưa gặp được sự kiện nào đặc biệt. Duy chỉ có một lần, một sự kiện diễn ra làm mọi người được chứng kiến tài nghệ của Nét-len, điều đó càng khiến chúng tôi tin tưởng và yên tâm hơn vào sự có mặt của anh ta. Ngày 30-6, tàu của chúng tôi bắt liên lạc với một số tàu đánh cá voi của Mỹ, nhưng họ chẳng có tin tức gì về con kỳ lân biển cả. Tuy nhiên, thuyền trưởng của một trong số các tàu đó, tàu Môn-rô, biết rằng Nét-len đang có mặt trên tàu A-bra-ham Lin-côn. Ông ta đề nghị Nét-len giúp đỡ săn đuổi một con cá voi mà họ đã nhìn thấy. Thuyền trưởng Pha-ra-gút cũng rất muốn xem Nét-len làm ăn như thế nào liền cho phép anh ta sang tàu Môn-rô. Quả thật anh ta đã không phụ sự tin tưởng của mọi người, anh ta bắt được hai con cá voi chứ không phải một con, một con bị lao đâm trúng tim, còn con kia bị tóm cổ sau vài phút săn đuổi.

Rõ ràng là nếu con quái vật có phải đối đầu với mũi lao của Nét-len, tôi dám chắc là nó chẳng có cơ may nào thoát ra được.

Tàu A-bra-ham Lin-côn chạy nhanh dọc bờ biển nước Mỹ. Ngày 3-7, chúng tôi đã tới eo biển Ma-giê-lăng, ngang với mũi Vi-e-giơ, nhưng thuyền trưởng Pha-ra-gút không muốn đưa tàu vào eo biển khúc khuỷu đó nên đã rẽ sang

hướng mũi Hoóc.

Toàn bộ thuỷ thủ trên tàu đều tán thành quyết định của thuyền trưởng. Rõ ràng là họ cũng có khả năng gặp con quái vật ở eo biển chật hẹo này, nhưng hầu hết thuỷ thủ cho rằng nó sẽ không thể vượt qua được vì thân hình khổng lồ của mình.

Ngày 6-7, khoảng ba giờ chiều, tàu A-bra-ham Lin-côn cách eo biển Ma-giê-lăng mười lăm dặm về phía nam, tàu vòng qua một hòn đảo trơ trọi, hòn đảo này ở vào điểm cực nam của Châu Mỹ, những thuỷ thủ người Hà Lan đã lấy tên một thành phố quê hương mình đặt cho nó - Mũi Hoóc. Con tàu vẫn hướng về phía Tây bắc, ngày hôm sau, con tàu chiến đã bắt đầu rẽ sóng Thái Bình Dương.

- Chú ý đây, chú ý đấy! - mọi người đều bảo nhau.

Và tất cả bọn họ đều chăm chú theo dõi. Mọi cặp mắt lẫn ống nhòm bị loá mắt vì viễn cảnh được món tiền thưởng hai ngàn đô la nên chẳng phút nào được ngơi nghỉ. Họ quan sát mặt biển cả này lẫn đêm, đến nỗi ngay cả những con cú mèo quáng gà dù bản năng nhìn được trong bóng đêm của chúng có được nhân lên gấp một trăm lần cũng đừng hòng mong đoạt đượo món tiền thưởng.

Tôi dù không ham hố gì món tiền thưởng cũng vẫn chăm chú quan sát mặt biển không thua gì ai. Tôi ăn vội vàng, ngủ cũng vội vàng, rồi mặc kệ trời nắng đổ lửa hay mưa xối xả, tôi nhất định không chịu rời boong tàu. Lúc thì đứng tựa vào lan can thành tàu, lúc thì tựa vào lan can đuôi tàu, tôi chăm chú nhìn những con sóng tung bọt trắng xoá cả mặt biển xa ngút tầm mắt, và cũng đã không ít lần tôi cùng anh em thuỷ thủ rất hồi hộp khi nhìn thấy những chú cá voi đang nhô những tấm lưng đen trũi của mình lên mặt nước. Boong tàu lúc nào cũng đông kín người. Ca thuỷ

thủ và sỹ quan đều ùa lên boong, căng mắt, nín thở theo dõi con cá. Tôi cũng nhìn, nhìn mãi cho đến mức tưởng như mù cả hai mắt. Còn Công-xây thì vẫn vậy, luôn lãnh đạm và cứ lải nhải mãi bên tai tôi:

- Thưa giáo sư, nếu ngài đừng nheo mắt quá như thế thì ngài sẽ nhìn rõ hơn đấy.

Nhưng chúng tôi đã hồi hộp một cách vô ích. Tàu A-bra-ham Lin-côn đã nhiều lần tiến sát đến một con cá khả nghi, nhưng đó chỉ là một con cá voi bình thường, hay một con cá nhà táng bình thường, hoảng hốt bỏ chạy khi nghe thấy tiếng hò reo của đám thuỷ thủ.

Thời tiết vẫn rất đẹp, con tàu vẫn chạy trong những điều kiện tốt nhất. Vào lúc này thời tiết tại Úc rất xấu. Tháng bảy tại Úc tương đương với tháng Giêng tại Châu Âu nhưng mặt biển vẫn rất quang đãng, dễ dàng phóng tầm mắt nhìn ra mãi xa.

Ngày 20-7, tàu vượt qua chí tuyến Nam ở kinh tuyến 105°, và ngày 27-7 đó vượt qua vòng xích đạo ở vĩ tuyến 110°. Từ đây, con tàu hướng thẳng về phía Tây, về khu vực trung tâm Thái Bình Dương. Thuyền trưởng Pha-ra-gút đã rất có lý khi nghĩ rằng con quái vật sẽ ở vùng nước sâu, cách xa khỏi các lục địa và các hòn đảo (các thuỷ thủ cho rằng có lẽ ở đó có quá ít nước cho nó). Con tàu vượt qua các đảo Ma-kê-sa và đảo Săng-uých, vượt qua chí tuyến Bắc và tiến vào biển Trung Hoa. Chúng tôi cuối cùng đã đến nơi diễn ra những lần xuất hiện cuối cùng của con quái vật. Phải thú thực rằng chúng tôi đã không còn "sống" theo đúng nghĩa của nó. Chúng tôi luôn nín thở hồi hộp chuẩn bị cho cuộc chạm trán. Tất cả mọi người đều bị kích động đến cao độ, họ chẳng thể ăn, chẳng thể ngủ được. Mỗi ngày khoảng hai mươi lần chúng tôi bị thót tim vì một sự nhầm

lần hay vì ảo tưởng thị giác của một thuỷ thủ nào đó trên tàu. Hai mươi lần một ngày thót tim làm thần kinh chúng tôi căng như dây đàn, chắc chắn phản ứng thần kinh là không thể tranh khỏi.

Và thật sự là phản ứng đã xảy ra. Trong suốt ba tháng mà mỗi ngày kéo dài như cả một năm, con tàu A-bra-ham Lin-côn đã đặt chân đến mọi ngóc ngách trên mặt biển Bắc Thái Bình Dương, liên tục theo những con cá voi, liên tục đổi hướng theo hành trình của chúng, lúc thì đột ngột dừng lại, khi lại phóng quá nhanh khiến cho máy móc trên tàu có nguy cơ bị hỏng. Từ bờ biển Nhật Bản đến bờ biển Hoa Kỳ, không một chỗ nào là chưa được chúng tôi xem xét kỹ.

Những người lúc đầu ủng hộ cuộc hành trình này hăng hái nhất thì giờ lại trở thành những người phản đối kịch liệt nhất. Phản ứng đó lan truyền từ giới thuỷ thủ đến cả thuyền trưởng. Nếu không nhờ lòng kiên nhẫn đáng khâm phục của thuyền trưởng Pha-ra-gút thì hẳn con tàu đã quay về hướng Nam để trở về điểm xuất phát rồi. Chẳng có lý do gì để kéo dài chuyến tìm kiếm vô ích này nữa. Người ta cũng không thể trách móc gì tàu A-bra-ham Lin-côn vì việc này được, nó đã cố gắng hết sức rồi. Chưa có một chiếc tàu của Hoa Kỳ nào có thể nhiệt tâm và kiên nhẫn hơn thế. Nó không có lỗi gì trong thất bại này. Chỉ còn một con đường duy nhất là trở về.

Các thuỷ thủ không giấu nổi vẻ bất mãn của mình, họ bày tỏ kiến nghị với thuyền trưởng. Tình trạng trên tàu thật hỗn loạn, không còn kỷ luật nào được tuân thủ nữa. Tôi không muốn nói là thuỷ thủ trên tàu đã nổi loạn, nhưng sau một thời gian bất mãn bướng bỉnh, thuyền trưởng Pha-ra-gút (như Cô-lôm-bô đã từng làm) đề nghị thuỷ thủ của

ông hãy kiên nhẫn thêm ba ngày nữa. Nếu như trong ba ngày tới mà con quái vật không xuất hiện thì tàu A-bra-ham Lin-côn sẽ quay mũi về phía biển Châu Âu.

Lời hứa của thuyền trưởng Pha-ra-gút được công bố vào ngày 2-11, lập tức đám thuỷ thủ như được lấy lại tinh thần. Họ lại hăm hở quan sát mặt biển. Ai cũng muốn ngắm lại mặt biển như để ghi lại trong tâm trí những hình ảnh về cuộc hành trình này lần cuối . Ống nhòm lại được dịp sử dụng triệt để. Họ vẫn hy vọng một cách bướng bỉnh rằng con quái vật khổng lồ sẽ chống lại quyết định của thuyền trưởng và sẽ xuất hiện.

Hai ngày qua đi, tàu A-bra-ham Lin-côn chạy với một nửa công suất. Các thuỷ thủ nghĩ ra trăm phương ngàn kế để nhử con cá đến nếu như nó có vô tình đang lởn vởn quanh khu vực đó. Họ buộc những miếng thịt hun khói thật to đằng sau tàu khiến cho lũ cá mập được một bữa no nê. Những chiếc thuyền nhỏ được thả xuống chạy lòng vòng quanh tàu không bỏ sót một tấc nào trên mặt biển. Nhưng đêm 4-11 đã tới mà tấm màn bí mật về con quái vật biển vẫn chưa được vén lên.

Ngày hôm sau, ngày 5-11, lúc mười hai giờ, thời hạn cuối cùng đã hết, thuyền trưởng Pha-ra-gút trung thành với lời hứa của mình, ra lệnh cho tàu chạy về hướng Đông Nam, từ biệt vùng biển Bắc Thái Bình Dương.

Con tàu lúc đó đang ở 31°15' vĩ Bắc, 136°41' kinh Đông. cách bờ biển Nhật Bản không đầy hai trăm dặm. Màn đêm buông xuống, đồng hồ điểm tám giờ, những áng mây lớn che khuất mặt trăng đang độ lưỡi liềm. Dưới thân tàu, biển vẫn hiền hoà vỗ sóng.

Vào lúc đó, tôi đang đứng dựa vào thành tàu. Công-xây cũng đang đứng cạnh tôi, mắt nhìn chăm chú về phía trước.

Mấy anh chàng thuỷ thủ trèo hẳn lên trên cao theo dõi phía đường chân trời giờ đang dần tối sẫm và nhoà đi. Các sĩ quan cũng đang dùng ống nhòm chăm chú quan sát mặt biển đang dần tối sẫm. Thỉnh thoảng, mặt trăng lại có dịp ló ra giữa những đám mây làm mặt biển loé sáng, nhưng rồi ánh sáng đó lại tắt ngay và tan vào bóng tối sâu thẳm.

Khi nhìn Công-xây, lần đầu tiên tôi thấy anh ta hoà vào tâm trạng chung của mọi người trên tàu, ít nhất là tôi cũng đã nghĩ như vậy. Lần đầu tiên, anh ta bị tâm trạng tò mò kích thích.

-Công-xây này - tôi nói - đây là cơ hội cuối cùng để kiếm được hai ngàn đô la đấy.

- Thưa giáo sư, tôi xin mạo muội nói rằng - Công-xây đáp - tôi chẳng màng đến giải thưởng đó đâu, và nếu chính phủ Mỹ có treo giải thưởng hàng trăm ngàn đô la thì họ cũng sẽ chẳng mất đi xu nào.

- Anh nói đúng, Công-xây à. Chuyến đi này rốt cục là một việc ngu xuẩn, chúng ta đã thật hồ đồ khi tham gia vào chuyến đi này. Thật là lãng phí thời gian, bao nhiêu lo lắng, băn khoăn vô ích. Lẽ ra chúng ta đã trở về Pháp sáu tháng trước rồi.

- Vâng, về lại căn phòng xinh xắn của giáo sư- Công-xây đáp - về lại viện bảo tàng của ngài, và tôi sẽ lại được phân loại những bộ sưu tập của giáo sư. Còn con vẹt Ba-bi-rô-sa đã được yên ổn trong lồng tại vườn bách thảo, nó sẽ thu hút được sự chú ý của mọi người trong thành phố.

- Anh nói đúng, Công-xây ạ, tôi đang tưởng tượng rằng mọi người sẽ cười vào mũi chúng ta khi chúng ta trở về.

- Chắc chắn là như vậy - Công-xây bình thản đáp - tôi nghĩ là họ sẽ cười giáo sư. Còn điều này nữa không biết tôi có nên nói ra không.

- Anh cứ nói đi.

- Người ta cười giáo sư cũng đáng.

- Quả vậy.

- Nếu một người đã có vinh dự là một nhà bác học như giáo sư thì người đó không nên...

Công-xây chưa kịp nói hết câu thì bỗng nhiên một tiếng la lớn vất lên trong đêm tĩnh mịch. Đó là giọng của Nét-len...

- Nhìn kìa! con quái vật mà chúng ta đang tìm kiếm, ngay trước mũi tàu!

CHƯƠNG VI

CHẠY HẾT TỐC LỰC

Nghe tiếng kêu của Nét-len, toàn bộ thuỷ thủ của tàu chạy vội lên boong, cả thuyền trưởng, cả sĩ quan, anh em thuỷ thủ, thợ đốt lò, thậm chí các kỹ sư cũng bỏ cả máy chạy lên.

Thuyền trưởng đành phải ra lệnh ngưng chạy máy, con tàu giờ chỉ trôi theo quán tính. Trời tối đen như mực, cho dù mắt anh chàng người Ca-na-đa kia có tinh tường đến đâu đi chăng nữa, tôi cũng băn khoăn không hiểu sao anh ta có thể nhìn được, và anh ta đã nhìn thấy cái gì. Tim tôi đập thình thịch, nhưng Nét-len đã không lầm, tất cả chúng tôi nhìn về hướng anh ta chỉ. Cách tàu khoảng gần bốn trăm mét, mặt biển như được tráng một lớp nhôm. Đó không phải là hiện tượng chiếu sáng phốt pho thuần tuý. Con quái vật nổi một phần trên mặt nước, toàn bộ thân nó toả ra một thứ ánh sáng rất mạnh, rất lạ lùng như những người đã gặp nó trước đây từng miêu tả. Hẳn nó phải có một nguồn sáng cực mạnh mới có thể toả ra thứ ánh sáng lộng lẫy như thế này. Phần nổi lên của con vật có hình bầu dục lớn, thuôn dài, ở phần giữa phát sáng cực mạnh, ánh sáng giảm dần ở hai đầu.

-Đó chỉ là hiện tượng tập trung những phần tử phát sáng mà thôi - Một sỹ quan phát biểu.

-Không phải như vậy- tôi phản đối - phô-lát và san-pae

chẳng bao giờ phát sáng đến vậy. Đây hẳn phải là ánh sáng điện thật sự. Mọi người nhìn kìa, nhìn kìa, nó đang tiến lại phía chúng ta.

Tiếng xì xầm nổi lên trên boong.

-Trật tự! - Thuyền trưởng nói - tất cả vào vị trí, cho tàu chạy lùi lại.

Tàu A-bra-ham Lin-côn vẽ một nửa vòng tròn trên mặt biển.

-Lái về phía trái, cho tàu chạy thẳng-Thuyền trưởng ra lệnh.

Chiếc tàu chiến tuân lệnh, tăng tốc độ chạy xa khỏi phía điểm sáng. Tôi đã lầm. Con tàu càng cố gắng lảng tránh, con quái vật lại càng đuổi theo với tốc độ gấp hai lần.

Chúng tôi nín thở. Sự ngạc nhiên chứ không phải sợ hãi khiến chúng tôi sững sờ. Con quái vật đang đuổi theo chúng tôi, đùa giỡn với sóng biển. Nó lượn vòng quanh con tàu lúc đó đang chạy với tốc độ mười bốn hải lý một giờ, toàn thân nó toả một thứ ánh sáng chói loà. Rồi nó lại bơi ra xa cách tàu hai ba dặm, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh như những cột khói của một cỗ xe lửa cao tốc thải ra. Bỗng nhiên, từ phía đường chân trời đen thẫm, như vừa nghỉ ngơi để lấy sức, con quái vật bỗng lao thẳng đến tàu A-bra-ham Lin-côn với một tốc độ ghê gớm, rồi đến cách tàu khoảng sáu mươi mét, nó đột ngột dừng lại và tắt phụt, không phải nó lặn xuống nước, nếu lặn xuống thì ánh sáng của nó phải giảm đi dần dần, đằng này thì nó lại bỗng nhiên phụt tắt như thể nguồn sáng bỗng dưng cạn kiệt. Rồi nó bỗng lại xuất hiện ở phía bên kia con tàu, chẳng biết nó đi vòng qua hay lặn xuống dưới. Lúc nào tàu chúng tôi cũng có thể bị đâm. Tuy nhiên, tôi lại ngạc nhiên vì thái độ của con tàu, nó bỏ chạy chứ không tấn công.

Trên khuôn mặt lãnh đạm của thuyền trưởng, không giấu nổi vẻ hoang mang cực độ.

-Ngài A-rô-nát này - ông ta nói - vì tôi không biết mình đang phải đương đầu với con vật như thế nào nên không muốn mạo hiểm trong bóng tối như thế này. Hơn nữa, chúng ta phải tấn công con vật này như thế nào, phải tự vệ như thế nào? Hãy đợi đến khi trời sáng, lúc đó tình hình sẽ khác đi.

-Ngài không nghi ngờ gì nữa về sự tồn tại một con cá khổng lồ nữa chứ, thưa thuyền trưởng?

-Không, thưa giáo sư, rõ ràng đó là một con kỳ lân biển khổng lồ, lại có điện nữa.

-Có lẽ vậy - tôi thêm vào.

-Không còn nghi ngờ gì nữa - thuyền trưởng đáp-Nếu nó có cả sức mạnh khủng khiếp như vậy nữa thì nó quả là con vật nguy hiểm nhất mà tạo hoá từng tạo ra. Do đó mà tôi phải hết sức thận trọng.

Cả tàu thức trắng đêm hôm đó, không ai nghĩ đến chuyện đi ngủ cả. Tàu A-bra-ham Lin-côn không đủ sức chạy đua với con quái vật nên đành chạy chậm lại với nửa tốc độ của mình. Con quái vật thấy vậy cũng bắt chước tàu chạy chậm lại đùa giỡn với sóng biển nhưng nó chẳng có vẻ gì là muốn bỏ cuộc đuổi bắt này cả. Tuy nhiên, đến gần nửa đêm nó bỗng biến mất, hay nói đúng hơn là nó bỗng nhiên "tắt ngấm" giống như một con đom đóm khổng lồ. Nó bỏ cuộc rồi chăng? Không ai dám hy vọng như vậy mà chỉ có nỗi sợ hãi bao trùm lên con tàu. Nhưng rồi, đến một giờ kém bảy phút sáng, một tiếng rít chói tai bỗng cất lên tựa như có một cột nước cực mạnh vọt lên từ dưới đáy biển.

Thuyền trưởng, Nét-len và tôi lúc đó đang đứng ở mũi tàu, đăm đắm nhìn vào bóng đêm.

-Nét-len này - Thuyền trưởng hỏi - anh có thường được nghe tiếng cá voi phun nước không?

-Thường xuyên, thưa thuyền trưởng, nhưng tôi chưa hề gặp con cá voi nào mà mới chỉ phát hiện ra thôi đã được hai ngàn đô-la. Giá mà tôi có thể áp sát nó trong khoảng cách bốn mũi lao.

-Nếu vậy, tôi phải cho anh một chiếc xuồng à?- Thuyền trưởng hỏi.

-Tất nhiên, thưa Thuyền trưởng.

-Và thí mạng những thuỷ thuỷ của tôi?

-Cả thí mạng tôi nữa - anh chàng săn cá voi bình thản trả lời.

Đến gần hai giờ sáng, cách tàu A-bra-ham Lin-côn khoảng năm dặm, ánh sáng từ con quái vật lại xuất hiện, không hề suy giảm chút nào. Mặc dù tàu của chúng tôi cách con quái vật một khoảng khá xa, lại cộng thêm cả với tiếng sóng gió biển ầm ầm. Vậy mà chúng tôi vẫn nghe thấy rõ mồn một tiếng quẫy đuôi và tiếng thở hổn hển của con vật. Dường như đó là lúc con kỳ lân biển khổng lồ nổi lên mặt biển để thở, tiếng không khí hút vào buồng phổi nghe như tiếng xả nồi hơi một xi-lanh khổng lồ của một động cơ hai ngàn mã lực.

-Một con cá voi có sức mạnh của một trung đoàn kỵ mã chắc hẳn là một con cá rất đẹp - Tôi nghĩ.

Lúc đó trời đã chạng vạng sáng, chúng tôi đã sẵn sàng cho trận quyết đấu. Lưới đánh cá voi đã được giăng lên hai thanh tàu. Thuyền phó ra lệnh chuẩn bị loại súng bắn xa một hải lý, cả một khẩu đại bác có thể hạ gục cả những con thú lớn nhất. Nét-len chuẩn bị cho mình một mũi lao thật nhọn- một thứ vũ khí lợi hại anh ta thường sử dụng.

Sáu giờ, trời hửng sáng ánh sáng, điện của con kỳ lân biển cũng biến mất cùng với những tia sáng đầu tiên của mặt trời. Đến bảy giờ thì trời đã sáng hẳn, nhưng sương mù giăng dày đặc khắp mọi nơi che khuất tầm nhìn của chúng tôi, dù có dùng đến ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thể nhìn xuyên qua lớp sương mù đó được. Mọi người trên tàu đều thất vọng và giận dữ.

Tôi trèo lên cột buồm phía lái. Vài sỹ quan đã leo lên đó quan sát từ bao giờ. Đến tám giờ, những dải sương mù dày đặc bắt đầu trôi trên ngon sóng và từ từ bốc hơi. Chân trời mở rộng và dần dần sáng rõ. Bỗng nhiên, cũng như ngày hôm trước, tiếng Nét-len vang lên:

-Con quái vật đang ở phía bên trái đuôi tàu.

Mọi con mắt đổ dồn về phía tay Nét-len chỉ. Cách con tàu khoảng một hải lý rưỡi, một vệt dài màu đen nổi lên mặt nước độ một mét. Nó quẫy mạnh làm nước biển bắn lên tung toé. Chưa ai từng thấy một con cá nào có thể quẫy mạnh đến như vậy. Con cá lượn một vòng để lại một vệt dài sáng lấp lánh.

Con tàu áp sát con quái vật. Tôi bắt đầu quan sát nó thật kỹ.

Báo cáo của tàu San-nông và tàu Hê-vê-ti-a có vẻ hơi cường điệu kích thước của nó. Tôi ước chừng nó dài khoảng tám mươi mét. Ngắm kích thước của nó, tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều. Trong khi đang quan sát con vật lạ thì bỗng nhiên từ hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét. Đến giờ thì tôi đã biết nó thở như thế nào. Tôi có thể kết luận một cách chắc chắn rằng nó thuộc loại động vật có vú, có đốt sống.

Các thuỷ thủ kiên nhẫn chờ lệnh của thuyền trưởng. Thuyền trưởng sau khi quan sát thật kỹ con vật, liền cho

gọi trưởng máy đến.

-Anh cho chạy máy rồi chứ? - Thuyền trưởng hỏi

-Rồi, thưa Thuyền trưởng- Anh ta đáp.

-Tốt, tăng áp lực, cho tàu chạy hết tốc độ.

Toàn bộ thuỷ thủ trên tàu tung hô hoan nghênh lệnh của thuyền trưởng. Đã đến giờ chiến đấu. Vài phút sau, hai ống khói của con tàu nhả ra từng cuộn khói đen, con tàu rung lên bần bật vì áp lực cao trong nồi hơi.

Tàu A-bra-ham Lin-côn với đội thuỷ thủ dày dạn tăng tốc độ lao thẳng về phía con cá. Con vật để yên cho tàu đến cách nó khoảng một trăm mét rồi mới đủng đỉnh nhích ra một quãng ngắn.

Cuộc đuổi bắt kéo dài gần bốn mươi nhăm phút, con tàu không thể tiến sát con vật thêm một chút nào. Rõ ràng là tốc độ con tàu không thể theo kịp với tốc độ của con vật.

-Thôi được, ông Nét - Thuyền trưởng nói - ông nghĩ là đã đến lúc thả xuồng xuống chưa?

-Chưa đến lúc đâu, thưa thuyền trưởng - Nét-len đáp - chúng ta chưa thể bắt được nó dễ dàng đâu.

-Thế chúng ta phải làm gì bây giờ?

-Tăng áp lực lên nữa nếu có thể, thưa thuyền trưởng. Tiến sát nó hơn một chút nữa, tôi sẽ chui ra phía rầm néo buồm, khi nó vào tầm lao của tôi, tôi sẽ cho nó một phát.

-Vậy anh cứ đi đi, Nét - Thuyền trưởng nói-Trưởng máy, tăng áp lực lên nữa.

Nét-len đi về vị trí chiến đấu, lò hơi hoạt động mạnh, chân vịt quay với tốc độ bốn mươi ba vòng một phút, hơi nước tràn ra cả ngoài van. Đồng hồ tốc độ chỉ rằng tàu A-bra-ham Lin-côn đang chạy với vận tốc mười tám dặm rưỡi một giờ.

Nhưng con vật đáng ghét cũng chạy với vận tốc mười tám dặm rưỡi một giờ.

Cả một tiếng sau, con tàu vẫn không tiến lại gần con quái vật thêm một cen-ti-mét nào. Thật là bẽ mặt cho một con tàu chiến chạy nhanh nhất nước Mỹ. Cả đội thuỷ thủ tức giận phát điên, luôn mồm nguyền rủa con quái vật. Con quái vật vẫn bình thản như trước, chẳng buồn đếm xỉa đến những lời nguyền rủa. Thuyền trưởng Pha-ra-gút thôi không xuắn chòm râu của mình nữa, ông ta cho gọi trưởng máy lên.

-Anh đã cho tăng áp lực lên chưa?

-Rồi, thưa thuyền trưởng- Anh ta đáp

Tốc độ tàu A-bra-ham Lin-côn đã tăng. Các cột buồm đang rung bần bật trong những chiếc lỗ cắm, những cột khói tranh nhau tìm chỗ chui ra khỏi ống khói chật hẹp.

Họ lại nhìn đồng hồ đo tốc độ.

-Bao nhiêu? - Thuyền trưởng hỏi

-Mười chín phảy ba dặm một giờ, thưa thuyền trưởng.

-Tăng thêm áp lực.

Trưởng máy tuân lệnh, áp kế chỉ mười vạch. Nhưng con quái vật cũng vận động thân hình đồ sộ của mình thêm một chút, chẳng khó khăn gì nó cũng đạt tốc độ mười chín phảy ba dặm một giờ.

Thật là một cuộc đuổi bắt ngoạn mục. Tôi không thể miêu tả những tâm trạng đang diễn ra trong tôi suốt cuộc săn đuổi đó. Nét-len vẫn sẵn sàng tại vị trí của mình, lăm lăm cây lao trong tay. Cũng có vài lần con quái vật để cho tàu tiến sát gần nó. "Chúng ta sẽ bắt được nó, chúng ta sắp bắt được nó rồi!" Nét-len kêu lên. Nhưng mỗi khi anh ta chuẩn bị phóng lao, con quái vật lại bơi ra xa với một tốc

độ mà tôi ước chừng không thể dưới ba mươi hải lý một giờ. Ngay cả khi tàu chúng tôi phóng nhanh nhất thì nó vẫn cứ trêu ngươi, vòng đi vòng lại quanh tàu. Cả tàu thở dài ngao ngán.

Đến giữa trưa, con tàu vẫn chưa tiến sát con quái vật thêm một chút nào so với lúc tám giờ sáng.

Thuyền trưởng quyết định sử dụng những biện pháp quyết liệt hơn.

-À, con quái vật này chạy nhanh hơn tàu A-bra-ham Lin-côn à. Được lắm, thử xem nó có thể thoát được viên đạn này không. Ra lệnh cho anh em tới khẩu súng đại bác!

Khẩu súng lập tức được nạp đạn và chĩa về phía con quái vật. Một tiếng nổ vang lên, nhưng viên đạn bay cao hơn con cá vài thước, con cá lúc đó chỉ cách tàu nửa hải lý.

-Cử người khác bắn giỏi hơn - Thuyền trưởng ra lệnh - Ai bắn trúng con quái vật quỷ quyệt này sẽ được thưởng năm đô-la.

Một bác xạ thủ già với chùm râu bạc, ánh mắt cương nghị và khuôn mặt can đảm bước đến phía khẩu súng điều chỉnh khá lâu. Một tiếng nổ vang lên, rồi tiếng các thuỷ thủ tung hô vang dậy.

Viên đạn đã đi trúng đích, nó bắn trúng vào lưng con cá nhưng lại trượt trên một mặt phẳng cứng và nhẵn, nó rơi tõm xuống biển.

Cuộc rượt đuổi lại bắt đầu lại từ đầu, thuyền trưởng Pha-ra-gút quay ra phía tôi và nói:

-Chừng nào tàu A-bra-ham Lin-côn còn chưa nổ tung, tôi còn săn đuổi con quái vật này.

-Vâng, ngài làm như vậy là đúng - Tôi đáp.

Tôi hi vọng là con cá sẽ thấm mệt, nó không thể không

có cảm giác mệt mỏi giống như một con tàu được. Nhưng hy vọng của tôi là vô ích, đã mấy tiếng nữa trôi qua mà con quái vật vẫn không hề tỏ ra một dấu hiệu mệt mỏi nào.

Tuy nhiên, cũng phải hoan nghênh con tàu A-bra-ham Lin-côn, nó đã theo đuổi con quái vật này một cách hết sức kiên trì. Vào cái ngày mùng sáu tháng mười một không may mắn ấy, tôi chắc hẳn nó đã phải chạy không dưới năm trăm dặm. Màn đêm đã buông xuống, bóng tối huyền bí ập xuống đại dương sâu thẳm.

Đến lúc đó, tôi nghĩ rằng cuộc tìm kiếm của chúng tôi đã đến hồi kết thúc, và chúng tôi sẽ không bao giờ còn gặp lại con quái vật đó nữa. Nhưng tôi đã nhầm. Khoảng mười một giờ kém mười phút, ánh sáng chói loà của con quái vật lại xuất hiện cách tàu ba dặm, ánh sáng vẫn mạnh như đêm hôm trước.

Con quái vật nằm yên không động đậy, có lẽ nó đã thấm mệt vì cả ngày hoạt động. Giờ đây nó đang ngủ, dập dềnh trên mặt nước. Thuyền trưởng Pha-ra-gút quyết định tận dụng cơ hội này.

Thuyền trưởng ra lệnh cho tàu chạy từ từ để không đánh thức con cá dậy. Bắt gặp một con cá voi ngủ giữa biển không phải là chuyện hiếm. Nét-len lại vào vị trí của mình ở dưới rầm néo buồm.

Con tàu lặng lẽ áp sát con cá bí ẩn, dừng lại cách nó bốn trăm mét, chỉ chuyển động theo quán tính. Không ai dám thở mạnh, một sự yên lặng hoàn toàn bao trùm lên con tàu. Chúng tôi chỉ còn cách con cá khoảng ba mươi mét, bỗng nhiên ánh sáng của con cá đột ngột tăng lên làm loá mắt mọi người.

Lúc đó, tôi đang đứng dựa vào thành tàu, thấy Nét-len vẫn đang đứng phía dưới, một tay nắm chặt thừng cột

buồm, một tay lăm lăm chiếc lao lợi hại. Tàu chỉ còn cách con cá đang nằm bất động hơn sáu mét. Cánh tay Nét bỗng giơ cao, mũi lao được ném ra, tôi nghe thấy tiếng mũi lao chạm vào thân con cá như thể chạm vào một vật gì đó rất cứng. Đột nhiên ánh sáng của con cá vụt tắt, và hai cột nước cao khổng lồ ập xuống boong tàu như thể một dòng thác lũ cuốn phăng mọi người trên tàu, phá vỡ cả lan can thành tàu. Con tàu kêu lên răng rắc, tôi chưa kịp bám lấy thành tàu thì đã bị nước cuốn phăng xuống biển.

CHƯƠNG VII

MỘT LOÀI CÁ VOI CHƯA ĐƯỢC BIẾT ĐẾN

Bất ngờ bị rơi xuống biển, tôi choáng váng không còn biết được chuyện gì đang xảy ra với mình lúc đó nữa. Lúc đầu tôi bị chìm xuống đáy biển khoảng sáu mét. Nhưng tôi là người bơi giỏi nên cũng không đến nỗi mất hết tinh thần, tôi đạp mạnh chân hai cái rồi nổi lên mặt nước. Điều đầu tiên tôi làm là đưa mắt tìm tàu A-bra-ham Lin-côn. Liệu các thuỷ thủ có nhận ra tôi đã biến mất không? Liệu tàu có quay đi hướng khác không? Liệu thuyền trưởng có thả xuồng xuống cho tôi không? Liệu tôi có hy vọng được cứu sống không?

Chỉ có bóng tối trả lời tôi, khó khăn lắm tôi mới nhận ra một khối đen đang khuất dần ở phía đông, ánh sáng đang tắt dần. Đó là con tàu chiến, tôi đã bị bỏ rơi.

-Cứu tôi với, cứu tôi với!- Tôi la to, tuyệt vọng cố sức bơi theo hướng con tàu.

Quần áo tôi cứ dính chặt vào người thật vướng víu làm tôi khó cử động. Tôi đang chìm dần và ngạt thở.

-Cứu tôi với!

Tôi kêu lên lần cuối. Nước tràn vào miệng, tôi cố sức vẫy vùng nhưng đáy biển sâu vẫn cứ kéo tôi xuống. Đột nhiên một cánh tay khoẻ mạnh túm lấy quần áo tôi kéo

lên, tôi lại được kéo lên mặt nước. Rồi tôi nghe thấy, vâng đúng là nghe thấy có tiếng người nói bên tai tôi:

-Nếu giáo sư dựa vào vai tôi thì sẽ dễ bơi hơn đấy.

Tôi nắm chặt lấy tay Công-xây, người giúp việc trung thành của tôi.

-Công-xây đấy à, phải anh đó không? -Tôi hỏi

-Tôi đây, thưa giáo sư - Công-xây đáp - tôi vẫn đang đợi lệnh của giáo sư đây.

-Anh cũng bị nước cuốn xuống biển cùng tôi à?

-Thưa không, nhưng tôi là người giúp việc của giáo sư nên tôi phải theo ngài.

Anh bạn trung thành đó nghĩ rằng hành động của anh ta là tự nhiên.

-Thế con tàu sao rồi? - Tôi hỏi.

-Con tàu ư? - Công-xây vừa đáp vừa quay lưng lại. -Tôi nghĩ là giáo sư không nên trông chờ vào nó nữa.

-Anh nghĩ vậy à?

-Lúc tôi nhảy xuống biển, tôi nghe thấy cánh thuỷ thủ trên buồng lái nói với nhau rằng bánh lái và chân vịt đã bị gẫy rồi.

-Gẫy rồi à?

-Thưa vâng, có lẽ con quái vật đã dùng răng cắn gẫy. Tàu A-bra-ham Lin-côn chỉ bị hỏng thế thôi. Nhưng đối với chúng ta thì hết cách rồi, vì con tàu không thể điều khiển được nữa.

-Vậy là chúng ta đành chịu chết.

- Có lẽ vậy - Công-xây bình tĩnh trả lời -Tuy nhiên chúng ta vẫn còn vài giờ nữa, vài tiếng có thể làm được khối việc đấy.

Thái độ bình tĩnh của Công-xây đã động viên tôi. Tôi ráng sức bơi mạnh hơn nhưng quần áo ướt sũng bó chặt vào người nặng như chì làm tôi vất vả lắm mới chịu được. Công-xây nhận thấy điều đó.

-Thưa giáo sư, ngài cho phép tôi cắt bỏ quần áo của ngài chứ ạ? Anh ta nói, rồi rút dao rạch một nhát từ trên xuống dưới bộ quần áo của tôi. Rồi tôi vừa bơi vừa kéo anh ta, còn anh ta cởi bỏ quần áo ra khỏi người tôi.

Đến lượt tôi cũng giúp cởi bỏ quần áo của Công-xây, chúng tôi tiếp tục bơi cạnh nhau.

Tuy nhiên, tình hình cũng không sáng sủa hơn trước. Có lẽ mọi người trên tàu không nhận thấy sự biến mất của hai chúng tôi, mà nếu có nhận thấy đi chăng nữa thì nó cũng chẳng thể quay lại được vì đã mất khả năng điều khiển. Công-xây bình thản phân tích tình huống và lập kế hoạch hoạt động. Anh ta thật là một con người bình tĩnh. Rồi chúng tôi quyết định rằng cơ hội sống sót của chúng tôi chỉ có thể phụ thuộc vào mấy chiếc xuồng cứu hộ của tàu A-bra-ham Lin-côn, do vậy chúng tôi phải cố hết sức đợi gặp một chiếc xuồng. Tôi quyết định phải tiết kiệm sức cho cả hai để cả hai không bị kiệt sức cùng một lúc. Chúng tôi quyết định làm như sau: trong khi một người nằm ngửa, khoanh tay, duỗi chân nghỉ ngơi thì người kia vừa bơi vừa đẩy đi. Cứ mười giây chúng tôi lại thay phiên. Như vậy chúng tôi hy vọng có thể kéo dài một vài tiếng đồng hồ, cho đến rạng sáng hôm sau. Hy vọng của chúng tôi thật mong manh, nhưng niềm tin của con người là mãnh liệt. Hơn nữa, chúng tôi có tận hai người. Phải thú nhận rằng (mặc dù điều này có vẻ phi lý) nếu tôi có muốn phá tan hy vọng, nếu tôi có tuyệt vọng đi nữa thì cũng không được.

Cuộc đụng độ giữa con tàu và con quái vật đã xảy ra

trước đó khoảng mười một tiếng đồng hồ. Tôi ước chừng chúng tôi sẽ phải bơi tám tiếng nữa thì trời mới sáng. Chúng tôi có thể làm được điều này nếu như chúng tôi dựa vào nhau, luân phiên nhau nghỉ. Biển rất lặng nên chúng tôi cũng không vật vả lắm, thỉnh thoảng tôi lại mở mắt nhìn như xuyên thấu màn đêm, chỉ có mặt nước ánh sáng lân tinh, tôi nhìn những làn sóng lấp lánh vỗ vào tay, mặt nước như một tấm gương điểm những vòng tròn ánh bạc. Nếu có ai nhìn thấy cảnh tượng này chắc sẽ nghĩ chúng tôi đang ở trong một bồn tắm thuỷ ngân.

Gần một giờ sáng, tôi bỗng thấy mệt mỏi rã rời. Chân tay nặng như đeo chì. Công-xây phải đỡ tôi và cáng đáng sức nặng của cả hai người. Một lúc sau, tôi nghe thấy anh ta thở hổn hển, hơi thở gấp và nặng nhọc. Tôi biết anh ta đã đuối sức, không cầm cự được lâu nữa.

-Bỏ tôi ra di, bỏ tôi ra đi! - Tôi nói với anh ta.

-Bỏ giáo sư ra ư? Không bao giờ. Có chết thì tôi sẽ chết trước.

Lúc đó, mặt trăng ló ra sau những đám mây đang theo gió bay về phía đông, mặt biển chan hoà ánh trăng. Cảnh tượng đó khiến chúng tôi như khoẻ ra. Đầu tôi đã đỡ đau hơn. Tôi nghển cổ nhìn ra xa phía đường chân trời. Tôi nhìn thấy chiếc tàu thấp thoáng phía xa cách chúng tôi khoảng năm hải lý. Bóng con tàu mờ dần, nhưng không thấy một chiếc xuồng nào cả.

Tôi muốn kêu lên thật to. Nhưng khoảng cách xa như thế thì liệu có ai nghe thấy tiếng tôi không? Đôi môi sưng phồng của tôi không thể thốt ra một từ nào. Công-xây còn chút hơi sức, anh ta cố gắng la to: - Cứu chúng tôi với, cứu chúng tôi với!

Chúng tôi dừng kại vài giây để nghe ngóng. Có thể đó

chỉ là tiếng ong ong vì tai bị ù, nhưng tôi có cảm giác đó tiếng ai đó đáp lại lời kêu cứu của Công-xây.

-Anh có nghe thấy tiếng gì không? - Tôi thều thào hỏi.

-Có, có.

Rồi Công-xây lại ra sức kêu to.

Lần này thì không lầm được nữa rồi. Có tiếng một người đáp lại chúng tôi. Phải chăng đó là tiếng một kẻ cũng bất hạnh như chúng tôi, cũng bị rơi xuống giữa biển sâu, một nạn nhân khác của vụ đụng độ vừa rồi? Hay đó là tiếng một chiếc xuồng đã được thả xuống mà chúng tôi không nhìn thấy trong bóng đêm?

Công-xây lấy hết sức tàn dựa vào vai tôi, tôi cũng cố sức bơi đi trong tuyệt vọng, anh ta cố gắng nhoài nửa người lên mặt nước rồi lại mệt mỏi rũ xuống.

-Anh có nhìn thấy gì không?

-Tôi thấy - anh ta hổn hển - Tôi thấy, nhưng thôi đừng nói nữa, hãy giữ sức.

Anh ta đã thấy gì vậy? Rồi, không hiểu tại sao, lần đầu tiên ý nghĩ về con quái vật lại hiện lên trong đầu tôi. Thế còn giọng nói lúc nãy là của ai? Công-xây vẫn đẩy tôi đi, thỉnh thoảng anh ta lại nghển lên nhìn về phía trước và kêu lên, rồi có tiếng đáp lại nghe càng lúc càng gần. Tôi không còn nghe thấy gì nữa. Tôi đã kiệt sức, các ngón tay tê cứng, bàn tay tôi không còn nghe theo sự điều khiển của tôi nữa, miệng tôi không thể mím lại được vì bị co cứng, nước biển tràn vào miệng tôi, hơi lạnh tràn vào người tôi. Tôi ngẩng đầu lên một lần cuối cùng rồi chìm xuống.

Đúng lúc đó, tôi chạm phải một vật rắn chắc. Tôi vội bám ngay lấy nó, rồi tôi có cảm giác đang được kéo lên khỏi mặt nước. Tôi bắt đầu thở được và rồi lại ngất đi...

Rồi cảng mấy chốc tôi lại tỉnh dậy nhờ được hô hấp mạnh. Tôi hé mắt nhìn.

-Công-xây - Tôi thều thào.

-Giáo sư gọi tôi ạ?- Công-xây hỏi.

Lúc đó, nhờ ánh trăng đang lặn dần phía sau đường chân trời, tôi nhìn thấy một khuôn mặt không phải Công-xây, tôi nhận ra ngay.

-Nét-len! -Tôi kêu lên.

-Chính tôi đây, thưa ngài. Tôi vẫn chạy theo món tiền thưởng - Nét đáp.

-Anh cũng bị văng xuống nước khi tàu gặp nạn phải không?

-Đúng vậy, thưa giáo sư, nhưng tôi may mắn hơn ngài, tôi gặp ngay một hòn đảo di động.

-Một hòn đảo?

-Hay nói chính xác hơn là đang cưỡi trên lưng con sư tử biển khổng lồ của chúng ta.

-Tôi không hiểu anh đang nói gì.

-Bây giờ tôi mới hiểu tại sao mũi lao của tôi không thể đâm xuyên thủng được da con quái vật, mà chỉ trượt trên mặt nó thôi.

-Tại sao vậy, anh Nét?

-Bởi vì, thưa giáo sư, con quái vật đó được làm bằng thép.

Những lời cuối cùng của Nét làm đầu óc tôi hoạt động trở lại. Tôi trèo ngay lên lưng con vật, hay cái vật mà đang nổi nửa mình trên mặt nước, nhờ vậy chúng tôi mới có chỗ trú chân. Tôi lấy chân đá vào mình nó. Đó chắc chắn là một vật rất cứng không gì xuyên thủng nổi chứ không mềm như thân hình một loài động vật có vú sống ở biển. Nhưng

đó có thể là cái mai bằng xương của một loài động vật thời cổ đại thì sao? Nếu vậy, tôi phải xếp loại quái vật này vào loài bò sát như rùa hay cá sấu.

Nhưng không phải. Cái lưng đen bóng mà tôi đang đứng nhẵn thín, phẳng lỳ không hề có vảy. Tôi thử lấy tay gõ, nó kêu như tiếng kim loại và tôi thoảng nảy ra một ý nghĩ không tưởng rằng hình như nó được làm bằng thép tấm.

Không còn nghi ngờ gì nữa. Con quái vật này, cái hiện tượng đã làm điên đầu các học giả, đã kích động óc tưởng tượng của giới đi biển cả hai bán cầu lại là một hiện tượng kỳ diệu hơn, nó là sản phẩm của bàn tay con người.

Tuy nhiên, chúng tôi không còn nhiều thời gian mà băn khoăn, chúng tôi đang nằm trên mặt một chiếc tàu ngầm kỳ lạ trông như một con cá bằng thép khổng lồ. Chính Nét-len đã nêu lên ý kiến này, tôi và Công-xây chỉ có thể đồng ý với anh ta.

Đúng lúc đó, từ dưới đáy tàu bỗng nổi lên hàng loạt bong bóng, rõ ràng là có người điều khiển, con tàu bắt đầu chuyển động. Chúng tôi chỉ kịp bám lấy một chỗ ở mũi tàu nổi lên trên mặt nước chừng tám mươi phân, may mắn thay là tàu chạy với vận tốc không nhanh lắm.

"Chừng nào con tàu quái quỉ này còn nổi thì chẳng sao", Nét lẩm bẩm,"nhưng đến lúc nó nổi hứng lặn xuống biển thì cái mạng tôi chẳng đáng một xu".

Có lẽ anh chàng người Ca-na-đa này đã đặt giá mình quá cao. Cần phải tìm cách nói chuyện với những người đang ở trong tàu cho dù họ có là ai đi. Tôi rà soát kỹ bề mặt của con tàu nhằm tìm một cái nắp, một tấm pa-nen gờ lên hay một cái lỗ, nhưng tất cả những chỗ nối đã được từng hàng đinh thép tán chặt không có một chỗ hở nào. Trăng bắt đầu lặn, bầu trời phủ một màu đen tối.

Cuối cùng thì đêm cũng qua đi. Tâm trí tôi lờ mờ không nhớ rõ nổi những chuyện đã xảy ra trong cái đêm khủng khiếp ấy. Tôi chỉ còn nhớ được một chuyện. Trong những lúc gió yên biển lặng, tôi nghe thấy từ xa vọng lại những âm thanh mơ hồ, một thứ hoà âm hư ảo, dồn dập, đứt quãng... Chiếc tàu ngầm bí hiểm mà cả thế giới không giải thích nổi này là như thế nào? Trong tàu có những ai? Động cơ loại gì khiến cho nó có thể chạy với tốc độ thần kỳ như vậy?

Những ánh sáng đầu tiên của một ngày mới đã tới. Sương sớm vây quanh chúng tôi nhưng lại nhanh chóng tan đi. Tôi đang định xem xét phần vỏ tàu nổi lên mặt nước thì bỗng thấy tàu từ từ lặn xuống.

-Ê, đồ quỷ! - Nét kêu to vừa lấy chân đá mạnh vào vỏ tàu - Mở cửa ra, mở ra đồ không hiếu khách.

May mắn thay tàu không chìm xuống nữa. Bên trong tàu như có tiếng then cửa bằng kim loại va vào nhau. Một tấm thép được mở ra, một người đàn ông thò đầu ra nhìn kêu lên một tiếng gì đó rồi lại biến đi ngay.

Một lúc sau, tám người đàn ông khoẻ mạnh đeo mặt nạ lặng lẽ bước ra kéo chúng tôi vào trong con tàu ngầm bí hiểm của họ.

CHƯƠNG VIII

LINH HOẠT TRONG MÔI TRƯỜNG LINH HOẠT

Cuộc bắt cóc thô bạo diễn ra chỉ trong nháy mắt. Tôi rùng mình. Không hiểu chúng tôi đang phải đối mặt với ai. Chắc hẳn là một loại cướp biển kiểu mới đang hoành hành ngoài biển sâu theo cách riêng của chúng.

Cái nắp trên thân tàu vừa đóng vào, lập tức xung quanh chúng tôi tối đen như mực. Mắt tôi đang quen với ánh sáng bên ngoài nên chẳng nhìn thấy gì hết. Tôi cảm thấy đôi chân trần của tôi đang dò dẫm trên bậc thang của cầu thang bằng sắt. Nét-len và Công-xây bị áp giải đi ngay sau tôi. Dưới chân cầu thang là một cánh cửa mở. Chúng tôi vừa bước vào thì cánh cửa đóng sập ngay sau lưng.

Chỉ còn lại ba chúng tôi tại một nơi mà chúng tôi không thể tưởng tượng nổi. Tất cả đều một màu đen, một màu đen dày đặc đến nỗi đến vài phút sau mắt tôi vẫn không thể nhận ra dù chỉ là một ánh sáng nhỏ nhất.

Trong lúc đó, Nét-len đùng đùng nổi giận vì tất cả những gì vừa xảy ra, anh ta hét to:

-Đồ quỷ tha ma bắt này! Các ngươi đã vượt cả bọn quỷ về sự hiếu khách rồi đấy. Chỉ còn thua bọn ăn thịt người nữa thôi. Mà các ngươi mà có là bọn ăn thịt người thì tao cũng chẳng ngạc nhiên đâu, nhưng nói cho mà biết là con mệt mới ăn thịt được tao.

-Bình tĩnh đi anh Nét, bình tĩnh lại đi-Công-xây nhẹ

nhàng nói - Đừng có hét lên như thế. Họ không có vẻ gì là như ông nói đâu.

-Không có vẻ à?- Nét gay gắt nói - thì cũng gần như thế sau tất cả những chuyện đã xảy ra. Mọi thứ đều tối đen như mực. May thay là tôi vẫn còn giữ được con dao găm này, tôi luôn nhìn rõ để sử dụng nó. Tên cướp biển nào cứ thử động vào tôi xem...

-Đừng có bực mình quá như thế anh Nét - tôi nói với anh chàng thợ săn cá voi - đừng có tự làm hại mình bằng những lời nói vô nghĩa đó chứ. Biết đâu họ lại chẳng đang nghe trộm chúng ta thì sao? Tốt hơn hết là hãy cố tìm hiểu xem chúng ta đang ở đâu?

Tôi bắt đầu dò dẫm bước đi. Được chừng năm bước tôi đụng vào một bức tường làm bằng những tấm sắt to bản nối với nhau. Lúc quay lại tôi va phải một chiếc bàn bằng gỗ, cạnh bàn có mấy chiếc ghế dài. Sàn của nhà tù này được trải một lớp chiếu dệt bằng gai Tân Tây Lan dày nên đi lại không một tiếng động. Bức tường không có vẻ gì là có cửa hay cửa sổ. Tôi đụng Công-xây lúc đó đang đi ngược chiều với tôi, chúng tôi cùng đi về phía giữa căn phòng, chúng tôi áng chừng căn phòng dài khoảng sáu mét, rộng ba mét. Còn về chiều cao của căn phòng thì ngay cả Nét-len cao lớn cũng không xác định được.

Nửa tiếng đồng hồ đã trôi qua mà mọi chuyện không có gì khả quan hơn. Nhưng bỗng nhiên một ánh sáng chói lọi tràn ngập căn phòng. Nhà tù của chúng tôi bỗng nhiên được thắp sáng với một thứ ánh sáng rực rỡ mạnh đến nỗi mà lúc đầu tôi không thể chịu được. Tôi nhận ra cái ánh sáng trắng rực rỡ từ chiếc tàu ngầm bí hiểm đã chiếu sáng cả một vùng biển trong đêm hôm trước mà tất cả chúng tôi đều ngỡ là ánh sáng điện lân tinh. Tôi phải nhắm chặt mắt lại, lúc mở mắt ra tôi nhận thấy ánh sáng chói lọi đó phát

ra từ một chiếc đèn hình bán cầu gắn trên trần.

-Cuối cùng thì cũng có thể nhìn được rồi - Nét-len tay lăm lăm con dao găm, đứng ở thế tự vệ.

-Phải - tôi nói - Nhưng tình hình vẫn không thấy sáng sủa lên chút nào.

-Xin giáo sư hãy yên tâm - Công-xây bình tĩnh nói.

Ánh sáng bất chợt trong phòng giúp tôi có thể quan sát căn phòng một cách tỉ mỉ. Trong phòng chỉ có một chiếc bàn gỗ và năm chiếc ghế. Cánh cửa bí mật đã được đóng chặt, không một tiếng động nào lọt được vào phòng. Tất cả như đã chết trong con tàu này. Nó đang chuyển động? Nó đang nổi trên mặt nước? Hay đã lặn sâu xuống biển rồi? Tôi không thể đoán ra được.

Rồi có tiếng then cửa lách cách, cánh cửa bật mở và hai người đàn ông bước vào.

Một người thấp, lực lưỡng, vai rộng, chân tay cuồn cuộn, đầu to và bộ tóc đen rối bù, râu rậm, ánh mắt sắc sảo, cái vẻ ngoài đó khiến tôi có cảm giác anh ta là người miền nam nước Pháp.

Người thứ hai đáng được miêu tả kỹ hơn. Một môn đồ của Gra-ti-ô-lê hay của En-gel có thể đọc được tính cách biểu hiện trên khuôn mặt anh ta như đọc một cuốn sách. Tôi có thể khẳng định ngay những tính cách chủ yếu của ông ta: lòng tự tin biểu hiện ở cái nhìn quả quyết từ đôi mắt đen, sự bình tĩnh biểu lộ ở nước da mai mái thể hiện sự lạnh lùng, ý chí kiên cường biểu hiện ở những lần nhíu lông mày thật nhanh, và sự can đảm biểu hiện ở hơi thở sâu đầy sức sống.

Tôi không thể đoán được tuổi của người đàn ông này. Ông ta có thể ba mươi nhăm tuổi, nhưng ai nói là ông ta năm mươi tuổi cũng được. Ông ta cao lớn, trán rộng, mũi

thẳng, miệng gọn, răng rất đẹp, bàn tay thon dài, tất cả biểu lộ sự cao quý. Người đàn ông này là mẫu người hoàn hảo đáng khâm phục nhất mà tôi đã từng gặp trong đời. Một đặc điểm đáng chú ý nữa là đôi mắt của ông ta, khá cách xa nhau có thể bao quát cả một phần tư chân trời bằng một cái nhìn.

Khả năng ấy (sau này tôi mới biết) khiến ông ta có tầm nhìn vượt xa cả Nét-len. Khi ông ta chăm chú nhìn một vật gì đó, đôi lông mày ông ta nhíu lại, mắt hơi nheo nheo như thể muốn cô đọng mọi vật lại trong tầm nhìn của mình, như muốn kéo mọi vật lại gần bằng ánh nhìn của mình, như muốn xuyên thủng những lớp nước biển mà mắt thường không nhìn thấy được, như thể ông ta có thể đọc được những bí ẩn dưới tận đáy biển sâu.

Hai người đàn ông đội mũ bê-rê làm bằng lông rái cá, đi giày cao cổ bằng da hải báo, họ mặc quần áo làm bằng loại sợi đặc biệt cho phép cử động thoải mái. Người đàn ông cao lớn hơn, hẳn là thuyền trưởng của tàu, chăm chú quan sát chúng tôi mà không nói một lời, sau đó ông ta quay sang người bên cạnh nói gì đó với anh ta bằng một thứ ngôn ngữ kỳ lạ. Đó là thứ tiếng mềm mại, êm tai, được nhấn mạnh ở nguyên âm.

Người kia cũng gật đầu và đáp lại bằng thứ tiếng đó. Rồi anh ta quay sang nhìn tôi như dò hỏi.

Tôi trả lời bằng tiếng Pháp rất rõ ràng rằng tôi không hiểu họ nói gì, nhưng anh ta có vẻ không hiểu tôi. Tình hình trở nên khá gay go.

-Hay giáo sư thử kể cho họ cuộc hành trình của chúng ta xem - Công-xây nói - Biết đâu họ lại chẳng hiểu được một vài từ.

Tôi bắt đầu kể lại chuyến du hành của chúng tôi, nhấn

mạnh từng âm tiết thật rõ ràng, không bỏ qua một chi tiết nhỏ nào. Tôi lần lượt giới thiệu tên và chức danh của ba người chúng tôi.

Người đàn ông có đôi mắt bình tĩnh yên lặng lắng nghe tôi một cách chăm chú, thậm chí rất lịch sự, nhưng ông ta không hề có một biểu hiện nào là ông ta hiểu lời nói của tôi hay không cả. Khi tôi kể xong câu chuyện, ông ta vẫn không nói một lời nào.

Chỉ còn lại một khả năng là kể lại châu chuyện đó bằng tiếng Anh. Hy vọng là họ có thể hiểu thứ ngôn ngữ được nhiều người biết đến nhất này. Tôi cũng biết tiếng Anh, cũng như tiếng Đức, hiểu rõ đủ để đọc một cách trôi chảy, nhưng tôi không thể nói một cách thông thạo được. Nhưng cách nào thì chúng tôi cũng phải nói để họ hiểu chúng tôi.

-Giờ đến lượt anh rồi đó - Tôi nói với anh chàng thợ săn cá voi - Hãy nói thứ tiếng Anh chuẩn mực nhất, hãy cố gắng làm tốt hơn tôi nhé.

Nét chẳng đợi tôi phải nói nhiều, anh ta kể lại câu chuyện tôi vừa kể bằng tiếng Anh.

Nhưng thật hết sức ngạc nhiên là anh ta cũng chẳng thành công trong chuyện này hơn tôi. Những vị khách của chúng tôi không hề nhúc nhích. Rõ ràng là họ không hiểu cả ngôn ngữ của A-ra-gô lẫn ngôn ngữ của Phạ-ra-đây.

Chúng tôi vô cùng bối rối. Sau khi đã vận dụng toàn bộ vốn ngữ văn của mình, tôi không biết phải làm gì nữa, cho đến khi Công-xây nói:

-Nếu giáo sư cho phép, tôi sẽ thuật lại câu chuyện bằng tiếng Đức.

Nhưng mặc dù anh ta đã sử dụng cách nói bóng bảy và cách phát âm tuyệt vời, tiếng Đức cũng không đem lại kết quả gì. Cuối cùng, bí quá, tôi cố gắng nhớ lại những bài học

đầu đời và thuật lại chuyến phiêu lưu của chúng tôi bằng tiếng La tinh, nhưng cũng chẳng thành công hơn. Nỗ lực cuối cùng cũng không đem lại kết quả gì, hai người trao đổi với nhau bằng thứ ngôn ngữ lạ lùng rồi bỏ đi. Cánh cửa đóng sập lại.

-Đồ vô lại! - Nét-len nổi khùng lên dễ đến lần thứ hai mươi - Chúng ta đã nói với chúng bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng La tinh, vậy mà bọn chúng không thèm hé răng lấy nửa lời.

-Bình tĩnh đi, anh Nét - Tôi nói với anh chàng đang hăng máu - giận dữ cũng có giải quyết được gì đâu.

-Nhưng ông thấy đấy- anh ta nói-chúng ta sắp chết đói trong cái lồng sắt này rồi.

-Chưa đến nỗi thế đâu - Công-xây nói một cách triết lý như thường lệ - chúng ta còn có thể chịu đựng được một thời gian nữa.

-Anh bạn thân mến ơi - Tôi nói - chúng ta không nên tuyệt vọng, chúng ta đã từng trong tình cảnh tồi tệ hơn như thế này cơ mà. Làm ơn đừng vội vàng kết luận về ông thuyền trưởng và thuỷ thủ của con tàu này.

-Tôi đã có kết luận của tôi rồi - Nét-len trả lời-bọn họ là đồ khốn khiếp.

-Tốt thôi, thế họ đến từ nước nào?

-Từ nước vô lại.

-Anh bạn Nét thân mến ơi, nước đó chưa có tên trên bản đồ đâu, nhưng tôi phải công nhận rằng rất khó xác định quốc tịch của hai người lúc nãy. Họ không phải là người Pháp, người Anh hay người Đức, điều đó thì khá rõ ràng rồi. Nhưng tôi có cảm giác rằng ông thuyền trưởng và người đi cùng ông ta là người miền nam. Có dòng máu miền nam

chảy trong người họ. Tôi cũng không thể xác định qua vẻ ngoài rằng họ là người Tây Ban Nha, người Thổ Nhĩ Kỳ, người Ả Rập hay người Ấn Độ. Còn về ngôn ngữ họ sử dụng thì hoàn toàn không thể hiểu được.

-Không biết tất cả các ngôn ngữ nhiều lúc cũng bất tiện thật - Công-xây nói - kể ra có một ngôn ngữ chung thì tiện hơn nhiều.

Đúng lúc đó, cánh cửa bật mở, một người phục vụ bước vào. Anh ta mang đến cho chúng tôi quần áo làm bằng một loại chất liệu kỳ lạ nào đó. Tôi vội vàng mặc quần áo vào, hai người kia cũng làm theo tôi. Trong lúc đó, người phục vụ - có thể là người câm, có lẽ cả điếc nữa - đang dọn bàn ăn và bày lên bàn ba chiếc đĩa.

-Tình hình có vẻ sáng sủa hơn rồi đấy-Công-xây nói.

-Chưa biết được- Nét phản đối - anh có thể tưởng tượng là ở đây họ ăn cái gì không? Gan rùa, thăn cá mập hay bít tết hải cẩu?

-Rồi chúng ta sẽ biết ngay mà- Công-xây nói.

Những chiếc đĩa làm bằng bạc đặt ngay ngắn trên bàn, chúng tôi ngồi vào bàn. Không còn nghi ngờ gì nữa, chúng tôi đang đối mặt với những con người văn minh. Nếu như không có ánh sáng điện thì tôi sẽ tưởng mình đang ở trong phòng ăn của khách sạn A-đen-phi ở Li-vơ -pun hay khách sạn Sanh-Gran ở Pa-ri. Tuy nhiên tôi cũng phải nói rằng họ không mang cho chúng tôi rượu vang và bánh mỳ. Nước uống sạch và trong, nhưng vẫn chỉ là nước trắng, điều đó làm Nét-len chẳng hài lòng chút nào. Trong số những món ăn họ mang đến cho chúng tôi, tôi nhận ra một số loại cá quen thuộc được nấu rất khéo, nhưng một số loại mặc dù rất ngon nhưng tôi chịu không biết nó được nấu từ cái gì, động vật hay thực vật. Còn về sự phục vụ thì không thể

chê vào đâu được. Trên mỗi chiếc thìa, dĩa, dao, đĩa đều có khắc dòng chữ, nguyên văn như sau:

MOBILIS IN MOBILI

N.

Dòng chữ đó có nghĩa là "Linh hoạt trong môi trường linh hoạt". Chữ N hẳn là chữ cái đầu tên người thuyền trưởng con tàu kỳ lạ này, người chủ của biển sâu.

Nét và Công-xây không để ý đến những chi tiết đó lắm. Họ lao vào ăn uống, và tôi cũng bắt chước họ. Giờ đây ít ra thì tôi cũng đã yên tâm về số phận của chúng tôi. Tôi thấy chắc chắn rằng những người chủ nhà đã không để chúng tôi phải chết đói.

Tuy nhiên, cái gì rồi cũng đến hồi kết thúc, chuyện gì rồi cũng sẽ qua, ngay cả cơn đói của những người đã không được ăn trong suốt mười lăm giờ. Cơn đói của chúng tôi đã được thoả mãn, chúng tôi lại cảm thấy buồn ngủ díp mắt.

-Chúa ơi, tôi buồn ngủ quá - Công-xây nói.

-Tôi cũng vậy- Nét-len đáp

Hai người bạn đồng hành với tôi nằm thẳng cẳng trên thảm trải sàn và ngủ ngon lành. Về phần tôi, hàng ngàn ý nghĩ tràn ngập đầu óc, hàng ngàn câu hỏi hiện lên trong đầu, hàng ngàn hiện tượng hiện ra khiến tôi không thể chợp mắt được. Chúng tôi đang ở đâu? Sức mạnh nào đang cuốn chúng tôi đi? Tôi đang cảm thấy rằng con tàu ngầm này đang lặn xuống đáy sâu nhất của đại dương. Những cơn ác mộng kinh hoàng đang ám ảnh tôi. Tôi thấy từ dưới đáy đại dương sâu thăm thẳm hiện ra từng đàn từng đàn cá hình thù quái dị như cùng loại với con tàu ngầm này, cũng sống, cũng chuyển động, cũng dữ dội ghê ghớm như vậy. Đầu óc tôi dần trở nên bình tịnh hơn, những cơn mộng mị cũng dần mờ đi, tôi chìm vào giấc ngủ chập chờn.

CHƯƠNG IX

CƠN GIẬN CỦA NÉT-LEN

Tôi không nhớ nổi chúng tôi đã thiếp đi trong bao lâu, nhưng chắc chắn là khá lâu vì tôi thấy người dễ chịu. Tôi là người đầu tiên thức giấc. Hai người bạn đồng hành của tôi vẫn không động đậy, vẫn đang say sưa trong góc phòng.

Sau giấc ngủ mệt nhoài, đầu óc tôi lại trở nên tỉnh táo, sáng suốt, tôi bắt đầu nghiên cứu lại căn phòng giam chúng tôi. Không có gì thay đổi, phòng giam vẫn là phòng giam, nhưng tù nhân thì vẫn là những tù nhân. Duy chỉ có bàn ăn trong lúc chúng tôi đang ngủ đã được người phục vụ dọn sạch. Tôi thấy khó thở. Hai lá phổi của tôi như bị ai bóp nghẹt. Mặc dù căn phòng khá rộng, nhưng rõ ràng là chúng tôi đã sử dụng hết phần lớn không khí trong phòng. Thực tế là mỗi người trong một giờ tiêu thụ một lượng ôxy có trong một trăm lít không khí, và cũng thải ra một lượng tương đương khí các-bô-níc, và do vậy không thể thở được nữa.

Cần phải thay đổi không khí trong phòng, và tất nhiên là trên cả con tàu này. Điều này làm tôi nảy ra một câu hỏi. Trong trường hợp này ông thuyền trưởng của con tàu ngầm này sẽ xử lý như thế nào? Liệu ông ta có điều chế không khí bằng phương pháp hoá học không, hay ông ta sẽ lựa chọn cách tiện hơn, kinh tế hơn và thực tế hơn là cho tàu nổi lên mặt nước lấy không khí như loài cá voi để thở

được trong hai mươi tư giờ nữa.

Lúc đó, tôi phải thở gấp để cố hít lấy một chút không khí còn sót lại trong phòng. Bỗng nhiên, một luồng khí trong lành đượm mùi biển ùa vào phòng. Đó là một thứ không khí của biển khơi khiến người ta thấy sảng khoái. Tôi há to miệng hít lấy hít để cái thứ không khí thần kỳ ấy.

Đúng lúc đó, tôi thấy con tàu bị xô nhẹ, tròng trành. Hẳn là con quái vật bằng thép này đã nổi lên trên mặt nước và thở như kiểu cá voi. Vậy là tôi đã xác định được cách thông gió của nó.

Khi đã thoải mái hít thở luồng không khí trong lành, tôi bắt đầu quan sát tìm lỗ thông hơi đã đưa lại cho chúng tôi nguồn sống. Tôi không mất nhiều thời gian tìm kiếm, nó ở trên cánh cửa ra vào.

Lúc tôi đang quan sát thì Nét-len và Công-xây cùng lúc thức dậy vì ảnh hưởng của luồng khí mới tràn vào phòng. Họ giụi mắt, vươn vai rồi đứng bật dậy.

-Giáo sư ngủ có ngon không ạ? - Công-xây hỏi, giọng vẫn lễ phép như thường lệ.

-Rất ngon, anh bạn ạ. Còn anh thế nào, anh Nét?

-Tôi ngủ rất ngon, thưa giáo sư. Không biết tôi có đúng không nhưng hình như có mùi gió biển thì phải.

Anh chàng thuỷ thủ quả đã không lầm. Tôi kể lại câu chuyện đã xảy ra trong lúc hai người đang ngủ.

-Tốt, anh ta nói - vậy là đã rõ tiếng rít mà chúng ta đã nghe thấy khi con quái vật nhìn thấy tàu A-bra-ham Lin-côn hôm trước là tiếng gì rồi.

-Đúng vậy, anh Nét ạ, đó là tiếng thở của nó.

-Giáo sư A-rô-nát này, không biết mấy giờ rồi nhỉ. Chẳng

biết đã đến giờ ăn tối chưa.

-Giờ ăn tối ư, ông bạn thân mến? Tôi nghĩ phải đến giờ ăn sáng mới đúng. Có lẽ đã bước sang một ngày mới rồi.

-Vậy chẳng nhẽ chúng ta đã ngủ suốt hai mươi tư giờ ư? - Công-xây hỏi.

-Tôi nghĩ vậy.

-Tôi sẽ không tranh luận với ngài đâu - Nét-len đáp - nhưng dù bữa sáng hay bữa tối gì cũng được, miễn là người phục vụ đến và mang cho chúng ta cái gì cũng được.

-Anh Nét thân mến ơi, chúng ta phải theo luật lệ trên tau chứ. Tôi cho rằng dạ dầy của chúng ta đã báo hiệu sớm hơn giờ ăn trên tàu đấy.

-Đó mới đúng là ông đấy, ông bạn Công-xây ạ, Nét-len cáu kỉnh đáp - Ông lúc nào cũng bình chân như vại, chẳng bao giờ nổi cáu cả, ông vẫn có thể cảm ơn dù không được ăn, và thà chết đói còn hơn là phàn nàn.

Thời gian vẫn cứ thế trôi qua, chúng tôi cồn cào. nhưng lần này người phục vụ không xuất hiện. Những người chủ nhà đã bỏ chúng tôi lại đây quá lâu nếu họ thực sự có thiện chí với chúng tôi. Nét-len đói quá, dạ dày anh ta quặn thắt nên càng hung tợn hơn. Tôi sợ rằng anh ta sẽ nổi khùng lên với một thuỷ thủ nào đó xuất hiện đầu tiên trước mặt anh ta mặc dù anh ta đã hứa là sẽ giữ bình tĩnh.

Hai giờ nữa trôi qua, Nét-len càng lúc càng nổi giận, anh ta kêu gào, la hét ầm ĩ nhưng vô ích. Những bức tường sắt vẫn lặng im. Không một tiếng động nào lọt vào trong phòng, tất cả như đã chết. Chiếc tàu đang đứng yên, tôi không thấy tiếng chân vịt quay dưới thân tàu. Khi chìm xuống đáy biển, nó không thuộc về trái đất nữa, sự yên lặng này thật đáng sợ.

Tôi cảm thấy hốt hoảng. Công-xây vẫn bình tĩnh và Nét-len vẫn nổi khùng.

Rồi bỗng có một tiếng động ở bên ngoài. Có tiếng bước chân trên cầu thang sắt, then cửa kêu lách cách, cánh cửa bật mở, một thuỷ thủ bước vào.

Tôi chưa kịp chạy lại giữ Nét-len thì anh ta đã lao tới anh chàng thủy thủ, vật anh ta xuống đất và bóp chặt cổ anh ta.

Công-xây đang định cố gắng gỡ tay anh chàng nóng tính ra khỏi cổ nạn nhân đáng thương sắp chết ngạt, tôi cũng định đến giúp anh ta thì bỗng sững người khi nghe thấy những lời nói bằng tiếng Pháp:

-Xin hãy bình tĩnh, ông Nét-len, còn ngài, thưa giáo sư, ông hãy nghe tôi nói.

CHƯƠNG X
CON NGƯỜI CỦA BIỂN CẢ

Đó là Thuyền trưởng của con tàu đã nói với chúng tôi.

Nghe thấy vậy, Nét-len đứng ngay dậy. Anh chàng thuỷ thủ suýt bị chết ngạt, theo mệnh lệnh của thuyền trưởng lảo đảo bước ra ngoài, uy lực của thuyền trưởng lớn đến mức anh ta bước ra ngoài mà không dám biểu lộ một cử chỉ tức tối nào đối với Nét-len. Ngay cả Công-xây cũng phải ngây người ra vì bất ngờ. Tôi cũng kinh ngạc và im lặng chờ đợi.

Thuyền trưởng đứng khoanh tay dựa người vào bàn, chăm chú nhìn chúng tôi. Ông ta đang lưỡng lự muốn nói điều gì với chúng tôi chăng? Ông ta hối hận những gì ông ta đã nói bằng tiếng Pháp lúc nãy chăng? Cả ba chúng tôi đều nghĩ như vậy.

Sau một lát im lặng, không một ai trong số chúng tôi muốn phá vỡ sự yên lặng này, cuối cùng, thuyền trưởng nói bằng một giọng nhẹ nhàng, thuyết phục:

-Thưa các ngài, tôi nói tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng La tinh thành thạo như nhau. Tôi có thể nói chuyện với các ngài ngay từ buổi nói chuyện đầu tiên nhưng tôi muốn hiểu các ngài trước, rồi sau đó mới quyết định sẽ đối xử với các ngài như thế nào. Tất cả những điều mỗi người đã kể cho tôi nghe đều khớp với nhau về những điểm chính, do vậy, tôi tin vào nhân thân của các ngài. Tôi biết rằng sự

tình cờ đã mang ngài A-rô-nát, giáo sư môn lịch sử tự nhiên của Viện bảo tàng Pa-ri, được phái ra nước ngoài thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu. Và ông Công-xây người giúp việc của giáo sư, và ông Nét-len, người Ca-na-đa, là thợ săn cá voi trên tàu A-bra-ham Lin-côn thuộc hải quân Hoa Kỳ.

Tôi nghiêng mình tỏ vẻ đồng ý. Thuyền trưởng không có ý hỏi tôi nên tôi cũng không nhất thiết phải trả lời. Ông ta nói một thứ tiếng Pháp chuẩn mực, thành thạo, chính xác. Tuy vậy, tôi nhận thấy ông ta không phải là đồng hương của tôi.

Ông ta tiếp tục câu chuyện của mình.

-Các ngài hẳn đã nghĩ rằng tôi đã kéo dài thời gian quá lâu mới đến thăm các ngài lần thứ hai này. Lý do của tôi là, đến khi tôi biết các ngài là ai thì tôi lại rất khó xử không biết phải đối xử thế nào với các ngài. Nhưng hoàn cảnh đáng buồn đã đưa các ngài đến với một người đã cắt đứt quan hệ với thế giới loài người. Các ngài đã phá vỡ sự yên tĩnh của tôi.

-Một cách không cố ý - tôi nói.

-Không cố ý ư?- Ông thuyền trưởng nói, hơi cao giọng một chút - Con tàu A-bra-ham Lin-côn cũng không cố ý truy đuổi tôi khắp mặt biển ư? Chẳng nhẽ các ngài đã phải miễn cưỡng xuống con tàu chiến đó? Chẳng nhẽ những viên đạn đại bác của các ngài lại không cố ý bắn lên thân tàu của tôi? Chẳng lẽ ông Nét-len đây lại không cố ý phóng một mũi lao vào tàu của tôi?

Tôi nhận thấy trong câu nói của ông ta có cả sự tức giận. Nhưng trước những lời chỉ trích này, tôi chỉ có một cách trả lời hoàn toàn tự nhiên:

-Thưa ngài, tất nhiên là ngài không thể nghe được những lời đồn đại về con tàu của ngài trên khắp Châu Mỹ và Châu

Âu. Ngài không biết rằng dư luận ở hai lục địa đã phản ứng thế nào về những vụ tai nạn khi các tàu đâm phải con tàu của ngài. Tôi không muốn đưa ra đây những con số thống kê khổng lồ về những giả thiết mà họ đã sử dụng để giải thích về sự bí mật mà ngài đang một mình nắm giữ. Nhưng ngài phải hiểu một điều rằng, khi truy đuổi theo ngài khắp mặt biển Thái Bình Dương, tàu A-bra-ham Lin-côn vẫn đinh ninh rằng nó đang theo đuổi một con quái vật biển mà nhiệm vụ của nó là phải tiêu diệt con quái vật đó bằng mọi giá.

Thuyền trưởng cười nửa miệng, rồi ông ta nói bằng một giọng bình tĩnh.

-Thưa ngài A-rô-nát, ngài có dám khẳng định rằng con tàu chiến của ngài sẽ không tấn công vào tàu tôi khi đã biết rằng đó là một con tàu ngầm chứ không phải là một con quái vật?

Câu hỏi của ông ta làm tôi lúng túng, bởi vì thuyền trưởng Pha-ra-gút hiển nhiên sẽ không phải suy nghĩ nhiều, ông ta sẽ nghĩ rằng nhiệm vụ của ông ta là phải tiêu diệt con tàu ngầm cũng như một con quái vật biển mà thôi.

-Vậy ngài đã hiểu tại sao tôi có quyền đối xử với các ngài như đối xử với những kẻ thù của tôi chưa, thưa ngài?

Tôi cố tình không trả lời. Trong trường hợp này tranh luận với ông ta không có lợi gì, vì sự căng thẳng có thể không có lợi cho chúng tôi.

-Tôi đã phân vân rất nhiều - thuyền trưởng nói-không có lý do gì bắt tôi phải hiếu khách với các ngài. Nếu tôi không muốn các ngài có mặt trên tàu của tôi, tôi sẽ không gặp lại các ngài, tôi chỉ việc đưa các ngài ra khỏi con tàu đã là chỗ trú chân của các ngài, rồi cho tàu chìm xuống và

quên hẳn các ngài đi. Chẳng lẽ tôi không có quyền cư xử như vậy?

-Chỉ có người mọi rợ mới cư xử như vậy - tôi đáp- -chứ người văn minh thì không.

-Thưa giáo sư - ông thuyền trưởng đáp nhanh-tôi không thuộc loại người mà ngài gọi là người văn minh. Tôi đã cắt đứt mọi quan hệ với xã hội loài người vì những lý do mà chỉ tôi mới có quyền phán xét. Tôi không phải tuân theo bất cứ thứ luật lệ nào của nó, nên xin ngài đừng bao giờ nhắc đến nó trước mặt tôi.

Ông ta nói bằng một giọng đều đều, buồn buồn. Tôi thoáng có ý nghĩ rằng quá khứ của con người này hẳn phải ẩn giấu một bí mật gì khủng khiếp. Ông ta không chỉ tự đặt mình ngoài những luật lệ của xã hội mà còn tự thoát ra khỏi vòng kiềm toả, giành độc lập và tự do theo ý nghĩa đầy đủ nhất của hai từ đó. Ai có đủ can đảm đuổi theo ông ta xuống tận đáy biển khi mà ông ta đã đập tan mọi nỗ lực gây chiến ngay trên mặt biển? Con tàu nào có thể chống lại được con tàu này? Cái vỏ thép nào đủ dày để chịu được mũi nhọn của nó? Ai có thể đòi hỏi ông ta phải chịu trách nhiệm về hành động của mình? Chúa ơi, giá mà ông ta còn tin vào một thứ - lương tâm của ông ta, giá mà ông ta còn có một lương tâm, đó sẽ là thứ duy nhất có thể phán xét con người bí ẩn của ông ta.

Những ý nghĩ đó thoáng qua trong óc tôi rất nhanh khi con người bí ẩn kia đang suy tư lặng lẽ như đang thu mình trong cái vỏ bọc của ông ta. Tôi thấy sợ lẫn một chút tò mò thích thú.

Sau một lúc lâu im lặng, ông ta tiếp tục nói.

-Tôi đã suy nghĩ rất nhiều, tôi nghĩ rằng quyền lợi của tôi có thể kết hợp với lòng nhân từ mà bất cứ sinh vật nào

cũng có quyền được hưởng. Các ngài sẽ được ở lại trên con tàu của tôi vì số phận đã đưa các ngài đến đây. Các ngài sẽ được tự do, nhưng để đổi lấy sự tự do đó, tôi chỉ yêu cầu các ngài thực hiện một điều kiện. Đối với tôi, chỉ cần một lời hứa danh dự của các ngài là đủ.

-Xin ngài cứ nói, thưa ngài, tôi nghĩ rằng điều kiện của ngài sẽ không quá khó để một người tử tế có thể chấp nhận.

-Tất nhiên, thưa ngài. Điều kiện của tôi là thế này: có thể trong một hoàn cảnh bất thường nào đó tôi buộc phải giữ các ngài lại trong phòng trong một vài giờ đồng hồ hay một vài ngày. Vì tôi không bao giờ muốn phải dùng bạo lực, tôi mong ở các ngài một sự phục tùng tuyệt đối. Trong những trường hợp như vậy, tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm. Các ngài sẽ không được phép nhìn thấy những gì mà các ngài không được nhìn. Các ngài có chấp nhận điều kiện đó không?

Vậy là trên chiếc tàu này đang diễn ra những việc mà ít nhất có thể gọi là khác thường mà những người chưa đặt mình ra khỏi vòng kiềm toả của pháp luật không nên biết. Đó vẫn chưa phải là điều bất ngờ lớn nhất so với những gì mà tương lai đang sắp đặt cho tôi.

-Chúng tôi chấp nhận - tôi đáp - tôi chỉ xin ngài cho phép tôi hỏi một câu, chỉ một câu thôi.

-Xin ngài cứ hỏi.

-Ngài nói rằng chúng tôi được tự do trên tàu?

-Tự do hoàn toàn.

-Vậy tôi muốn hỏi ngài ý nghĩa của từ tự do đó?

-Các ngài có thể tự do đi lại, xem xét, quan sát những sự việc diễn ra tại đây, trừ những trường hợp hãn hữu, tóm lại, các ngài được tự do như tôi, và các bạn tôi.

Rõ ràng là chúng tôi chưa hiểu nhau.

-Xin ngài thứ lỗi, thưa ngài - tôi nói - nhưng đó chỉ là thứ tự do của một tù nhân thôi, chúng tôi không thể bằng lòng với điều đó được.

-Ngài buộc phải bằng lòng thôi.

-Sao? Có nghĩa là chúng tôi không thể được trở về tổ quốc gặp lại gia đình bạn bè sao?

-Đúng vậy, thưa ngài, và ngài cũng nhân thể trút bỏ được cái ách nặng nề mà người ta gọi là tự do, nó không nặng nề lắm như ngài nghĩ đâu.

-Cái gì?- Nét-len la lớn-tôi sẽ không bao giờ hứa là sẽ không bỏ trốn đâu đấy.

-Tôi không bắt ông phải hứa hẹn gì đâu, ông Len ạ-thuyền trưởng lạnh lùng đáp.

-Thưa ngài-tôi nói, giọng bắt đầu giận dữ vì không tự chủ được - ngài đã lạm dụng quyền hành của mình, điều đó là vô nhân đạo.

-Không, rất nhân đạo thưa ngài. Các ngài là tù nhân chiến tranh. Tôi giữ các ngài lại, khi nào tôi muốn, chỉ cần một lời nói của tôi là các ngài bị quẳng ngay xuống biển. Các ngài đã tấn công tôi. Các ngài đã biết được một điều bí mật mà không một ai trên trái đất này được biết, bí mật của cả cuộc đời tôi. Và các ngài nghĩ là tôi sẽ thả cho các ngài trở lại trái đất để rồi ai cũng biết về cái bí mật đó ư? Không bao giờ! Việc giữ các ngài lại trên tàu không phải để đảm bảo an toàn cho các ngài mà chính là cho tôi.

Những lời lẽ đó cho thấy là thuyền trưởng đã có quyết định cuối cùng, và mọi sự tranh luận đều là vô ích.

-Không, thưa ngài - tôi nói tiếp - ngài chỉ cho chúng tôi được lựa chọn giữa cái sống và cái chết thôi ư?

-Đúng vậy.

-Ôi, các bạn của tôi - tôi nói với Công-xây và Nét-len - điều kiện họ đặt ra không thể thương lượng được, nhưng chúng ta sẽ không hứa hẹn gì với ông chủ của con tàu này.

-Không cần hứa hẹn gì cả, thưa ngài - Thuyền trưởng nói, giọng nhẹ nhàng hơn - Bây giờ, cho phép tôi được nói nốt những gì tôi muốn nói với ngài. Tôi đã biết ngài, thưa ngài A-rô-nát. Ngài và các bạn của ngài có lẽ sẽ không phải phàn nàn nhiều về sự ngẫu nhiên đã gắn số phận của chúng ta với nhau. Ngài sẽ tìm thấy trong số những cuốn sách mà tôi ưa thích, có cả công trình nghiên cứu của ngài về đáy biển sâu. Tôi đã đọc đi đọc lại cuốn sách đó rất nhiều lần. Công trình nghiên cứu của ngài rất sâu sắc, nhưng chỉ trong phạm vi khoa học nghiên cứu trên mặt đất cho phép. Ngài vẫn chưa biết hết, ngài chưa được nhìn thấy hết. Hãy cho phép tôi nói rằng, thưa giáo sư, ngài sẽ không phải hối tiếc về thời gian sống trên tàu của tôi. Ngài sẽ được bước vào xứ sở thần tiên.

Phải thú nhận rằng những lời nói của thuyền trưởng đã có một tác động lớn đến tôi. Ông ta đã đụng đúng vào điểm yếu của tôi, và trong một giây lát, tôi đã quên mất rằng cho dù có được ngắm nhìn thoả thích những kỳ quan dưới đáy biển thì cũng không thể bù lại được sự tự do đã bị mất. Hơn nữa, tôi tin tưởng vào tương lai để đi đến một quyết định hỏi một câu hỏi quan trọng. Nghĩ vậy, tôi đánh bạo hỏi:

-Vậy tôi phải gọi ngài thế nào đây?

-Thưa ngài - ông ta đáp - đối với các ngài, tôi là thuyền trưởng Nêmô, còn đối với tôi các ngài chỉ là hành khách của tàu Nau-ti-lux không hơn.

Thuyền trưởng Nê-mô gọi một thuỷ thủ, ra lệnh cho anh ta bằng thứ ngôn ngữ kỳ lạ rồi ông ta quay ra bảo với Công-

xây và Nét-len:

-Bữa sáng đang chờ các ngài trong phòng riêng, xin vui lòng đi theo anh thuỷ thủ này.

-Còn bây giờ, thưa ngài A-rô-nát, bữa sáng của ngài đã dọn sẵn. Tôi xin phép được dẫn đường cho ngài.

-Tôi rất vui lòng, thưa thuyền trưởng.

Tôi đi theo thuyền trưởng Nê-mô, khi bước ra khỏi cửa phòng, tôi gặp một hành lang hẹp đèn đóm sáng trưng. Đi thêm khoảng mười mét nữa, chúng tôi đến trước một cánh cửa thứ hai.

Tôi bước vào một phòng ăn lớn, bài trí rất trang nhã. Hai đầu phòng có rất nhiều tủ cao làm bằng gỗ sồi, bên trong chứa đầy bát, đĩa, cốc, tách bằng sứ và pha lê quý giá. Bát đĩa bày trên bàn phản chiếu ánh sáng dọi từ chùm đèn trên trần, những bức tranh tinh tế treo trên tường làm ánh sáng trong phòng dịu mát.

Ngay giữa phòng là một chiếc bàn ăn được bày rất đẹp. Thuyền trưởng Nê-mô chỉ chỗ dành cho tôi.

Bữa sáng gồm nhiều món ăn làm hoàn toàn từ những sản vật của biển. Tôi chẳng biết gì về những nguyên liệu và cách nấu những món ăn này cả. mặc dù tôi đã được giới thiệu là những món ăn này rất bổ, tôi vẫn thấy chúng có mùi gì là lạ, nhưng rồi tôi nhanh chóng quen ngay. Những đồ ăn này đều rất giàu phốt-pho nên tôi khẳng định chúng đều là hải sản.

Thuyền trưởng Nê-mô đưa mắt nhìn tôi. Tôi không hỏi gì ông ta cả, nhưng ông ta có thể đoán được những ý nghĩ của tôi, ông ta trả lời những câu hỏi đang lởn vởn trong đầu tôi chỉ chực hỏi ông ta.

-Phần lớn những đồ ăn này đều rất lạ đối với ngài - ông

ta nói với tôi - nhưng ông cứ ăn đi, đừng sợ, chúng đều rất bổ dưỡng. Đã từ rất lâu tôi không ăn thực phẩm trên đất liền, nhưng đến tận bây giờ tôi vẫn chưa ốm bao giờ. Thuỷ thủ trên tàu của tôi cũng đều ăn thực phẩm này và họ rất khoẻ.

- Nói vậy thì - tôi nói - tất cả những đồ ăn trên bàn này đều từ hải sản chế biến ra?

-Đúng vậy, thưa giáo sư. Biển đáp ứng mọi nhu cầu của tôi. Thỉnh thoảng tôi lại bủa lưới và bắt được rất nhiều tôm cá. Tôi đi săn trên những khu rừng ngầm, những nơi mà con người không thể đến được. Những đàn cá của tôi, tựa như đàn cá của vua Thuỷ tề nhởn nhơ kiếm ăn trên những đồng cỏ ngầm dưới đại dương. Đất đai của tôi rộng lớn, tôi tự cày xới, và bàn tay tạo hoá đã gieo mầm tạo nên tất cả.

-Tôi có thể hiểu rất rõ ràng rằng, ngài có thể bủa lưới để đánh cá, tôi cũng hiểu rằng ngài săn bắn trên những cánh rừng ngầm, nhưng tôi không thể hiểu nổi tại sao trong thực đơn của ngài lại có thịt, dù là rất ít.

-Cái mà ngài cho là thịt đó thực ra là thăn rùa biển, thưa giáo sư. Còn cái này là gan cá heo mà có thể ngài đã lầm với món ra-gu lợn. Đầu bếp của chúng tôi rất khéo chế biến các sản vật của biển. Ngài hãy nếm thử các món này xem. Đây là món dưa biển mà người Ma lai đã từng tuyên bố vô song trên thế giới, mà sữa của nó làm từ sữa cá voi, còn đây là đường làm từ cây tảo thạch y của biển Bắc. Và cuối cùng, xin ngài nếm thử món mứt làm từ cỏ chân ngỗng mà mùi vị của nó chẳng kém gì các loại cây trái thơm ngon cả.

Tôi nếm thử các món, không phải vì tham lam mà vì tò mò. Trong khi đó, thuyền trưởng Nê-mô làm tôi mê đi bởi những

câu chuyện kỳ lạ của ông ta.

-Ngài có thích biển không, thưa thuyền trưởng?

-Tôi rất yêu biển. Biển là tất cả đối với tôi. Biển chiếm bảy phần mười diện tích của trái đất. Hơi thở của biển trong lành. Biển là một thảo nguyên mênh mông mà ở đó con người không bao giờ cô độc vì anh ta cảm nhận được cuộc sống đang đập xung quanh mình. Biển là hiện thân của sự sống siêu nhiên và tuyệt diệu. Biển là tình yêu và xúc cảm, là sự sống vô tận như một nhà thơ của các ngài đã từng viết. Thưa giáo sư, trong thực tế, trong biển ẩn chứa sự tồn tại của ba vương quốc: khoáng sản, thực vật và động vật. Biển là nguồn dự trữ khổng lồ của thiên nhiên. Trái đất được hình thành từ đại dương, và ai có thể nói là nó sẽ không kết thúc với biển? Biển là sự tĩnh lặng tuyệt đối. Biển không hề phụ thuộc vào một tên bạo chúa nào. Trên mặt biển, con người còn có thể làm những điều ngang trái, gây ra chiến tranh, giết chóc. Nhưng dưới độ sâu mười mét dưới mặt biển thì sự ngự trị của chúng chấm dứt, ảnh hưởng của chúng suy giảm và uy quyền của chúng biến mất. Thưa ngài, cuộc sống trong lòng biển khơi chỉ có sự tự do, không hề phải khuất phục một quyền lực nào. Ở đây tôi được tự do.

Thuyền trưởng Nê-mô bỗng im bặt. Ông ta đang rất hứng thú với câu chuyện của mình, rồi ông ta bối rối đi đi lại lại một lúc trong phòng. Một lát sau, ông ta lấy lại sự bình tĩnh và lạnh lùng thường ngày, ông ta quay lại nói với tôi:

-Thưa giáo sư, nếu ngài muốn đi thăm tàu Nau-ti-lux, tôi xin hướng dẫn ngài.

Thuyền trưởng Nê-mô đứng dậy, tôi đi theo ông ta. Một cánh cửa đôi ở cuối phòng ăn mở ra, tôi bước vào phòng bên cạnh. Đó là căn phòng có kích thước tương đương với

căn phòng tôi vừa bước ra.

Đó là thư viện. Rất nhiều cuốn sách đóng bìa giống hệt nhau xếp thành hàng trên những giá sách rộng trong tủ bằng gỗ mạ đồng. Tủ kê sát tường dọc theo phòng, kéo dài đến tận chỗ những chiếc đi văng bọc da màu nâu rộng, uốn cong trông rất thoải mái. Quanh phòng có vài chiếc bàn nhẹ có thể dịch chuyển được, ngăn bàn có thể kéo ra kéo vào để người đọc có thể đặt sách trong khi đọc. Giữa phòng là một chiếc bàn rộng, trên mặt bàn có rất nhiều tạp chí và báo, tất cả đều xuất bản từ rất lâu rồi. Ánh điện từ bốn chiếc đèn bán cầu trên trần toả sáng khắp nơi. Tôi vô cùng thán phục ngắm nhìn căn phòng được bài trí hết sức khéo léo, cảm thấy khó tin vào mắt mình.

-Thưa thuyền trưởng Nê-mô - tôi nói với ông ta lúc ông ta vừa nằm dài trên một trong số những chiếc đi văng trong phòng - thư viện của ngài là niềm ao ước cho bất cứ một lâu đài nào trên mặt đất. Tôi rất sửng sốt khi nghĩ rằng nó có thể theo ngài xuống tận đáy biển sâu.

- Ở đâu khác ngài có thể tìm thấy sự tĩnh lặng tuyệt đối như thế này, thưa giáo sư? - thuyền trưởng Nê-mô nói - Liệu ở Viện bảo tàng Pa-ri ngài có tìm thấy điều kiện làm việc lý tưởng như ở đây không?

-Tất nhiên là không, thưa thuyền trưởng, tôi phải thú nhận rằng so với thư viện của ngài, thì thư viện của chúng tôi thật quá nhỏ bé. Ngài phải có ít nhất sáu, bảy ngàn cuốn sách không ít hơn.

-Mười hai ngàn cuốn, thưa giáo sư. Những cuốn sách là vật duy nhất nối liền tôi với mặt đất. Nhưng đối với tôi, trái đất đã không còn tồn tại từ ngày tàu Nau-ti-lux lặn xuống biển lần đầu tiên. Vào ngày đó, tôi mua những cuốn sách cuối cùng, những tờ báo, tạp chí cuối cùng, và kể từ

đó, đối với tôi, con người không suy nghĩ và viết lách gì nữa. Thưa giáo sư, ngài có thể tự nhiên sử dụng những cuốn sách của tôi.

Tôi cảm ơn thuyền trưởng Nê-mô rồi đi đến giá sách trong thư viện. Ở đây có các loại sách về khoa học, triết học và văn học bằng các thứ tiếng. Nhưng tôi không tìm thấy một cuốn sách nào về kinh tế chính trị cả. Chắc hẳn các cuốn sách về lĩnh vực đó không được phép mang lên tàu. Nhưng có một điều thật lạ là tất cả các cuốn sách này đều được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái bất kể nó được viết bằng thứ tiếng nào. Điều này chứng tỏ thuyền trưởng Nê-mô của tàu Nau-ti-lux hẳn phải thành thạo tất cả các thứ tiếng, có thể đọc được bất kỳ cuốn sách nào ông ta tìm được.

-Thưa thuyền trưởng - tôi nói - cảm ơn ngài đã cho tôi sử dụng thư viện của ngài. Đó thực sự là một kho báu về khoa học, và tôi sẽ học hỏi được rất nhiều ở đó.

-Căn phòng này không chỉ là thư viện thôi đâu - thuyền trưởng Nê-mô nói - nó còn là phòng hút thuốc nữa.

-Phòng hút thuốc? tôi ngạc nhiên hỏi - nghĩa là có thể hút thuốc trên tàu được ư?

-Tất nhiên là được.

-Vậy thì, thưa ngài, tôi buộc phải nghĩ rằng ngài vẫn có quan hệ với La-Ha-ba-na.

-Không hề - thuyền trưởng Nê-mô nói - xin mời ngài hút thử một điếu này xem, mặc dù nó không phải là xì gà La-Ha-ba-na, nhưng nếu ngài là người sành hút thì nó sẽ hợp khẩu vị ngài đấy.

Tôi nhận lấy điếu thuốc thuyền trưởng đưa cho tôi. Hình dạng nó rất giống xì gà Luân-đôn nhưng như được cuốn

bằng những lá vàng.

Tôi châm lửa bằng một chiếc đèn nhỏ đặt trên một chiếc đế bằng đồng đúc tinh xảo, rồi hít một hơi dài sảng khoái của người nghiện đói thuốc lá đã hai ngày.

-Thật là tuyệt vời - Tôi nói - nhưng nó không phải là thuốc lá.

-Không phải - Thuyền trưởng Nê-mô đáp - thuốc lá này không phải từ La-Ha-ba-na hay vùng phía đông. Đó là một loại tảo có chứa nhiều ni-cô-tin mà biển đã cung cấp cho tôi, nhưng mà cũng không được dồi dào lắm.

Vào lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô mở cánh cửa đối diện với cánh cửa thư viện. Tôi bước vào một phòng tranh rất rộng, sáng rực rỡ.

Đó là một gian phòng lớn, dài mười mét, rộng sáu mét, cao năm mét. Trần nhà sáng rực rỡ nhờ ánh sáng của những chiếc đèn treo tinh tế đang chiếu sáng những đồ vật bày trong phòng. Đây đúng là phòng bảo tàng thực sự nơi một bàn tay khéo léo và tài hoa đã tập hợp lại những báu vật của thiên nhiên và nghệ thuật. Một không khí nghệ thuật tràn ngập khắp phòng làm người ta không thể nhầm với một xưởng vẽ của một hoạ sĩ nào đó.

Khoảng ba mươi bức tranh hàng đầu của các hoạ sỹ nổi tiếng nhất được đóng khung giống hệt nhau, trang hoàng với những nếp khác xếp nếp sáng màu treo trên tường cùng với những tấm thảm hoạ tiết tinh tế. Đó là những tác phẩm có giá trị rất lớn, những tác phẩm của các danh hoạ nổi tiếng nhất trong lịch sử, phần lớn trong số đó tôi đã được chiêm ngưỡng tại những bộ sưu tập đặc biệt ở Châu Âu và tại những cuộc triển lãm tranh nghệ thuật. Trong góc của phòng bảo tàng là một bộ sưu tập những bức tượng tuyệt đẹp làm bằng đá cẩm thạch và bằng đồng. Lời tiên đoán

của thuyền trưởng Nê-mô trong buổi đầu nói chuyện đã trở thành hiện thực. Tôi đã rất ngạc nhiên vì những gì được thấy trên con tàu này.

-Thưa giáo sư-thuyền trưởng Nê-mô nói-xin ngài thứ lỗi cho sự tiếp đón không được nghi lễ trọng đại lắm và sự bừa bộn của căn phòng này.

-Thưa ngài - tôi đáp - mặc dù chưa được biết ngài là ai, nhưng tôi mạo muội cho rằng ngài là một nghệ sĩ.

-Nghiệp dư thôi, không hơn, thưa ngài. Trước đây tôi rất thích sưu tập những tác phẩm ưu tú do bàn tay con người tạo ra. Tôi sưu tập một cách say mê, truy tìm không biết mệt mỏi và tôi đã sưu tập được nhiều đồ vật vô giá. Đây là những kỷ vật cuối cùng về cái thế giới đã chết trong tôi. Đối với tôi, các nghệ sỹ hiện đại cũng như các nghệ sĩ thời xưa đều có hàng hai ba ngàn năm tồn tại, tôi không phân biệt họ theo tuổi tác. Đối với tôi, thiên tài không có tuổi.

-Thế còn các nhà soạn nhạc thì sao? - tôi hỏi, tay chỉ vào những bản nhạc của Gue-bơ, Rốt-xi-ni, Mô-da, Bét-thô-ven và rất nhiều nhà soạn nhạc nổi tiếng khác đang bày la liệt trên chiếc đại phong cầm chiếm một diện tích lớn trong phòng.

Thuyền trưởng Nê-mô trả lời: - Những nhà soạn nhạc này là những người cùng thời với Oóc-phê-ux, bởi vì đối với một người đã chết thì tất cả sự khác biệt về thứ tự thời gian đã bị xoá nhoà. Tôi là một người đã chết, thưa giáo sư, chết theo đúng nghĩa của nó như một người bạn của ngài đã yên nghỉ ba thước dưới lòng đất.

Thuyền trưởng Nê-mô im bặt, trong chốc lát, ông ta như chìm đắm trong suy tưởng. Tôi lặng ngắm ông ta đầy thích thú, lặng lẽ phân tích từng cử chỉ, vẻ mặt của con người lạ

lùng này. Dựa người trên chiếc bàn khảm trai đắt tiền, ông ta như đã quên bẵng mất sự có mặt của tôi.

Không muốn quấy rầy sự suy tưởng của thuyền trưởng Nê-mô, tôi tiếp tục quan sát một cách đầy thích thú những đồ vật bày trong phòng.

Trong mấy chiếc tủ kính rất đẹp gắn vào tường bởi những chiếc đinh tán có bày những mẫu vật quý giá nhất của đại dương mà một nhà tự nhiên học ao ước được tận mắt chứng kiến.

Ở những ngăn riêng biệt có bày những chuỗi ngọc trai đẹp tuyệt trần, óng ánh đủ màu sắc dưới ánh sáng điện. Những viên ngọc trai nhiều màu được lấy từ đáy biển: đỏ, xanh, vàng, màu da trời, màu đen, chúng đều là những sản phẩm kỳ lạ của loài nhuyễn thể ở tất cả các đại dương. Cuối cùng là những viên ngọc vô giá lấy từ loại trai lớn nhất và hiếm nhất. Có những viên ngọc trai có kích cỡ lớn hơn cả quả trứng chim câu, chúng đều có giá trị bằng hoặc hơn cả viên ngọc mà nhà thám hiểm Ta-véc-ni-ê đã bán cho vua Ba tư lấy ba triệu đồng, vượt xa viên ngọc nổi tiếng trong bộ sưu tập của ngài I-ma-um xứ Múx-cát, viên ngọc mà tôi đã từng nghĩ là vô song trên thế giới này.

Bộ sưu tập của thuyền trưởng Nê-mô quả là vô giá. Ông ta hẳn đã phải tiêu tốn hàng triệu đồng để mua những báu vật này. Tôi đang tự hỏi không biết ông ta lấy tiền ở đâu ra để thoả mãn cái sở thích sưu tập tốn kém của mình. Ngay lúc đó tôi nghe thấy tiếng thuyền trưởng Nê-mô:

-Thưa giáo sư, ngài đang chiêm ngưỡng mấy cái vỏ ốc của tôi đấy à? Bộ sưu tập của tôi chắc chắn sẽ làm những nhà tự nhiên học thích thú, nhưng riêng đối với tôi, chúng còn có một ý nghĩa đặc biệt vì chính tay tôi đã tìm ra chúng, không có một vùng biển nào trên thế giới này mà tôi chưa

tìm đến.

-Tôi rất hiểu, thưa thuyền trưởng. Tôi rất hiểu là ngài cảm thấy thú vị thế nào khi ngắm nhìn những vật báu của mình, hơn nữa lại do chính tay ngài sưu tập được. Một bộ sưu tập sinh vật biển phong phú và quý giá như vậy thì không một viện bảo tàng nào ở Châu Âu có thể sở hữu được. Nhưng nếu tôi cứ quá say sưa chiêm ngưỡng những báu vật này thì tôi sợ sẽ hết mất sự thán phục đối với con tàu đang mang nó trong mình. Tôi hoàn toàn không muốn vi phạm những bí mật của ngài, nhưng tôi phải thú nhận rằng con tàu Nau-ti-lux và những máy móc khiến cho tàu có tính năng lạ thường như vậy, động cơ đã làm cho nó có sức mạnh phi thường như vậy, tất cả những điều đó đã kích thích tính tò mò của tôi đến cao độ. Ví dụ như trên tường căn phòng này có những máy móc kỳ lạ mà tôi hoàn toàn mù tịt.

-Thưa giáo sư, ngài có thể tìm thấy những máy móc y hệt như vậy trong phòng tôi. Tôi rất vui lòng được giải thích công dụng của chúng cho ngài. Nhưng trước hết, xin mời ngài đến đến xem phòng mà chúng tôi đã chuẩn bị riêng cho ngài. Ngài nên biết ngài đã được đón tiếp trên tàu Nau-ti-lux như thế nào.

Tôi đi theo thuyền trưởng Nê-mô, chúng tôi đi qua một cái cửa ở góc phòng khách, sau đó bước vào một hành lang hẹp chạy dọc thành tàu. Tới mũi tàu, Nê-mô dẫn tôi vào một căn phòng rất đẹp có một chiếc giường, bàn làm việc và những đồ đạc khác.

Tôi chỉ còn biết cảm ơn người chủ nhà của mình.

-Phòng của ngài liền sát với phòng của tôi- thuyền trưởng Nê-mô vừa nói vừa mở một cánh cửa khác-phòng của tôi lại thông với phòng sưu tập mà chúng ta vừa đi ra.

-Tôi đi vào phòng của thuyền trưởng. Đó là một căn phòng giản dị như phòng của một nhà tu hành. Chỉ có một chiếc giường sắt, một chiếc bàn làm việc, một vài đồ dùng cá nhân, trong phòng chỉ có một cửa sổ trên trần. Không hề có những tiện nghi sang trọng, chỉ có những đồ dùng thiết yếu nhất.

Thuyền trưởng Nê-mô chỉ một chiếc ghế và bảo tôi.

-Xin mời ngài ngồi.

Tôi ngồi xuống và ông ta bắt đầu giải thích.

CHƯƠNG XI

TẤT CẢ ĐỀU CHẠY BẰNG ĐIỆN

Thuyền trưởng Nê-mô cho tôi xem những máy móc treo trên tường.

-Thưa ngài, đây là toàn bộ thiết bị điều khiển tàu Nau-ti-lux. Tại đây cũng như trong phòng khách, chúng bao giờ cũng ở trước mặt tôi và cho tôi biết vị trí và phương hướng chính xác nơi tôi đang ở giữa đại dương. Có thể ngài đã quen thuộc với một số máy móc như nhiệt kế để đo nhiệt độ không khí trong tàu. Đây là chiếc phong vũ biểu dùng để đo áp lực của không khí, nhờ đó có thể báo trước những thay đổi thời tiết. Đây là ẩm kế để đo độ ẩm trong không khí. Còn đây là kính báo bão và địa bàn để chỉ đường đi, kính lục phân để xác định vĩ độ bằng độ cao của của mặt trời so với mặt biển, đồng hồ xác định kinh độ, kính viễn vọng ngày và đêm tôi thường dùng để quan sát chân trời mỗi khi tàu Nau-ti-lux nổi lên mặt biển.

-Đó là những vật thông dụng của những người đi biển- tôi đáp - và tôi đã biết công dụng của chúng. Nhưng những thứ máy móc khác chắc chắn là đặc dụng trên tàu Nau-ti-lux. Ví dụ như chiếc đồng hồ có kim đang chuyển động kia có phải là áp kế không?

-Nó đúng là một chiếc áp kế. Nhưng khi đo áp suất bên ngoài của nước, nó có thể cho ta biết cả độ sâu của con tàu.

-Thế còn những dụng cụ này thì sao? Tôi không thể đoán

được công dụng của chúng.

-Thưa giáo sư, cái này tôi phải giải thích cho ngài. Xin ngài vui lòng nghe tôi.

Im lặng một lát, rồi ông ta nói tiếp.

-Có một sức mạnh rất lớn, tốc độ của nó rất cao,dễ điều khiển và dễ sử dụng. Nó có thể ứng dụng vào nhiều trường hợp khác nhau, và trên tàu của tôi mọi thứ đều phụ thuộc vào nó. Nó chiếu sáng cho tàu, sưởi ấm cho tàu và cung cấp năng lượng để máy móc hoạt động. Sức mạnh đó là điện năng.

-Điện năng?- tôi kinh ngạc hỏi.

-Đúng vậy, thưa ngài.

-Tuy nhiên, thưa thuyền trưởng, con tàu của ngài có thể chạy với vận tốc cực nhanh, điều đó có vẻ không liên quan gì đến sức mạnh của điện năng cả. Cho đến tận bây giờ, sức mạnh của nó vẫn rất hạn chế và nó chỉ có thể sản sinh một năng lượng không đáng kể.

-Thưa giáo sư - thuyền trưởng Nê-mô nói-cách sử dụng điện năng của tôi không giống mọi người. Ngài biết thành phần của nước biển rồi đấy. Cứ một ngàn gam nước biển thì có 96,5% nước nguyên chất, khoảng 2,66% Clo-rua Na-tri. Ngoài ra còn có một lượng nhỏ Clo-rua Ma-ge, Clo-rua ka-li, Bro-mua ma-ge, Sun-phát ma-ge, Sun-phát Can xi và Các-bo-nát Can-xi. Ngài đã biết trong nước biển có nhiều Clo-rua Na-tri, tôi đã tách nó ra khỏi nước biển để tạo ra điện. Biển cho tôi tất cả, nó cho tôi điện năng, rồi điện năng lại sinh ra nhiệt năng, ánh sáng, cơ năng và nói tóm lại là sự sống cho tàu Nau-ti-lux.

-Nhưng còn không khí thì sao?

-Thưa ngài, tôi có thể tạo ra được không khí cần thiết

để duy trì sự sống, nhưng làm như vậy là vô ích bởi vì bất cứ lúc nào tôi cũng có thể cho tàu nổi lên mặt biển. Vả lại, nếu điện năng chưa tạo ra dưỡng khí thì ít nhất nó cũng có thể dùng để chạy những máy bơm rất mạnh dự trữ không khí trong những khoang rộng, cho phép tôi có đủ không khí để sử dụng trong thời gian lặn lâu dưới đáy biển khi nào tôi muốn. Nó đem lại một thứ ánh sáng đều và cố định mà mặt trời không thể có được. Bây giờ mời ngài xem chiếc đồng hồ này, nó chạy bằng điện và chính xác hơn bất kỳ một loại đồng hồ nào. Tôi chia mặt đồng hồ ra làm hai mươi tư giờ, giống đồng hồ của người I-ta-li-a, bởi vì đối với tôi không có khái niệm ngày hay đêm, không có mặt trăng hay mặt trời mà chỉ có ánh sáng điện theo tôi xuống tận dưới đáy biển. Ngài thấy không, bây giờ là mười giờ sáng.

-Chính xác.

-Và đây là một ứng dụng khác của điện. Chiếc đồng hồ trước mặt ngài dùng để chỉ vận tốc của tàu Nau-ti-lux. Một dây điện nối đồng hồ với chân vịt cho ta biết tốc độ thực tế của tàu. Ngài hãy nhìn đây, hiện giờ chúng ta đang chạy với tốc độ ổn định là mười lăm hải lý một giờ.

-Thật là tuyệt vời!-tôi thốt lên -ngài thật là đúng đắn khi tận dụng nguồn năng lượng này thay cho sức gió, sức nước và hơi nước.

-Chúng ta vẫn chưa xem hết đâu, thưa ngài A-rô-nát -thuyền trưởng Nê-mô nói và đứng dậy-xin ngài hãy theo tôi, chúng ta sẽ đi tham quan phần lái của tàu Nau-ti-lux.

Vậy là tôi thực sự đã được làm quen với cấu trúc bên trong của con tàu ngầm. Tàu gồm có những phần sau, bắt đầu từ phía mũi tàu: phòng ăn dài năm mét cách thư viện một bức tường không thấm nước, thư viện dài năm mét,

phòng sưu tập dài mười mét, cách phòng của thuyền trưởng dài năm mét cũng bằng một bức tường không thấm nước, rồi đến phòng của tôi dài hai mét rưỡi, sau cùng là khoang chứa không khí dài bảy mét rưỡi. Tổng cộng là ba mươi lăm mét. Những bức tường không thấm nước và những cánh cửa đóng kín đảm bảo an toàn cho tàu trong trường hợp có rò rỉ.

Tôi theo bước thuyền trưởng Nê-mô đi qua những hành lang hẹp đi về phía giữa tàu. Ở đó có một chiếc hố nhỏ giữa hai bức tường. Một chiếc thang bằng thép gắn chặt vào tường dẫn thẳng lên phía trên. Tôi hỏi thuyền trưởng Nê-mô chiếc thang đó dùng để làm gì.

-Nó dẫn tới một chiếc xuồng - Ông ta nói.

-Một chiếc xuồng ư? Ngài có một chiếc xuồng ư?-Tôi ngạc nhiên hỏi.

-Tất nhiên, một chiếc xuồng tuyệt vời, vừa nhẹ vừa đảm bảo dùng để đánh cá hoặc dạo chơi.

-Nghĩa là khi nào ngài muốn thả xuồng xuống nước, ngài phải cho tàu nổi lên?

-Không hẳn là thế. Xuồng được nối với phần trên của tàu Nau-ti-lux, có hẳn một khoang riêng để đặt nó. Có một cái nắp không thấm nước và được bắt vít rất chặt. Chiếc thang này dẫn đến một cái nắp hẹp trên boong tàu, cái nắp này lại thông với một cái nắp khác cũng như vậy dưới đáy xuồng. Tôi chui qua hai cái nắp đó để vào xuồng. Khi cái nắp trên boong đóng lại, tôi đóng chặt cái nắp trong xuồng rồi tháo đinh vít. Xuồng lập tức nổi lên trên mặt nước. Tôi mở nắp xuồng, dựng cột buồm rồi chèo đi. Thế là tôi đã ở giữa biển khơi.

-Thế ngài trở về tàu bằng cách nào?

-Thưa giáo sư, tôi không phải trở về tầu, mà tàu Nau-ti-

lux sẽ đến chỗ tôi.

-Theo lệnh của ngài?

-Theo lệnh của tôi. Xuồng được nối với tàu bằng một dây điện. Tôi gọi điện về tàu, thế là đủ.

-Thật vậy sao?-Tôi hỏi với vẻ ngạc nhiên trước tất cả những sự kỳ diệu đó. -Không gì có thể đơn giản hơn.

Sau khi đi ngang qua cầu thang dẫn ra xuồng chúng tôi tới một cánh cửa mở vào một căn phòng nhỏ nơi Công-xây và Nét-len đang có một bữa tiệc vui vẻ. Sau đó cánh cửa mở tới một căn phòng khác, đó là nhà bếp dài hơn ba mét, hai bên là những kho chứa thực phẩm lớn. Tất cả bếp trong đó đều chạy bằng điện chứ không phải bằng ga. Những dây điện bên dưới lò dẫn đến một tấm bảng gồm những tấm bạch kim nhỏ, nung đỏ bạch kim lên, duy trì nhiệt độ nhất định đủ để chế biến thức ăn. Điện còn được dùng để chạy máy chưng cất nước bằng cách cho nước bốc hơi để thu được nước uống tuyệt hảo. Gần bếp là một nhà tắm đầy đủ tiện nghi, có vòi nước nóng lạnh.

Kế bên phòng bếp là phòng ngủ của các thuỷ thủ trên tàu, phòng dài năm mét. Nhưng cánh cửa phòng đóng im ỉm nên tôi không thể nhìn thấy cách sắp xếp trên tàu, và qua đó không thể đoán được số lượng thuỷ thủ làm việc trên tàu Nau-ti-lux.

Bức tường không thấm nước thứ tư ngăn cách phòng ở của thuỷ thủ với phòng máy. Cánh cửa phòng mở rộng, tôi bước vào buồng máy nơi thuyền trưởng Nê-mô - chắc chắn là một kỹ sư có hạng - đã đặt những máy móc của mình. Buồng máy thắp điện sáng trưng, dài không quá hai chục mét. Phòng được chia làm hai phần, phần đầu đặt các thiết bị phát điện, phần sau gồm các máy móc nối với chân vịt. Tôi xem xét các máy móc với vẻ thích thú vô cùng, cố gắng

để hiểu được cơ cấu vận hành của tàu Nau-ti-lux.

-Ngài thấy đấy - Thuyền trưởng Nê-mô nói-Tôi sử dụng phát minh của Bunsen chứ không dùng phát minh của Ruhmkorff vì chúng không đủ mạnh. Phát minh của Bunsen thì nhỏ hơn về số lượng nhưng mạnh và khoẻ hơn, trong thực tế chứng minh rằng nó là loại tốt nhất. Điện sản sinh ra được đưa tới buồng máy, qua một hệ thống máy móc và bánh răng phức tạp truyền chuyển động xuống làm quay chân vịt. Chân vịt tuy có đường kính tới sáu mét vẫn quay được với vận tốc một trăm hai mươi vòng một giây.

-Và tàu đạt vận tốc là bao nhiêu?

-Năm mươi hải lý một giờ.

-Tôi đã từng chứng kiến tàu Nau-ti-lux lượn vòng vòng quanh tàu A-bra-ham Lin-côn trước đó, tôi có những lý giải của riêng mình về vận tốc của tàu. Nhưng thế vẫn chưa đủ. Tôi muốn biết con tàu được điều khiển như thế nào. Con tàu được lái sang phải như thế nào, sang trái như thế nào, nổi lên lặn xuống như thế nào. Ngài làm thế nào để xuống được tới độ sâu nơi áp suất lên tới hàng trăm át-mốt-phe? Làm thế nào ngài nổi lên mặt biển được? Làm thế nào ngài duy trì được tốc độ cao như vậy? Tôi có hỏi nhiều quá không?

-Không hề gì, thưa giáo sư - Thuyền trưởng Nê-mô hơi ngập ngừng đáp-Vì ngài sẽ vĩnh viễn gắn bó với con tàu này. Xin mời ngài quay trở lại phòng làm việc của mình, ngài sẽ được tìm hiểu tất cả những điều ngài muốn biết về tàu Nau-ti-lux.

CHƯƠNG XII

MỘT VÀI CON SỐ

Một lúc sau, chúng tôi đã ngồi hút thuốc trên đi-văng ở phòng khách. Thuyền trưởng Nê-mô cho tôi xem những bản sơ đồ mặt cắt ngang và cắt dọc của tàu Nau-ti-lux. Sau đó ông ta bắt đầu giải thích:

-Thưa giáo sư A-rô-nát, đây là một vài sơ đồ về con tàu mà ngài đang ở trọng nó. Con tàu có hình trụ dài với hai đầu hình chóp nón. Trông nó rất giống hình một điếu xì gà. Tại Luân đôn, người ta đã ứng dụng hình dạng này trong một số cấu trúc tương tự. Chiều dài chính xác của con tàu, tính từ mũi tàu đến đuôi tàu là bảy mươi mét, chiều rộng chỗ rộng nhất là tám mét. Nó không được đóng theo tỉ lệ của các tàu hơi nước đường dài của các ngài, mà được đóng vừa đủ dài, chỗ uốn cong cũng được kéo dài kết cơ cho phép rẽ nước một cách dễ dàng hơn, không bị sức cản của nước ảnh hưởng đến tốc độ. Hai kích thước đó cho phép ngài dễ dàng tính toán được diện tích và thể tích tàu Nau-ti-lux. Diện tích của tàu là một 1011 m^2, còn thể tích là khoảng 1400m^3. Điều đó có nghĩa là khi tàu lặn hẳn dưới nước, nó thế chỗ của 1400m^3 nước hay 1400 tấn nước.

-Khi lập kế hoạch thiết kế con tàu này, tôi tính toán rằng lúc cho tàu lặn xuống nước, chín phần mười thể tích của tàu sẽ chìm, điều đó có nghĩa là nó chỉ chiếm chỗ một lượng nước bằng chín phần mười trọng lượng tàu, chỉ được

phép có trọng lượng bằng đúng khối lượng đó. Do vậy, tôi không thể cho phép khối lượng của con tàu vượt quá con số đó.

-Tàu Nau-ti-lux có hai vỏ, một vỏ bên trong, một vỏ bên ngoài được nối với nhau bằng một số xà bằng sắt khiến vỏ tàu có một sức bền rất đặc biệt. Nhờ có cấu tạo như vậy, tàu trở thành một khối vững chắc có thể chống lại mọi áp lực bên ngoài. Các mặt tàu không thể bị lõm, chúng kết chặt với nhau không phải nhờ những định tán ở vỏ ngoài mà do cấu trúc của nó và vật liệu có tính đồng nhất tuyệt hảo, cho phép nó chống chọi được với những vùng biển hung dữ nhất. Hai vỏ tàu làm bằng những tấm thép phẳng có tỷ trọng từ 0.7 đến 0.8 lần tỷ trọng của nước. Vỏ thứ nhất dày không ít hơn năm phân, nặng 394,96 tấn. Vỏ thứ hai bên trong, cao 50 phân, rộng 25 phân, nặng 62 tấn. Máy móc, thiết bị, đồ đạc các loại tổng cộng nặng 961,62 tấn. Ngài có rõ không ạ?

-Tôi rất rõ.

-Khi đó, khi chạy trong những điều kiện như vậy, một phần mười con tàu nổi lên khỏi mặt nước. Nếu tôi có một bể chứa chứa được một lượng nước tương đương một phần mười trọng lượng con tàu, hay là 150 tấn nước, nếu tôi cho lượng nước này vào bể chứa, con tàu lúc đó sẽ nặng 1507 tấn và sẽ hoàn toàn chìm hẳn xuống mặt nước. Thưa giáo sư, sẽ là như vậy. Các bể chứa ở phía dưới tàu Nau-ti-lux, tôi chỉ cần mở vòi là nước chảy vào, con tàu sẽ chìm ngang với mặt nước biển.

-Tôi hiểu, thưa thuyền trưởng. Nhưng ở đây lại gặp một khó khăn thực sự . Tôi có thể hiểu cách ngài cho tàu nổi lên mặt biển, nhưng chẳng lẽ khi lặn xuống sâu nó lại không phải chịu áp lực rất cao, chẳng lẽ áp lực đó lại không đẩy tàu lên

bằng một lực khoảng một át-mốt-phe ở độ sâu mười mét, nghĩa là khoảng một ki-lô-gam trên một cen-ti-mét vuông?

-Hoàn toàn đúng như vậy.

-Nghĩa là, trừ phi ngài cho nước đầy vào các bể chứa, tôi sẽ không được thấy con tàu lặn sâu xuống biển?

-Thưa giáo sư, xin ngài đừng nhầm lẫn giữa động lực và tĩnh lực, nếu không ngài sẽ nhầm to đấy. Chẳng cần phải tốn nhiều công sức lắm mới cho tàu lặn sâu được đâu, bởi vì toàn bộ con tàu có khuynh hướng chìm trong nước. Khi tôi muốn tính toán khối lượng cần thiết phải tăng lên để làm chìm con tàu Nau-ti-lux, tôi chỉ việc tính lượng nước giảm đi dưới độ sâu đó.

-Thưa thuyền trưởng, điều đó khá rõ ràng. Tôi thừa nhận là ngài đã tính toán rất đúng, không thể tranh cãi với ngài được, hơn nữa tính chính xác của nó được chứng minh trong thực tế mỗi ngày... Nhưng tôi vẫn còn một băn khoăn nữa...

-Chuyện gì vậy, thưa ngài?

-Nếu lặn xuống độ sâu một ngàn mét thì vỏ tàu Nau-ti-lux phải chịu một áp suất là một trăm át-mốt-phe. Như vậy, nếu ngay bây giờ ngài xả hết nước ra khỏi các bể chứa để tàu nổi lên mặt biển thì công suất bơm phải thắng được áp lực một trăm át-mốt-phe, nghĩa là một trăm ki-lô-gam trên một cen-ti-mét vuông. Thế thì máy bơm của ngài phải mạnh lắm...

-Và chỉ có điện năng mới cho được sức mạnh đó- Thuyền trưởng Nê-mô vội nói - Thưa giáo sư, tôi xin nhắc lại rằng khả năng của tàu Nau-ti-lux gần như không hạn chế. Những máy bơm trên tàu có công suất cực mạnh, ngài hẳn đã chứng kiến điều đó khi cột nước xả của tàu giội thẳng xuống boong tàu A-bra-ham Lin-côn. Vả lại tôi chỉ dùng những bể chứa dự trữ khi cần cho tàu lặn xuống sâu từ một ngàn năm

trăm đến hai ngàn mét. Còn những khi muốn cho tàu lặn sâu hai, ba hải lý dưới mặt biển, tôi chỉ cần dùng một phương pháp chậm hơn nhưng không kém phần đảm bảo.

-Đó là phương pháp gì, thưa thuyền trưởng?

-Trước hết, tôi sẽ cho ngài biết con tàu hoạt động như thế nào.

-Tôi rất vui lòng được nghe, thưa thuyền trưởng.

-Muốn lái con tàu sang trái, sang phải hay chạy vòng, nói chung là lái tàu trên mặt phẳng nằm ngang, tôi sử dụng tay lái bình thường. Nhưng ngoài ra tôi còn có thể lái con tàu theo chiều thẳng đứng, từ trên xuống dưới, từ dướ n trên theo hai mặt phẳng nằm nghiêng gắn ở thành tàu sát mực nước. Hai mặt phẳng đó không cố định, vị trí của nó có thể được thay đổi nhờ những đòn bẩy rất mạnh từ bên trong tàu. Nếu chúng song song với thành tàu thì tàu sẽ chạy trên mặt phẳng nằm ngang, nếu nó nghiêng đi thì tàu sẽ lặn xuống theo độ nghiêng của chúng, tàu nổi lên cũng theo cách như vậy. Ngoài ra, tôi còn có thể cho tàu nổi lên bằng cách nhanh hơn là cho chân vịt ngừng hoạt động, dưới áp lực của nước, tàu Nau-ti-lux sẽ nổi lên mặt nước theo phương thẳng đứng như một quả kinh khí cầu căng đầy khí.

-Thật tuyệt vời, thưa thuyền trưởng. Nhưng người lái tàu làm sao có thể theo dõi được đường đi trong vùng nước tối đen như vậy?

-Buồng lái của tàu được đặt trong một hộp bằng kính, nhô lên khỏi thân tàu.

-Kính có thể chịu được áp suất mạnh như vậy ư?

-Chịu rất tốt. Kính rơi xuống rất dễ vỡ nhưng lại chịu được áp suất rất lớn. Năm 1864, trong một số cuộc thí

nghiệm đánh cá bằng điện, chúng tôi đã chứng kiến những đĩa pha lê dày chỉ bảy mi-li-met đã chịu được áp suất tới mười sáu át-mốt-phe. Còn những tấm kính con tàu Nau-ti-lux đang dùng thì dày hơn tới không dưới ba mươi lần.

-Rất đúng. Nhưng rốt cục muốn nhìn thấy đường đi thì phải có ánh sáng. Dưới biển sâu tối đen như mực thế này, ngài làm sao nhìn thấy được?

-Đằng sau buồng lái có một đèn pha rất sáng chạy bằng điện, ánh sáng của nó có thể chiếu sáng cả một vùng phía trước xa tới nửa hải lý.

-Thật tuyệt vời, thật tuyệt vời, thưa thuyền trưởng. Giờ thì tôi có thể hiểu được ánh sáng lấp loá làm sáng rực cả một vùng biển làm cho các nhà khoa học chúng tôi bối rối là do đâu rồi. Nhân tiện cũng xin hỏi luôn ngài, vụ tàu Nau-ti-lux va vào tàu Xcốt-ti-a gây ra bao dư luận ồn ào có phải chỉ là một tai nạn ngẫu nhiên?

-Hoàn toàn ngẫu nhiên, thưa giáo sư. Tàu của tôi đang chạy khoảng hai mét dưới mặt biển thì xảy ra tai nạn. Và hậu quả không nghiêm trọng lắm phải không?

-Không có gì nghiêm trọng cả, thưa thuyền trưởng. Thế còn vụ đụng độ với tàu A-bra-ham Lin-côn thì sao?

-Thưa giáo sư, tôi rất tiếc là một chiến hạm tốt nhất nước Mỹ đã bị nạn, nhưng ngài nên nhớ rằng chính con tàu đó đã tấn công tôi, tôi buộc phải tự vệ thôi. Tuy nhiên, tôi cũng chỉ làm cho nó mất khả năng tấn công thôi, nó chỉ cần sửa chữa qua loa tại một cảng gần nhất.

-Thưa thuyền trưởng, con tàu Nau-ti-lux quả là một con tàu tuyệt diệu”

-Vâng, đúng vậy thưa giáo sư. Tôi yêu nó như thể nó là một phần cơ thể của tôi. Nếu tàu thuyền của các ngài gặp

phải hiểm nguy trên mặt biển, ấn tượng đầu tiên là sự sợ hãi đáy biển sâu. Còn tại đây, trên tàu Nau-ti-lux mọi người có thể yên tâm. Chúng tôi không phải sợ hãi điều gì vì hai vỏ thép của tàu cứng như sắt nên không sợ bị bẹp, không sợ gió cuốn đi vì không có buồm, không có nồi hơi nên không sợ bị nổ, không sợ cháy vì toàn bộ tàu làm bằng thép không có một mảnh gỗ nào, không sợ bị hết than vì tất cả máy mọc đều chạy bằng điện, không sợ va chạm vào ai vì chỉ có một mình mình dưới biển sâu, không phải sợ bão táp vì nó nằm sâu dưới nước, biển hoàn toàn tĩnh lặng. Vậy đó, thưa ngài, con tàu của tôi cực kỳ hoàn hảo. Và người ta vẫn nói rằng người phát minh tin ở Con tàu hơn người chế tạo, người chế tạo lại tin ở con tàu hơn thuyền trưởng, thì ngài hiểu là tôi tin ở con tàu Nau-ti-lux của tôi như thế nào vì tôi vừa là người phát minh, vừa là người chế tạo và lại là thuyền trưởng của con tàu.

-Nhưng làm thế nào ngài chế tạo cả một con tàu như thế này mà không ai hay biết?

-Thưa giáo sư A-rô-nát, tôi đặt làm mỗi bộ phận của con tàu ở một nước khác nhau. Thân tàu được đặt làm tại Crơ-dô, trục quay làm ở Luân đôn, vỏ tàu được đặt làm tại Li-vơ-pun, chân vịt làm tại Gláx-gâu, bể chứa tại Pa ri, máy móc tại Phổ, mũi tàu làm tại Thuy Điển, các máy đo đặt làm tại Niu Yóoc... Tôi dùng nhiều tên khác nhau để đặt hàng.

-Nhưng những bộ phận đó phải được lắp ráp với nhau chứ ạ?

-Thưa giáo sư, tôi có một xưởng đóng tàu trên một hòn đảo hoang vắng giữa đại dương. Tại đó, anh em công nhân, những người do tôi đào tạo hướng dẫn, cùng với tôi đã lắp ráp con tàu. Khi công việc hoàn thành, chúng tôi đốt cháy

hết mọi vết tích trên đảo, thậm chí nếu muốn tôi có thể cho nổ tung cả đảo lên nữa.

-Vậy hẳn là ngài phải tốn rất nhiều tiền cho công việc đó nhỉ?

-Thưa ngài, vỏ sắt của tàu là bốn mươi nhăm pao một tấn, tàu Nau-ti-lux nặng một ngàn năm trăm tấn, do vậy riêng vỏ sắt là 67.500 pao, cộng thêm khoảng tám mươi ngàn pao trang thiết bị và khoảng hai trăm ngàn pao cho các bộ sưu tập và các tác phẩm nghệ thuật trên tàu.

-Xin cho tôi hỏi một câu cuối cùng, thưa thuyền trưởng.

-Ngài cứ hỏi.

-Ngài hẳn phải giàu có lắm phải không ạ?

-Tôi giàu có vô tận, thưa giáo sư. Tôi có thể trả món nợ cho nước Pháp một cách dễ dàng.

Tôi nhìn ông ta nghi ngờ. Liệu ông ta có đang đùa giỡn với lòng tin của tôi không, thời gian sẽ là câu trả lời.

CHƯƠNG XIII

DÒNG SÔNG ĐEN

Ước tính lượng nước bao phủ trên bề mặt trái đất là khoảng ba mươi tám triệu héc ta. Thể tích khối nước đó là hai tỷ hai trăm năm mươi triệu hải lý khối. Nếu hình dung khối nước đó là hình cầu thì đường kính của nó là sáu mươi dặm, nặng ba tỷ tấn, nói một cách hình tượng thì đó là lượng nước của tất cả các dòng sông chảy liên tục trong vòng bốn vạn năm.

Tương quan giữa đất và nước trên địa cầu đã nhiều lần thay đổi. Lúc đầu nước chiếm diện tích rất lớn, rồi dần dần những mỏm núi bắt đầu xuất hiện, các đảo nhập vào nhau, rồi lại biến mất sau cuộc đại hồng thuỷ, rồi xuất hiện trở lại, hình thành, tạo thành lục địa cho đến khi có địa hình như chúng ta thường thấy trên các bản đồ địa lý ngày nay. Đất liền đã lấn được nước ba mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi bảy hải lý vuông, tương đương với mười hai tỷ chín trăm sáu mươi triệu héc ta.

Hình dáng của các lục địa cho phép chúng ta chia biển thành năm khu vực chính: Bắc Băng Dương, Nam Băng Dương, Ấn Độ Dương, Địa Tây Dương và Thái Bình Dương.

Thái Bình Dương trải dài từ bắc xuống nam, chiếm cả khoảng không gian giữa hai cực, từ tây sang đông giữa Châu Á và Châu Mỹ, chiếm một trăm bốn mươi nhăm độ kinh. Đó là đại dương yên tĩnh nhất, luồng nước rộng nhất và

không chảy xiết, nước triều lên xuống vừa phải, mưa nhiều. Đó là đại dương mà số phận đã đưa tôi vào cuộc hành trình trong những điều kiện kỳ lạ nhất.

-Thưa ngài - Thuyền trưởng Nê-mô nói-Nếu ngài không phiền, chúng ta sẽ xác định vị trí chúng ta đang ở. Bây giờ là mười một giờ bốn mươi nhăm phút, chúng ta sẽ cho tàu nổi lên mặt nước.

Thuyền trưởng Nê-mô bấm đồng hồ điện liên tục ba lần. Các máy bơm bắt đầu xả nước ra khỏi bể chứa, kim áp kế mỗi lúc chỉ các mức áp suất ngày càng giảm, sau đó thì dừng hẳn.

-Chúng ta đã lên tới mặt biển, thưa giáo sư- Thuyền trưởng Nê-mô nói.

Tôi đi về phía chiếc thang trung tâm. Sau khi trèo lên thang, tôi chui qua một cái nắp rồi lên trên boong tàu.

Tàu chỉ nổi lên trên mặt nước khoảng tám mươi phân. Hình dáng phần tàu nổi lên mặt nước trông giống hệt một điếu xì gà. Tôi để ý thấy vỏ thép của tàu là những tấm thép xếp chồng lên nhau, trông như vảy của loài bò sát. Giờ thì tôi hiểu tại sao dù có các loại kính viễn vọng mạnh nhất vẫn tưởng nhầm nó là một loài cá biển.

Tại giữa boong tàu, một chiếc xuồng dài được giấu một nửa trong thân tàu, tạo nên một chỗ lồi nhỏ. Phía mũi và phía lái có hai buồng nhỏ, thấp, một phần được lắp kính dày: phía trước là buồng lái, phía sau có một đèn pha rất mạnh để soi đường.

Biển lặng, trời xanh trong. Con tàu chỉ hơi dập dềnh trên sóng nước. Một làn gió đông nhè nhẹ thổi làm mặt nước hơi gợn sóng lăn tăn. Đường chân trời trong và không gợn chút sương mù khiến việc quan sát trở nên dễ dàng hơn. Trước mặt không có một vật gì khác, không có lấy

một hòn đảo nhỏ, chỉ có trời nước mênh mông.

Thuyền trưởng Nê-mô lấy máy đo độ cao của mặt trời để xác định tàu đang ở vĩ độ nào. Ông ta đợi một lúc cho đĩa của nó chạm hẳn vào đường chân trời. Trong khi quan sát, ông ta tập trung cao độ, không một thớ thịt nào rung lên, như thể chiếc máy đang nằm trong tay một pho tượng vậy.

-Mười hai giờ đúng, thưa ngài- Ông ta nói-xin mời ngài.

Tôi đưa mắt nhìn lần cuối cùng, mặt nước màu hơi vàng gần bờ biển Nhật Bản, rồi theo thuyền trưởng Nê-mô xuống phòng khách.

-Bây giờ, mời giáo sư cứ tiếp tục công việc của mình. Tàu đang chạy theo hướng Đông - Đông Bắc. Đây là tấm bản đồ cỡ lớn, ngài có thể quan sát đường đo của tàu. Phòng khách giờ thuộc quyền sử dụng của ngài. Nếu ngài cho phép tôi xin được cáo lui.

Thuyền trưởng Nê-mô cúi chào rồi đi ra. Tôi ở lại với những suy nghĩ lẫn lộn về người thuyền trưởng của con tàu Nau-ti-lux này.

Tôi suy nghĩ miên man suốt cả tiếng đồng hồ, cố gắng vén bức màn bí mật bao quanh con người kỳ lạ đã khiến tôi rất tò mò ấy. Mắt tôi vô tình dừng lại trên tấm bản đồ thế giới trải trên bàn. Tôi đưa tay tìm giao điểm kinh độ và vĩ độ mà thuyền trưởng Nê-mô đã nói.

Các đại dương cũng như lục địa đều có các dòng sông của riêng mình. Đó là những hải lưu phân biệt nhờ màu sắc và nhiệt độ. Hải lưu đáng chú ý nhất là dòng Gớp. Khoa học đã thống nhất năm dòng hải lưu lớn nhất: hải lưu thứ nhất ở phía bắc Đại Tây Dương, hải lưu thứ hai ở phía nam Địa Tây Dương, hải lưu thứ ba ở phía bắc Thái Bình Dương, thứ tư ở phía nam Thái Bình Dương, hải lưu cuối cùng ở

phía nam Ấn Độ Dương. Rất có thể hải lưu thứ sáu đã tồn tại vào thời kỳ Lý Hải và biển A-ran còn nối liền làm một.

Điểm chỉ trên bản đồ là một dòng hải lưu có tên tiếng Nhật Bản là Kư-rô Si-vô, nghĩa là Dòng sông đen, khi chảy ra khỏi vịnh Bang-gan, nó được những tia nắng thẳng đứng từ mặt trời sưởi ấm, chảy qua eo biển Ma-lac-ca, dọc theo bờ biển Châu Á rồi vòng qua theo bờ biển phía bắc Thái Bình Dương, tới quần đảo A-lê-út. Nó cuốn theo những thân cây long não, những thực vật nhiệt đới màu xanh thẫm của hải lưu ấm áp thật khác hẳn so với đại dương xanh ngắt. Đó là dòng hải lưu mà con tàu Nau-ti-lux đang theo. Tôi say sưa nghiên cứu đường đi của hải lưu trên bản đồ và thấy nó bị mất hút giữa Thái Bình Dương mênh mông, óc tưởng tượng đã làm tôi say sưa đến nỗi Nét-len và Công-xây vào phòng khách lúc nào tôi cũng không hay.

Hai người bạn đồng hành can đảm của tôi sững sờ trước những cảnh huyền diệu đang trải ra trước mắt họ.

-Chúng ta đang ở đâu thế này? Đang ở đâu?-Nét-len kêu lên - Có phải ở Viện bảo tàng Quy-béc không?

-Các bạn thân mến của tôi ơi - Tôi khoát tay ra hiệu cho họ vào - Các bạn không phải ở Ca-na-đa đâu, mà đang ở trên tàu Nau-ti-lux, cách mặt nước biển năm mươi mét.

-Nhưng thưa giáo sư A-rô-nát - Nét- Len nói-ngài có thể cho tôi biết có bao nhiêu thuỷ thủ trên tàu không? Mười, hai mươi, năm mươi hay một trăm?

-Tôi không thể trả lời câu hỏi của anh được, anh Nét-len ạ. Tốt nhất là anh hãy bỏ ngay cái ý định đoạt tàu Nau-ti-lux hay bỏ trốn khỏi nó đi. Con tàu này là một kỳ công của kỹ thuật hiện đại và tôi sẽ ân hận nếu không tìm hiểu nó kỹ càng. Nhiều người mong được ở vào vị trí của chúng ta để được nhìn ngắm những kỳ quan này. Vì vậy anh hãy

bình tĩnh để chúng ta cùng quan sát những gì đang diễn ra xung quanh.

-Quan sát ư? anh chàng thợ săn cá voi kêu lên-Chúng ta chẳng thể quan sát được gì trong chiếc lồng bằng sắt này cả. Chúng ta chỉ đang đi đi lại lại như những thằng mù mà thôi.

Nét-len chưa kịp nói hết câu thì phòng khách bỗng nhiên tối sầm. Trần nhà sáng rực rỡ bỗng nhiên biến mất, mắt chúng tôi do vậy trở nên nhức nhối.

Chúng tôi đứng sững lại, không động đậy, chẳng biết điều gì đang đợi chúng tôi phía trước, chẳng biết là điều hay hay dở nữa. Rồi chúng tôi nghe thấy một tiếng động như thể tiếng vỏ tàu bằng thép đang tách ra.

-Thế là hết! Nét-len kêu lên.

Bỗng nhiên phòng khách lại rực sáng. Ánh sáng tràn vào từ hai ô cửa kính to lớn trên tường. Hai ô cửa bằng pha lê hiện ra trước mắt chúng tôi, ngăn cách chúng tôi với đại dương mênh mông. Thoạt đầu tôi rùng mình với ý nghĩ biết đâu những tấm kính mỏng manh kia có thể vỡ tan, nhưng khung kính vững vàng bằng đồng khiến ô cửa có độ bền không gì phá vỡ nổi.

Cả một dặm xung quanh con tàu được chiếu sáng rực rỡ. Quang cảnh trước mắt chúng tôi đẹp tuyệt vời không bút nào tả xiết. Chẳng bàn tay hoạ sỹ nào có thể vẽ được tất cả cái dịu dàng của màu sắc, của ánh sáng lung linh trong nước biển trong vắt từ đáy lên.

Ai cũng biết nước biển rất trong. Người ta đã xác định rằng nước biển sạch hơn nước suối nhiều lần, nhưng khoáng chất và chất hữu cơ trong nước biển chỉ làm cho nó trong hơn. Tại một số nơi ngoài đại dương, gần quần đảo Ang-tin, qua lớp nước trong vắt người ta có thể nhìn thấy một

dải cát dưới độ sâu một trăm bốn mươi nhăm mét, còn tia nắng mặt trời có thể xuyên sâu tới ba trăm mét. Nhưng tại đây, xung quanh tàu Nau-ti-lux, ánh sáng điện của nó còn len lỏi vào tận bên trong từng ngọn sóng, đó không chỉ đơn thuần là ánh sáng lung linh nữa mà là ánh sáng pha lê.

Những ô cửa hai bên phòng khách nhìn mở ra hai bên đáy biển mênh mông. Bóng tối trong phòng càng tăng thêm ánh sáng rực rỡ bên ngoài. Nhìn qua ô cửa, chúng tôi có cảm giác như đứng trước một bể cá nuôi khổng lồ. Tàu Nau-ti-lux như đang đứng yên một chỗ vì xung quanh chẳng thấy một điểm động đậy nào. Tuy nhiên nước biển do mũi tàu rẽ sang hai bên đôi khi lao vun vút trước mắt chúng tôi.

Say mê nhìn cảnh đẹp của biển sâu, chúng tôi tựa vào khung cửa, dán mắt nhìn qua ô kính, mãi chẳng nói nên lời. Cuối cùng, Công-xây bảo Nét-len:

-Anh Nét thân mến, thế là anh đã được thấy rồi đấy nhé.

-Kỳ diệu thật, kỳ diệu thật - Nét-len phấn khởi nói, dường như anh ta đã quên mất cơn giận của mình lúc trước- Người ta còn có thể đi xa hơn thế để được chứng kiến cảnh thần tiên này ấy chứ.

Tôi nghĩ rằng giờ thì tôi đã hiểu cuộc sống của con người này, ông ta đã tạo một thế giới riêng cho riêng mình, ở đó ông ta sở hữu những điều kỳ diệu của thiên nhiên.

Trong suốt hai giờ sau đó, một đội quân cá hộ tống theo tàu Nau-ti-lux. Chúng tôi say sưa quan sát chúng đùa giỡn, tung mình nhào lộn, rồi chúng đua nhau thể hiện vẻ đẹp và tốc độ. Trí tưởng tượng của chúng tôi được tận dụng triệt để. Chúng tôi tranh nhau bàn tán trầm trồ về vẻ đẹp này. Nét-len thì đọc vanh vách tên từng loại cá, Công-xây thì phân loại chúng, còn tôi thì say sưa nhìn chúng tung

tăng. Tôi chưa từng được thấy những con vật đẹp đẽ như thế này trong môi trường tự nhiên của chúng. Tôi không thể nào kể hết được tất cả những loài cá quý hiếm đang tung tăng trước mắt tôi, tất cả bộ sưu tập của biển Trung Quốc và Nhật Bản. Những con cá này, bị ánh sáng điện của đèn pha lôi cuốn, còn phong phú hơn tất cả các loại chim trên trời cộng lại.

Phòng khách bỗng nhiên lại bật sáng, những cánh cửa sắt khép lại. Cảnh thần tiên biến mất. Có lẽ tôi sẽ bị mê đi lâu hơn nữa nếu mắt tôi không vô tình trông thấy những dụng cụ treo trên tường. Kim địa bàn vẫn chỉ hướng đông bắc, áp kế chỉ năm át-mốt-phe, cho biết độ sâu là năm mươi mét, đồng hồ điện chỉ tốc độ mười lăm hải lý một giờ. Tôi có ý chờ thuyền trưởng Nê-mô nhưng ông ta không tới. Đồng hồ chỉ năm giờ chiều.

Nét-len và Công-xây trở về phòng của mình, tôi cũng về phòng của tôi. Bữa tối đã dọn sẵn trên bàn.

Cả buổi tối hôm đó tôi đọc, viết và suy nghĩ. Lúc buồn ngủ, tôi nằm xuống giường thiếp đi trong lúc con tàu Nau-ti-lux vẫn băng mình trong Dòng sông đen chảy xiết.

CHƯƠNG XIV

MỘT SỰ ĐỔI MỚI

Ngày hôm sau, ngày 9-11, tôi tỉnh giấc sau một giấc ngủ sâu hơn mười hai tiếng đồng hồ. Công-xây theo lệ thường tới hỏi xem tôi ngủ có ngon giấc không và xem tôi có sai bảo gì không. Anh chàng Nét-len thì vẫn say sưa ngủ như thể anh ta chẳng có việc gì khác trên đời để làm vậy. Tôi cứ để cho anh chàng Công-xây tận tuy hỏi hết câu này đến câu khác, chỉ ậm ừ trả lời qua quýt cho xong chuyện. Tôi lại thấy thắc mắc vì sự vắng mặt của thuyền trưởng Nê-mô buổi tối hôm qua và hy vọng được gặp ông ta vào ngày hôm nay.

Mặc quần áo xong tôi đi ngay xuống phòng khách. Phòng khách trống trơn. Tôi bèn lao vào nghiên cứu những mẫu nhuyễn thể quý trong tủ kính. Tôi đặc biệt nghiên cứu kỹ lưỡng những mẫu cây cỏ quý dưới biển, mặc dù đã khô nhưng vẫn giữ được màu sắc tươi thắm.

Ngày đã hết mà vẫn không thấy bóng dáng thuyền trưởng Nê-mô đâu. Cánh cửa bên trong phòng khách vẫn đóng kín. Có lẽ họ không muốn cho chúng tôi ngắm nhìn thoả thuê những cảnh kỳ diệu như hôm trước.

Tàu Nau-ti-lux vẫn chạy theo hướng Đông - Đông Bắc, năm mươi, sáu mươi mét dưới mặt biển với tốc độ mười hai hải lý một giờ.

Hôm sau, ngày 10-11cũng trôi qua như vậy. Không một thuỷ thủ nào xuất hiện, Nét-len và Công-xây ở bên tôi gần

như cả ngày. Họ rất ngạc nhiên về sự vắng mặt của thuyền trưởng Nê-mô. Con người kỳ lạ này đang bị ốm, hay ông ta đã thay đổi ý định đối với chúng tôi?

Cuối cùng, như Công-xây đã nói, chúng tôi có tự do hoàn toàn, chúng tôi được ăn uống ngon lành và đầy đủ. Chủ nhà của chúng tôi thực hiện nghiêm chỉnh tất cả các điều khoản đã thoả thuận. Chúng tôi không có điều gì để phàn nàn hết. Hơn nữa, hoàn cảnh do số phận đem lại của chúng tôi bây giờ cũng đã đem lại bao nhiêu hứng thú rồi khiến chúng tôi không có quyền kêu ca gì về số phận cả.

Từ ngày đó, tôi bắt đầu nghi chép đều đặn những sự việc xảy ra, điều đó khiến tôi có thể tường thuật chi tiết và chính xác những gì đang diễn ra. Tôi viết nhật ký trên giấy làm bằng cỏ biển.

Ngày 11-11, tôi thức dậy từ sớm. Trong tàu tràn ngập không khí mát lành cho tôi biết tàu đang nổi lên mặt nước để lấy không khí. Tôi đi về phía cầu thang rồi trèo lên boong.

Lúc đó là sáu giờ sáng. Trời nhiều mây, mặt biển u ám nhưng phẳng lặng. Tàu chỉ hơi dập dềnh theo sóng. Liệu hôm nay tôi có được gặp thuyền trưởng Nê-mô không? Tôi hy vọng gặp ông ta ở đây, nhưng ngoài người lái tàu trong buồng lái, trên boong chẳng có ai hết. Ngồi trên chỗ để xuồng nhô lên trên thân tàu, tôi tranh thủ hít thở không khí biển trong lành đượm mùi muối.

Những tia nắng mặt trời dần xua tan sương mù. Ở phía chân trời đằng đông nhô lên một vòng tròn đỏ chói. Biển bỗng chốc sáng bùng lên như thuốc súng. Những áng mây cao và tản mạn nhuốm màu sắc êm dịu lạ thường, còn những áng mây đuôi ngựa báo trước một ngày lộng gió. Nhưng đối với tàu Nau-ti-lux thì bão cũng chẳng ăn thua

chứ đừng nói gì đến gió.

Tôi vẫn đang hân hoan ngắm nhìn cảnh mặt trời mọc thì bỗng nghe thấy tiếng bước chân đang lên cầu thang. Tôi chuẩn bị chào thuyền trưởng Nê-mô, nhưng đó lại là ông thuyền phó, người mà chúng tôi đã gặp hôm đầu tiên đến đây. Ông ta lên boong mà không chú ý gì đến sự có mặt của tôi. Ông ta đưa ống nhòm lên nhìn và hết sức chăm chú quan sát chân trời. Rồi ông ta đi về phía nắp tàu và nói một câu. Tôi nhớ rất chính xác vì sau đó nó được nhắc đi nhắc lại hàng ngày trong những trường hợp tương tự. Câu đó là:

-Nautron respoc lorni virch.

Câu đó có nghĩa là gì thì tôi chịu.

Nói xong, thuyền phó đi xuống. Tôi sợ tàu Nau-ti-lux sắp lặn xuống nên cũng vội vàng đi xuống và trở về phòng.

Năm ngày nữa trôi qua, tình hình vẫn không có gì thay đổi. Sáng nào tôi cũng lên boong, sáng nào ông thuyền phó cũng nói một câu như vậy, nhưng thuyền trưởng Nê-mô thì vẫn không xuất hiện.

Tôi nghĩ trong đầu rằng chắc chẳng bao giờ gặp lại ông ta nữa nên đành an phận. Cho đến ngày mười sáu tháng mười một, khi về phòng mình cùng với Nét-len và Công-xây, tôi thấy trên bàn có một tờ giấy gửi cho tôi. Tôi vội vàng mở ra đọc. Thư viết bằng tiếng Pháp, chữ viết mạnh mẽ, đầu chữ hơi nhọn giống kiểu tiếng Đức. Lá thư viết như sau:

Kính gửi: giáo sư A-rô-nát trên tàu Nau-ti-lux.

Ngày 16 tháng 11 năm 1867

Thuyền trưởng Nê-mô kính mời giáo sư tham gia cuộc đi săn tổ chức vào sáng mai trong khu rừng của thuyền trưởng ở đảo Crét-xpô. Thuyền trưởng Nê-mô hy vọng sẽ

không có gì ngăn trở giáo sư nhận lời mời này. Ngoài ra, thuyền trưởng rất vui mừng nếu các bạn của giáo sư cũng sẽ cùng đi.

Thuyền trưởng Nê-mô, chỉ huy tàu Nau-ti-lux.

-Một cuộc đi săn! - Nét-len kêu lên.

-Và trong khu rừng của ông ta trên đảo Crét-xpô nữa chứ - Công-xây thêm vào.

-À, vậy là con người bí ẩn này đôi khi cũng lên bờ ư? Nét-len băn khoăn.

-Dường như ông ta nói rất rõ ràng như vậy - tôi vừa nói vừa đọc lại lá thư một lần nữa.

-Còn đợi gì nữa, chúng ta phải nhận lời mời thôi- Nét-len nói-Nhưng một khi đã lên đến mặt đất, chúng ta sẽ biết phải làm gì. Thực ra được ăn một miếng thịt tươi thì cũng tốt.

Vì không muốn tìm hiểu về sự mâu thuẫn giữa lòng căm ghét đất liền với lời mời đi săn trong một khu rừng của thuyền trưởng Nê-mô, tôi chỉ trả lời:

-Chúng ta hãy xác định vị trí của đảo Crét-xpô đã.

Tôi tra trên bản đồ, nó ở 34,40 độ vĩ Bắc và 167,50 độ kinh Đông, được thuyền trưởng Crets-xpô phát hiện ra vào năm 1801. Trên các bản đồ Tây Ban Nha cổ nó được đặt tên là Rocca de la Plata, có nghĩa là "Mỏm đá bạc". Vậy là chúng tôi hiện đang cách điểm xuất phát một ngàn tám trăm hải lý và tàu Nau-ti-lux, hơi thay đổi một chút, đã hơi quay mũi về hướng Đông Nam.

Tôi chỉ hòn đảo nhỏ bé nằm lọt thỏm giữa Thái Bình Dương cho Nét-len và Công-xây xem rồi nói:

-Nếu thuyền trưởng Nê-mô có thỉnh thoảng đặt chân lên đất liền thì ông ta cũng phải chọn những hòn đảo hoang

vắng nhất.

Nét-len chỉ nhún vai mà không trả lời, sau đó anh ta cùng Công-xây đi ra ngoài.

Bữa tối do một người giúp việc vô cảm, câm lặng mang đến. Tôi đi ngủ mà lòng không khỏi băn khoăn.

Buổi sáng hôm sau, ngày 17-11, lúc ngủ dậy tôi nhận thấy con tàu Nau-ti-lux hoàn toàn đứng yên, tôi nhanh chóng mặc quần áo và đi ngay xuống phòng khách.

Thuyền trưởng Nê-mô đang đợi tôi ở đó. Ông ta đứng dậy, cúi chào và hỏi liệu tôi có vui lòng đi cùng ông ta không. Thuyền trưởng Nê-mô không nhắc nhở gì đến chuyện ông ta đã vắng mặt tám ngày liền nên tôi cũng không đề cập gì đến chuyện đó mà chỉ nói rằng tôi và các bạn của tôi đã sẵn sàng đi cùng ông ta.

Chúng tôi bước vào phòng ăn, bữa sáng đã được dọn sẵn.

-Thưa giáo sư A-rô-nát, xin mời ngài cứ tự nhiên dùng bữa, chúng ta sẽ cùng nói chuyện trong khi ăn. Mặc dù tôi mời ngài đi dạo trong rừng nhưng tôi không nói là sẽ có khách sạn ở đó. Vì vậy ngài nên ăn sáng thật nhiều vì phải đến rất muộn ngài mới được ăn tối.

Tôi vâng lời ông ta. Bữa sáng bao gồm các món ăn làm từ một số loại cá, một vài lát dưa biển tuyệt ngon và một số loại tảo biển. Đồ uống gồm có nước tinh khiết mà thuyền trưởng Nê-mô đã cho vào mấy giọt rượu mùi chiết xuất từ tảo biển theo phương pháp Kam-xchat-cha. Thuyền trưởng Nê-mô yên lặng dùng bữa, sau đó ông ta nói:

-Thưa ngài, khi nhận lời mời của tôi đi săn ở đảo Crét-xpô, rõ ràng ngài đã nghĩ tôi là một kẻ điên rồ. Thưa ngài, ngài không nên xét đoán con người một cách hồ đồ như vậy.

-Nhưng, thưa thuyền trưởng, hãy tin tôi...

-Xin ngài hãy cứ nghe tôi nói đã, rồi ngài sẽ cân nhắc có nên buộc tội tôi là kẻ trước sau không như một hay là kẻ điên rồ được không.

-Vâng, tôi xin nghe đây.

-Ngài cũng như tôi đều hiểu rất rõ rằng con người có thể sống dưới nước miễn là anh ta mang đủ một lượng không khí để thở. Khi làm việc dưới nước, những người thợ lặn mặc một bộ quần áo không thấm nước, đầu đội mũ sắt và lấy không khí từ bên trên bơm xuống qua một loại ống đặc biệt.

-Người ta gọi đó là bộ đồ lặn - Tôi nói.

-Đúng vậy, nhưng trong điều kiện đó con người không thể tự do cử động, anh ta bị buộc chặt vào cái bơm dẫn khí qua một chiếc ống cao su. Và nếu chúng ta cũng bị cột chặt vào tàu Nau-ti-lux như vậy thì chúng ta sẽ chẳng đi được xa.

-Vậy thì chúng ta làm thế nào để thoát khỏi những ràng buộc đó? - Tôi hỏi.

-Chúng ta sử dụng máy Ru-cây-rôn do một người đồng hương của ngài sáng chế ra, tôi cải tiến lại cho hợp với mục đích riêng của mình. Nó có thể cho phép ngài lặn xuống một môi trường có điều kiện sinh học khác hẳn mà không ảnh hưởng gì đến sức khoẻ. Chiếc máy gồm một bình chứa bằng sắt dày, chứa không khí nén dưới áp suất năm mươi át-mốt-phe. Bình chứa có dây đeo trên lưng, giống như ba lô của người lính. Máy Ru-cây-rôn thông thường có hai vòi ca su nối bình chứa với một mặt nạ đặc biệt: một vòi dẫn không khí vào, một vòi dẫn khí thải ra. Người thợ lặn khi cần sẽ lấy lưỡi ấn nắp đậy từng vòi. Nhưng tôi tính có thể chịu được sức ép rất lớn của những lớp nước phía trên nên tôi đã thay mặt nạ bằng một chiếc mũ bằng đồng có hai

ống, ống hít vào và ống thở ra.

-Thật tuyệt vời, thưa thuyền trưởng Nê-mô. Nhưng số không khí mang theo sẽ chẳng mấy chốc mà cạn dần. Khi không khí chỉ còn mười lăm phần trăm, nó chẳng còn có thể dùng để thở được nữa.

-Đúng vậy. Nhưng như tôi đã nói với ngài, thưa giáo sư A-rô-nát, rằng máy bơm của tàu Nau-ti-lux cho phép tôi có thể dự trữ không khí dưới áp suất rất lớn, trong điều kiện đó, bình chứa của bộ đồ lặn có thể cung cấp dưỡng khí cho người ta đủ để sử dụng trong chín đến mười tiếng.

-Tôi không còn thắc mắc gì về điểm này nữa - Tôi nói - tôi chỉ muốn hỏi ngài một câu hỏi cuối cùng, thưa thuyền trưởng. Làm sao ngài có thể soi sáng được đường đi ở dưới đáy biển?

-Thưa giáo sư A-rô-nát, với bộ đồ lặn Rum-coóc-phơ, một bình dưỡng khí được đeo sau lưng, một bình khác thì đeo trên thắt lưng. Nó bao gồm một pin điện nạp bằng Na-tri. Một dây cảm ứng thu dòng điện và được đưa vào một cái đèn được cấu tạo đặc biệt, đèn này gồm một ống thuỷ tinh xoắn rỗng, chứa đầy khí các-bô-níc. Khi máy phát ra dòng điện thì khí cháy sáng lên. Như vậy tôi có thể vừa thở vừa nhìn thấy dưới nước.

-Thưa thuyền trưởng Nê-mô, ngài đã giải đáp mọi thắc mắc của tôi tường tận đến mức tôi không còn băn khoăn điều gì nữa. Nhưng tôi chỉ chịu ngài trong lĩnh vực bộ đồ lặn Ru-cây-rôn và Rum-coóc-phơ thôi, chứ còn về khẩu súng săn mà tôi sẽ mang theo thì thú thực là tôi chưa được thông tỏ lắm.

-Đó có phải là súng bắn bằng thuốc nổ đâu- Thuyền trưởng Nê-mô đáp.

-Vậy là súng bắn bằng khí nén ư?

-Tất nhiên, làm sao tôi có thể sản xuất được thuốc súng khi trên tàu chẳng có một chút diêm tiêu, lưu huỳnh hay than đá?

-Thêm nữa - tôi nói thêm - Nếu bắn bằng đạn thông thường thì sẽ phải chịu một lực cản rất lớn, gấp tám trăm năm mươi nhăm lần so với lực cản của không khí.

-Điều đó cũng không phải là khó khăn lắm. Thực tế có tồn tại loại súng có thể bắn được trong điều kiện như vậy, nhưng tôi xin nhắc lại, vì không có thuốc súng nên tôi dùng khí nén mà tàu Nau-ti-lux có thể cung cấp đầy đủ.

-Nhưng khí nén thì rất chóng hết?

-Đúng vậy, nhưng chẳng phải là tôi vẫn có máy Ru-cây-rôn đó sao, tôi có thể dùng nó khi cần mà. Chỉ cần vặn cái vòi là xong. Hơn nữa, thưa giáo sư A-rô-nát, rồi ngài sẽ được tự mình chứng kiến trong chuyến đi săn sắp tới của chúng ta, rằng chúng ta sẽ không phải dùng nhiều dưỡng khí và đạn lắm đâu.

-Dù sao thì tôi vẫn cảm thấy rằng trong bóng tối lờ mờ như vậy, trong lòng nước biển mênh mông có tỷ trọng rất lớn so với không khí thì không thể bắn đi xa được, mà cũng không thể làm chết cá được.

-Ngược lại, thưa ngài, mỗi phát súng đều hạ được cá, cho dù viên đạn chỉ chạm nhẹ vào con cá nó cũng sẽ lăn quay ra như bị sét đánh.

-Tại sao lại như vậy?

-Vì đạn bắn ra từ loại súng này không phải là đạn bình thường, mà là loại đạn do nhà bác học người Áo sáng chế ra. Tôi dự trữ rất nhiều loại đạn này. Nó có vỏ bằng thép, bên trong chứa chì, chúng chứa điện tích cao thế. Chỉ cần chạm nhẹ vào là dù con cá có to khoẻ đến đâu cũng sẽ gục

ngã. Tôi cũng phải nói thêm rằng viên đạn loại này không lớn hơn đạn chì cỡ bốn là mấy, và một khẩu súng bình thường có thể chứa được mười viên.

-Tôi không còn gì hỏi thêm nữa - Tôi đáp, vừa đứng lên ra khỏi bàn - Tôi chỉ còn việc nhận súng nữa thôi. Trong mọi hoàn cảnh, tôi xin đi theo ngài.

Sau đó, thuyền trưởng Nê-mô dẫn tôi xuống phía buồng lái, khi đi ngang qua phòng của Nét-len và Công-xây, tôi gọi họ cùng đi, họ lập tức nhập bọn với chúng tôi. Chúng tôi vào một căn phòng cạnh buồng máy để mặc đồ lặn, chuẩn bị cho cuộc dạo chơi dưới biển.

CHƯƠNG XV

DẠO CHƠI DƯỚI ĐÁY BIỂN

Nói đúng ra căn phòng này vừa là kho vũ khí, vừa là kho quần áo của tàu Nau-ti-lux. Trên tường treo hàng tá bộ đồ lặn sẵn sàng để sử dụng.

Khi nhìn thấy những bộ đồ lặn, Nét-len tỏ ý không muốn mặc.

-Nhưng anh bạn Nét ơi, rừng ở đảo Crét-xpô là rừng ngầm dưới biển cơ mà.

-Biết vậy! - Nét-len tiu nghỉu trả lời, niềm háo hức sắp được ăn thịt thú rừng tiêu tan - Còn ngài, giáo sư A-rô-nát, ngài cũng định mặc mấy cái đồ này vào người sao?

-Chẳng còn cách nào khác đâu, anh bạn ạ.

-Nếu thích thì ngài cứ mặc - Anh chàng thợ săn cá voi nhún vai đáp-còn về phần tôi, nếu như không bị ép buộc thì tôi sẽ không bao giờ chui vào đó đâu.

-Chẳng có ai ép buộc ông đâu, thưa ông Nét- Thuyền trưởng Nê-mô nói.

-Công-xây có định mạo hiểm đi săn không? - Nét-len hỏi.

-Giáo sư đi đâu, tôi đi theo đấy - Công-xây trả lời.

Thuyền trưởng Nê-mô gọi hai thuỷ thủ đến giúp chúng tôi mặc bộ đồ lặn nặng nề bằng cao su không thấm nước nhằm chống lại áp lực của nước vào. Trông chúng giống

như những chiếc áo giáp thời xưa, vừa co giãn, vừa chắc chắn. Một bộ gồm quần và áo. Quần gắn liền với một đôi ủng có đế bằng chì. Hai vạt áo được cài lại với nhau bằng một hàng khuy đồng chạy ngang qua ngực, nhằm bảo vệ khỏi sức ép của nước, phần phổi được để hở, tay áo có một đôi găng tay bó sát để tay dễ cử động. So với những bộ áo giáp của thế kỷ mười tám thì bộ đồ lặn này có nhiều sự khác biệt.

Thuyền trưởng Nê-mô và một thuỷ thủ cao lớn lực lưỡng, Công-xây và tôi nhanh chóng mặc quần áo. Chỉ còn việc đội chiếc mũ kim loại lên đầu. Nhưng trước khi đội, tôi xin phép thuyền trưởng Nê-mô cho xem mấy khẩu súng săn.

Một thuỷ thủ đưa cho tôi một khẩu súng đơn giản, báng bằng thép rỗng và hơi to hơn báng súng bắn đạn nổ. Báng súng là nơi chứa khí nén thông với nòng ngay khi cò súng mở nắp bình chứa. Trong ổ có chừng hai mươi viên đạn có điện được một lò xo đặc biệt đưa lên nòng súng. Sau mỗi phát bắn, súng lại tự động nạp đạn.

-Thưa thuyền trưởng Nê-mô - Tôi nói - Khẩu súng này thật hoàn hảo, lại dễ sử dụng, tôi rất nóng lòng muốn bắn thử. Nhưng chúng ta sẽ xuống đáy biển bằng cách nào?

-Ngay lúc này đây, thưa giáo sư, tàu Nau-ti-lux đang ở độ sâu khoảng mười mét, chúng ta có thể khởi hành được rồi.

-Nhưng chúng ta sẽ ra ngoài bằng cách nào?

-Ngài sẽ thấy ngay đây.

Thuyền trưởng Nê-mô đội mũ sắt lên đầu. Công-xây và tôi cũng làm theo, không bỏ qua lời chúc may mắn với giọng mỉa mai của Nét-len. Cổ áo chúng tôi được lắp một cái vòng bằng đồng có lỗ để vít chặt với chiếc mũ sắt hình cầu. Trên mũ có ba lỗ được bọc kính cho phép chúng tôi có thể

nhìn ra mọi phía chỉ bằng cách đơn giản là quay đầu bên trong. Sau khi mặc xong quần áo, máy Ru-cây-rôn bắt đầu hoạt động, phần mình, tôi cảm thấy thật dễ thở.

Tôi buộc chiếc đèn Rum-coóc-phơ vào thắt lưng, cầm lấy khẩu súng, thế là đã sẵn sàng xuất phát. Nhưng thú thật rằng phải bó mình trong bộ quần áo nặng nề chật cứng, hai bàn chân như dính chặt xuống sàn, tôi cảm giác như mình không thể cất bước được.

Nhưng mọi sự đều được dự tính trước. Tôi được đẩy vào một căn phòng nhỏ liền với phòng chứa quần áo. Những người cùng đi cũng vào theo. Tôi nghe thấy tiếng cửa đóng sập lại ngay trước mặt, bóng tối sâu thẳm đổ ập xuống quanh chúng tôi.

Vài phút sau, tôi nghe thấy một tiếng rít chói tai, rồi bỗng thấy hơi lạnh đang dâng lên từ dưới chân lên đến ngực. Rõ ràng là ở đâu đó trên tàu người ta đã mở vòi nước chảy vào căn phòng chúng tôi đang đứng. Một cánh cửa thứ hai bên sườn tàu mở ra. Chúng tôi nhìn thấy ánh sáng lờ mờ bên ngoài, rồi một phút sau, chân chúng tôi đã chạm đáy biển.

Bây giờ, làm sao tôi có thể miêu tả hết được cảm xúc, những ấn tượng về cuộc dạo chơi dưới đáy biển này. Không từ ngữ nào có đủ khả năng dựng lại những kỳ quan ở dưới đáy đại dương. Thuyền trưởng Nê-mô đi đầu, sau đó đến người thuỷ thủ. Tôi và Công-xây đi sát cạnh nhau như thể chúng tôi có thể trò chuyện với nhau qua chiếc mũ kim loại vậy. Giờ tôi không còn cảm thấy sức nặng của bộ đồ lặn, của đôi ủng có đế bằng, của bình nén khí hay của chiếc mũ dày cộm nữa. Trong chiếc mũ to tướng như vậy, đầu tôi như một hạt lạc lắc lư trong cái vỏ của nó vậy.

Tôi thực sự ngạc nhiên vì ánh sáng chói loá phát ra từ

những chiếc đèn. Ánh sáng mặt trời chiếu xuyên qua mặt nước mênh mông, xua tan bóng tối tĩnh mịch. Tôi có thể nhìn rõ mọi vật trong vòng trăm mét. Tôi như đang đi trong bầu không khí thật sự mặc dù đặc hơn nhưng cũng trong suốt như vậy. Phía trên chúng tôi là mặt biển hiền hoà. Chúng tôi đi trên mặt cát mịn màng phẳng lỳ không hề gợn một chút gì vết tích của sóng biển. Tấm thảm cát này quả là một tấm gương phản chiếu ánh sáng mặt trời với một cảm xúc tuyệt vời, ánh nắng như chuyển động lung linh huyền ảo theo từng đợt sóng. Chẳng biết có ai tin được không khi tôi nói rằng ở độ sâu mười mét dưới đáy biển cũng sáng trưng như trên mặt đất vào giữa ban ngày.

Chúng tôi đã dạo bước trên mặt cát được mười lăm phút, bước chân làm cuốn tung những đám bụi nhỏ li ti. Con tàu Nau-ti-lux dần dần khuất xa, giờ chỉ còn lờ mờ như một dải cát ngầm, nhưng ánh đèn pha của nó vẫn sáng chói lọi, sẽ soi bước cho chúng tôi trở về tàu khi bóng tối vây bủa khắp nơi.

Một lúc sau, hình thù mọi vật ở phía xa dần dần hiện lên. Tôi nhìn thấy những dải núi đá hùng vĩ, trên mình có một lớp thảm dày do hàng ngàn loài thực vật biển đẹp nhất tạo thành. Lúc đầu tôi bị loá mắt do hiện tượng ánh sáng đặc biệt chỉ có ở môi trường nước.

Lúc đó là mười giờ sáng, ánh sáng mặt trời chiếu chênh chếch trên mặt nước, khi tiếp xúc với mặt nước, nó tạo thành một góc khúc xạ giống như qua một lăng kính, tô điểm trên viền ngoài các mỏm đá, những đoá hoa, những cành cây, những vỏ trai, vỏ ốc cả bảy màu của cầu vồng. Các màu đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím, tất cả bảng màu của một hoạ sĩ tài hoa hoà hợp với nhau chỉ trong một từ: tuyệt diệu. Tại sao tôi lại không thể trao đổi những cảm xúc sống động đang diễn ra trong đầu mình với Công-

xây, để thách đấu với anh ta xem ai diễn đạt được cảm xúc thán phục của mình một cách thành công hơn? Giá như tôi biết cách trao đổi bằng tín hiệu như thuyền trưởng Nê-mô và anh chàng thuỷ thủ đi cùng thì tốt biết bao. Không biết làm thế nào hơn, tôi đành nói chuyện với chính mình. Tôi cứ lẩm bẩm trong chiếc mũ đồng, điều đó làm lãng phí khá nhiều không khí dự trữ hơn thực tế.

Tôi say sưa ngắm nhìn những vật lạ trên đường đi dài khoảng một phần tư dặm, mỗi lần tôi dừng lại ngắm nghía, thuyền trưởng Nê-mô lại phải ra hiệu mời tôi đi tiếp. Một lúc sau, đáy biển thay đổi, mặt cát phẳng lỳ đã nhường chỗ cho một lớp bùn dính nhơm nhớp mà người Mỹ gọi là -bùn cửa biển", tạo thành từ một lượng si-lic và vỏ sò đá vôi. Tiếp đó, chúng tôi đi qua một bãi tảo biển và thực vật biển dày đặc. Bãi cỏ thật mềm mại trải dưới chân, có thể sánh được với những tấm thảm mềm mại nhất do bàn tay con người dệt nên. Tảo không những trải dưới chân, mà còn giăng ngang trên đầu. Hơn hai ngàn loại tảo biển mà con người đã biết đến tạo thành một mạng lưới thực vật đan cuốn vào nhau thành những vòm màu xanh biếc trên mặt nước. Tôi để ý thấy rằng những loại tảo màu xanh thường ở gần mặt nước, các loại màu đỏ thường mọc ở độ sâu hơn, còn các loại tảo màu đen và màu nâu tạo thành những khu vườn và những vườn hoa tận dưới đáy sâu của đáy biển.

Chúng tôi đã rời khỏi tàu Nau-ti-lux được khoảng một tiếng rưỡi. Bây giờ đã là gần trưa, tôi biết được điều đó nhờ độ nghiêng của những tia nắng mặt trời, giờ đây đã gần như thẳng đứng. Những màu sắc huyền ảo cùng những ánh ngọc lục bảo và sa phia đã biến mất. Chúng tôi vẫn đều đều sải bước, mỗi bước chân vang lên trên nền đất. Một tiếng động nhỏ nhất cũng được truyền lan ra với tốc

độ mà tai chúng ta không quen nếu ở trên mặt đất. Trong thực tế, nước là môi trường truyền âm tốt hơn không khí gấp bốn lần. Lúc này, đường đi vẫn dốc xuống, ánh sáng mặt trời cứ dần yếu đi. Chúng tôi đang ở độ sâu một trăm mét và chịu áp lực sáu át-mốt-phe.

Ở độ sâu này, tôi vẫn nhìn thấy ánh sáng mặt trời tuy rằng đã yếu dần đi, ánh sáng rực rỡ chói loà đã nhường chỗ cho một thứ ánh sáng dịu dàng đỏ sẫm như trong buổi hoàng hôn, thời khắc giao thời giữa ngày và đêm. Nhưng chúng tôi vẫn nhìn thấy rõ mọi vật, chưa cần phải dùng đến máy Rum-coóc-phơ. Đúng lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô dừng bước, ông ta chờ tôi đến gần và chỉ vào một khối xám sẫm hiện lên trong bóng tối lờ mờ cách chúng tôi không xa. Tôi nghĩ rằng đó chính là khu rừng ngầm trong đảo Crét-xpô và tôi đã không nhầm.

CHƯƠNG XVI

KHU RỪNG NGẦM

Cuối cùng, chúng tôi đã đến bìa rừng, đó hẳn là một khu rừng đẹp nhất trong số những tài sản của thuyền trưởng Nê-mô. Ông ta coi đó là tài sản riêng của mình, và tự cho mình toàn quyền sử dụng nó như thể là người đầu tiên có mặt trong ngày đầu tiên của trái đất vậy. Vả lại, thì cũng có ai khác có quyền tranh giành với ông ta về việc sở hữu những tài sản ngầm dưới biển này được nữa? Liệu còn có ai dám xuống tận đáy biển, lăm lăm cầm rìu trong tay để dọn đường xuyên qua những bụi cây um tùm này nữa không?

Khu rừng ngầm này bao gồm toàn những loài thực vật hình cây khổng lồ. Khi tôi vừa bước vào rừng qua một cái cổng vòm hùng vĩ, tôi bị cuốn hút ngay vào một hiện tượng độc đáo của thiên nhiên mà tôi chưa từng một lần được chứng kiến.

Không một ngọn cỏ nào nằm sát mặt đất, không một nhánh cây nào uốn cong xuống hay mọc theo chiều nằm ngang, tất cả đều hướng thẳng lên mặt nước. Cho dù đó chỉ là một sợi tơ nhỏ, một dải dây mỏng manh, tất cả đều hướng thẳng góc như những sợi thép. Những cây tảo thạch y mọc đồng đều, vuông vức tuỳ thuộc vào mật độ của thành phần đã tạo nên chúng. Những cây rong biển đều bất động, nên chúng tôi phải dùng tay gạt chúng sang một bên để đi qua, khi

vừa buông tay, lập tức chúng lại quay trở về vị trí ban đầu. Đây đúng là một thế giới của những đường thẳng đứng.

Tôi nhanh chóng thích nghi với cảnh tượng thú vị cũng như cảnh tranh tối tranh sáng đang vây quanh chúng tôi. Mặt đất của khu rừng dường như trải đầy đá nhọn lởm chởm rất khó tránh. Giới thực vật ở đây cực kỳ phong phú, thậm chí còn phong phú hơn cả ở những vùng biển Bắc cực và vùng biển nhiệt đới. Lúc đầu, tôi không thể phân biệt được đâu là động vật, đâu là thực vật. Trong trường hợp như vậy thì ai mà chẳng nhầm lẫm, vì dưới biển sâu, động vật và thực vật thường rất giống nhau về hình thức.

Các loại cây này đều tự sinh sản, tất cả những chất dinh dưỡng cần cho cây đều có trong nước. Phần lớn thực vật đều dẹt như lá cây, hình thù kỳ dị, có các màu hồng, đỏ tươi, hung hung, nâu, xanh và vàng. Tôi nhìn thấy rất nhiều loại thực vật sống mà tiêu bản của chúng được bày trong bộ sưu tập của thuyền trưởng Nê-mô trên tàu Nau-ti-lux.

Khoảng một tiếng sau, thuyền trưởng Nê-mô ra hiệu cho chúng tôi dừng lại. Về phần mình, tôi rất mừng. Chúng tôi ngồi nghỉ dưới tán cây A-la-ri, những cành cây mỏng manh vươn thẳng lên như những mũi tên.

Thời gian nghỉ ngơi chốc lát đối với tôi thật hết sức dễ chịu. Tôi không mong mỏi gì hơn vào lúc này là được nói chuyện, nhưng lại không thể nói, không thể trả lời, tôi chỉ ghé sát cái mũ bằng đồng to tướng về phía Công-xây. Tôi nhìn thấy mắt Công-xây sáng ngời đầy vẻ thích thú. Để tỏ ý hài lòng, Công-xây cứ lắc lư đầu mình trong cái mũ một cách ngộ nghĩnh.

Sau khi đã đi bộ suốt bốn tiếng đồng hồ, tôi rất ngạc nhiên vì mình vẫn không cảm thấy đói. Tôi chẳng thể hiểu nổi tại sao lại như vậy. Nhưng thay vì cảm giác đói, tôi lại

buồn ngủ díp cả mắt, trạng thái này các thợ lặn rất hay gặp phải. Mi mắt cứ trĩu xuống sau lớp kính dày, tôi dần thiu thiu ngủ. Thuyền trưởng Nê-mô và người thuỷ thủ lực lưỡng đi theo nằm dài ra trên đất dưới đáy đại dương nước trong vắt như pha lê để làm mẫu cho chúng tôi.

Tôi không thể xác định được chính xác mình đã thiếp đi trong bao nhiêu lâu, nhưng khi tỉnh dậy, tôi đã thấy mặt trời dường như đã ngả về phía chân trời. Thuyền trưởng Nê-mô đã dậy từ lâu, tôi cũng vươn vai ngồi dậy, vừa lúc đó, một cảnh tượng bất ngờ làm tôi phải bật dậy.

Cách chúng tôi vài bước, một con nhện biển khổng lồ, cao tới một mét đang giương đôi mắt lác nhìn chúng tôi chằm chằm như thể sẵn sàng lao tới. Mặc dù bộ đồ lặn khá dày có thể bảo vệ tôi khỏi nanh vuốt của con vật nhưng tôi không giấu được nỗi kinh sợ trong lòng. Lúc đó, Công-xây và anh chàng thuỷ thủ lực lưỡng cũng đã tỉnh dậy, thuyền trưởng Nê-mô chỉ cho anh ta thấy con vật gớm ghiếc đó. Anh chàng thuỷ thủ liền lấy báng súng nện chết con nhện trong nháy mắt. Tôi còn kịp nhìn thấy những cái chân gớm ghiếc của nó giãy giụa trong cơn hấp hối. Sự việc này buộc tôi phải nhớ rằng trong bóng tối dưới đáy sâu của biển cả có thể còn có những con vật nguy hiểm hơn nhiều mà bộ đồ lặn của tôi không đủ dày để bảo vệ tôi được. Cũng lạ là từ trước đó tôi không hề nghĩ đến chuyện này. Từ giờ trở đi tôi phải thận trọng hơn nữa. Thú thực, tôi đã nghĩ rằng chuyến đi của chúng tôi sẽ kết thúc sau khi nghỉ ngơi, nhưng lần này thì tôi đã lầm. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn chưa có ý định quay về tàu Nau-ti-lux, ông ta vẫn tiếp tục tiến về phía trước. Đường đi vẫn dốc tuồn tuột, càng ngày độ dốc càng lớn, đưa chúng tôi đến độ sâu ngày càng cao. Đến khoảng ba giờ chiều, chúng tôi đến một thung lũng

hẹp, nằm giữa hai mỏm đá dựng đứng cách mặt biển khoảng một trăm năm mươi mét. Nhờ có bộ đồ lặn hoàn hảo, chúng tôi đã xuống quá chín mươi mét so với giới hạn mà thiên nhiên quy định cho những cuộc dạo chơi dưới nước của con người.

Tôi đã xác định độ sâu chỗ chúng tôi đang đứng là một trăm năm mươi mét mặc dù tôi chẳng có dụng cụ đo nào trong tay. Nhưng tôi vẫn biết rằng ngay ở chỗ nước trong nhất thì ánh sáng mặt trời vẫn không thể chiếu xuống sâu hơn được, và theo đó bóng tối cũng sẫm hơn. Cách mười bước là không thể nhìn thấy gì nữa. Tôi đang dò dẫm đi trên đường thì bỗng thấy một ánh sáng trắng chói loà. Hoá ra là thuyền trưởng Nê-mô đã bật đèn điện, anh chàng thuỷ thủ đi cùng cũng bật đèn, tôi và Công-xây cũng làm theo. Chỉ việc xoay một cái nút, tôi đã bật đèn được lên, ánh đèn chiếu sáng trưng một khoảng có bán kính hai mươi nhăm mét.

Thuyền trưởng Nê-mô vẫn dẫn chúng tôi tiến sâu hơn vào giữa khu rừng sâu thẳm. Càng ngày cây cối càng ít đi. Tôi để ý thấy rằng các loại thực vật ít hơn nhiều so với động vật. Những con sứa đã hoàn toàn rời bỏ mảnh đất khô cằn, trong khi đó các loại động vật khác như động vật thân mềm, động vật hình cây, và các loài cá vẫn còn tồn tại được.

Vừa đi, tôi vừa nghĩ thầm trong bụng rằng ánh sáng đèn Rum-coóc-phơ có thể thu hút được sự chú ý của các loại động vật dưới biển sâu, nhưng nếu như chúng có tới gần thì vẫn cách xa một khoảng mà súng cũng không thể bắn tới được. Mấy lần, tôi thấy thuyền trưởng Nê-mô dừng lại, đưa súng lên ngắm, nhưng rồi lại hạ súng xuống và đi tiếp. Cuối cùng, sau khoảng bốn tiếng, chuyến dạo chơi thú vị của chúng tôi đã đến hồi kết thúc. Trước mặt chúng tôi bỗng xuất hiện sừng sững một khối đá hoa cương, một

bức tường bằng đá khổng lồ có nhiều hang hốc không thể vượt qua được, đó chính là chân đảo Crét-xpô. Đó là trái đất. Thuyền trưởng Nê-mô đột nhiên dừng lại. Ông ta ra hiệu cho chúng tôi dừng lại. Mặc dù tôi khao khát được trèo lên bức tường này, tôi vẫn bị buộc phải dừng lại. Lãnh thổ của thuyền trưởng Nê-mô đến đây là chấm dứt, ông ta không muốn vượt qua. Bên kia là một thế giới khác mà ông ta không muốn đặt chân vào.

Chúng tôi quay về. Thuyền trưởng Nê-mô lại trở về vị trí dẫn đầu. Tôi cảm thấy hình như chúng tôi trở về tàu Nau-ti-lux bằng con đường khác. Con đường mới rất dốc nên chúng tôi càng mệt hơn. Chúng tôi nhanh chóng lên tới gần mặt biển. Nhưng việc đi lên các tầng nước trên không quá nhanh chóng để tránh việc giảm áp suất đột ngột, có thể gây bất ổn cho cơ thể con người, đe doạ tính mạng những tay thợ lặn thiếu thận trọng. Chỉ một lát sau, ánh sáng lại xuất hiện, mặt trời đã lặn gần sát chân trời, những tia sáng bị khúc xạ chiếu lên trên bề mặt những vật xung quanh một vòng hào quang rực rỡ. Chúng tôi đang đi dưới độ sâu mười mét, từng đàn cá nhỏ đủ loại tung tăng bơi lượn xung quanh. Cá nhiều và bơi nhanh hơn chim trên trời, nhưng chẳng có con nào đáng để bắn. Bỗng nhiên, thuyền trưởng Nê-mô đưa súng lên vai ngắm bắn một con vật nào đó đang thấp thoáng trong bụi cây. Ông ta bóp cò, tôi nghe thấy một tiếng nổ nhẹ, một con vật bị trúng đạn ngã gục rơi xuống cách chúng tôi vài bước. Đó là một con rái cá tuyệt đẹp, loài động vật có bốn chân duy nhất sống ở biển. Con rái cá dài tới một mét rưỡi, hẳn là rất giá trị. Bộ lông của nó phía trên màu hạt dẻ, phía dưới màu trắng bạc, hẳn sẽ là một trong những bộ lông được ưa chuộng trên thị trường Trung Quốc và Nga. Độ mềm và mượt của nó khiến cho nó phải có giá trị ít nhất là tám mươi bảng

Anh. Tôi thích thú ngắm nhìn con vật đầu dẹt, tai ngắn, mắt tròn, có ria mép trắng như ria mèo, có màng chân và đuôi bông. Loài thú này bị săn bắt quá nhiều nên giờ đây trở nên hết sức quý hiếm, chỉ còn được thấy ở phía Bắc Thái Bình Dương, và đang có nguy cơ tuyệt chủng.

Người thuỷ thủ đi cùng thuyền trưởng Nê-mô nhặt lấy xác con vật vác lên vai và chúng tôi tiếp tục đi. Một tiếng sau, chúng tôi trở lại dải cát lúc trước. Đôi lúc, đáy cát gờ lên đến mức chúng tôi chỉ cách mặt biển khoảng hai mét.

Đến đây, tôi lại được chứng kiến một trong những phát súng tuyệt vời nhất mà người đi săn ít khi thấy. Một con chim to lớn với sải cánh rộng đang bay lượn trên đầu chúng tôi. Khi nó cách mặt biển mấy mét, người thuỷ thủ đưa súng lên vai, ngắm bắn rồi bóp cò. Con chim rơi thẳng xuống mặt biển, mạnh đến mỗi rơi ngay xuống trước mặt người thuỷ thủ thiện xạ. Đó là một con chim báo bão tuyệt đẹp.

Hành trình của chúng tôi không bị ngắt quãng bởi sự kiện này. Chúng tôi tiếp tục đi trên dải cát đó hai giờ đồng hồ nữa, sau đó lại len qua những bãi tảo. Thật lòng mà nói, đúng lúc tôi tưởng như không thể nhấc bước đi tiếp được nữa thì tôi nhìn thấy ánh sáng lờ mờ xuyên qua bóng đêm tới nửa dặm. Đó là ánh đèn pha của tàu Nau-ti-lux. Thế là chỉ còn hai mươi phút đi bộ nữa thôi là chúng tôi có thể về tới tàu, lúc đó tôi có thể nghỉ ngơi thoải mái. Tôi nhận thấy bình dưỡng khí của mình sắp cạn. Nhưng tôi không lường trước được một cuộc gặp gỡ bất ngờ làm chúng tôi về tàu chậm hơn một lúc.

Tôi đang đi cách mấy người kia vài bước. Bất chợt, thuyền trưởng Nê-mô quay ngoắt lại nhảy bổ về phía tôi. Cánh tay khoẻ mạnh của ông ta ấn tôi nằm sát xuống mặt đất, người thuỷ thủ đi cùng cũng làm như vậy với Công-xây. Lúc đầu, tôi không biết phải hiểu như thế nào về sự tấn công bất ngờ này,

nhưng sau đó thuyền trưởng Nê-mô cũng nằm xuống bên cạnh tôi nên tôi cảm thấy rất yên tâm.

Tôi nằm sát dưới đất, ngay dưới mấy bụi tảo dày đặc che chở phía trên, lúc ngẩng đầu lên nhìn, tôi thấy mấy bóng đen to lớn sáng lấp lánh đang lướt qua.

Máu trong người tôi như ngừng chảy khi tôi nhận ra hai con cá mập đang lởn vởn xung quanh. Đó là loại cá mập ăn thịt người, những sinh vật thật kinh hoàng, có những cái đuôi lớn, và những chiếc răng nanh nhọn hoắt, lấp lánh. Cái mõm gớm ghiếc này có thể đớp một cái là đứt đôi người. Tôi không biết Công-xây có phân loại cá mập hay không nhưng về phần tôi, tôi để ý đến những cái bụng trắng hếu của chúng với cái mồm đầy răng nhọn hoắt không phải dưới con mắt của một nhà khoa học, một nhà tự nhiên học mà bằng con mắt của một nạn nhân.

Cũng may cho chúng tôi là những con quái vật phàm ăn này mắt lại rất kém. Chúng bơi ngang qua mà không nhìn thấy chúng tôi, những cái vây màu nâu nâu lướt qua làm nước dập dềnh va vào người chúng tôi. Thế là chúng tôi thoát khỏi một mối nguy hiểm lớn hơn là đối mặt với hổ dữ trong rừng sâu. Một nửa tiếng sau, chúng tôi nhờ có ánh sáng đèn pha dẫn đường đã trở lại tàu Nau-ti-lux. Cánh cửa bên ngoài được mở sẵn, khi chúng tôi vừa bước vào, thuyền trưởng Nê-mô đóng sập cửa ngoài lại và bấm nút. Tôi nghe thấy tiếng máy bơm hoạt động làm mực nước xung quanh chúng tôi rút xuống, chỉ một lát sau, căn phòng chẳng còn một giọt nước nào. Cánh cửa bên trong mở rộng, chúng tôi bước sang phòng thay quần áo.

Chúng tôi khá vất vả mới tháo bỏ được bộ đồ lặn ra. Tôi mệt mỏi và buồn ngủ rã rời, tôi trở về phòng của mình, trong lòng rất thoả mãn với chuyến dạo chơi lý thú dưới đáy biển.

CHƯƠNG XVII

BỐN NGÀN DẶM DƯỚI ĐÁY ĐẠI TÂY DƯƠNG

Buổi sáng hôm sau, ngày 18-11 tôi thấy đã hết mệt mỏi sau chuyến đi hôm trước. Tôi ra khỏi giường và đi lên boong tàu, đúng lúc người thuyền phó cũng đang ở đó nói câu hàng ngày ông ta vẫn nói.

Tôi đang mải mê ngắm cảnh đẹp của buổi bình minh trên đại dương thì thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện. Ông ta dường như không để ý đến sự có mặt của tôi mà chỉ bắt đầu hàng loạt các quan sát thiên văn. Khi đã quan sát xong, ông ta đứng dựa vào thành tàu, chăm chú nhìn về phía xa khơi. Lúc này, một số thuỷ thủ của tàu Nau-ti-lux, tất cả đều cao to lực lưỡng, lên boong để kéo mẻ lưới mà họ đã quăng suốt cả đêm hôm trước. Những thuỷ thủ này thuộc nhiều nước khác nhau, nhưng đều có gốc Châu Âu. Tôi nhận ra mấy người Ai-len, mấy người Pháp, mấy người Xla-vơ và một người Hy lạp. Họ đều rất ít lời và chỉ sử dụng một thứ ngôn ngữ lạ lùng mà tôi không rõ nguồn gốc. Vì vậy tôi chẳng thể chuyện trò gì với họ được.

Họ kéo lưới lên. Trong lưới có rất nhiều động vật biển kỳ lạ. Tôi ước lượng họ đánh được ít nhất bốn trăm ki-lô-gam cá các loại. Một mẻ lưới không tồi chút nào nhưng cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Thực ra, họ đã thả lưới suốt mấy tiếng đồng hồ và cuốn theo tất cả những động vật gặp trên đường. Chúng tôi chẳng sợ thiếu thực phẩm

nữa, tốc độ chóng mặt của con tàu Nau-ti-lux cùng với sức hấp dẫn của chiếc đèn pha luôn luôn có thể bổ sung cho nguồn dự trữ trên tàu. Cá đánh được liền được đưa xuống bếp, một phần để ăn ngay, phần còn lại để dự trữ.

Mẻ lưới kết thúc. Không khí lại được bơm đầy bể dự trữ, tôi nghĩ rằng tàu sắp lặn nên chuẩn bị trở lại phòng mình. Đột nhiên, thuyền trưởng Nê-mô quay sang phía tôi và nói:

-Thưa Giáo sư A-rô-nát, chẳng phải là biển cũng như một thực thể sống sao? Biển cũng có lúc giận dữ, có lúc dịu hiền. Tối hôm qua biển cũng ngủ như chúng ta, sáng nay biển lại tỉnh giấc khoan khoái sau một giấc ngủ ngon. Ngài nhìn kìa, đại dương đã tỉnh giấc dưới ánh nắng dịu hiền. Nó bắt đầu cuộc sống trong một ngày mới. Quan sát những biểu hiện sống động của cơ thể biển thật là một công việc thú vị. Biển cũng có trái tim, có mạch đập, có mạch máu và tôi hoàn toàn đồng ý với nhà bác học Mô-ry, người đã phát hiện ra rằng nước đại dương cũng tuần hoàn hệt như sự tuần hoàn máu trong những cơ thể sống.

-Thưa vâng, đại dương thực sự cũng tuần hoàn, và để thúc đẩy sự tuần hoàn đó, tạo hoá đã tạo ra nhiều thứ trong nó: ca-lo, muối và sinh vật biển.

Khi thuyền trưởng Nê-mô nói những lời trên, ông ta dường như thay đổi hẳn, ông ta thực sự đã gây cho tôi một cảm giác khác lạ. Sau đó ông ta nói tiếp:

-Và cuộc sống thực sự là ở đây, tôi có thể hình dung ra việc hình thành những thành phố ngầm dưới nước, những toà nhà ngầm mà mỗi sáng lại nổi lên mặt nước để lấy không khí giống như con tàu Nau-ti-lux. Những thành phố độc lập, những thị trấn tự do, và nếu một tên bạo chúa nào đó...

Thuyền trưởng Nê-mô ngừng lời bằng một cử chỉ đe doạ. Rồi ông ta quay sang hỏi tôi như để xua đuổi những ý nghĩ đen tối:

-Thưa Giáo sư A-rô-nát, ngài có biết độ sâu của đại dương không?

-Thưa thuyền trưởng, tôi chỉ biết các kết quả đo đạc thôi ạ.

-Xin ngài cho tôi biết các kết quả đó, tôi sẽ sử dụng nó vào mục đích riêng của tôi.

-Tôi còn nhớ một vài số liệu. Nếu tôi không lầm thì độ sâu trung bình ở phía bắc Đại Tây Dương là tám ngàn hai trăm mét, còn ở Địa Trung Hải là hai ngàn năm trăm mét. Những cuộc đo đạc đáng chú ý nhất đã được tiến hành ở phía nam Đại Tây Dương, gần kinh tuyến 35, đo được một vạn hai ngàn mét, một vạn bốn ngàn chín trăm linh một mét, một vạn năm ngàn một trăm bốn mươi chín mét. Tóm lại, nếu đáy đại dương được san bằng thì có độ sâu trung bình là khoảng bảy ngàn mét.

-Tốt lắm. Thưa Giáo sư A-rô-nát - thuyền trưởng Nê-mô đáp-chúng tôi hy vọng sẽ cung cấp cho ngài những thông tin chính xác hơn. Còn về độ sâu trung bình của vùng biển này ở Thái Bình Dương, tôi có thể thông báo rằng nó không vượt quá bốn ngàn mét.

Nói đến đây, thuyền trưởng Nê-mô đi về phía nắp tàu và biến mất sau những bậc thang sắt. Tôi đi theo ông ta rồi vào phòng khách rộng. Chân vịt lập tức được khởi động, đồng hồ chỉ tốc độ hai mươi hải lý một giờ.

Suốt nhiều ngày và nhiều tuần lễ sau đó, thuyền trưởng Nê-mô rất ít khi xuất hiện. Tôi hoạ hoằn lắm mới thấy ông ta. Ông thuyền phó ngày ngày ghi lại đường đi của con tàu Nau-ti-lux trên bản đồ khiến tôi có thể theo dõi chính xác

hành trình của con tàu.

Gần như ngày nào cánh cửa kính ở phòng khách cũng mở ra một lúc, chúng tôi lại được chiêm ngưỡng những bí mật ẩn sâu dưới đáy đại dương một cách không mệt mỏi.

Con tàu Nau-ti-lux chạy chủ yếu theo hướng đông nam ở độ sâu khoảng một trăm đến một trăm năm mươi mét. Tuy nhiên một ngày, tôi không rõ lý do tại sao con tàu Nau-ti-lux bỗng lặn sâu xuống tận đáy biển nhờ những ván trượt nghiêng. Đồng hồ chỉ 4,25 độ, một nhiệt độ chung cho tất cả các vĩ tuyến ở độ sâu này.

Vào lúc ba giờ sáng ngày 26-11, con tàu Nau-ti-lux băng qua bắc chí tuyến 172 độ kinh. Ngày 27, tàu ngang qua quần đảo Xăng-uých, nơi thuyền trưởng Cúc nổi tiếng đã hi sinh vào ngày 14 tháng 2 năm 1779. Thế là chúng tôi đã đi được bốn ngàn tám trăm sáu mươi dặm kể từ ngày bắt đầu cuộc hành trình. Buổi sáng hôm đó, khi lên boong tàu, tôi nhìn thấy đảo Ha-oai thấp thoáng cách tàu khoảng hai hải lý. Đó là hòn đảo lớn nhất trong số bảy hòn đảo của quần đảo Ha-oai. Tôi nhìn thấy rõ ràng những cánh đồng trồng trọt, những vùng đồi và những dãy núi dọc bờ biển, những ngọn núi lửa cao sừng sững trong đó cao nhất là ngọn Mu-na Rê-a cao năm ngàn mét.

Con tàu Nau-ti-lux vẫn chạy theo hướng đông nam. Ngày mùng 1 tháng 12, nó vượt qua đường xích đạo ở 142 độ kinh. Ngày 4 tháng 12, sau khi chạy khá nhanh và không gặp chuyện gì đặc biệt, nó tới gần quần đảo Mác-ki-dơ. Tôi nhìn thấy cách đó ba dặm, ở vĩ tuyến 8 độ 52', kinh độ 139 độ 32' là mũi Mác-tin ở Nuca-Hiva, quần đảo lớn nhất của Pháp. Tôi chỉ được nhìn thấy những dãy núi trùng điệp thấp thoáng phía đường chân trời vì thuyền trưởng Nê-mô không muốn cho con tàu Nau-ti-lux đi theo hướng gió. Phía

sau tàu họ lại thả lưới cuốn theo rất nhiều loại cá tuyệt đẹp, vây và đuôi cá lấp lánh dưới ánh sáng như làm bằng vàng. Những con cá béo múp míp, hầu như không có vảy nhưng lại có mùi vị thật tuyệt vời.

Sau khi đi qua quần đảo đẹp tuyệt vời có cắm cờ Pháp đó, vậy là từ ngày mùng 4 tới ngày 11 tháng 12 con tàu Nau-ti-lux đã đi được khoảng hai ngàn hải lý.

Đêm mùng 9 rạng ngày mùng 10 tháng 12, con tàu Nau-ti-lux đi qua một đàn nhuyễn thể đông đến hàng triệu con. Chúng đang trên đường di cư đến vùng biển ấm hơn theo đường di cư của cá trích và cá xác-đin. Chúng tôi say sưa theo dõi qua lớp kính dày, chúng đang bơi lội tung tăng dưới nước, rượt đuổi lẫn nhau, con lớn ăn thịt con bé, rồi lại bị con lớn hơn ăn thịt, những con bạch tuộc vươn những cái vòi dài của mình để bắt mồi. Con tàu Nau-ti-lux dù có tốc độ lớn như vậy cũng phải mất vài tiếng đồng hồ mới đi qua được đàn nhuyễn thể đó, mấy cái lưới sau tầu cuốn theo một số lượng lớn cá tôm, trong số đó tôi nhận ra một số loài động vật biển tuyệt đẹp mà chỉ ở Thái Bình Dương mới có. Biển cả đang phô bày những bức tranh hết sức kỳ thú và muôn màu muôn vẻ. Cảnh vật thay đổi liên tục, chúng tôi được chiêm ngưỡng không chỉ những kỳ quan mà thiên nhiên đã tạo dựng giữa lòng đại dương, mà còn được khám phá những bí mật thầm kín nhất.

Suốt cả ngày 11 tháng 11, tôi ngồi ở phòng khách đọc sách, Nét-len và Công-xây vẫn say sưa ngắm cảnh qua tấm kính. Con tàu Nau-ti-lux đang đứng yên bất động. Khi những bể chứa được chứa đầy nước, tàu lặn xuống độ sâu khoảng một ngàn mét. Nơi đây chúng tôi rất ít khi đến, và đây cũng là nơi có những loài cá to rất ít khi nhìn thấy.

Lúc đó, tôi đang say sưa đọc cuốn -Nô lệ của chiếc dạ

dày" rất hấp dẫn của Giăng Ma-xê, tôi đã học được nhiều điều bổ ích từ cuốn sách này thì bỗng nhiên Công-xây gọi:

- Thưa Giáo sư A-rô-nát, ngài có thể đến đây một lát được không ạ?

- Có chuyện gì thế, Công-xây?

- Giáo sư hãy qua đây nhìn này.

Tôi đứng lên, đến trước tấm kính nhìn ra ngoài. Trong ánh sáng điện rực rỡ có một khối đen lớn, không chuyển động đang lơ lửng trong nước. Tôi chăm chú nhìn xem đó là loại sinh vật biển gì, một ý nghĩ loé lên trong đầu, tôi kêu lên:

- Một con tàu.

- Đúng vậy- Nét-len đáp - một con tàu bị gãy cột buồn và bị chìm.

Nét-len đã không nhầm, chúng tôi tiến sát đến con tàu, những chiếc thừng tả tơi vẫn còn lơ lửng trên cột buồm. Vỏ tàu vẫn còn tốt, nó dường như mới bị đắm cách đây vài tiếng đồng hồ. Ba chân cột buồm đã bị gãy còn lại khoảng hơn một nửa mét chứng tỏ họ đã phải hy sinh cột buồm, nhưng cột buồm đổ làm nghiêng tàu, nước theo đó tràn vào tàu khiến cho nó bị chìm. Con tàu đã gây một ấn tượng buồn bã, nhưng khi nhìn thấy những xác người bị trói chặt bằng dây thừng vẫn còn lơ lửng trên boong thì còn thê thảm hơn nhiều. Tôi đếm được năm, không phải, bốn người đàn ông, một người trên phía lái, một người phụ nữ đang đứng ở đằng đuôi tàu, trên tay bế một đứa trẻ sơ sinh. Cô ta còn khá trẻ, tôi có thể nhìn rõ khuôn mặt của chị ta lẫn trong nước biển nhờ ánh sáng đèn pha của con tàu Nau-ti-lux. Bằng một nỗ lực tuyệt vọng, chị ta đưa hai tay giơ cao đứa bé lên qua đầu, tay của đứa trẻ đáng thương vẫn còn vòng quanh cổ mẹ. Bốn người đàn ông mang vẻ mặt thật đáng

sợ, vùn vẫy để thoát khỏi sợi dây thừng đang níu chặt họ vào con tàu. Chỉ duy có người lái tàu là bình tĩnh, vẻ mặt gan góc, thân thiện, mớ tóc hung hung loà xoà xuống trước trán, tay ông ta vẫn nắm chặt bánh lái, như thể đang cố sức hất mấy cột buồm gẫy xuống dưới biển.

Chúng tôi đứng lặng người trước cảnh bi thảm của con tàu, tim đập thình thịch như thể chúng tôi vừa được chứng kiến nhưng hình ảnh cuối cùng tước đi cuộc sống của nó vậy. Tôi cũng nhìn thấy nhưng con cá mập háu đói ngửi thấy mùi thịt người đang xông đến.

Khi con tàu Nau-ti-lux bẻ lái, vòng qua chiếc tàu đắm, tôi nhìn thấy ở phía lái có dòng chữ: "Florida, Sunderland"

CHƯƠNG XVIII

VA-NI-KÔ-RÔ

Những cảnh thương tâm này chỉ là mở đầu cho một loạt các thảm hoạ dưới biển mà con tàu Nau-ti-lux gặp trên đường đi của mình. Mỗi lần đi qua các vùng biển đông tàu bè, chúng tôi lại gặp nhiều xác tàu đắm mục nát trong nước, còn dưới đáy thì la liệt súng lớn, mỏ neo, đạn đại bác, xích và hàng ngàn đồ vật bằng sắt khác đang han rỉ. Tuy nhiên, đến ngày 11 tháng 12, chúng tôi tới gần quần đảo Po-mô-tu trải dài khoảng năm trăm dặm từ Đông - Đông Nam tới Tây - Tây Bắc. Quần đảo này có diện tích ba trăm bảy mươi dặm vuông và gồm sáu mươi nhóm đảo san hô. Nhờ đó, khối đất này sớm muộn sẽ nhập làm một với quần đảo kề bên, và giữa Niu Di-lân và Tân Ca-lê-đô-ni sẽ xuất hiện lục địa thứ năm.

Một hôm, tôi đề cập giả thuyết đó với thuyền trưởng Nê-mô, nhưng ông ta lạnh lùng trả lời tôi:

- Trái đất cần những con người mới chứ cần làm gì những lục địa mới.

Con tàu Nau-ti-lux thay đổi hướng đi, chạy ngang qua đảo Cléc-mông Ton-ne, hòn đảo kỳ lạ nhất trong những nhóm đảo do thuyền trưởng Ben phát hiện ra năm 1822. Ở đây, tôi có dịp quan sát các quần thể san hô đã tạo nên các đảo ở miền biển Thái Bình Dương này.

Khi tàu nổi lên mặt nước, tôi có thể nhìn bao quát cả

đảo Cléc-mông Ton-ne chỉ hơi nhô lên một chút có rừng rậm phủ kín. Những cơn bão biển đã biến đất đá vôi ở đây trở nên màu mỡ. Hạt cây do bão đưa từ đất liền ra, một lúc nào đó rơi xuống đảo này lại được bón bằng xác tôm cá và tảo thối rữa đã làm nhú lên bao mầm xanh. Sóng biển đã ném lên bờ một quả dừa chín từ xa tới, thế là cây cối mọc lên, cây làm nước bốc hơi và tạo ra một con suối. Cây cối dần dần phủ kín đảo. Luồng nước biển đã đưa tới đây các vi sinh vật, những côn trùng cùng với những thân cây bị nhổ bật lên từ những hòn đảo kế bên. Rùa bắt đầu tới đây đẻ trứng. Chim chóc bay tới làm tổ trên những cây non. Thế giới động vật dần dần phát triển sự sống ở đây. Tiếp đó con người xuất hiện, anh ta bị màu xanh tươi của cây cối và đất đai phì nhiêu hấp dẫn. Những hòn đảo san hô - một sáng tạo vĩ đại của các sinh vật vô cùng nhỏ bé - đã được hình thành từ đây.

Đến gần tối, đảo Cléc-mông Ton-ne dần khuất xa, hành trình của con tàu Nau-ti-lux hơi thay đổi một chút. Sau khi vượt qua chí tuyến nam ở 135 độ kinh, nó chạy theo hướng Tây Bắc. Mặc dù nhiệt độ mùa hè cháy rát, chúng tôi vẫn không cảm thấy sức nóng vì ở độ sâu ba mươi, bốn mươi mét dưới mặt biển, nhiệt độ không vượt quá 10 đến 12 độ.

Ngày 15 tháng 12, tàu đi ngang qua quần đảo Xô-xi-ê-tê và Ta-hi-ti diễm lệ, hoàng hậu của các hòn đảo trên Thái Bình Dương. Hòn đảo này đã làm cho bàn ăn của chúng tôi phong phú hẳn lên với hàng loạt các loài cá và động vật biển kỳ lạ.

Ngày 25 tháng 12, con tàu Nau-ti-lux đi vào phía trong hòn đảo Niu He-brít do thuyền trưởng Qui-rô phát hiện ra năm 1606, thuyền trưởng Cúc đặt cho nó cái tên này vào

năm 1773. Quần đảo này gồm có chín đảo chính, tạo thành một dải trải dài một trăm hai mươi dặm, giữa 15 và 2 độ vĩ, và 164 và 168 độ kinh. Chúng tôi đi gần sát vào đảo Au-ru, vào buổi chiều trông hòn đảo giống như một đồng cỏ xanh mượt mà, có những mỏm núi cao vời vợi bên trên.

Đó là ngày Giáng sinh, Nét-len có vẻ rất tiếc vì không được kỷ niệm ngày lễ mà anh ta rất coi trọng này ở nhà. Tôi không thấy thuyền trưởng Nê-mô cả tuần nay rồi, sau đó đến sáng ngày 27 tháng 12, ông ta đi vào phòng khách lớn, lúc nào trông cũng tự nhiên thoải mái như thể chúng tôi vừa gặp nhau năm phút trước đây. Lúc đó tôi đang mải mê tìm vị trí con tàu trên bản đồ. Thuyền trưởng Nê-mô đi tới, chỉ ngón tay vào một điểm trên bản đồ rồi nói:

- Va-ni-kô-rô

Địa danh này tác động đến tôi một cách thần kỳ. Đây là tên hòn đảo mà ở đó đoàn tàu của La Pe-ru đã bị đắm. Tôi nhổm hẳn người lên hỏi:

- Con tàu Nau-ti-lux đang chạy về phía Va-ni-kô-rô ư, thưa thuyền trưởng?

- Đúng vậy, thưa giáo sư.

- Liệu tôi có được lên thăm những hòn đảo nổi tiếng nơi tàu Bút-xon và tàu A-xtơ-ro-láp bị đắm không?

- Nếu ngài muốn, thưa Giáo sư A-rô-nát.

- Vậy thì khi nào chúng ta sẽ đến đó?

- Hiện giờ chúng ta đang có mặt tại Va-ni-kô-rô rồi đây.

Theo chân thuyền trưởng Nê-mô, tôi lên trên boong tàu, chăm chú nhìn về phía đường chân trời.

Xa xa, ở phía Đông Bắc hiện lên hai hòn đảo có kích thước khác nhau cùng thuộc gốc núi lửa, bao bọc xung quanh đảo là một hàng rào san hô dài khoảng bốn mươi

dặm. Chúng tôi đã đến rất gần Va-ni-kô-rô, thực tế là một cái vũng nhỏ nằm ở 16 độ 4' vĩ Nam, 164 độ 32' kinh Tây. Hòn đảo dường như bị đất đai bao phủ từ bờ biển đến tận đỉnh, nổi rõ lên là đỉnh núi Ka-pô-gô cao 145 mét. Con tàu Nau-ti-lux vượt qua một eo biển hẹp để vào phía trong hàng rào san hô. Chúng tôi nhìn thấy rõ những người thổ dân đang núp dưới bóng những cây sú hết sức ngạc nhiên theo dõi con tàu. Chắc họ tưởng con tàu hình thoi đen bóng này là một con cá voi to lớn mà họ cần phải đề phòng chăng?

Lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô hỏi tôi biết gì về vụ đắm tàu La Pê-ru.

- Ồ, tôi chỉ biết những gì mà mọi người đều biết thôi, thưa thuyền trưởng.

- Vậy ngài có thể cho tôi biết những gì mà mọi người đều biết không? - Thuyền trưởng Nê-mô hỏi với giọng hơi có vẻ mỉa mai.

- Vâng !

Tôi thuật lại cho ông ta nghe nội dung những tin tức cuối cùng mà Đuy-mông Đuyếc-vin báo về. Sau đây là tóm tắt những tin tức đó.

Năm 1785, La Pê-ru và một trợ lý của ông ta là thuyền trưởng Đờ lăng-glơ được vua Lu-i 16 phái đi vòng quanh trái đất trên hai chiếc tàu Bút-xon và A-xtơ-rô-láp, sau đó, hai chiếc tàu đó bị mất tích.

Năm 1791, chính phủ Pháp lo lắng về số phận hai chiếc tàu chiến của La Pê-ru nên đã thành lập một đội tàu cứu trợ gồm hai chiếc Rơ-séc-sơ và E-xpê-răng-xơ dưới quyền chỉ huy của Bru-ni Đăng-tơ-rơ-ca-xtô. Hai tàu này nhổ neo ở cảng Brét-xtơ ngày 28 tháng 9.

Hai tháng sau, theo báo cáo của một người tên là Bô-

đoanh, chỉ huy tàu An-béc-man thì người ta thấy những mảnh tàu vỡ ở bờ biển Niu Giê-óc-gi. Nhưng Đăng-tơ-rơ-ca-xtô không biết tin đó, hơn nữa tin đó cũng chưa có gì xác thực, nên vẫn cho tàu chạy về đảo A-mi-rô-tê, theo báo cáo của thuyền trưởng Hơn-tơn, là nơi tàu của La Pê-ru bị đắm.

Nhưng cuộc tìm kiếm của Đăng-tơ-rơ-ca-xtô không đem lại kết quả gì. Hai tàu đi cứu đã đi qua Va-ni-kô-rô mà không dừng lại. Chuyến đi kết thúc một cách bi thảm vì chính Đăng-tơ-rơ-ca-xtô, hai thuyền phó và nhiều thuỷ thủ khác cũng bị chết.

Người đầu tiên dò ra đúng vết tích của đoàn tàu La Pê-ru là thuyền trưởng Đi-lông, một thuỷ thủ lão luyện, rất thông thạo vùng biển Thái Bình Dương. Ngày 15 tháng 5 năm 1824, tàu Xanh Pa-tơ-ríc của Đi-lông đi ngang qua đảo Ti-cô-pi-a thuộc nhóm đoả Niu E-brít. Tới đây, một thổ dân chèo thuyền độc mộc ra bán cho Đi-lông một cái chuôi kiếm bằng bạc trên đó có khắc chữ. Anh ta kể cho Đi-lông nghe rằng sáu năm trước đây, anh ta thấy trên đảo Va-ni-kô-rô có hai người Châu Âu trong số thuỷ thủ của hai chiếc tàu bị đắm vì va phải dải đá ngầm gần đảo này.

Đi-lông hiểu ngay đó là hai chếc tàu của La Pê-ru bị mất tích và đã làm cho cả thế giới lo lắng. Đi-lông quyết định đến Va-ni-kô-rô, nơi mà theo lời người thổ dân vẫn còn vết tích của tàu đắm. Nhưng gió và luồng nước không cho phép Đi-lông thực hiện được ý định đó.

Ông ta quay về đảo Can-cút-ta, ở đây Đi-lông đã làm cho Công ty Châu Á chú ý tới phát hiện của mình và họ đã quyết định giao cho ông ta một chiếc tàu cũng có tên là Rơ-séc-sơ. Ngày 23 tháng Giêng năm 1827, Đi-lông cho tàu nhổ neo rời khỏi Can-cút-ta, có một đại diện Pháp đi theo.

Sau nhiều lần dừng lại ở Thái Bình Dương, ngày 7 tháng 7 năm 1827, tàu Rơ-séc-sơ thả neo ở chính cái vũng nơi con tàu Nau-ti-lux đang đỗ. Đi-lông tìm thấy ở đây nhiều di vật của tàu bị đắm; mấy cái neo, các loại dụng cụ hàng hải và một cái chuông bằng đồng đen có khắc dòng chữ "Banh-la-đúc" và nhãn hiệu của xưởng công binh Brét-xtơ năm 1785. Không còn gì đáng nghi ngờ nữa.

Đi-lông tiếp tục tìm kiếm di vật và đã ở nơi xảy ra tai nạn tới tháng 10. Sau đó ông ta cho tàu nhổ neo và về Can-cút-ta bằng đường Niu Di-lân. Ngày 7 tháng 4 năm 1828, Đi-lông về tới Pháp và được vua Sác-lơ 10 đón tiếp ân cần.

Cũng trong thời gian ấy, Đuy-mông Đuyếc-vin chỉ huy tàu A-xtơ-rô-láp chẳng hay biết gì về phát hiện của Đi-lông nên vẫn lên đường tìm kiếm nơi tàu đắm. Lúc đó, một người thợ săn cá voi cho biết rằng thổ dân Lu-i-di-át và Niu Ca-lê-đô-ni hiện đang giữ một số huy chương và một huân chương chữ thập thánh Lu-i.

Đuy-mông Đuyếc-vin lên đường và cho tàu thả neo ở Hô-bác tao-nơ hai tháng sau khi Đi-lông rời Va-ni-kô-rô. Đến đây ông ta được biết về kết quả tìm kiếm của Đi-lông. Ngoài ra, ông ta còn nghe tin báo của một người tên là Giem Hốp-xơ, thuyền phó tàu I-u-ni-ơn từ Can-cút-ta đến khẳng định rằng khi tới một hòn đảo nằm ở 8,18 độ vĩ và 156,30 độ kinh Đông, Hốp-xơ thấy thổ dân có những thanh sắt dài và những mảnh vải đỏ.

Đuy-mông Đuyếc-vin lúng túng trước những tin tức trái ngược đó và không biết có nên tin hay không. Tuy nhiên, ông ta vẫn cho tàu chạy theo đường Đi-lông đã đi.

Ngày 9 tháng 2 năm 1828, tàu A-xtơ-rô-láp tới đảo Ti-cô-pi-a. Sau khi lấy một người trước đây là thuỷ thủ, nay sinh cơ lập nghiệp ở đây lên tàu làm hoa tiêu và phiên

dịch, tàu chạy về Va-ni-kô-rô. Ngày 20 tháng 2 năm 1828, tàu vượt qua hàng rào san hô vào vũng.

Ngày 23 tháng 2, thuỷ thủ tàu A-xtơ-rô-láp đi vòng quanh đảo và chỉ mang về một số mảnh vỡ của tàu không mấy giá trị. Thổ dân từ chối không cho họ biết chỗ tàu bị đắm, lấy cớ là không hiểu họ nói gì. Thái độ của thổ dân thật đáng nghi ngờ, có lẽ họ đã đối xử thô bạo với những người bị đắm tàu và sợ Đuy-mông Đuyếc-vin đến để trả thù cho La Pê-ru và những người xấu số đi cùng.

Cuối cùng, ngày 26 tháng 2, bị các tặng phẩm hấp dẫn cám dỗ và sau khi Đuy-mông Đuyếc-vin hứa sẽ không trả thù, các thổ dân mới chỉ cho thuyền phó Gia-ki-nô chỗ tàu đắm.

Ở đó, dưới độ sâu bảy tám mét, neo, súng đại bác và các vật dụng khác bằng kim loại đã bị phủ một lớp vôi trắng xoá. Anh em thuỷ thủ vất vả lắm mới kéo lên được một chiếc neo nặng hơn bảy trăm ki-lô-gam, một khẩu đại bác và hai khẩu súng cối.

Hỏi thổ dân, Đuy-mông Đuyếc-vin được biết thêm rằng sau khi hai tàu vấp phải hàng rào san hô và bị đắm, La Pê-ru nhặt nhạnh những mảnh vỡ để đóng một chiếc tàu nhỏ. Ông ta lại lên đường rồi sau đó lại bị đắm một lần nữa, nhưng đắm ở đâu thì chẳng ai biết.

Thuyền trưởng tàu dựng một đài kỷ niệm La Pê-ru và các thuỷ thủ dưới bóng cây sú. Đó là một hình tháp bốn cạnh, đơn giản đặt trên bệ san hô.

Đuy-mông Đuyếc-vin muốn nhổ neo ngay nhưng nhiều thuỷ thủ bị sốt rét nặng và bản thân ông ta cũng bị ốm. Mãi đến ngày 17 tháng 3 ông ta mới lên đường về được.

Đó là tất cả những gì tôi đã kể cho thuyền trưởng Nê-mô. Nghe xong, ông ta hỏi:

- Thế thì đến tận bây giờ người ta vẫn chưa biết được chiếc thuyền đóng lại sau này bị đắm ở đâu à?

- Không ai biết.

Thuyền trưởng Nê-mô không nói một lời, mà chỉ ra hiệu mời tôi vào phòng khách. Tàu Nau-ti-lux lặn xuống biển vài mét, cánh cửa kính trong phòng mở ra.

Tôi chạy ngay về phía ô cửa sổ, dưới những lớp san hô phủ đầy tảo biển, giữa hàng vạn con cá tuyệt đẹp, tôi nhận ra những vật mà thời gian và nước không phá huỷ được: những mảnh tàu vỡ, những khẩu đại bác, mỏ neo, những viên đạn..., tất cả đều chứng minh đó là xác một con tàu đắm, giờ đây đã phủ đầy rêu. Tôi đang ngắm nhìn cảnh vật bi thảm đó thì thuyền trưởng Nê-mô nói, giọng rất nhỏ:

- Chỉ huy La Pê-ru lên đường ngày 7 tháng 12 năm 1785 với hai tàu Bút-xon và A-xtơ-rô-láp. Lúc đầu ông ta lập căn cứ ở vịnh Bô-ta-ni, sau đó đến quần đảo Xô-xi-ê-tê, tân Ca-lê-đô-ni, San-ta, Crux rồi thả neo ở Na-mu-ca nằm trong nhóm đảo Ha-oai. Cuối cùng, tàu Bút-xon của La Pê-ru tiến đến gần hàng rào san hô, lúc đó chưa được dân đi biển biết đến, rồi va phải dải đá ngầm gần bờ biển phía nam. Tàu A-xtơ-rô-láp vội đến cứu và cũng va phải dải đá ngầm đó. Tàu Bút-xon bị đắm ngay lập tức. Tàu A-xtơ-rô-láp bị mắc cạn đứng ở đó được mấy ngày. Thổ dân trên đảo đối xử tử tế với những người gặp nạn. Họ lên đảo rồi đóng một chiếc thuyền nhỏ bằng những mảnh vỡ của hai con tàu chiến. Một số thuỷ thủ tình nguyện ở lại trên đảo Va-ni-kô-rô, những người còn lại ốm yếu thì theo La Pê-ru hướng về quần đảo Xa-lô-mông, sau đó bị đắm ở gần bờ biển phía tây của hòn đảo chính của quần đảo này.

- Sao ngài biết được những chuyện đó?

- Nhờ có cái này, tôi tìm thấy nó ở chỗ con tàu cuối cùng

bị đắm.

Thuyền trưởng Nê-mô cho tôi xem một cái hộp bằng sắt tây có quốc huy nước Pháp trên nắp. Chiếc hộp đã bị gỉ do nước biển. Ông ta mở hộp, tôi nhìn thấy nhiều cuộn giấy tuy đã ngả vàng nhưng vẫn còn đọc được.

Đó là chỉ thị của bộ trưởng Hải quân Pháp gửi cho chỉ huy La Pê-ru, trên đó có lời phê chuẩn của chính vua Lu-i 16 viết ở bên lề.

- Đó mới thực là cái chết của một thuỷ thủ - Cuối cùng thuyền trưởng Nê-mô nói - Một nấm mồ san hô yên tĩnh dưới biển sâu. Tôi tin rằng tôi và các bạn của tôi cũng chẳng mong gì hơn thế.

CHƯƠNG XIX

EO BIỂN TO-RÊ

Suốt đêm 27 rạng sáng ngày 28 tháng 12, con tàu Nau-ti-lux mở hết tốc lực rời khỏi đảo Va-ni-kô-rô hướng về phía Tây Nam. Trong ba ngày chúng tôi đã đi được hơn 750 dặm, tức là vượt ra khỏi ranh giới ngăn giữa nhóm đảo của La Pê-ru và mũi phía tây nam đảo Pa-pua.

Sáng sớm ngày 1 tháng Giêng năm 1868, Công-xây lên boong tàu tìm tôi, anh ta nói:

- Thưa Giáo sư, xin được phép chúc ngài một năm mới nhiều hạnh phúc.

- Sao, anh Công-xây, anh nói cứ như thể là tôi đang ở Pa-ri nghiên cứu trong Vườn bách thảo vậy. Dù sao thì tôi cũng cảm ơn những lời chúc tốt đẹp đó của anh. Tôi chỉ muốn hỏi anh rằng trong hoàn cảnh của chúng ta hiện nay thì anh quan niệm thế nào là một năm mới hạnh phúc? Anh có ý nói đó là năm chúng ta sẽ thoát ra khỏi cảnh tù đày này, hay là một năm vẫn được tiếp tục cuộc hành trình kỳ lạ này?

- Thưa giáo sư, thực tình tôi cũng không biết phải trả lời giáo sư như thế nào. Chúng ta quả thực là đã được chứng kiến nhiều điều thú vị, và suốt trong hai tháng qua chúng ta chẳng có thời gian để buồn nữa. Cái điều kỳ diệu cuối cùng bao giờ cũng là điều đáng ngạc nhiên nhất, và nếu cứ tiếp tục cuộc hành trình này thì tôi cũng không biết là mọi

sự sẽ kết thúc thế nào nữa. Tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ chẳng bao giờ có dịp được chứng kiến những cảnh như thế này nữa đâu. Do vậy, tôi xin mạo muội nghĩ rằng một năm mới hạnh phúc là một năm mà người ta có thể thấy mọi thứ.

Ngày 2 tháng Giêng, chúng tôi đã đi được tổng cộng 11.340 hải lý tính từ ngày xuất phát ở biển Nhật Bản. Ngay trước mũi tàu của chúng tôi là một dải san hô nguy hiểm, nằm tại bờ đông bắc biển nước Úc. Con tàu chạy cách hàng rào san hô vài hải lý, nơi đây đoàn tàu của thuyền trưởng Cúc đã bị mất tích vào ngày 10 tháng 6 năm 1770. Nghe nói con tàu đó đã va phải dải san hô này nhưng không bị đắm vì một mảnh san hô vỡ ra do cú va đập đã bịt kín ngay lỗ thủng trên vỏ tàu.

Tôi rất muốn ngắm nhìn dải san hô trải dài suốt ba trăm sáu mươi dặm mà sóng biển ngày đêm ầm ầm xô tới tung bọt trắng xoá và gây ra những tiếng động như sấm. Nhưng lúc đó con tàu Nau-ti-lux lại lặn sâu xuống biển vài mét nên tôi đành tự hài lòng với việc nghiên cứu các loại cá mắc trong lưới vậy. Hàng ngàn loài cá biển cùng vô số rong tảo mắc trong lưới khiến tôi thả sức nghiên cứu không mệt mỏi, ngoài ra chúng còn là nguồn thực phẩm dồi dào cho cả con tàu...

Hai ngày sau khi chúng tôi vượt qua đảo san hô, vào ngày 4 tháng Giêng, chúng tôi nhìn thấy bờ biển Pa-poa. Nhân dịp này, thuyền trưởng Nê-mô báo cho tôi biết ý định của ông ta sẽ đi vào vùng biển Ấn Độ Dương qua eo biển To-rê. Ông ta chỉ nói có vậy rồi đi xuống.

Eo biển To-rê chỉ rộng khoảng ba mươi tư dặm nhưng trên đường có rất nhiều đảo lớn nhỏ và các mỏm đá cản trở khiến cho tàu bè chẳng dám qua lại, do vậy thuyền trưởng Nê-mô cần phải hết sức cẩn thận khi cho tàu đi vào

đó. Con tàu Nau-ti-lux dập dềnh cùng sóng nước, chạy ở tốc độ chậm. Chân vịt chầm chậm rẽ nước giống như đuôi của một con cá voi.

Nhân lúc đó, tôi và hai người bạn của mình trèo ngay lên boong tàu vắng lặng. Trước mặt chúng tôi là buồng lái, và nếu tôi không lầm thì chính thuyền trưởng Nê-mô đang điều khiển con tàu Nau-ti-lux. Tấm bản đồ eo biển To-rê vẽ rất cẩn thận trải rộng ngay trước mặt chúng tôi. Tôi chăm chú theo dõi tấm bản đồ. Quanh tàu, biển ầm ầm gào thét. Sóng cuồn cuộn chảy từ hướng Đông Nam sang hướng Tây Bắc với tốc độ hai hải lý rưỡi một giờ, xô vào những đảo san hô tung bọt trắng xoá.

- Đây thật là một vùng biển dữ - Nét-len nhận xét.

- Cực kỳ tồi tệ - Tôi nói - Và hoàn toàn không phù hợp với loại tàu như tàu Nau-ti-lux.

- Thuyền trưởng hẳn phải rất thông thạo vùng biển này, nếu không thì chỉ cần đụng nhẹ vào những mỏm san hô thì tàu của ông ta đã tan tành ra từng mảnh rồi.

Tình hình quả là rất nguy hiểm, nhưng tàu Nau-ti-lux vẫn như đang trườn nhẹ nhàng như có phép thuật trên những dải đá ngầm. Thuyền trưởng Nê-mô đã không cho tàu đi theo đường mà tàu A-xtô-rô-láp và tàu Dê-lê đã khiến cho Đuy-mông Đuyếc-vin bỏ mạng, ông ta cho tàu đi ngược lên phía Bắc một chút, rẽ xuống phía Tây Nam rồi lại quay lại lên Tây Bắc, vòng quanh vô số đảo lớn nhỏ ít được biết đến, hướng tới Đảo Nam và kênh Mô-ve.

Tôi tự hỏi chẳng lẽ Nê-mô lại ngu ngốc cho tàu đi vào một cái lạch mà hai chiếc tàu của Đuy-mông Đuyếc-vin đã bị mắc cạn, nhưng sau đó, tàu Nau-ti-lux lại đổi hướng lần nữa và chạy thẳng về hướng Tây nhằm về phía đảo Gin-boa.

Lúc đó là ba giờ chiều, thuỷ triều bắt đầu lên khá cao. Tàu Nau-ti-lux đã đến gần hòn đảo Gin-bao, cho đến tận bây giờ hình ảnh những cây dừa dại vẫn in đậm trong tâm trí tôi. Chúng tôi vẫn cách bờ ít nhất hai hải lý. Thình lình, tôi bị một cú xô mạnh đẩy ngã xuống sàn tàu. Tàu Nau-ti-lux vừa va phải một dải đá ngầm, nó nghiêng đi rồi đứng yên bất động.

Khi đứng lên, tôi nhìn thấy thuyền trưởng Nê-mô và viên thuyền phó đang đứng trên boong. Họ đang nghiên cứu tình hình và trao đổi với nhau điều gì đó bằng thứ tiếng mà không ai hiểu nổi.

Tàu Nau-ti-lux lúc này đang cách đảo Gin-boa hai hải lý về phía tay phải, trải dài từ Bắc sang Tây như một cánh tay khổng lồ. Ở phía Đông và phía Nam, nước triều lên xuống làm nhô lên những dải san hô. Chúng tôi đang bị mắc kẹt lại tại một trong những vùng biển mà thuỷ triều lên không nhiều lắm. Đúng là tàu Nau-ti-lux đang ở trong tình thế bất lợi. Tuy vậy, con tàu vẫn không bị xây xước gì vì vỏ tàu rất cứng. Kể cả vỏ tàu có không bị thủng thì nó cũng có nguy cơ bị trói chặt vào dải đá ngầm này, và thế là con tàu ngầm của thuyền trưởng Nê-mô sẽ hết đời.

Trong lúc tôi đang mải mê suy nghĩ như vậy thì thuyền trưởng Nê-mô, lúc nào cũng bình tĩnh, tự chủ tiến đến gần tôi.

- Tàu gặp tai nạn rủi ro ư? - Tôi hỏi.

- Không, chỉ là một trở ngại ngẫu nhiên thôi.

- Nhưng tai nạn ngẫu nhiên này có thể buộc ngài phải trở lại trái đất nơi ngài đang chạy trốn.

Thuyền trưởng Nê-mô nhìn tôi một cách khó hiểu, rồi ông ta làm một cử chỉ như muốn nói rằng không ai có thể buộc ông ta phải đặt chân lên đất liền một lần nữa được.

Sau đó ông ta nói:

- Thưa ngài A-rô-nát, tàu Nau-ti-lux không chết, nó sẽ đưa ông đến với rất nhiều kỳ quan dưới đáy biển. Cuộc hành trình của chúng ta mới bắt đầu, và tôi hoàn toàn không muốn chấm dứt quan hệ với ngài sớm như vậy.

- Nhưng, thưa thuyền trưởng - Tôi nói, cố ý không hiểu ý mỉa mai trong lời nói đó - Tàu Nau-ti-lux đang bị mắc cạn. Lúc này thuỷ triều ở Thái Bình Dương không lớn, nếu ngài không giảm trọng lượng của tàu xuống thì tôi không thể hình dung được là nó sẽ thoát ra khỏi tình trạng này ra sao.

- Ngài nói đúng, thuỷ triều ở Thái Bình Dương không lớn, thưa giáo sư, nhưng ở eo biển Tô-rê, người ta đã từng ghi nhận mức chênh lệch lớn nhất khi thuỷ triều lên và thuỷ triều xuống là một mét rưỡi. Hôm này là ngày 4 tháng Giêng, và chỉ năm ngày nữa là trăng tròn. Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu như mặt trăng, người bạn đường chung thành không nâng được mực nước biển lên đến mức tôi cần, và chỉ có trăng mới có thể giúp tôi thoát ra khỏi tình trạng này mà thôi.

Khi nói xong những lời này, thuyền trưởng Nê-mô cùng ông thuyền phó đi xuống. Con tàu to lớn đựng yên không nhúc nhích như thể đã bị san hô và rong biển gắn chặt xuống đáy biển vậy.

- Thế nào rồi, thưa giáo sư? - Nét-len hỏi tôi khi thuyền trưởng Nê-mô vừa đi khỏi.

- Anh bạn Nét ơi, chúng ta sẽ kiên nhẫn đợi cho đến khi thuỷ triều lên vào ngày mùng chín tới, lúc đó mặt trăng sẽ giúp chúng ta ra khỏi chỗ này.

- Thật vậy sao?

- Đúng vậy.

- Và ông thuyền trưởng Nê-mô chẳng cần phải sử dụng đến neo, chỉ cần trông chờ vào thuỷ triều là đủ - Công-xây bình thản nói.

Anh chàng người Ca-na-đa nhìn Công-xây nhún vai nói:

- Thưa giáo sư, mong ngài hãy tin tôi khi tôi nói với ngài rằng cái đống sắt ngày sẽ chẳng bao giờ chạy được trên biển hay lặn xuống dưới biển được nữa đâu, nó chỉ có thể bán đi như bán sắt vụn mà thôi. Tôi nghĩ đã đến lúc ngài phải cắt đứt quan hệ với thuyền trưởng Nê-mô rồi đấy.

- Anh bạn Nét ơi, tôi lại không nghĩ như anh về tàu Nau-ti-lux này đâu, chỉ bốn ngày nữa thôi chúng ta sẽ được biết sức mạnh của thuỷ triều Thái Bình Dương. Hơn nữa, kế hoạch của anh có thể là khả thi nếu như chúng ta đang ở gần bờ biển nước Anh hay nước Pháp, nhưng đảo Pa-poa thì lại là chuyện khác, ngay cả trong trường hợp xấu nhất là tàu Nau-ti-lux không thể vượt ra khỏi chỗ cạn này thì tôi vẫn thấy kế hoạch của anh là hết sức liều lĩnh.

- Nhưng ít ra thì họ cũng phải biết hành động một cách khôn ngoan hơn một chút chứ. Ở đây có một hòn đảo, trên đảo có biết bao cây cối xanh tươi, dưới tán lá có cơ man các loại thú rừng mà ta có thể chế biến thành bao nhiêu món ăn thơm ngon. Giá mà bây giờ có miếng thịt mà chén nhỉ.

- Về điều này thì anh bạn Nét của chúng ta nói đúng - Công-xây nói - Tôi hoàn toàn tán thành. Liệu giáo sư có thể đề nghị ông bạn thuyền trưởng Nê-mô cho chúng ta lên trên đảo một chút không? Chỉ là để khỏi mất mất thói quen đi trên mặt đất thôi mà.

- Đề nghị thì tôi có thể làm được, nhưng chắc ông ta sẽ từ chối thôi.

- Thế thì giáo sư cứ thử mạo hiểm đề nghị đi, ít ra thì

chúng ta cũng biết được lòng tốt của thuyền trưởng Nê-mô đến mức nào - Công-xây nói.

Tôi thật hết sức ngạc nhiên khi thấy thuyền trưởng Nê-mô đồng ý cho phép chúng tôi một cách dễ dàng, thậm chí còn không đòi hỏi chúng tôi phải hứa sẽ quay về tàu nữa. Vượt qua Niu Zi-nê quả là vô cùng mạo hiểm, tôi chẳng dại khuyên Nét liều mạng làm gì, thà làm tù binh trên tàu Nau-ti-lux còn hơn là rơi vào tay bọn thổ dân.

Tám giờ sáng, chúng tôi mang theo súng đạn và rìu rồi ra khỏi tàu. Biển khá lặng, từng cơn gió nhè nhẹ thổi vào trong đảo. Tôi và Công-xây ra sức chèo, Nét-len điều khiển thuyền len lỏi qua những lạnh nước hẹp. Con thuyền được điều khiển thật khéo, băng băng lao về phía hòn đảo.

Nét-len không giấu được sự phấn khởi. Anh ta như một tù nhân vừa được phóng thích mà không biết rằng cái nhà tù đó lại là chốn an toàn hơn. anh ta cứ luôn mồm gào thét:

- Thịt, thịt, chúng ta sẽ được ăn thịt, thịt thật sự, còn có cả bánh mỳ nữa. Tôi không bảo cá là dở, nhưng chẳng thể ăn cá mãi được. Nếu có một miếng thịt tươi mà nướng trên than hồng thì bữa ăn hàng ngày của chúng ta mới thật phong phú.

- Sành ăn quá nhỉ - Công-xây nói - Anh ta làm tôi thèm dỏ rãi ra rồi đây này.

- Còn phải xem xem ở khu rừng này có thú vật không đã, có khi thú vật lại săn lại người đi săn không biết chừng.

- Nói hay lắm, giáo sư A-rô-nát - Nét-len nói vừa nhe những chiếc răng sắc nhọn - Tôi có thể chén hết sạch cả một con hổ nếu như không có con vật bốn chân nào khác trên hòn đảo này.

- Ông Nét bắt đầu nói lung tung rồi đấy - Công-xây nói.

- Con vật nào cũng được - Nét-len tiếp tục nói -Bất kể có lông hay không có lông, có chân hay không có chân, thì tôi cũng sẽ chào mừng bằng một viên đạn đầu tiên.

- Hay lắm, ông Nét của chúng ta hăng lên rồi đấy - Công-xây nói.

- Đừng sợ, giáo sư A-rô-nát - Nét-len đáp - Chẳng mất đến hai mươi nhăm phút đâu rồi tôi sẽ thết các ngài một bữa thịnh soạn.

Đến tám giờ ba mươi, chiếc xuồng của con tàu Nau-ti-lux vào tới bờ sau khi vất vả tránh được bãi san hô ngầm bao quanh đảo Gin-boa.

CHƯƠNG XX

VÀI NGÀY TRÊN ĐẢO

Tôi đặt chân lên đảo mà lòng vô cùng xúc động. Nét-len dậm dậm chân lên mặt đất như thể muốn tuyên bố chủ quyền trên hòn đảo này vậy. Đấy là chúng tôi mới chỉ như lời của thuyền trưởng Nê-mô là làm -hành khách" nhưng thực ra là bị làm tù binh trên con tàu Nau-ti-lux có hai tháng.

Chỉ mấy phút sau, chúng tôi đã vào sâu trong đảo một quãng chừng một tầm đạn bắn. Đất ở đây gần như hoàn toàn bằng đá vôi san hô. Một dải rừng tuyệt đẹp che khuất hẳn đường chân trời. Những cây thân cây khổng lồ cao tới sáu mươi mét, tán cây và dây leo chằng chịt hoà lẫn vào nhau tạo thành những chiếc võng thiên nhiên đung đưa trong gió.

Nét-len chẳng mảy may ngó ngàng gì đến cảnh vật thiên nhiên trên đảo cả, anh ta tìm kiếm những thứ thực tế hơn nhiều. Lát sau, anh ta tìm được mấy cây dừa, hái xuống vài quả rồi bổ ra. Chúng tôi uống nước dừa, ăn cùi dừa mà thấy nó ngon hơn tất cả những thức ăn hàng ngày trên con tàu Nau-ti-lux.

- Ngon tuyệt vời! - Nét-len nói.

- Quá ngon! - Công-xây tán thành.

- Tôi nghĩ rằng ông bạn thuyền trưởng Nê-mô của ngài sẽ không cấm chúng ta mang một ít quả dừa xuống tàu

đâu nhỉ?

- Tôi nghĩ ông ta sẽ không cấm đâu, nhưng ông ta sẽ chẳng đụng tới.

- Thế thì chỉ có ông ta là thiệt thòi nhất - Công-xây nói.

- Càng tốt cho chúng ta nữa chứ, vì chúng ta sẽ được ăn nhiều hơn. Nét-len thêm vào.

- Anh Nét-len này, tôi đề nghị thế này - Tôi nói khi anh chàng thợ săn cá voi đang hùng hổ đi hái thêm mấy quả dừa ở một cây khác - Dừa thì cũng rất tốt, nhưng thay vì chất cả đống dừa lên xuồng, tôi nghĩ là chúng ta nên tìm xem trên đảo có thứ gì có ích hơn không, ví dụ như rau tươi có lẽ sẽ cần cho kho thực phẩm trên tàu hơn chẳng hạn.

- Giáo sư nói rất phải - Công-xây nói - Tôi đề nghị dành ba chỗ trên tàu cho ba nhóm thực phẩm: một chỗ chứa trái cây, một chỗ chứa rau còn một chỗ chứa các loại muông thú săn được. Mà hình như tôi chưa nhìn thấy một loại động vật nào thì phải.

- Anh Công-xây, đừng có bi quan thế chứ - Nét-len nói.

- Chúng ta đi tiếp thôi. Nhưng phải hết sức cẩn thận đấy nhé vì dù hòn đảo này trông có vẻ như không có ai ở nhưng biết đâu lại gặp phải những người đi săn nhưng không phải là chỉ săn thú như chúng ta đâu - Tôi nói.

- Hô hô! - Nét-len gầm gừ nhe những cái răng trắng nhởn ra.

- Nét-len, anh làm gì vậy? - Công-xây kêu ré lên.

- Thú thật là tôi bắt đầu hiểu cái thú ăn thịt người rồi đấy - Nét-len đáp.

- Trời ơi, anh Nét, anh vừa nói gì vậy? Hoá ra anh là kẻ ăn thịt người à? Sống cùng phòng với anh thực chẳng an toàn

tí nào, biết đâu có hôm ngủ dậy đã thấy mình bị chén nửa người rồi cũng nên.

- Bạn Công-xây thân mến ơi, tôi rất quý bạn, nhưng nếu không cần thiết lắm thì tôi cũng không ăn thịt bạn đâu.

- Tôi không tin anh đâu - Công-xây trả lời - Thôi đùa thế đủ rồi, chúng ta phải đi tìm ngay một con thú để đãi anh chàng ăn thịt người này, nếu không một buổi sáng đẹp trời nào đó, giáo sư thức dậy thì chỉ còn thấy bộ xương của người giúp việc của mình mất.

Chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện rôm rả, chẳng mấy chốc đã tiến sâu vào phía trong rừng cây rậm rạp, trong hai tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đã đi hết mọi ngõ ngách trong khu rừng.

Cuộc tìm kiếm thức ăn của chúng tôi đã được đền đáp. Chúng tôi đã tìm được một trong số những loại cây có ích nhất của vùng nhiệt đới đã cung cấp cho con tàu Nau-ti-lux một thứ thực phẩm đang thiếu. Đó là cây mỳ, một loại cây mọc rất nhiều trên đảo Gin-boa, hầu hết đều thuộc giống quả mì không hạt rất quý mà người Ma-lai-xi-a gọi là quả ri ma.

Nét-len biết rất rõ loại quả này, anh ta đã được ăn nhiều lần trong những chuyến đi biển và biết cách chế biến thành những món ăn rất ngon. Hơn nữa, khi nhìn thấy trái mì, anh ta không thể nhịn thêm một chút nào nữa.

- Thưa giáo sư - Anh ta nói - Nếu không được nếm thử loại quả này thì tôi sẽ chết mất.

- Thì ông cứ nếm đi, anh Nét, nếm bao nhiêu tuỳ thích. Chúng ta lên đây là để nếm thử mỗi thứ một ít mà.

- Sẽ không mất nhiều thời gian lắm đâu - Anh chàng người Ca-na-đa nói.

Nói rồi, Nét-len liền nhóm bếp lên, chỉ mấy phút sau đã nghe thấy tiếng củi khô nổ lép bép. Trong lúc đó, tôi và Công-xây chọn ra những quả mì ngon nhất. Có nhiều quả chưa được chín hẳn, vỏ vẫn còn dày và trắng, nhưng rất xốp. Những quả còn lại phần lớn đều vàng ươm và mềm chỉ chờ để hái xuống.

Loại quả này không có hạt. Công-xây mang về một đống cho Nét-len. Anh ta xắt ra thành những lát dày rồi đặt lên than hồng. Anh ta cứ nhắc đi nhắc lại mãi:

- Rồi ngài sẽ thấy nó ngon đến mức nào, nhất là đã lâu không được ăn bánh mỳ rồi. Nó thực sự không phải bánh mỳ thường mà là bánh ga-tô. Thế ngài chưa từng được nếm thử à?

- Chưa, anh Nét ạ.

- Thế thì tốt quá, ngài hãy nếm thử đi. Nếu ngài không đòi ăn thêm thì tôi không phải là vua săn cá voi nữa.

Mấy phút sau, bánh đã được nướng chín vàng, bên trong ruột trắng xốp, giống hệt như ruột bánh mỳ, mùi nó gần giống như mùi trái a-ti-sô.

Tôi phải thú nhận rằng loại bánh mỳ này thật tuyệt vời, tôi ăn hết sức ngon miệng.

- Bây giờ mấy giờ rồi? - Nét-len hỏi.

- Ít nhất là hai giờ rồi - Công-xây đáp.

- Trên đất liền thời gian trôi mới nhanh làm sao! Nét-len thở dài.

- Chúng ta phải quay về thôi - Công-xây nói.

Chúng tôi quay về bằng đường rừng, trên đường về lại bổ sung vào bộ thành phẩm một số loại đậu, rau và những củ khoai mỡ siêu hạng.

Đến năm giờ chiều, chúng tôi đã về đến thuyền, chất

đầy những thứ vừa thu được lên thuyền rồi rời khỏi đảo và chỉ nửa tiếng sau đã về tới con tàu Nau-ti-lux. Không ai ra đón chúng tôi, khối sắt khổng lồ vẫn nằm yên không động đậy. Chúng tôi xếp các thứ mang về rồi trở về phòng, sau khi dùng bữa tối, tôi lăn ra ngủ rất say.

Ngày hôm sau, mùng 6 tháng Giêng, trên tàu không có gì thay đổi. Không một tiếng động, không một dấu hiệu của sự sống. Chiếc xuồng vẫn dập dềnh bên cạnh tàu. Chúng tôi quyết định lại lên đảo Gin-boa một lần nữa. Nét-len hy vọng lần đi săn này sẽ may mắn hơn lần trước và muốn đi lên phía mé rừng bên kia.

Chúng tôi rời khỏi tàu lúc rạng đông. Chiếc thuyền được sóng đẩy nên chẳng bao lâu đã tới bờ.

Chúng tôi lên đảo và nghĩ rằng tốt hơn hết là cứ đi theo anh chàng Nét-len này, thế mà anh chàng chân dài này cũng suýt bỏ rơi chúng tôi đến mấy lần. Nét-len dẫn chúng tôi vào phía Tây hòn đảo, sau đó lội qua mấy con suối chảy xiết rồi đến một khoảng đất bằng phẳng có rừng bao bọc xung quanh. Mấy con chim bói cá tha thẩn bên bờ suối nhưng hễ chúng tôi đến gần là chúng tản ra ngay. Chắc hẳn những chú chim này đã khá dạn người nên có những kinh nghiệm cần thiết. Do đó, tôi kết luận rằng hòn đảo này có thể là không có người ở nhưng chắc chắn là có nhiều người ở nơi khác lui tới.

Sau khi đi qua những đồng cỏ phì nhiêu, chúng tôi đến một khu rừng toàn những cây nhỏ vang rộn tiếng chim hót và tiếng đập cánh rào rào.

- Chỉ toàn có chim là chim thôi - Công-xây nói.

- Chim thì cũng ăn được chứ sao - Nét-len đáp.

- Chẳng phải thế đâu, ông bạn ạ, vì tôi chỉ toàn thấy giống vẹt thôi.

- Anh bạn Công-xây thân mến ơi, một khi không có gì khác thì vẹt cũng ngon như gà lôi vậy thôi. Nét-len nói.

- Tôi nghĩ là nếu khéo nấu ra-thì vẹt cũng rất ngon - Tôi nói thêm.

Thực vậy, trong những tán cây rậm rạp của khu rừng có cả một thế giới vẹt đang ríu rít chuyền cành, chỉ cần có ai dạy là chúng có thể nói được tiếng người. Lúc này những con vẹt đủ màu sặc sỡ đang líu lo tán phét với nhau, những con vẹt mào thì như đang suy tư với những vấn đề triết học, vẹt lo-ri đỏ hiếu động nhảy nhót chuyền cành như những lá cờ bay trong gió, những con vẹt pa-puan thi nhau khoe sắc xanh da trời tuyệt đẹp, tất cả đều thật tuyệt vời nhưng lại ít loài có thể ăn thịt được.

Tuy nhiên, một giống chim đặc biệt mà chỉ trên đảo này mới có. Giống chim này chưa bao giờ vượt ra khỏi biên giới đảo A-râu và đảo Pa-pu-an. Chúng tôi thực sự muốn bắt một con về bổ sung cho bộ sưu tập, nhưng mà mong mãi vẫn chưa được nhìn thấy.

Qua một cánh rừng thưa, chúng tôi đến một bãi trống có nhiều bụi rậm, ở đây, tôi nhìn thấy một giống chim tuyệt đẹp, những chiếc lông dài giúp chúng bay nhanh trong gió. Chúng thật duyên dáng lượn vòng trong không trung, làm mọi người phải ngẩn ngơ đứng nhìn. Tôi không khó khăn gì trong việc nhận ra chúng, tôi reo lên:

- Chim thiên đường!

Người Ma-lai thường bắt chim thiên đường bán cho người Trung Quốc, họ có những cách bắt chim mà chúng tôi không thể áp dụng được. Có lúc họ đặt bẫy ở trên ngọn cây mà chim thiên đường hay lui tới. Khi thì họ lại phết nhựa dính trên cành, có khi họ còn tàn bạo hơn khi rải thuốc độc xuống nguồn nước mà chim thường uống. Nhưng chúng tôi

bắt buộc phải bắn khi chúng đang bay, mà bắn kiểu ấy thì rất khó trúng. Thú thực, chúng tôi đã lãng phí một nửa số đạn mang theo.

Đến khoảng mười một giờ sáng, chúng tôi đã đi qua dãy đồi thứ nhất sâu trong đảo mà chưa bắn được con chim nào. Chúng tôi đói cồn cào. Cánh đi săn thường phụ thuộc vào những gì săn được, nhưng nếu không săn được gì thì họ chỉ còn cách nhịn đói. Nhưng may sao Công-xây đã hạ được hai con chim bồ câu bằng hai phát súng, điều làm chính anh ta cũng phải ngẩn ngơ vì ngạc nhiên, chúng tôi vội vàng vặt lông và chất củi lên nướng. Trong khi đó, Nét-len lụi hụi nướng mấy quả mì. Chúng tôi ăn hết sạch hai con chim chỉ còn lại vài cái xương. Những con chim này thường ăn hạt nhục đậu khấu nên thịt rất thơm và ngọt.

- Thế nào, anh Nét, bây giờ thì anh còn thèm gì nữa không? - Tôi hỏi.

- Còn thèm thịt thú bốn chân nữa, mấy con chim bồ câu này chỉ là món phụ thôi. Còn nếu chưa hạ được một con thú bốn chân để làm món sườn nướng thì tôi chưa thể thoả mãn được.

- Tôi cũng vậy nếu tôi chưa bắt được một con chim thiên đường.

- Thế thì chúng ta tiếp tục đi săn - Công-xây nói - Chúng ta hãy đi về phía rừng gần bờ biển. Chúng ta đã đến triền dốc núi đầu tiên rồi, tôi nghĩ rằng chúng ta nên trở lại đường rừng thì hơn.

Công-xây nói rất phải nên chúng tôi nghe theo anh ta. Một giờ sau, chúng tôi đến một khu rừng toàn cây cọ rậm rạp. Những con rắn không độc thấy chúng tôi vội trườn ra xa. Những con chim thiên đường cứ thấy chúng tôi đến gần là bay đi mất, thú thật là đúng lúc tôi không còn hi

vọng gì tiếp cận được một con thì Công-xây đang đi đằng trước bỗng cúi xuống rồi phấn khởi reo lên, anh ta quay trở lại tay xách một con chim thiên đường.

- Hoan hô Công-xây! - Tôi nói.

- Giáo sư quá khen ạ.

- Anh bạn thật là giỏi, bắt sống được một con chim.

- Nếu giáo sư nhìn kỹ một chút thì sẽ thấy tôi không xứng đáng với lời khen như thế đâu ạ.

- Tại sao vậy, Công-xây?

- Vì con chim đang bị say.

- Bị say ư?

- Đúng vậy, nó ăn nhiều hạt bồ đào quá nên bị say, tôi bắt được nó ở dưới một gốc cây bồ đào. Anh Nét này, anh thấy chưa, sự thái quá đôi khi đưa đến hậu quả như thế đấy.

-Trời ạ - Nét-len kêu tướng lên - Suốt hai tháng qua tôi được uống rượu gin thoả thích nên anh mới phải trách móc tôi như thế hả?

Trong khi đó, tôi nghiên cứu con chim. Đúng là nó ăn quá nhiều quả hồ đào nên bị say, giờ nó rất yếu không thể bay được, khó chăn lắm mới cử động được đôi chân.

Con chim thuộc loài đẹp nhất trong số tám loài chim thiên đường sống trên đảo Pa-pua và các đảo lân cận, nó có màu ngọc lục bảo, loại quý hiếm nhất. Con chim dài ba mươi cen-ti-mét, đầu tương đối nhỏ, hai mắt nhỏ gần mỏ. Nhưng màu lông của nó thì tuyệt đẹp, mỏ màu vàng, chân và móng màu nâu, cánh màu hạt dẻ, đầu cánh ánh tía, cổ màu ngọc bích, bụng và ngực màu hạt dẻ thẫm. Lông đuôi rất dài và đẹp, tóm lại đó là giống chim thần kỳ mà thổ dân đặt cho nó một cái tên rất nên thơ là "chim mặt trời"

Nếu mong ước của tôi là có được một con chim thiên đường đã được thoả mãn thì nguyện vọng của anh chàng Nét vẫn chưa thực hiện được. Nhưng may mắn thay, lúc khoảng hai giờ anh ta bắn được một chú lợn rừng. Thế là chúng tôi đã có thịt thú bốn chân để chén. Nét-len rất hãnh diện về thành tích này của mình. Con lợn bị trúng đạn có điện gục ngã ngay. Nét-len làm lông, mổ thịt rồi chặt sườn để làm bữa tối. Sau đó, cuộc đi săn lại tiếp tục và những chiến công của Nét-len và Công-xây lại được ghi thêm.

Hai anh chàng sục sạo vào các bụi rậm làm những con chuột túi hoảng sợ chạy tán loạn. Nhưng chúng có chạy nhanh đến đâu thì cũng bị những viên đạn có điện bắn trúng.

-Thưa giáo sư - Nét-len nói oang oang hớn hở vì thành tích của mình - Những con thú tuyệt vời, nấu lên thì ngon phải biết. Con tàu Nau-ti-lux sẽ có thực phẩm dự trữ đáng giá đây. Hai, ba, năm con đã bị hạ, giáo sư nghĩ xem, chúng ta sẽ được chén hết số thịt này, còn cái lũ ngu dốt trên tàu thì đừng hòng động được vào một miếng.

Tôi nghĩ bụng anh chàng Nét này mà không quá phấn khích vì săn được thú như vậy, nếu không mải luyên thuyên ba hoa bốc phét như vậy thì hẳn đã hạ gục hết cả bầy chuột túi rồi chứ chẳng chơi. Nhưng anh ta hài lòng với khoảng hơn một chục con thú này. Những con thú này khá nhỏ, chúng thuộc loài chuột túi thỏ thường sống trong các hốc cây và chạy rất nhanh. Thịt chúng khá nhiều mỡ nhưng dù sao thế cũng là quý lắm rồi. Chúng tôi hết sức hài lòng với kết quả cuộc đi săn. Anh chàng Nét hớn hở đề nghị hôm sau lại quay lại hòn đảo hấp dẫn này để bắn hạ tất cả các loại thú bốn chân, nhưng anh ta không lường hết được những chuyện bất ngờ.

Sáu giờ tối, chúng tôi trở lại bờ biển. Chiếc thuyền vẫn đậu ở chỗ cũ. Con tàu Nau-ti-lux trông như một dải đá ngầm nhô lên giữa sóng biển cách bờ hai hải lý. Nét-len tranh thủ thời gian chuẩn bị bữa tối. Anh ta quả là một tay nấu ăn rất giỏi. Món sườn lợn nướng trên than hồng thơm lừng khắp đảo.

Bữa tối của chúng tôi thật tuyệt vời. Hai con chim bồ câu, bột trái cọ, quả mì, sáu quả dứa và món rượu mùi từ trái dừa làm chúng tôi phấn chấn hẳn lên. Tôi thậm chí đã nghĩ rằng sáng kiến của anh bạn Nét đã vượt xa ngoài tầm mong đợi của chúng tôi.

- Nếu tối nay chúng ta không trở về con tàu Nau-ti-lux thì sao nhỉ? - Công-xây hỏi.

- Thế nếu chúng ta không bao giờ trở lại con tàu Nau-ti-lux nữa thì sao? - Nét-len thêm vào.

Đúng lúc đó, một hòn đá bỗng rơi đúng chỗ chúng tôi ngồi, bỏ lại câu hỏi của Nét-len chẳng ai trả lời.

CHƯƠNG XXI

SẤM SÉT CỦA THUYỀN TRƯỞNG NÊ-MÔ

Chúng tôi quay đầu nhìn về phía bìa rừng, tôi sững sờ không kịp đưa tay lên miệng, còn Nét-len thì chẳng ngại ngùng gì.

- Đá không thể từ trên trời rơi xuống - Công-xây nói - Chỉ trừ thiên thạch.

Hòn đá thứ hai nhắm trúng chúng tôi làm chiếc đùi chim đang trên tay Công-xây rơi xuống đất càng làm cho nhận xét của anh ta có trọng lượng hơn. Cả ba chúng tôi đứng bật dậy, giương súng lên ngắm sẵn sàng nghênh chiến.

- Có khi đá do khỉ ném. Nét-len nói.

- Có lẽ vậy - Công-xây đáp, nhưng liền sau đó anh ta hét lên - Thổ dân!

- Chúng ta về thuyền ngay - Tôi nói rồi chúng tôi lao ngay về phía bờ biển.

Hành động của chúng tôi quả là kịp thời, vì ngay lúc đó khoảng hai chục thổ dân tay lăm lăm cung tên xuất hiện ở cửa rừng, chỉ cách chúng tôi có vài chục mét.

Chúng tôi chỉ còn cách bờ khoảng hai chục mét. Toán thổ dân đi chầm chậm về phía chúng tôi chứ không chạy đuổi theo nhưng rõ ràng là có thái độ thù địch. Đá và mũi tên bắn ra như mưa.

Mặc dù đang bị đe doạ nghiêm trọng nhưng Nét-len vẫn

không quên những con thú vừa săn được. Một tay anh ta cắp con lợn rừng, tay kia túm vài con chuột túi, tay xách nách mang vậy mà anh ta vẫn chạy như bay. Hai phút sau, chung tôi xuống đến bờ biển, cho thực phẩm và vũ khí xuống thuyền, đẩy thuyền ra khỏi bờ và cầm lấy mái chèo chẳng tốn mấy thời gian. Thuyền ra cách bờ khoảng chưa đầy bốn trăm mét thì có tới hơn một trăm thổ dân lội bì bõm tới thắt lưng vừa đuổi theo vừa kêu lên những tiếng mang rợ. Tôi để ý xem liệu tiếng ha hét của đám thổ dân có thu hút sự chú ý của thuỷ thủ trên con tàu Nau-ti-lux hay không. Nhưng tuyệt nhiên không, trên boong tàu to lớn đồ sộ đó vẫn vắng lặng như tờ.

Hai mươi phút sau, chúng tôi đã lên đến boong tàu. Cánh cửa sắt vẫn đang mở. Chúng tôi buộc chắc thuyền rồi trèo xuống bên trong tàu.

Tôi đi thẳng đến phòng khách vì nghe thấy tiếng đàn phong cầm từ đó vọng ra. Thuyền trưởng Nê-mô đang ở đó, cúi gập người trên phím đàn thả hồn trong những nốt nhạc.

- Thưa thuyền trưởng - Tôi gọi.

Ông ta không nghe thấy gì.

- Thưa thuyền trưởng - Tôi lại gọi, đưa tay chạm vào người ông ta.

Thuyền trưởng Nê-mô giật mình quay lại.

- A, Giáo sư A-rô-nát đấy ư? Chuyến đi săn của ông thế nào? Có nghiên cứu được nhiều thực vật không?

- Được nhiều, thưa thuyền trưởng. Nhưng không may chúng tôi lại dẫn theo về cả một bầy hai chân, chúng đã tấn công chúng tôi.

- Cái gì hai chân?

- Thưa là bọn man rợ.

- Bọn man rợ ư? - Ông ta nhắc lại bằng một giọng mỉa mai - Sao ngài lại ngạc nhiên như vậy, thưa giáo sư, khi đặt chân lên một vùng đất lạ và gặp bọn man rợ? Bọn man rợ thì ở đâu mà chẳng có? Hơn nữa, họ tồi tệ hơn những người khác ở chỗ nào?

- Nhưng thưa thuyền trưởng...

- Ngài đếm được bao nhiêu người?

- Ít nhất là một trăm.

- Thưa Giáo sư A-rô-nát - Thuyền trưởng Nê-mô đáp, tay vẫn không rời khỏi phím đàn - Kể cả khi tất cả thổ dân của đảo Pa-pua kéo nhau lên tàu, thì con tàu Nau-ti-lux cũng chẳng có gì phải sợ cả.

Những ngón tay của thuyền trưởng Nê-mô lại tiếp tục lướt trên phím đàn. Tôi để ý ông ta chỉ bấm những phím đen, vì vậy giai điệu của ông ta mang đậm màu sắc Scốt-len. Thuyền trưởng Nê-mô quên hẳn sự có mặt của chúng tôi mà thả hồn hoàn toàn vào tiếng nhạc. Tôi không dám làm phiền ông ta nữa.

Tôi lại lên boong, đêm đã xuống. Ở vĩ độ này mặt trời thường lặn đột ngột mà không có hoàng hôn. Hòn đảo đã nhoà đi phía xa. Nhưng những đống lửa vẫn đang cháy trên bờ chứng tỏ đám thổ dân chưa muốn rời khỏi chỗ đó. Tôi đứng một mình trên boong hàng mấy tiếng đồng hồ, thỉnh thoảng có nghĩ đến đám thổ dân nhưng không còn sợ họ nữa vì sự vững tin của thuyền trưởng Nê-mô đã truyền sang tôi. Đôi lúc, tôi quên đi sự có mặt của họ để ngắm cảnh huy hoàng tráng lệ của một đêm trên biển nhiệt đới. Tôi nhớ nước Pháp và dõi theo chòm sao Hoàng đạo mấy tiếng nữa sẽ chiếu sáng trên bầu trời Tổ quốc tôi.

Đêm trôi qua một cách êm đềm. Chắc toán thổ dân trên đảo hoảng sợ khi nhìn thấy một con quái vật khổng lồ đang

nằm yên trên bãi san hô. Chứ nếu không thì nắp tàu vẫn mở và họ dễ dàng lọt được vào bên trong con tàu Nau-ti-lux.

Sáu giờ sáng ngày 8 tháng Giêng, tôi leo lên boong tàu. Bình minh đang ló rạng. Sương sớm tan dần, bờ biển rồi đến những ngọn núi cao lần lượt hiện lên trước tầm mắt.

Những người thổ dân vẫn đứng đó, thậm chí còn đông hơn hôm trước, khoảng năm trăm, sáu trăm người. Một số người lợi dụng lúc nước triều xuống thấp tiến đến sát gần con tàu Nau-ti-lux, chỉ còn cách khoảng bốn trăm mét. Tôi nhìn thấy họ một cách dễ dàng, họ là những thổ dân chính cống của đảo Pa-pua, thân hình lực lưỡng, trán cao rộng, mũi to nhưng không tẹt, răng trắng. Bộ tóc hung đỏ quăn quăn ánh lên trên làn da đen bóng. Dái tai họ xỏ lỗ, đeo những chiếc khuyên tai to làm bằng xương. Hầu hết bọn họ đều không mặc quần áo. Trong số họ, tôi nhận ra mấy người phụ nữ mặc những chiếc váy đan bằng cây cỏ che từ hông xuống đầu gối. Mấy người dáng như thủ lĩnh trên cổ đeo những chiếc vòng gồm nhiều hình trăng lưỡi liềm và những hạt trắng và đỏ. Tất cả bọn họ đều mang cung tên và lá chắn. Sau lưng họ đeo một cái gùi đựng đầy những viên đá tròn mà họ dùng súng cao su bắn đi rất hiệu quả. Một trong số những thủ lĩnh tiến đến rất gần con tàu Nau-ti-lux và chăm chú quan sát. Anh ta có vẻ là một thủ lĩnh cấp cao vì anh ta quấn quanh người bằng một chiếc lá chuối có viền hình chữ V xung quanh, trang trí màu sắc sặc sỡ.

Tôi có thể dễ dàng hạ gục anh chàng này vì anh ta đứng ở tầm bắn không xa, nhưng tôi nghĩ rằng tốt hơn là cứ chờ anh ta tấn công trước đã. Khi người Châu Âu gặp một người thổ dân thì chỉ nên tự vệ hơn là tấn công.

Trong thời gian nước triều còn thấp, những người thổ

dân cư quanh quẩn bên con tàu Nau-ti-lux nhưng không có vẻ gì là thù địch cả. Tôi nghe thấy họ cứ lặp đi lặp lại một từ "a-xai", qua cử chỉ của họ tôi hiểu họ muốn mời tôi lên bờ, nhưng tôi từ chối.

Thế là cả ngày hôm ấy, chiếc thuyền không được tháo khỏi vị trí hôm trước khiến cho người thủ lĩnh trên đảo rất khó chịu vì không hoàn thành được sứ mạng của mình.

Anh chàng Nét-len thì bận rộn với việc làm mấy món ăn từ những thứ mang được trên đảo về. Còn những người thổ dân, đến mười một giờ trưa, họ đành phải quay trở lại đảo vì thuỷ triều lên làm các mỏm đá san hô dần dần chìm khuất trong làn nước. Nhưng tôi thấy họ tụ tập trên bờ thậm chí còn đông hơn lúc trước, có thể họ từ các đảo lân cận đi sang, có thể là từ đảo Pa-pua đến. Tuy nhiên tôi không nhìn thấy một chiếc thuyền độc mộc nào. Chẳng biết làm gì hơn, tôi nảy ra một ý thử nạo vét đáy biển san hô này một chút xem vì tôi nhìn thấy rất nhiều sò ốc và thực vật đẹp tuyệt qua làn nước trong vắt. Hơn nữa, hôm nay là ngày cuối cùng con tàu Nau-ti-lux đỗ lại vùng biển này, vì nếu như thuyền trưởng Nê-mô nói đúng thì đến mai khi triều lên, con tàu Nau-ti-lux sẽ lại rẽ sóng ra khơi.

Nghĩ vậy, tôi liền gọi Công-xây mang đến cho tôi một cái gầu giống như gầu để bắt sò. Bắt tay vào việc thôi! Suốt hai tiếng đồng hồ chúng tôi làm việc không mệt mỏi nhưng chẳng tìm được thứ gì đáng giá cả. Đúng vào lúc tôi tuyệt vọng nhất thì tôi tìm được một vật tuyệt diệu, đó là một sự sai sót của thiên nhiên, rất hiếm khi gặp. Công-xây vẫn đang hì hụi xúc vét, lưới của anh ta kéo lên toàn những vỏ sò ốc bình thường, lúc đó, anh ta nhìn thấy tôi thò vội tay vào lưới lấy ra một cái vỏ sò, anh ta nghe thấy tôi reo lên, một tiếng reo mãnh liệt nhất mà cổ họng con người có

thể thốt ra được.

- Có chuyện gì vậy, thưa giáo sư? - Anh ta ngạc nhiên hỏi - Giáo sư bị con gì cắn à?

- Không phải vậy, anh bạn thân mến, nhưng tôi vừa có một phát hiện tuyệt vời.

- Phát hiện gì vậy?

- Con sò này - Tôi nói, vừa hãnh diện giơ cao chiến tích của mình.

- Đây chỉ là một vỏ sò bình thường thôi mà.

- Đúng vậy, Công-xây, nhưng cậu để ý xem, xoắn của nó không phải từ phải sang trái mà xoắn từ trái sang phải.

- Có thể như thế được sao?

- Đúng vậy, bạn thân mến. Đó là con sò xoắn bên trái.

Sò thường xoắn về phía bên phải, rất ít khi có trường hợp ngoại lệ. Nếu gặp một con sò xoắn bên trái, những kẻ chơi sành điệu có thể trả giá nó bằng vàng theo trọng lượng con sò.

Tôi và Công-xây đang mải mê ngắm nghía vật báu vô giá của chúng tôi, tôi đang tự nhủ sẽ mang nó về tặng cho viện bảo tàng Pa-ri thì bỗng nhiên một hòn đá do một thổ dân bắn tới rơi trúng con ốc trên tay Công-xây làm nó vỡ tan tành. Tôi kêu lên một tiếng tuyệt vọng. Công-xây vớ lấy khẩu súng, nhắm vào người thổ dân tay đang cầm chiếc súng cao su đứng cách anh ta khoảng mười mét. Tôi lao đến để ngăn anh ta lại, nhưng anh Công-xây đã bóp cò, viên đạn bắn vỡ tan cái vòng trên tay người thổ dân.

- Công-xây, Công-xây! - Tôi hét lên.

- Thưa giáo sư, ngài không thấy thằng mọi rợ đó tấn công chúng ta trước hay sao?

- Một con ốc không đáng để hại một người đâu.

- Đồ ăn hại! - Công-xây kêu lên - Thà chúng bắn gãy vai tôi đi còn hơn.

Công-xây nói rất thật lòng, nhưng tôi không đồng ý với anh ta chút nào. Tuy nhiên, chúng tôi đã không quan sát được tình thế đã thay đổi vài phút trước đó. Một đoàn thuyền độc mộc vây quanh con tàu Nau-ti-lux. Thuyền là những thân cây khoét rỗng, dài và hẹp, đi rất nhanh, có hai mái chèo bằng tre giữ thăng bằng. Thuyền do những tay chèo thiện nghệ mình trần đóng khố điều khiển, tôi nhìn bọn họ mà không khỏi lo lắng khi thấy họ ngày càng tiến gần hơn. Rõ ràng thổ dân đảo Pa-pua đã rất quen thuộc với người Châu Âu nên biết rất rõ tàu thuyền của họ. Nhưng điếu xì gà đen sì bằng thép dài ngoằng thả neo tại nơi này lại không có ống khói, không có cột buồm, họ không biết phải hành động như thế nào cả. Chắc nó chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp đâu, nghĩ vậy nên lúc đầu họ luôn giữ một khoảng cách an toàn. Tuy nhiên, khi thấy con tàu cứ đứng yên một chỗ, họ dần dần can đảm hơn, chờ đợi cơ hội làm quen với nó. Giờ đây, cơ hội làm quen với họ lại chính xác là những gì mà chúng tôi đang cố tránh. Súng của chúng tôi bắn không kêu nên không làm họ sợ như những loại súng nổ to. Một tiếng sét mà không có tiếng động ầm ầm chỉ làm cho người ta hơi sợ một chút, mặc dù mối nguy hiểm nằm ở ánh sét chứ không phải là ở tiếng động.

Đúng lúc đó, một chiếc thuyền độc mộc tiến sát đến con tàu Nau-ti-lux, một cơn mưa tên dội lên trên thành tàu.

Tôi đi ngay xuống phòng khách nhưng không thấy ai cả. Tôi liền đánh liều gõ cửa phòng thuyền trưởng Nê-mô. Bên trong vang lên tiếng thuyền trưởng:

- Mời vào.

Tôi bước vào, thuyền trưởng Nê-mô đang mải mê tính

toán gì đó, trên bàn toàn những giấy tờ và các công thức đại số phức tạp.

- Tôi đã làm phiền thuyền trưởng phải không ạ? Tôi lịch sự hỏi.

- Thưa ngài, đúng vậy - Thuyền trưởng Nê-mô đáp - Nhưng hẳn là giáo sư phải có lý do gì quan trọng lắm.

- Hết sức quan trọng, những người thổ dân đang bao vây tàu, chỉ vài phút nữa thôi chúng ta sẽ bị hàng trăm thổ dân tấn công.

- À, ra vậy - Thuyền trưởng Nê-mô bình thản đáp - Họ đi thuyền đến à?

- Vâng, thưa thuyền trưởng.

- Được rồi, thưa ngài, chúng ta sẽ đóng nắp tàu lại.

- Đúng vậy, tôi đến để báo cho thuyền trưởng biết.

- Không có gì đơn giản hơn - Thuyền trưởng Nê-mô nói, sau đó ông ta ấn một cái nút điện ra lệnh cho thuỷ thủ.

- Thế là xong, thưa giáo sư - Ông ta nói - Thuyền đã được đặt vào chỗ cũ, nắp tàu đã được đóng lại. Tôi chắc là ngài không sợ những người đó chọc thủng vỏ tàu mà ngay đạn đại bác của các ngài cũng không làm gì được.

- Không, thưa thuyền trưởng, nhưng chúng ta vẫn còn một mối nguy nữa.

- Mối nguy gì, thưa ngài?

- Ngày mai, cũng vào giờ này chúng ta phải mở nắp tàu để lấy không khí cho tàu. Rồi nếu lúc đó thổ dân chiếm boong tài, ngài sẽ làm gì để ngăn bọn họ lại?

- Thưa ngài, ngài tin rằng họ sẽ trèo lên tàu?

- Tôi chắc chắn như vậy.

- Vâng, vậy thì cứ để cho họ lên. Tôi thấy không có lý do

gì ngăn cản họ cả. Suy cho cùng thì dân đảo Pa-pua cũng chỉ là những người thật đáng thương, và tôi không muốn chuyến viếng thăm của tôi tới đảo lại cướp đi sinh mạng của một người nào đó.

Nói chuyện xong, tôi muốn cáo từ nhưng thuyền trưởng Nê-mô giữ tôi lại và mời tôi ngồi xuống bên cạnh ông ta. Ông ta hỏi tôi về tình hình chuyến đi săn và chuyến thám hiểm trên đảo và hình như không thể hiểu nổi sự thèm ăn thịt của Nét-len. Sau đó, cuộc nói chuyện chuyển sang một số đề tài khác, thuyền trưởng Nê-mô vẫn ít lời như vậy, nhưng dường như tôi cảm thấy ông ta có vẻ thân thiện hơn.

Trong khi nói chuyện, chúng tôi vô tình đề cập đến tình hình của con tàu Nau-ti-lux đã bị mắc cạn ở vùng biển mà tàu của Đuy-mông Đuyếc-vin suýt bị đắm. Thuyền trưởng Nê-mô nói:

- Đuy-mông Đuyếc-vin là một trong những người đi biển lỗi lạc nhất của nước ngài và là một trong những nhà hàng hải lỗi lạc nhất. Ông ta là thuyền trưởng Cúc của nước Pháp. Nhưng ông ta lại là nhà khoa học thật không may mắn, sau khi đã chinh phục được những khối băng ở Nam cực, những đảo san hô ở Châu Đại Dương, những bộ lạc ăn thịt người ở Thái Bình Dương, ông ta lại bị chết thảm trong một tai nạn đường sắt. Nếu con người quả cảm ấy có một chút thời gian suy nghĩ trong những phút cuối cùng của cuộc đời mình thì ngài thử hình dung xem ông ta sẽ đau đớn đến mức nào.

Khi nói những lời như vậy, thuyền trưởng Nê-mô có vẻ hơi xúc động, tình cảm đó của ông ta khiến tôi kính phục ông ta hơn. Sau đó, cầm bản đồ trên tay, chúng tôi hình dung lại hành trình của hải quân Pháp, về chuyện ông ta hai lần bị mắc kẹt ở Nam cực dẫn đến việc khám phá ra

đảo A-đơ-lanh và đảo Lu-i Phi-lip, hoàn thành bản đồ các đảo chính ở Châu Đại Dương.

- Những gì Đuy-mông Đuyếc-vin đã làm trên mặt biển - Thuyền trưởng Nê-mô nói - Thì hiện nay tôi đang làm ở dưới nước một cách dễ dàng hơn, hoàn hảo hơn. Tàu A-xtô-láp và Dê-li trước kia luôn phải chống chọi với bão biển không thể sánh được với con tàu Nau-ti-lux, một toà nhà ngầm dưới nước, một phòng nghiên cứu thật yên tĩnh.

- Ngày mai, lúc ba giờ kém hai mươi phút chiều, con tàu Nau-ti-lux sẽ nổi lên và rời khỏi eo biển Tô-rê một cách bình yên vô sự - Thuyền trưởng Nê-mô đứng lên nói.

Sau khi nói những lời trên một cách khá cộc lốc, thuyền trưởng Nê-mô hơi cúi chào. Điều đó có nghĩa là ông ta muốn chấm dứt cuộc nói chuyện, tôi hiểu vậy và đi về phòng mình.

- Công-xây đang ở phòng tôi. Anh ta muốn biết kết quả cuộc nói chuyện của tôi với thuyền trưởng Nê-mô.

- Khi tôi hoảng sợ nghĩ rằng con tàu Nau-ti-lux sẽ bị bọn thổ dân tấn công thì thuyền trưởng Nê-mô lại trả lời tôi một cách hài hước. Tôi chỉ biết nói với anh một điều là hãy tin vào thuyền trưởng Nê-mô và cứ yên tâm đi ngủ.

- Thưa giáo sư, ngài có cần tôi giúp gì nữa không ạ?

- Không cần gì cả, anh bạn trẻ, à, mà Nét-len đang làm gì nhỉ?

- Nói giáo sư đừng cười - Công-xây đáp - Anh bạn Nét-len đang bận rộn chuẩn bị món bánh chuột túi, hẳn phải ngon lắm đấy.

Tôi cố dỗ giấc ngủ nhưng chỉ ngủ được chập chờn. Tôi nghe thấy tiếng của thổ dân, họ đã trèo hết lên boong tàu hò hét ầm ĩ. Đêm cứ thế trôi đi, nhóm thuỷ thủ trên tàu

vẫn bình chân như vại, không hề có phản ứng gì. Sự có mặt của toán thổ dân đối với họ chỉ như một con kiến bò qua mặt một chiến sỹ pháo binh đeo mặt nạ sắt kín mít không hơn.

Sáu giờ sáng, tôi tỉnh dậy, nắp tàu vẫn đóng im ỉm, không khí trong tàu vẫn chưa được nạp thêm, nhưng nhờ có mấy bể chứa dự trữ để dùng những khi khẩn cấp cung cấp mấy mét khối không khí quý giá mà không khí trong tàu vẫn còn dễ thở lắm.

Tôi làm việc trong phòng cho đến tận trưa mà không thấy thuyền trưởng Nê-mô đâu. Trên tàu cũng chẳng thấy sự chuẩn bị nào cho tàu chuyển động cả.

Tôi cố đợi thêm một lát, sau đó đi đến phòng khách. Đồng hồ điểm hai giờ rưỡi. Mười phút nữa thuỷ triều sẽ lên cao, và nếu thuyền trưởng Nê-mô tính toán không lầm thì con tàu Nau-ti-lux sẽ thoát ra khỏi chỗ mắc cạn.

Con tàu bắt đầu rung nhè nhẹ. Tôi nghe thấy tiếng rít khẽ của thân tàu thép cọ vào những dải san hô.

Đúng ba giờ kém hai mươi nhăm phút, thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện trong phòng khách.

- Chúng ta bắt đầu khởi hành - Ông ta nói.

- Vâng - Tôi đáp.

- Tôi mới ra lệnh mở nắp tàu.

- Thế còn bọn thổ dân đảo Pa-pua thì sao?

- Thổ dân đảo Pa-pua? - Thuyền trưởng Nê-mô hỏi lại, hơi nhún vai.

- Họ sẽ trèo vào trong tàu mất thì sao?

- Bằng cách nào?

- Chỉ việc nhảy qua nắp tàu mở sẵn.

- Thưa Giáo sư A-rô-nát - Thuyền trưởng Nê-mô điềm tĩnh đáp - Họ sẽ không thể lọt vào con tàu Nau-ti-lux bằng cách đó được đâu, ngay cả khi nắp tàu mở.

Tôi ngạc nhiên nhìn thuyền trưởng Nê-mô.

- Ngài không hiểu thật sao? - Ông ta hỏi.

- Thật sự tôi không hiểu.

- Vậy mời giáo sư theo tôi, rồi ngài sẽ hiểu.

Chúng tôi đến cầu thang giữa. Công-xây và Nét-len đang ở đó xem những thuỷ thủ mở nắp tàu. Những tiếng la hét điên dại vẫn văng vẳng bên ngoài.

Nắp tàu được mở lật ra ngoài. Chừng hai chục khuôn mặt hung hãn ló xuống. Nhưng người đầu tiên đặt tay vào tay vịn cầu thang định trèo xuống thì đã bị một sức mạnh vô hình đẩy ngã ngửa ra sau. Người đó rú lên một cách kinh hoàng rồi bỏ chạy.

Khoảng mười người khác định lao xuống cầu thang cũng chịu chung số phận với người kia.

Công-xây ngẩn ngơ không hiểu chuyện gì, còn Nét-len thì do bản tính nóng nảy liền lao ngay ra phía tay vịn cầu thang. Khi anh ta vừa đặt tay vào đó liền cũng bị hất ngửa ra sau.

- Tôi bị sét đánh - Anh ta hét lên và buột miệng chửi bậy.

Thế là đã rõ. Tay vịn cầu thang không phải là tay vịn bình thường, mà là những dây cáp điện, điện được dẫn từ phía trong. Ai chạm vào đó cũng bị điện giật, và dòng điện có thể giết chết người nếu thuyền trưởng Nê-mô cho chạy vào đó tất cả ắc quy trên tàu. Có thể nói rằng thuyền trưởng Nê-mô đã đặt một bức màn bằng điện không thể vượt qua được,ngăn giữa con tàu và những kẻ có ý định tấn công.

Trong lúc đó, những người thổ dân đảo Pa-pua hoảng sợ xô nhau chạy toán loạn. Còn chúng tôi thì vừa bấm bụng cười vừa an ủi xoa bóp cho Nét-len lúc đó đang ra sức chửi bới.

Đúng lúc đó, một đợt sóng lớn ùa đến nâng con tàu Nau-ti-lux ra khỏi bãi san hô, chính xác là vào lúc ba giờ kém hai mươi phút đúng như lời thuyền trưởng Nê-mô dự tính. Chân vịt của tàu bắt đầu quay với tốc độ ngày càng tăng, rẽ sóng trên mặt nước biển mênh mông, thoát ra khỏi eo biển To-rê một cách an toàn.

CHƯƠNG XXII

CƠN BUỒN NGỦ KHÓ HIỂU

Ngày hôm sau, ngày 10 tháng Giêng, con tàu Nau-ti-lux tiếp tục cuộc hành trình giữa hai vùng biển với tốc độ mà tôi ước tính không thể ít hơn ba mươi lăm dặm một giờ. Chân vịt quay nhanh đến nỗi tôi không thể theo dõi được vòng quay của nó và cũng không thể tính bằng vòng. Bỗng dưng tôi lại nhớ tới những tác dụng thần kỳ của điện, chẳng những đã làm tàu chạy, sưởi ấm, chiếu sáng con tàu Nau-ti-lux mà còn bảo vệ tàu khỏi sự tấn công từ bên ngoài, biến tàu thành một pháo đài bất khả xâm phạm, không có vật gì ngoại ý có thể đột nhập vào trong tàu mà không bị điện giật. Ý nghĩ của tôi bất giác lại hướng về người đã tạo ra sức mạnh thần kỳ đó.

Chúng tôi đi về phía Tây, ngày 11 tháng Giêng vòng qua mũi Oét-sen nằm ở 135 độ kinh và 10 độ vĩ Bắc tạo nên điểm mũi phía Tây của vịnh Các-pen-ta-ri-a. Ở đây cũng vẫn còn khá nhiều dải đá ngầm nhưng bằng phẳng hơn, lại có vị trí khá chính xác trên bản đồ hàng hải. Con tàu Nau-ti-lux dễ dàng tránh được những mỏm đá và những dải đá ngầm, từ từ tiến lên.

Ngày 13 tháng Giêng, thuyền trưởng Nê-mô cho tàu tiến thẳng đến biển Ti-mo, đến một hòn đảo có cùng tên như vậy nằm tại kinh tuyến 122 độ.

Từ đây, con tàu Nau-ti-lux đổi hướng về phía Tây Nam,

tiến về phía Ấn Độ Dương. Thuyền trưởng Nê-mô sẽ còn đưa chúng tôi đến với những kỳ quan gì nữa đây? Liệu ông ta có trở lại vùng biển Châu Á không? Hay ông ta sẽ quay về vùng biển Châu Âu? Cả hai khả năng đó đều không thể đối với một người đang cố trốn tránh khỏi thế giới loài người. Hay là ông ta sẽ đi về phía Nam? Liệu ông ta có cho tàu vòng về phía mũi Hảo Vọng, rồi mũi Hoóc, và cuối cùng là tiến đến Nam Cực? Liệu ông ta có quay lại Thái Bình Dương, nơi con tàu Nau-ti-lux tha hồ vẫy vùng sóng nước? Thời gian sẽ trả lời tất cả.

Sau khi vòng qua một loạt các đảo lớn nhỏ, ngày 14 tháng Giêng chúng tôi đã hoàn toàn ra khỏi tầm mắt các lục địa, về với môi trường nước mênh mông. Con tàu Nau-ti-lux chuyển về tốc độ trung bình, lúc thì lặn sâu xuống biển, lúc lại nổi bềnh bồng trên mặt nước. Trong suốt những ngày của cuộc hành trình này, thuyền trưởng Nê-mô say sưa làm những thí nghiệm về nhiệt độ của nước biển trên những vùng biển khác nhau. Bình thường, khi tiến hành những thí nghiệm kiểu này người ta cần dùng rất nhiều dụng cụ phức tạp, kết quả thu được thường không chính xác lắm vì ống kính của thiết bị đo nhiệt theo chiều sâu thường bị vỡ do áp suất của nước, hoặc các thiết bị bị hỏng do điện trở của kim loại thay đổi. Do vậy những kết quả thu được không đáng tin cậy lắm. Nhưng đối với thuyền trưởng Nê-mô thì ngược lại, ông ta tự mày mò thí nghiệm đo nhiệt độ nước tại những độ sâu khác nhau, nhiệt kế của ông ta đặt trực tiếp trong nước, cung cấp nhiệt độ mong muốn một cách chính xác và ngay lập tức.

Cho dù là bằng cách bơm nước vào bể chứa hay sử dụng những thanh trượt nằm nghiêng, con tàu Nau-ti-lux luôn đạt được độ sâu mong muốn ba, bốn, năm, bảy, chín và mười

ngàn mét, kết qủa chính xác thu được qua các cuộc thí nghiệm này là đại dương luôn đạt nhiệt độ trung bình là bốn phảy năm độ tại độ sâu năm ngàn sải (chín ngàn một trăm mét) tại tất cả mọi vĩ độ.

Ngày 16 tháng Giêng, con tàu Nau-ti-lux dường như chìm sâu vào giấc ngủ yên bình ở độ sâu cách mặt biển mấy mét. Các máy điện ngừng chạy, chân vịt ngừng quay, để mặc con tàu trôi theo dòng nước. Tôi đoán rằng các thuỷ thủ đang bận sửa chữa máy móc cho con tàu vì mấy ngày vừa qua tàu đã chạy quá nhanh.

Trong dịp đó, tôi và các bạn của tôi được chứng kiến một hiện tượng hết sức kỳ lạ. Cánh cửa sắt ở phòng khách mở ra, đèn pha tàu không được bật sáng, một thứ ánh sáng lờ mờ ngự trị trong làn nước. Tôi quan sát đại dương trong tình trạng đó, những con cá to lớn bơi qua trước mặt tôi cũng chỉ như những cái bóng sẫm màu vĩ đại. Bỗng nhiên, tôi thấy mọi vật đều bừng sáng. Lúc đầu, tôi nghĩ có lẽ đèn pha của con tàu Nau-ti-lux đã bật sáng, và chiếu ánh sáng điện thắp sáng môi trường nước. Nhưng sau khi quan sát kỹ hơn, tôi nhận ra mình đã lầm.

Con tàu Nau-ti-lux đã bị cuốn vào giữa một vùng nước tự phát sáng lân tinh, trong môi trường nước mờ mịt này lại càng sáng rực rỡ hơn. Ánh sáng này là do hàng hà sa số những sinh vật nhỏ li ti phát ra, lại càng tăng lên gấp bội khi gặp vỏ tàu bằng kim loại phản chiếu.

Con tàu Nau-ti-lux trôi trong vùng nước sáng rực rỡ suốt mấy giờ liền. Sự ngạc nhiên của chúng tôi càng tăng lên gấp bội khi nhìn thấy những con cá lớn bơi lội tung tăng trong đó như những con rồng lửa. Trong ánh sáng chói như những đám lửa bập bùng nhưng không làm ai bị bỏng đó, tôi thấy có những chú cá heo - những anh hề không biết

mỏi mệt của đại dương, tôi thấy những chú cá kiếm có tài báo bão dài tới ba mét, cứ nghịch ngợm dùng cái kiếm của mình chọc chọc vào ô cửa kính của con tàu Nau-ti-lux. Rồi các loại cá nhỏ hơn xuất hiện, nào là cá thu, cá cóc đuôi gai và hàng trăm loài cá khác, bơi qua bơi lại để lại những dấu sọc dài trong dòng nước lấp lánh. Có lẽ trên mặt biển đang có giông, nhưng ở dưới độ sâu này, con tàu Nau-ti-lux vẫn chẳng cảm thấy gì, vẫn dập dềnh trong sóng nước bình yên.

Chúng tôi say mê ngắm nhìn những cảnh kỳ diệu cứ nối tiếp nhau hiện ra trước mắt. Công-xây thì phân loại các thực vật, động vật thân mềm và các loại cá. Một ngày trôi đi thật nhanh, tôi hầu như chẳng để ý đến thời gian trôi đi thế nào nữa. Nét-len thì vẫn thích thú với việc thay đổi thực đơn hàng ngày trên tàu. Chúng tôi như những con ốc thu mình vào vỏ, và tôi phải thú thực rằng cuộc sống của một chú ốc thật dễ chịu.

Cứ như vậy, cuộc sống trên con tàu Nau-ti-lux thật dễ chịu và tự nhiên, chúng tôi bắt đầu quên mất rằng chúng tôi đã từng có một cuộc sống khác trên mặt đất. Nhưng lại có những chuyện xảy ra kéo chúng tôi trở lại với thực tế.

Ngày 18 tháng Giêng, con tàu Nau-ti-lux đang ở kinh tuyến 105 độ và vĩ tuyến 15 độ Nam. Thời tiết xấu, mây đen phủ kín bầu trời, biển động mạnh, gió thổi ầm ầm. Phong vũ biểu mấy ngày qua xuống thấp báo hiệu một cơn bão đang đến gần. Tôi lên boong tàu đúng lúc ông thuyền phó đang đo đạc gì đó. Tôi đợi ông ta sẽ nói câu nói hàng ngày của mình, nhưng hôm nay ông ta lại nói một câu khác mà tôi cũng chẳng hiểu được là gì. Ngay lúc đó, tôi thấy thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện, tay cầm một chiếc ống nhòm quan sát phía chân trời.

Thuyền trưởng Nê-mô chăm chú quan sát một vật gì đó ở phía xa, ông ta bất động trong vòng vài phút. Sau đó, ông ta hạ ống nhòm xuống, trao đổi mấy câu gì đó với ông thuyền phó. Ông thuyền phó có vẻ rất cố gắng nhưng không kìm nén được nỗi xúc động. Thuyền trưởng Nê-mô có vẻ bình tĩnh hơn một chút. Thuyền trưởng Nê-mô dường như đã phản đối điều gì đó, mà ông thuyền phó đáp lại bằng một sự đảm bảo rất nghi thức. Tôi đoán vậy là căn cứ vào giọng nói và cử chỉ của họ. Về phần mình, tôi chăm chú nhìn theo hướng đó nhưng chẳng thấy gì cả. Nước và trời như hoà vào làm một trong đường chân trời đang nhoè đi.

Thuyền trưởng Nê-mô đi đi lại lại từ đầu này đến đầu kia, không chú ý gì đến sự có mặt của tôi, có lẽ ông ta không biết tôi đang ở đó. Bước chân ông ta vẫn chắc nịch nhưng không đều như mọi khi. Thỉnh thoảng ông ta dừng lại, khoanh tay trước ngực và ngắm nhìn mặt biển. Ông ta đang tìm kiếm cái gì trên mặt nước mênh mông này vậy?

Con tàu Nau-ti-lux lúc đó đang cách bờ biển gần nhất hàng trăm hải lý.

Ông thuyền phó nhặt lấy chiếc ống nhòm đưa lên quan sát bầu trời. Ông ta bồn chồn đi đi lại lại, dậm dậm chân xuống sàn tàu, tỏ vẻ nôn nóng hơn hẳn người chỉ huy của mình. Thêm vào đó, hẳn vấn đề này rất quan trọng cần giải quyết ngay, ngay lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô ra lệnh cho tàu chạy, chân vịt bắt đầu quay ngày càng nhanh.

Viên thuyền phó lại gọi thuyền trưởng Nê-mô. Ông ta không còn đi đi lại lại như trước nữa mà hướng ống nhòm về phía chấm đen trên trời. Ông ta nhìn rất lâu. Tôi thấy rất tò mò không hiểu chuyện gì đang xảy ra nên quyết định xuống phòng khách lấy chiếc ống nhòm rất tốt mà tôi vẫn thường dùng mang lên boong. Tôi đứng dựa vào thành tàu,

nơi nhô hẳn ra ngoài đưa ống nhòm lên chuẩn bị quan sát mặt biển và bầu trời.

Nhưng tôi chưa kịp đưa ống nhòm lên mắt thì bỗng có ai đó giật nó ra khỏi tay tôi.

Tôi quay lại, thuyền trưởng Nê-mô đang đứng trước mặt tôi, nhưng tôi thật không nhận ra ông ta nữa. Ông ta đã biến thành con người hoàn toàn khác, mắt ông ta vằn đỏ, răng nghiến chặt, người sắt lại, hai bàn tay nắm chặt, đầu rụt lại... Tất cả đều toát lên sự căm giận cực độ. Ông ta không nhúc nhích. Chiếc ống nhòm của tôi rơi từ trên tay ông ta xuống đất.

Có phải tôi đã vô tình làm ông ta nổi giận không? Có phải con người bí hiểm này cho rằng tôi đã khám phá ra một bí mật nào mà tôi không được đụng tới không? Không, tôi không phải là đối tượng của cơn giận dữ đó, ông ta thậm chí còn không thèm nhìn tôi, ông ta vẫn dán mắt vào một điểm nào đó phía đường chân trời. Cuối cùng, thuyền trưởng Nê-mô cũng lấy lại được bình tĩnh như ngày thường. Ông ta trao đổi gì đó với ông thuyền phó bằng thứ ngôn ngữ khó hiểu rồi quay lại phía tôi nói như ra lệnh:

- Ngài A-rô-nát, yêu cầu ngài hãy tuân thủ các điều kiện đã ràng buộc với ngài.

- Đó là điều kiện gì vây, thưa thuyền trưởng?

- Ngài và các bạn của ngài sẽ phải ở trong phòng kín cho đến khi tôi thấy có thể thả các ngài ra.

- Ngài là chủ ở đây. Nhưng xin phép ngài cho tôi hỏi một câu - Tôi nói, mắt nhìn thẳng vào ông ta.

- Không hỏi gì hết, thưa ngài.

Chống lại mệnh lệnh độc đoán đó lúc này quả là vô ích. Tôi đi xuống phòng của Nét-len và Công-xây kể cho họ

nghe ý định của thuyền trưởng Nê-mô. Các bạn có thể tưởng tượng Nét-len đã đón nhận câu chuyện đó như thế nào.

Nhưng chúng tôi không còn thời gian tranh cãi nữa. Bốn thuỷ thủ đã đứng chờ sẵn ở cửa ra vào, dẫn chúng tôi đến căn phòng mà chúng tôi đã ở lại cái đêm đầu tiên đến con tàu Nau-ti-lux.

Nét-len định kêu gào phản đối, nhưng cánh cửa đã đóng sập lại trước mặt anh ta.

Công-xây hỏi tôi: -Xin giáo sư cho biết chuyện này có nghĩa là gì?

Tôi kể lại mọi chuyện cho họ nghe. Nghe xong, họ cũng ngạc nhiên không kém gì tôi, và cuối cùng chẳng ai giải thích nổi chuyện này nghĩa là thế nào.

Tôi cố đặt ra những giả thuyết về chuyện đã xảy ra, tôi chỉ có thể nghĩ đến vẻ mặt giận dữ của thuyền trưởng Nê-mô. Nghĩ mãi mà vẫn chưa tìm được lời giải thích, thì bỗng nhiên tiếng reo của Nét-len làm cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi.

- A, bữa sáng đây rồi.

Đúng là bữa sáng đã được dọn sẵn trên bàn, hẳn là thuyền trưởng Nê-mô đã ra lệnh này lúc cho tàu phóng nhanh hơn

- Xin giao sư hãy cho tôi nói một điều - Công-xây nói.

- Được, anh cứ nói đi.

- Giáo sư cứ nên ăn sáng đi đã, vì chúng ta chẳng biết điều gì sẽ xảy ra.

- Anh nói đúng, Công-xây ạ.

- Thật chán chết - Nét-len cáu kỉnh - Họ chỉ cho chúng ta thức ăn trên tàu.

- Thôi Nét-len ơi, thế anh nghĩ sao nếu họ chẳng mang

cho chúng ta bữa sáng nữa? - Công-xây hỏi.

Câu nói của Công-xây làm Nét-len cụt hứng, chúng tôi cùng ngồi xuống bàn lặng lẽ ăn.

Bỗng nhiên, ánh sáng từ ngọn đèn tròn trên tường phụt tắt, căn phòng chìm trong bóng tối. Nét-len chẳng mấy chốc đã ngủ say như chết, nhưng điều làm tôi ngạc nhiên tột cùng là Công-xây cũng vậy. Tôi đang phân vân tự hỏi không hiểu điều gì đã làm cho anh ta ngủ say không biết trời đất gì như vậy thì bỗng nhiên chính tôi cũng cảm thấy đầu bắt đầu nặng trĩu, hai mắt díu vào nhau. Mặc dù tôi đã cố giữ cho mắt mở to, nhưng không thể chống lại được. Đầu óc tôi ngập tràn những nghi ngờ. Chắc chắn là họ đã trộn thuốc ngủ vào thức ăn. Để che giấu kế hoạch bí mật của mình, thuyền trưởng Nê-mô cảm thấy giam chúng tôi vào phòng vẫn chưa đủ mà còn phải cho chúng tôi dùng thuốc ngủ nữa.

Sau đó tôi nghe thấy tiếng nắp tàu đóng lại. Không còn cảm thấy sóng biển dập dềnh đưa tàu theo sóng nữa. Chắc con tàu Nau-ti-lux đã rời khỏi mặt nước xuống đáy sâu yên tĩnh trong lòng đại dương.

Tôi cố chống lại cơn buồn ngủ nhưng không thể. Hơi thở của tôi yếu dần, tôi có cảm giác chân tay lạnh cóng và tê liệt. Mí mắt nặng như đeo chì díp lại, không thể mở ra được. Một giấc ngủ nặng nề đầy ảo giác. Rồi mộng mị bỗng biến mất, tôi chìm vào trạng thái bất tỉnh hoàn toàn.

CHƯƠNG XXIII

VƯƠNG QUỐC SAN HÔ

Sáng hôm sau tôi tỉnh dậy, đầu óc tỉnh táo một cách khác thường, tôi rất ngạc nhiên khi thấy mình ở trong phòng. Các bạn của tôi chắc hẳn cũng đã được đưa về phòng. Họ cũng không hơn gì tôi, chẳng biết chuyện gì đã xảy ra đêm hôm qua, chúng tôi chỉ còn hi vọng vào một sự tình cờ nào đó trong tương lai sẽ vén lên bức màn bí mật này.

Tôi muốn ra khỏi phòng. Không biết tôi đã được trả tự do chưa hay vẫn bị cầm tù? Cửa không khoá, tôi đẩy cửa ra ngoài, đi theo hành lang hẹp ra phía thang trung tâm. Nắp tàu hôm trước đóng lại đã mở ra. Tôi leo lên boong.

Nét-len và Công-xây đang đợi tôi ở đó. Tôi hỏi nhưng họ cũng chẳng biết gì hơn. Đêm hôm qua họ thiếp đi lúc nào không biết, đến sáng nay tỉnh dậy, họ hoảng hốt khi thấy mình đã ở trong phòng.

Con tàu Nau-ti-lux vẫn im lìm và bí ẩn như mọi khi. Nó đang từ từ chạy trên mặt nước. Trên boong mọi thứ vẫn không có gì thay đổi.

Ông thuyền phó lên trên boong tàu, ra lệnh gì đó xuống dưới.

Thuyền trưởng Nê-mô không thấy xuất hiện.

Trong số những người trên tàu hôm đó, tôi chỉ thấy một người phục vụ lặng lẽ như mọi khi.

Khoảng hai giờ chiều, tôi đang trong phòng khách lúi húi ghi chép thì thuyền trưởng Nê-mô bước vào. Tôi cúi chào. Thuyền trưởng Nê-mô hơi gật đầu chào lại mà không nói gì. Tôi tiếp tục làm việc, hy vọng rằng ông ta sẽ giải thích gì đó về việc đã xảy ra đêm qua. Nhưng ông ta chẳng nói gì. Tôi nhìn ông ta. Ông ta có vẻ mệt mỏi, hai mắt trĩu nặng chứng tỏ đã thức trắng cả đêm qua, khuôn mặt ông ta không giấu nổi vẻ buồn rầu. Ông ta cứ đi tới, đi lui, ngồi xuống rồi lại đứng lên, cầm lấy một cuốn sách bất kỳ nào đó rồi lại đặt xuống, đến xem các máy móc nhưng không ghi chép lại như mọi khi. Thuyền trưởng Nê-mô có vẻ đang rất bồn chồn. Cuối cùng, ông ta đi đến chỗ tôi và hỏi:

- Thưa Giáo sư A-rô-nát, ngài là bác sĩ phải không?

Tôi bị bất ngờ bởi câu hỏi đó, nên nhìn chằm chằm ông ta một lúc mà không nói gì.

- Ngài là bác sĩ phải không? Thuyền trưởng Nê-mô hỏi lại - Nhiều đồng nghiệp của ngài cũng có học y khoa.

- Vâng, trước khi vào viện bảo tàng tôi đã từng là bác sĩ điều trị tại bệnh viện.

- Thế thì tốt.

Câu trả lời của tôi rõ ràng đã khiến thuyền trưởng Nê-mô rất hài lòng. Nhưng tôi không biết phải nói gì thêm nên cứ chờ thuyền trưởng Nê-mô hỏi tiếp.

- Giáo sư A-rô-nát, xin ngài vui lòng xem bệnh giúp cho một thuỷ thủ của tôi được không?

- Anh ta bị ốm à?

- Vâng.

- Tôi sẵn sàng phục vụ ngài.

- Vậy mời ngài theo tôi.

Tôi thấy tim mình đập mạnh. Tôi linh cảm rằng chuyện

này có liên quan đến chuyện đã xảy ra đêm hôm qua. Tôi rất tò mò muốn biết chuyện gì xảy ra cũng như muốn biết anh chàng thuỷ thủ nào đó bị thương như thế nào.

Thuyền trưởng Nê-mô dẫn tôi tới phía buồng lái của con tàu Nau-ti-lux, tới một căn phòng gần phòng thuỷ thủ.

Trên giường có một người đang nằm. Anh ta khoảng bốn mươi tuổi, vẻ mặt rất cương nghị, đúng kiểu người Ang-lô Xắc-xông.

Tôi cúi xuống nhìn, anh ta bị thương chứ không chỉ bị ốm. Đầu anh ta quấn băng bê bết máu đặt trên một chiếc gối. Khi tôi tháo băng ra xem, anh ta chỉ nhìn tôi trừng trừng chứ không hề tỏ ra đau đớn. Đó là một vết thương thật khủng khiếp. Hộp sọ bị một vật sắc nhọn đâm thủng, phòi cả óc ra ngoài. Từng cục máu đông lại trên miệng vết thương giống như màu cặn rượu nho.

Não vừa bị đụng dập vừa tràn ra ngoài. Anh ta thở rất khó khăn, thỉnh thoảng mặt lại bị co thắt biến dạng. Tôi bắt mạch cho anh ta, mạch đứt quãng. Tứ chi bắt đầu tê cứng. Tôi nhận ra rằng anh ta không thể sống được bao lâu nữa. Sau khi lau sạch vết thương cho người thuỷ thủ xấu số, tôi băng bó lại cẩn thận và quay ra phía thuyền trưởng Nê-mô.

- Vết thương này do vật gì gây ra? - Tôi hỏi.

- Vật gì gây ra mà chả vậy? - Thuyền trưởng Nê-mô đáp, cố tránh câu hỏi của tôi - Một cú sốc mạnh làm tay đòn của máy gẫy và văng ra. Ngài thấy tình trạng của anh ta thế nào?

Tôi lưỡng lự không biết nói sao.

- Ngài có thể nói - Thuyền trưởng Nê-mô nói - Vì người này không nói được tiếng Pháp.

Tôi quay lại nhìn nạn nhân một lần cuối rồi nói:

- Anh ta sẽ chết trong vòng hai tiếng nữa.

- Không gì có thể cứu được anh ta à?

- Không gì cứu được.

Thuyền trưởng Nê-mô nắm chặt hai tay, nước mắt trào ra, tôi không bao giờ nghĩ được rằng thuyền trưởng Nê-mô có thể khóc.

Tôi đứng nhìn người thuỷ thủ đang hấp hối một lúc lâu. Dưới ánh điện nhợt nhạt đang chiếu sáng khắp giường, vẻ xanh xao của anh ta càng tăng lên gấp bội. Tôi nhìn vầng trán cao thông minh nhưng thời gian đã hằn nhiều vết nhăn, dấu hiệu chứng tỏ anh ta đã phải chịu nhiều gian khổ. Tôi đợi để xem bức màn bí ẩn của cuộc đời anh ta có được vén lên chút nào qua những lời trăng trối cuối cùng không thì bỗng thuyền trưởng Nê-mô nói:

- Giáo sư A-rô-nát, ngài có thể về được rồi.

Tôi để lại một mình thuyền trưởng Nê-mô trong phòng người thuỷ thủ sắp ra đi. Tôi quay về phòng mình trong lòng rất xúc động về cảnh tượng vừa được thấy. Nhưng ý nghĩ không ổn cứ ám ảnh tôi suốt cả ngày hôm đó, cả đến giấc ngủ cũng không yên, mộng mị chập chờn, tôi như nghe thấy đâu đây văng vẳng tiếng thở dài não nuột. Có phải họ đang cầu kinh cho người đã chết bằng thứ ngôn ngữ kỳ lạ mà tôi chưa hề được biết không?

Buổi sáng hôm sau, tôi lại leo lên boong. Thuyền trưởng Nê-mô đã lên đó trước tôi, ngay sau khi nhìn thấy tôi, ông ta liền đi lại phía tôi và nói:

- Giáo sư A-rô-nát, hôm nay ngài có vui lòng đi một chuyến ngầm dưới biển không?

- Cùng với các bạn của tôi chứ? - Tôi hỏi.

- Nếu họ muốn.

- Vậy chúng tôi xin theo ngài, thưa thuyền trưởng.

- Xin mời ngài mặc đồ lặn vào.

Thuyền trưởng Nê-mô không nói gì về người thuỷ thủ đang hấp hối hay đã chết. Tôi đi tìm Nét-len và Công-xây báo cho họ về đề nghị của thuyền trưởng Nê-mô. Công-xây hồ hởi nhận lời, còn Nét-len lần này cũng muốn đi cùng chúng tôi.

Lúc đó là tám giờ sáng. Đến tám giờ rưỡi, chúng tôi đã mặc xong đồ lặn, cầm đèn pin và đeo bình dưỡng khí. Cánh cửa phòng mở ra, thuyền trưởng Nê-mô đi đầu, khoảng hơn chục người thuỷ thủ theo sau, chúng tôi là những người cuối cùng bước xuống đáy biển sâu khoảng mười mét, nơi con tàu Nau-ti-lux đang đỗ lại.

Đáy biển gồ ghề dốc thoai thoải, đến độ sâu khoảng ba mươi mét thì hết dốc. Đáy biển ở đây khác hẳn so với đáy biển Thái Bình Dương mà tôi đã đi trong chuyến dạo chơi ngầm dưới nước lần trước. Ở đây không có tảo, không có cát, không có đồng cỏ, không có rừng, nhưng tôi lập tức nhận ra điều khác biệt, một thế giới thần kỳ mà thuyền trưởng Nê-mô đang dẫn chúng tôi đi. Đó là vương quốc san hô với rất nhiều loại san hô mà tôi đã được biết.

Ánh sáng đèn chiếu lên hàng vạn vật thật hấp dẫn, làm cho những cây san hô lóng lánh những ánh sắc diệu kỳ. Tôi như thấy hàng triệu cây san hô hình ống trụ dạng màng đang rung rinh theo từng đợt sóng. Tôi muốn đưa tay hái lấy những cánh hoa còn tươi rói, có những tua gai mềm mại xung quanh. Có những cánh vừa mới nở, có những cánh hoa còn đang nụ, những con cá nhỏ uốn lượn xung quanh, nhẹ nhàng chạm vào chúng như những con chim đang rỉa mồi. Nhưng tôi biết chỉ cần tôi khẽ chạm nhẹ vào những cánh hoa sống động, những thân cây đầy sinh lực đó thôi,

thì tất cả sẽ trở nên cảnh giác. Những cánh hoa trắng muốt sẽ sợ hãi thu mình vào cái vỏ màu đỏ, những bông hoa sẽ ủ rũ và cả vương quốc san hô sẽ biến thành một khối đá vô tri vô giác.

Sự tình cơ này đã dẫn tôi đến với một loại thực vật quý hiếm nhất trong lòng đại dương. Vương quốc san hô này còn đáng giá hơn gấp nhiều lần những gì tôi đã được chứng kiến dưới đáy Địa Trung Hải, tại bờ biển của I-ta-li-a, của Pháp, và của Bác-ba-ry. Những thực thể này quả là xứng đáng với cái tên "Huyết hoa" hay "Bọt huyết" mà giới kinh doanh đã đặt cho sản vật quý hiếm bậc nhất này. San hô được bán với giá 20 bảng một ao-xơ, ở khu vực này là nguồn cung cấp cho cả một công ty khai thác san hô.

Cuối cùng, sau hai tiếng đi bộ, chúng tôi đến độ sâu ba trăm mét, có thể nói đó là độ sâu tối đa mà san hô có thể tồn tại. Nhưng không hề có một bụi san hô nào, cũng không có bụi cây nhỏ nào, chỉ toàn những cây to sừng sững. Đó là một khu rừng rộng lớn gồm toàn những cây thực vật khoáng sản đồ sộ, những cây bằng đá khổng lồ. Chúng tôi đi thoải mái dưới những tán cây cao, trong khi đó dưới chân chúng tôi hàng ngàn loại thực vật nhỏ tạo thành một lớp thảm hoa có điểm những viên ngọc lấp lánh. Thật là một cảnh tượng kỳ thú.

Thuyền trưởng Nê-mô đứng lại. Tôi và các bạn cũng đứng lại, chúng tôi quay nhìn xung quanh, tôi thấy các thuỷ thủ đứng thành hình vòng cung phía sau thuyền trưởng Nê-mô. Nhìn kỹ hơn một chút, tôi thấy bốn người thuỷ thủ đang vác trên vai một vật gì đó dài dài.

Chúng tôi đứng giữa một bãi rộng có rừng cây bao quanh, ánh đèn điện chúng tôi mang theo chiếu những cái bóng khổng lồ trên nền đất, xung quanh tối đen như mực, chỉ có

vài đốm sáng lấp lánh từ những cành san hô.

Nét-len và Công-xây đang đứng cạnh tôi. Chúng tôi có linh cảm rằng sắp được chứng kiến một sự kiện rất đặc biệt. Đưa mắt nhìn quanh, tôi thấy trên nền đất có những cái gò nhỏ phủ một lớp đá vôi bên trên, chúng được sắp xếp rất đều nhau cho thấy có bàn tay con người can thiệp.

Giữa bãi trống, trên một mỏm đá nhô cao, có một chữ thập bằng san hô màu đỏ giang rộng xù xì khiến người ta có liên tưởng nó được làm bằng đá.

Theo lệnh thuyền trưởng Nê-mô, một thuỷ thủ tiến lên phía trước, bắt đầu dùng cuốc chim mang theo đào một cái hố cách chữ thập khoảng vài mét. Tôi đã hiểu tất cả. Đây là một nghĩa trang, cái hố đang đào là huyệt, còn cái vật dài dài kia chính là người thuỷ thủ đã chết đêm hôm qua. Thuyền trưởng Nê-mô và các thuỷ thủ đến đây chôn cất bạn mình tại nơi an nghỉ vĩnh viễn tận sâu dưới đáy đại dương này.

Họ chầm chậm đào huyệt. Những chú cá hoảng hốt túa ra từ bốn phía khi chỗ trú ngụ của mình bị phá vỡ. Tôi nghe thấy tiếng cuốc sắt chạm xuống nền đá chan chát, mỗi nhát cuốc lại toé lửa nơi đầu mũi. Cái huyệt ngày càng dài và rộng, chẳng mấy chốc mà đặt vừa người xuống. Cái xác liệm vải trắng được đưa xuống huyệt đầy nước. Thuyền trưởng Nê-mô và các thuỷ thủ cùng đi tay khoanh trước ngực, chân quỳ xuống cầu nguyện.

Huyệt được lấp đầy bằng đất đá xung quanh tạo thành một cái gò nhỏ. Khi đắp mộ xong, thuyền trưởng Nê-mô và các thuỷ thủ đứng dậy, đi tới gần mộ và lại quỳ xuống, tất cả giang hai tay ra để vĩnh biệt lần cuối cùng. Sau đó đoàn người đưa tang quay trở về. Chúng tôi lại đi dưới những tán cây khổng lồ, giữa những bụi cây, dọc theo những bụi

san hô. Cuối cùng, chúng tôi cũng nhìn thấy ánh đèn pha của con tàu Nau-ti-lux. Chúng tôi hướng theo ánh lửa soi đường đó và đến khoảng một giờ chiều thì về đến tàu.

Ngay sau khi tôi vừa thay quần áo xong, tôi lại leo lên boong ngồi cạnh chiếc đèn pha, đắm mình trong những suy nghĩ mông lung. Thuyền trưởng Nê-mô tới. Tôi đứng lên chào và hỏi ông ta:

- Như tôi đã nói, người đó tắt thở đêm qua phải không ạ?

- Vâng, thưa Giáo sư A-rô-nát.

- Và giờ đây anh ta được yên nghỉ bên cạnh những người bạn của mình trong nghĩa trang san hô phải không ạ?

- Vâng, và bị mọi người lãng quên, trừ chúng tôi. Chúng tôi đắp mộ, san hô sẽ chôn kín cái chết của chúng tôi vào cõi vĩnh hằng.

Thuyền trưởng Nê-mô lấy tay che mặt, cố ghìm lại những tiếng nức nở nhưng vô hiệu. Rồi ông ta nói tiếp:

- Đó là nghĩa trang của chúng tôi, sâu mấy chục mét dưới mặt biển.

- Thưa thuyền trưởng, ở đó họ được yên nghỉ mãi mãi, cá mập không làm gì được họ.

- Không chỉ cá mập, mà cả con người cũng không làm gì được họ - Thuyền trưởng Nê-mô lạnh lùng nói.

PHẦN II

CHƯƠNG I

ẤN ĐỘ DƯƠNG

Đến đây, chúng ta bắt đầu vào phần thứ hai của cuộc hành trình dưới đáy biển của chúng tôi. Phần thứ nhất đã kết thúc với những cảnh tượng xúc động tại nghĩa trang san hô, để lại trong tâm trí chúng tôi một ấn tượng sâu sắc. Như vậy, không chỉ cuộc sống mà cả cái chết của mình, thuyền trưởng Nê-mô cũng đã chuẩn bị kỹ càng dưới đáy biển sâu. Ở đó, không một loài vật nào có thể quấy rầy giấc ngủ vĩnh hằng của những người chủ trên con tàu Nau-ti-lux, của những người bạn đã gắn bó với nhau lúc sống cũng như lúc chết, "những người không là ai cả" như thuyền trưởng Nê-mô đã từng nói.

Tôi không hoàn toàn thoả mãn với giả thiết của Công-xây. Anh ta cho rằng thuyền trưởng Nê-mô là một học giả vô danh, vì bị hắt hủi nên bất mãn với cuộc sống, quyết định sống một cuộc đời lập dị. Hoặc ông ta là một thiên tài bất đắc chí, chán ghét cuộc sống trần tục nên lui về ẩn náu trong một môi trường gần gũi với tính cách phóng khoáng của ông ta, môi trường mà không ai có thể xâm phạm. Theo tôi, cách giải thích như vậy chỉ đúng một phần nào đó tính cách của thuyền trưởng Nê-mô.

Thực lòng, những bí mật đêm hôm trước, việc chúng tôi

bị nhốt trong phòng kín, về giấc ngủ bí ẩn, về sự đề phòng một cách bạo lực khi thuyền trưởng Nê-mô giật phắt chiếc ống nhòm trên tay tôi khi tôi chưa kịp đưa lên mắt nhìn ngắm đường chân trời, về vết thương trầm trọng của người thuỷ thủ được lý giải là do cú va chạm bí ẩn nào đó của con tàu Nau-ti-lux gây ra, tất cả những chuyện đó khiến tôi phải suy nghĩ lại. Thuyền trưởng Nê-mô không chỉ trốn tránh thế giới loài người. Con tàu đáng sợ của ông ta không chỉ là nơi ẩn náu của một người yêu tự do, mà có thể là một thứ vũ khí phục thù đáng sợ nhất.

Vào thời điểm này, đối với tôi chẳng có gì là rõ ràng cả. Tôi chỉ như đang dò dẫm trong ánh sáng le lói lờ mờ trong đêm tối, tôi chỉ còn biết ghi chép các sự kiện theo đúng thứ tự của nó.

Hôm đó là ngày 24 tháng Giêng năm 1868, vào buổi trưa, viên thuyền phó lại lên boong để đo vị trí của mặt trời so với mặt biển. Tôi lên boong, châm một điếu xì-gà rồi đứng quan sát hành động của ông ta. Hình như ông ta không biết tiếng Pháp vì mấy lần tôi to tiếng nêu lên nhận xét của mình, nếu ông ta nghe và hiểu chúng thì chắc chắn phải tỏ một dấu hiệu phản ứng nào đó, nhưng ông ta vẫn bình thản và lặng thinh.

Khi ông ta đang mải mê quan sát với kính lục phân trong tay, một thuỷ thủ của con tàu Nau-ti-lux đi lên, anh ta là người đã đi cùng chúng tôi trong chuyến thám hiểm đáy đại dương lần đầu tiên tới đảo Crét-xpô. Anh ta lên boong để lau kính đèn pha. Tôi quan sát sự lắp ráp của chiếc đèn, ánh sáng của nó được nhân lên gấp hàng trăm lần nhờ có những vòng tròn nhỏ hình hạt đậu, giống như trong một ngọn đèn hải đăng, giúp nó có thể chiếu sáng rực rỡ trên cả một vùng rộng lớn. Ngọn đèn điện được lắp ráp

theo cách để nó có thể chiếu sáng nhất. Thực tế, nó được làm theo kiểu va-cu-ô, đảm bảo cả tính ổn định và cường độ sáng.

Nhận ra con tàu Nau-ti-lux sắp sửa lặn xuống nước, tôi vội vàng đi xuống phòng khách. Tấm kính trong phòng đóng chặt, tàu đang đi về phía tây.

Chúng tôi đang đi trong lòng Ấn Độ Dương rộng mênh mông, trải dài trên diện tích hơn năm trăm năm mươi triệu héc ta. Nước ở đây trong vắt đến nỗi nhìn xuống có thể thấy chóng mặt. Con tàu Nau-ti-lux thường giữ độ sâu từ một trăm đến hai trăm mét. Chúng tôi giữ độ sâu như vậy trong mấy ngày liền. Ở địa vị tôi, có thể mọi người cho rằng cứ như vậy là mệt mỏi và đơn điệu, nhưng tôi lại say mê biển, những khi đi dạo trên boong, khi tôi đắm mình trong gió biển, rồi những cuốn sách trong thư viện, khi ngắm nhìn những kho báu trong lòng đại dương qua tấm cửa kính trong phòng khách, việc ghi chép những chuyện xảy ra hàng ngày, tất cả những chuyện đó đã chiếm hết thời gian của tôi, không còn lúc nào để buồn bã và mệt mỏi nữa.

Mấy hôm nay, chúng tôi gặp rất nhiều chim biển và mòng biển. Nhiều loại chim bắt cá rất thiện nghệ, nhiều loại khác thì nhởn nhơ đùa giỡn với sóng biển.

Còn về cá, chúng luôn làm chúng tôi phải trầm trồ sửng sốt khi chứng kiến những bí ẩn trong cuộc sống ngầm dưới nước qua ô cửa kính. Tôi phát hiện ra nhiều loại cá mà tôi chưa từng một lần được chiêm ngưỡng.

Từ ngày 21 đến ngày 23 tháng Giêng, con tàu Nau-ti-lux chạy với vận tốc hai trăm năm mươi dặm một ngày, hay nói cách khác là năm trăm bốn mươi hải lý trong vòng hai mươi bốn tiếng, hay hai mươi hai hải lý một giờ. Ánh

sáng rực rỡ của đèn pha thu hút hàng ngàn loại cá bơi theo tàu, nhưng do con tàu Nau-ti-lux chạy với tốc độ khá cao, nên đàn cá bơi theo cứ thưa dần, chỉ còn một số loài khoẻ lắm mới đua thêm với tàu được một thời gian ngắn nữa. Sáng ngày 24 tháng Giêng, tại 12,5 độ vĩ Bắc, và 94,33 độ kinh, chúng tôi đến đảo Ki-linh, một hòn đảo hình thành từ những tảng san hô bao phủ bởi những cây dừa to lớn, nhà bác học Đác-uyn và thuyền trưởng Fít-zroy đã từng có dịp lên thăm đảo này. Con tàu Nau-ti-lux chạy vòng quanh bờ biển, cách đảo một quãng không xa lắm. Tấm lưới thả đằng sau tàu bắt được hàng ngàn loại thực vật, các loại sò, và động vật thân mềm lạ mắt. Tôi tìm được mấy loại quý hiếm bổ sung vào bộ sưu tập vô giá của thuyền trưởng Nê-mô. Rồi đảo Ki-linh cũng dần khuất xa chân trời, hành trình của chúng tôi tiếp tục về hướng Tây Bắc tới quần đảo Ấn Độ.

Từ khi rời đảo Ki-linh, con tàu Nau-ti-lux chạy với tốc độ chậm hơn và đa dạng hơn một chút, chúng tôi thường xuống độ sâu rất lớn. Thỉnh thoảng, chúng tôi sử dụng tấm lái nghiêng để đi xiên trong nước, xuống dưới sâu hơn. Chúng tôi đi như vậy trong khoảng hai hải lý, nhưng chưa bao giờ xuống tận dưới đáy sâu nhất của Ấn Độ Dương, được biết là khoảng bảy ngàn sải. Nhiệt kế luôn chỉ nhiệt độ âm bốn độ. Tôi ghi nhận được một điều là càng xuống sâu, nhiệt độ càng lạnh hơn.

Ngày 25 tháng Giêng, đại dương hoàn toàn vắng lặng. Cả ngày hôm đó con tàu Nau-ti-lux chạy trên mặt biển, chân vịt của tàu quay nhanh làm nước bắn tung bọt trắng xoá. Ai nhìn thấy con tàu trong hoàn cảnh đó cũng tưởng lầm đó là một con cá voi khổng lồ. Tôi ngồi trên boong tàu gần hết cả ngày hôm đó. Tôi ngắm nhìn biển. Không có

một vật gì lọt vào trong tầm nhìn, cho đến khoảng bốn giờ chiều tôi mới thấy một chiếc tàu hơi nước chạy về phía Tây. Tôi nhìn thấy cột buồm tàu trong một lúc lâu, nhưng con tàu đó chẳng thể nhìn thấy chúng tôi vì con tàu Nau-ti-lux chỉ hơi nhô lên khỏi mặt nước. Tôi nhận ra con tàu thuộc Công ty P.O, chạy từ Xay-lông tới Xít-ny, ghé qua mũi Kinh Gioóc và Men-bơn.

Năm giờ chiều, trước khi những ánh sáng nhập nhèm giữa ngày và đêm buông xuống, tôi và Công-xây được chứng kiến một cảnh hết sức ngoạn mục.

Đó là một đoàn gồm hàng trăm con bạch tuộc rủ nhau nổi hết lên mặt nước. Chúng thuộc loài có xúc tu, là loài chỉ có biển Ấn Độ Dương mới có.

Loài động vật thân mềm duyên dáng này di chuyển theo chiều ngược ra sau nhờ có những cái chân di động, chúng đẩy nước ra phía sau và tiến lên trước. Trong số tám cái vòi to khoẻ, có sáu chiếc rất dài sải ra để khoả nước, còn lại hai cái chân phía trước co lại, khua khua trong gió như những mái chèo. Tôi say sưa ngắm nhìn những thân hình giống con nhện, còn cái đầu to nổi lên trên, hình dáng mà Cu-vi-ê đã so sánh với một chiếc thuyền thanh thoát. Thực sự là một chiếc thuyền. Nó chứa cả một thực thể bên trong mà không dính liền vào đó.

Con tàu Nau-ti-lux chạy suốt gần một tiếng đồng hồ giữa đoàn bạch tuộc đó. Rồi bỗng nhiên tôi không hiểu chúng sợ hãi điều gì mà tất cả chúng nhất loạt cụp mái chèo, thu chân lại, thân mình chùng xuống, thu mình vào vỏ, thay đổi trọng tâm thân hình và tất cả biến mất sau những con sóng. Không có một đội tàu nào có thể biểu diễn một màn trình diễn đồng đều hơn như thế.

Rồi màn đêm buông xuống, những đám lau sậy cao vút

bị gió thổi bay đến nằm hiền lành bên cạnh con tàu Nau-ti-lux.

Ngày hôm sau, 26 tháng Giêng, chúng tôi vượt qua xích đạo và vào vùng biển Bắc bán cầu. Suốt cả ngày hôm đó, có một đoàn cá mập hung tợn hộ tống theo tàu, chúng là những con cá mập thuộc loại hung hăng nhất có rất nhiều ở vùng biển này, khiến cho vùng biển này trở nên đáng sợ. Có những con cá mập lưng màu nâu, bụng trắng, được trang bị tới mười một hàng răng, rồi những con cá mập "mắt", gọi như vậy vì trong mồm chúng có những đốm đen to, xung quanh viền trắng trông giống như những con mắt. Cũng có loại cá mập I-sa-ben-la, loại có đốm đen trên mõm tròn. Những con vật hung tợn này cứ húc vào cửa sổ con tàu Nau-ti-lux làm chúng tôi cảm thấy thật bất an. Lúc đó, Nét-len không còn tự chủ được nữa, anh ta chỉ muốn nhảy ngay xuống nước, tóm lấy vài chú, nhất là những con cá mập săn có hàm răng trắng như khảm trai, những con mập hổ dài gần sáu mét. Nhưng con tàu Nau-ti-lux đã tăng tốc độ, dễ dàng bỏ lại cả những loài bơi nhanh nhất phía sau.

Ngày 27 tháng Giêng, trên đường vào vịnh Ben-gan, thỉnh thoảng chúng tôi gặp một cảnh tượng thật hãi hùng, đó là những xác chết nổi lềnh bềnh trên mặt nước. Họ là những người dân ở những làng thuộc Ấn Độ bị cuốn ra đây, những con chim kền kền to xác không đủ sức tiêu thụ hết, nhưng những chú cá mập hung hăng không thể khoanh tay đứng nhìn.

Khoảng bảy giờ tối, con tàu Nau-ti-lux nửa nổi nửa chìm, bỗng nhận ra mình đang chạy trong biển sữa. Có phải là ánh trăng đang toả chiếu không? Không phải, vì lúc đó trăng non mới được hai ngày vẫn đang e thẹn nép mình sau đường chân trời. Bầu trời dù đầy sao dường như càng

đen thẫm lại tương phản với màu trắng của mặt biển.

Công-xây không thể tin vào mắt mình, anh ta hỏi tôi về nguyên nhân của hiện tượng này. Rất may là tôi có thể thoả mãn được anh ta về việc này.

- Đó gọi là biển sữa - Tôi giải thích - Những vùng biển rộng lớn trắng như sữa thường gặp được ở vùng duyên hải Am-boy-na và vùng biển này.

- Nhưng, thưa giáo sư - Công-xây hỏi tiếp - Ngài có giải thích được nguyên nhân của hiện tượng này không ạ? Vì theo tôi, nước biển thực sự đâu có biến thành sữa được.

- Tất nhiên là không, anh bạn của tôi ạ. Màu trắng sữa của nước làm anh ngạc nhiên thực ra là do hàng tỉ tỉ sinh vật hết sức nhỏ, không màu phát sáng, chúng chỉ dày bằng độ dày của một sợi tóc, dài một phần trăm mi-li-mét. Những sinh vật này dính liền vào nhau và tạo thành từng mảng rộng đến vài dặm.

- Đến vài dặm cơ ạ? - Công-xây ngạc nhiên hỏi.

- Đúng vậy, và anh chớ uổng công đo đếm làm gì, anh sẽ không đủ sức làm việc đó đâu. Nếu tôi nhớ không lầm thì có tàu đã từng đi trên biển sữa rộng đến bốn mươi dặm.

Tới gần nửa đêm, biển lại trở lại màu nguyên thuỷ. Nhưng ở phía sau tàu, bầu trời phản chiếu ánh sáng trắng của nước, trong một thời gian dài như thấm vào với ánh sáng mờ ảo của bắc cực quang.

CHƯƠNG II

MỘT ĐỀ NGHỊ LẠ LÙNG CỦA THUYỀN TRƯỞNG NÊ-MÔ

Giữa trưa ngày 28 tháng Giêng, con tàu Nau-ti-lux nổi lên mặt nước, ở 9,4 độ vĩ Bắc, cách tàu tám dặm về phía Tây, thấp thoáng bóng đất liền. Điều đầu tiên tôi nhìn thấy là một dải núi cao khoảng bảy trăm mét. Khi xác định được vị trí của tàu, tôi nhận ra rằng chúng tôi đang ở gần đảo Xây-lông, hòn đảo nằm ở gần cực nam bán đảo Ấn Độ.

Thuyền trưởng Nê-mô và viên thuyền phó xuất hiện trong phòng, thuyền trưởng Nê-mô nhìn bản đồ rồi quay lại nói với tôi:

- Đây là đảo Xây-lông nổi tiếng với nghề mò ngọc trai, Giáo sư A-rô-nát, ngài có muốn đến xem nơi mò ngọc không?

- Tôi rất muốn, thưa thuyền trưởng.

- Cũng dễ thu xếp thôi. Tuy rằng chúng tôi sẽ đến chỗ mò ngọc, nhưng chúng ta sẽ không gặp được thợ mò ngọc đâu. Mùa mò ngọc chưa bắt đầu. Nhưng không vấn đề gì, tôi sẽ ra lệnh cho tàu hướng về phía vịnh Ma-na và ta sẽ đến đó trong đêm nay.

Thuyền trưởng Nê-mô nói gì đó với viên thuyền phó, ông ta đi ra ngay. Một lát sau, con tàu Nau-ti-lux bắt đầu lặn xuống, kim đồng hồ chỉ độ sâu mười mét.

- Được rồi, thưa Giáo sư A-rô-nát - Thuyền trưởng Nê-mô nói - Ngài và các bạn của ngài sẽ được đến thăm vùng

vịnh Ma-na, và nếu tình cờ có mấy người thợ mò ngọc ở đó thì chúng ta sẽ được xem họ làm việc.

- Vâng, thưa thuyền trưởng.

- Nhân tiện hỏi ngài, Giáo sư A-rô-nát, ngài có sợ cá mập không ạ?

- Cá mập ư? - Tôi kêu lên.

Câu hỏi đó đối với tôi có vẻ thừa.

- Sao? - Thuyền trưởng Nê-mô hỏi lại.

- Thưa thuyền trưởng, tôi phải thú nhận rằng tôi chưa quen được với loài cá này lắm.

- Thế mà chúng tôi đã quen với chúng, rồi ngài cũng sẽ quen thôi. Chúng ta sẽ được trang bị vũ khí, và trên đường đi chúng tôi có thể săn cá mập một chuyến. Sẽ hết sức thú vị đấy. Vậy hẹn ngài đến mai, giáo sư hãy chuẩn bị lên đường sớm.

Thuyền trưởng Nê-mô nói những lời trên bằng một giọng rất thản nhiên rồi ra khỏi phòng khách. Nếu có ai đó rủ bạn đi săn gấu ở vùng núi Thuỵ sĩ, bạn sẽ nói gì? "Rất tốt, ngày mai chúng ta sẽ đi săn gấu". Nếu bạn được rủ đi săn sư tử ở đồng bằng Át-lát, hay săn hổ ở rừng rậm Ấn Độ, bạn sẽ nói gì? "Haha, có vẻ như chúng ta sẽ đi săn sư tử hay đi săn hổ phải không?" Nhưng khi bạn được mời đi săn cá mập trong môi trường tự nhiên thì bạn phải suy nghĩ thật kỹ trước khi nhận lời. Về phần tôi, tôi đưa tay lên trán lau mấy giọt mồ hôi lấm tấm, tôi nghĩ bụng "Phải nghĩ thật kỹ đã, đừng vội vàng, đi săn rái cá ở vùng đảo Cret-xpô như lần trước là một chuyện, nhưng chuyện lò dò dưới đáy biển lúc nào cũng có thể chạm trán với cá mập lại là chuyện hoàn toàn khác. Tôi biết rất rõ ở một số nước, đặc biệt là ở quần đảo An-da-man, những người da đen không

ngần ngại tay lăm lăm con dao, một tay cầm thòng lọng xông thẳng vào tấn công cá mập. Tôi cũng biết rằng rất ít người trong số họ có thể sống sót trở về. Tuy nhiên, tôi lại không phải là người da đen, và nếu tôi có là người da đen đi chăng nữa, tôi cũng phải lường lự một chút trong hoàn cảnh đó để không phải mang tật suốt đời".

Lúc đó, Công-xây và Nét-len bước vào phòng, cả hai người bọn họ đều rất tươi tỉnh. Có lẽ họ chưa biết điều gì đang chờ đợi họ.

- Thưa giáo sư, thật lòng mà nói, thuyền trưởng Nê-mô đã đề nghị chúng ta một việc rất đáng hoan nghênh - Nét-len nói.

- À, vậy là các bạn đã biết - Tôi nói.

- Nếu giáo sư vui lòng - Công-xây ngắt lời -Thuyền trưởng Nê-mô mời chúng ta đi thăm vùng mò ngọc trai nổi tiếng ở đảo Xây-lông vào ngày mai, ông ta hết sức lịch thiệp và xử sự như một người quân tử thực thụ.

- Thế ông ta không nói gì thêm à?

- Không nói gì thêm cả, thưa ngài, ông ta chỉ nói là đã mời ngài tham gia cuộc dạo chơi dưới biển này.

- Thưa giáo sư - Công-xây nói tiếp - Ngài có thể nói cho chúng tôi một số điều về việc mò ngọc trai không ạ?

- Về cách mò ngọc trai hay về những chuyện ngẫu nhiên liên quan đến ngọc trai? - Tôi hỏi.

- Về cách mò ngọc trai - Nét-len đáp - Trước khi lên đường, chúng ta cần biết một chút về nó thì tốt hơn.

- Được rồi, thế thì mời các bạn ngồi xuống đây, tôi sẽ nói cho các bạn biết.

Nét-len và Công-xây ngồi xuống cạnh nhau trên chiếc đi văng, điều đầu tiên mà anh chàng Nét-len hỏi là:

- Thưa giáo sư, thế ngọc trai là gì ạ?

Tôi đáp:

- Đối với nhà thơ, ngọc trai là giọt lệ của biển cả, đối với các nước phương Đông, đó là giọt sương mai hoá đá, còn đối với các quý bà, đó là đồ trang sức hình bầu dục, màu lóng lánh mà họ đeo trên ngón tay, trên cổ hay trên tai, còn đối với nhà hóa học, đó là một hỗn hợp của muối fốt-fát và canxi cácbônát vôi cùng một chút giê-la-tin. Cuối cùng đối với nhà tự nhiên học thì nó chỉ là một cái u hình cầu nằm trong mô ác mềm của một số loài nhuyễn thể.

- Thế có trường hợp nào một con trai chứa nhiều ngọc không? - Công-xây hỏi.

- Có chứ, cũng có trường hợp một con trai chứa nhiều ngọc. Người ta đã nói đến một con trai, tuy tôi không tin lắm, chứa không dưới một trăm năm mươi con cá mập trong mình.

- Một trăm năm mươi con cá mập? - Nét-len sửng sốt hỏi.

- Tôi đã nói là cá mập ư? - Tôi vội vàng nói - Ý tôi nói là một trăm năm mươi viên ngọc. Cá mập chẳng dính dáng gì đến chuyện này cả.

- Tất nhiên là không dính dáng gì rồi - Công-xây nói - Xin giáo sư cho biết họ sẽ lấy ngọc ra bằng cách nào?

- Họ có thể lấy ra bằng nhiều cách. Khi bắt được một con trai, thợ mò ngọc thường lấy một cái kìm càng cua tách vỏ ra. Nhưng cách thông thường nhất là họ để con trai trên bãi rong biển trên bờ. Chẳng mấy lâu sau chúng sẽ chết, khoảng mười ngày sau chúng sẽ bắt đầu phân huỷ. Lúc đó họ sẽ thả chúng vào một bể nước biển, chúng sẽ mở nắp ra và được làm sạch. Bây giờ đến việc của các nhà phân

loại. Trước hết họ phân loại chúng theo loại ngọc, trên thị trường người ta gọi là trai trắng và trai đen. Rồi họ đóng thành hộp, mỗi hộp từ một trăm đến một trăm năm mươi ki-lô-gam. Sau đó họ tách nhu mô của con trai ra, luộc chúng lên, rồi cho vào một chiếc sàng để lấy ra những hạt ngọc trai nhỏ nhất.

- Thế giá cả của viên ngọc có phụ thuộc vào kích thước không ạ? - Công-xây hỏi.

- Không chỉ phụ thuộc vào kích thước - Tôi đáp -Mà còn phụ thuộc vào hình dáng, vào màu sắc, và vào độ sáng của ngọc khiến nó trông bắt mắt. Loại ngọc trai đẹp nhất được gọi là ngọc trai tinh khiết hay còn gọi là tuyệt phẩm. Chúng là những viên ngọc duy nhất hình thành hoàn toàn trong mô nhu của nhuyễn thể, màu trắng, thường là đục, thỉnh thoảng có viên trong suốt như ngọc mắt mèo, chúng thường có hình tròn hay hình ô van. Những viên hình tròn để xâu chuỗi hạt, những viên hình ô van để làm khuyên tai. Nhưng những viên quý nhất thường chỉ để nguyên như vậy. Những viên chạm vào vỏ trai thường không được tròn lắm, để bán theo trọng lượng. Cuối cùng là những viên ngọc nhỏ, bán theo kích thước, thường được dùng để thêu trang trí trong nhà thờ.

- Thế mò ngọc có nguy hiểm lắm không ạ? - Công-xây hỏi.

- Không nguy hiểm - Tôi đáp - Nếu như họ áp dụng mọi biện pháp an toàn.

- Thế thì cái nghề đó có gì là nguy hiểm đâu, cùng lắm là uống mấy ngụm nước biển chứ gì - Nét-len nói.

- Anh nói thì dễ lắm, Nét-len ạ. Thế anh có sợ cá mập không? - Tôi hỏi, cố lấy cái giọng bình tĩnh của thuyền trưởng Nê-mô.

- Tôi ư? - Nét-len khinh khỉnh nói - Một thợ săn cá voi nhà nghề ư? Tôi chẳng có gì mà phải sợ chúng cả.

- Nhưng đây không phải là vấn đề đứng trên tàu câu cá mập, kéo nó lên boong, chặt đứt đuôi, mổ bụng moi tim rồi quăng xuống biển.

- Thế đó là vấn đề...

- Chính xác.

- Ở trong nước?

- Ở trong nước.

- Thế mũi lao của tôi để làm gì. Ngài biết đấy, cá mập rất vụng về, nếu nó muốn đớp ngài thì nó phải ngửa bụng lên, trong lúc đó...

Nét-len nói từ -đớp" lạnh tanh làm tôi sởn cả gai ốc.

- Thế còn anh, Công-xây, anh nghĩ thế nào về cá mập?

- Tôi ư? - Công-xây nói - Tôi xin thành thật nói thế này, thưa giáo sư.

"Như vậy sẽ tốt hơn đấy" - Tôi nghĩ bụng.

- Công-xây nói tiếp : Nếu giáo sư quyết định đối mặt với cá mập thì tôi, người đầy tớ trung thành của ngài chẳng có lý do gì mà không đối mặt với chúng cả.

CHƯƠNG III

VIÊN NGỌC ĐÁNG GIÁ MƯỜI TRIỆU BẢNG

Bốn giờ sáng hôm sau, thuyền trưởng Nê-mô cử một thuỷ thủ đến đánh thức tôi dậy. Tôi vội vàng mặc quần áo rồi đi đến phòng khách.

Thuyền trưởng Nê-mô đang chờ tôi ở đó.

- Giáo sư A-rô-nát, ngài đã sẵn sàng lên đường chưa? - Thuyền trưởng Nê-mô hỏi.

- Tôi đã sẵn sàng, thưa thuyền trưởng.

- Vậy xin ngài theo tôi.

- Thế còn các bạn của tôi thì sao?

- Họ đã được báo trước và đang chờ ngài.

- Thế chúng ta không mặc đồ lặn vào ư? - Tôi hỏi.

- Không phải bây giờ. Tôi không muốn cho con tàu Nau-ti-lux vào gần bờ quá, chúng ta vẫn cách bờ biển Ma-na một khoảng khá xa. Nhưng chúng ta đã có thuyền, nó sẽ đưa chúng ta đến nơi đã định, rút ngắn được một quãng đường khá dài. Chúng ta sẽ mang theo đồ lặn, chỉ cần mặc vào khi bắt đầu lặn xuống nước.

Thuyền trưởng Nê-mô dẫn tôi đến thang trung tâm, rồi lên boong. Nét-len và Công-xây đang chờ tôi ở đó, họ có vẻ rất phấn khởi với cuộc du ngoạn vui vẻ sắp diễn ra. Năm thuỷ thủ của con tàu Nau-ti-lux đang cầm mái chèo ngồi

chờ trong thuyền.

Trời vẫn còn tối. Vài vì sao thưa thớt lấp lánh trên trời đầy mây. Tôi nhìn về phía đất liền, nhưng chẳng nhìn thấy gì ngoài một dải mờ mờ kéo dài bao phủ ba phần tư đường chân trời, từ phía Tây nam đến tây bắc. Con tàu Nau-ti-lux cả đêm qua đã chạy dọc theo bờ biển phía Tây đảo Xây-lông, giờ đây đang ở gần cửa vịnh giữa bờ biển Xây-lan và đảo Ma-na. Nơi đó, dưới những lớp nước sâu là những mỏm đá ngầm, có một kho ngọc trai vô tận trải dài đến hai mươi dặm.

Thuyền trưởng Nê-mô, Nét-len, Công-xây và tôi ngồi ở phía sau của thuyền. Một thuỷ thủ cầm lái, còn bốn người còn lại chèo thuyền. Chúng tôi rời khỏi tàu.

Thuyền đi về phía nam, mấy thuỷ thủ chèo thuyền không có gì là vội vã. Tôi để ý thấy mỗi động tác chèo của họ rất nhanh, mạnh cách nhau đúng mười giây, giống như cách chèo của hải quân. Trong khi thuyền chầm chậm trôi đi, những giọt nước từ mái chèo chảy xuống mặt biển trông như những dòng chì nấu chảy. Thỉnh thoảng có một con sóng cuộn lên làm thuyền tròng trành một chút, mấy ngọn cỏ lau nổi lềnh bềnh bên cạnh.

Chúng tôi đều im lặng. Thuyền trưởng Nê-mô đang nghĩ gì vậy? Có lẽ ông ta đang nghĩ về vùng đất chúng tôi sắp đến, những vùng đất đó quá gần đất liền đối với ông ta, ngược lại hẳn với Nét-len vì anh ta cho là vẫn còn xa quá. Còn đối với Công-xây, anh ta chỉ đến đây vì tò mò mà thôi.

Năm rưỡi sáng, những tia nắng đầu tiên của buổi bình minh mang đến ánh sáng khiến chúng tôi nhìn rõ phần phía trên của dải đất, phần phía đông thì bằng phẳng còn phía nam thì hơi gồ ghề hơn. Chúng tôi vẫn còn cách bờ năm dặm, biển vắng lặng không một bóng thuyền. Đến sáu

giờ sáng, trời đột nhiên sáng rõ, đó là đặc điểm của những vùng nước nhiệt đới, nơi mà cả bình minh lẫn hoàng hôn đều không có. Giờ đây tôi đã nhìn thấy rõ đảo, vài cái cây thưa thớt trên bờ. Chiếc thuyền tiến gần vào mũi phía nam đảo Ma-na. Thuyền trưởng Nê-mô đứng dậy quan sát mặt biển.

Thuyền trưởng Nê-mô ra lệnh thả neo, nhưng chiếc neo chỉ chạy một lát là đã chạm đáy vì nước ở đây sâu không quá một mét, đây là một trong những điểm sâu nhất của bãi mò ngọc trai.

- Chúng ta đã đến nơi rồi, thưa Giáo sư A-rô-nát - Thuyền trưởng Nê-mô nói - Ngài có nhìn thấy cái vịnh kín này chưa? Chỉ một tháng nữa thôi, ở đây sẽ kín đặc tàu thuyền mò ngọc và các tay lái buôn, và các thợ lặn gan dạ sẽ trổ tài dưới đáy biển. Vịnh này quả là lý tưởng cho việc mò ngọc trai. Những ngọn núi chắn những cơn gió mạnh thổi vào, biển lại không cuộn sóng, tạo điều kiện tốt nhất cho thợ lặn hoạt động. Chúng ta hãy mặc đồ vào và bắt đầu cuộc tham quan!

Tôi không nói gì, chỉ lặng lẽ ngắm nhìn từng con sóng, một thuỷ thủ giúp tôi mặc bộ đồ lặn nặng nề vào người. Không một thuỷ thủ nào trên con tàu Nau-ti-lux đi theo chúng tôi trong chuyến thám hiểm này.

Chúng tôi nhanh chóng mặc những bộ quần áo bằng cao su bó chặt vào người, bình chứa khí nén đeo ở sau lưng. Nhưng tôi chẳng thấy máy Rum-coóc-phơ đâu. Trước khi đội mũ lặn vào, tôi nhắc thuyền trưởng Nê-mô về chuyện đó, ông ta đáp:

- Chúng ta không cần tới máy đó, chúng ta không lặn xuống sâu, dưới đó chỉ cần ánh sáng mặt trời là đủ. Hơn nữa, ánh đèn điện ở vùng biển này là rất nguy hiểm vì ánh

sáng chói lọi của nó có thể thu hút các loài cá dữ tới.

Trong khi thuyền trưởng Nê-mô nói những lời đó, tôi quay sang phía Nét-len và Công-xây, họ đã đội mũ lên đầu nên chẳng nghe thấy gì.

Tôi hỏi thuyền trưởng Nê-mô một câu cuối cùng:

- Thế còn vũ khí của chúng ta thì sao, súng của chúng ta đâu?

- Súng ư? Súng để làm gì? Chẳng phải những người miền núi đi săn gấu chỉ cần dùng dao găm thôi sao? Dao găm thép đâu có kém an toàn hơn đạn chì. Đây là một con dao găm rất tốt, ngài hãy giắt vào thắt lưng rồi chúng ta lên đường.

Tôi quay sang nhìn hai người bạn của mình, họ cũng được trang bị giống như chúng tôi, hơn nữa, Nét-len còn đeo thêm cả mũi lao mà anh ta đã mang theo khi rời con tàu Nau-ti-lux.

Theo gương thuyền trưởng Nê-mô, tôi đội mũ lên đầu và bật bình khí lên. Chỉ mấy giây sau chúng tôi đã đặt chân xuống đáy biển, lần lượt từng người một. Ở độ sâu không quá một mét rưỡi, chân chúng tôi đã chạm cát. Thuyền trưởng Nê-mô khoát tay ra hiệu, chúng tôi theo ông ta xuống một sườn dốc thoai thoải. Một lát sau, chúng tôi tới một hố sâu khá to.

Tôi sững sờ trước cảnh tượng diệu kỳ. Từng đàn cá lớn màu sắc sặc sỡ đang tung tăng bơi lượn dưới chân chúng tôi. Tôi nhận ra rất nhiều loài cá quý hiếm, hình thù rất lạ mắt.

Những tia sáng mặt trời rọi qua làn nước trong vắt, đáy biển được chiếu sáng như ban ngày, chúng tôi nhìn rõ cả những con vật nhỏ nhất.

Khoảng bảy giờ sáng, chúng tôi đã tới điểm cuối cùng

của bãi ngọc trai, ở đó có hàng triệu con trai đang mùa sinh sản.

Thuyền trưởng Nê-mô chỉ cho chúng tôi xem nơi có nhiều trai lấy ngọc nhất, tôi hiểu rằng kho báu này là vô tận vì sức sáng tạo của thiên nhiên vẫn vượt xa khả năng phá hoại của con người. Nét-len vốn có bản năng phá hoại đó nên vội vàng nhặt những con trai đẹp nhất nhét đầy vào túi lưới đeo ở thắt lưng. Chúng tôi không dừng lại, chúng tôi phải đi theo thuyền trưởng Nê-mô, người hình như đang dẫn đường cho chúng tôi theo con đường mà chỉ riêng ông ta biết. Đáy biển bỗng dưng gồ cao lên, đôi khi tôi giơ cao tay lên và tay tôi đã thò lên khỏi mặt nước. Rồi đáy biển lại dốc xuống, chúng tôi gặp những mô đá nhọn như hình kim tự tháp gồ ghề, có những sinh vật hình thù quái dị sống trong những hốc đá tối om, giơ giơ những cái móng vuốt như muốn hù doạ chúng tôi, giương những cặp mắt thô lố như muốn nuốt chửng chúng tôi.

Bỗng nhiên, trước mắt chúng tôi hiện ra một cái hang rộng tạo nên trong một mỏm đá. Bên ngoài hang, cây cỏ phủ kín dày đặc. Trong hang rất tối, ánh sáng mặt trời không đủ sức lọt vào tận trong, trở thành một thứ ánh sáng mờ ảo. Thuyền trưởng Nê-mô bước vào, chúng tôi đi theo. Tôi thích ứng rất nhanh với ánh sáng mờ ảo trong hang. Tại sao thuyền trưởng Nê-mô lại dẫn chúng tôi vào sâu trong hang này làm gì nhỉ? Câu hỏi của tôi sớm có câu trả lời. Sau khi đi xuống một đoạn dốc đứng, chúng tôi tới một chỗ trông giống hình cái giếng. Thuyền trưởng Nê-mô dừng lại, giơ tay chỉ cho chúng tôi xem một vật mà ngay lúc đó tôi chưa nhận ra là gì. Đó là một con trai có kích thước to lạ thường, một sinh vật khổng lồ mà cái vỏ của nó có thể chứa được nước của cả một cái hồ. Con trai có đường kính

tới hai mét, còn lớn hơn con trai trưng bày ở phòng khách con tàu Nau-ti-lux. Tôi tới gần con vật to lớn này, nó gắn chặt xuống nền đá. Tôi ước lượng nó phải nặng tới ba trăm ki-lô-gam, trong đó phải có đến mười lăm ki-lô-gam thịt.

Thuyền trưởng Nê-mô chắc hẳn đã biết rõ con trai này và dường như ông ta có lý do riêng của mình khi đến đây, ông ta muốn biết tình trạng của nó. Vỏ trai hơi hé mở, thuyền trưởng Nê-mô đến gần rồi nhét con dao găm của ông ta vào giữa hai vỏ để ngăn không cho nó ngậm vào. Sau đó, thuyền trưởng Nê-mô lấy tay nâng mép ngoài có tua viền của áo trai lên, giữa những nếp gấp, tôi nhìn thấy một viên ngọc mà kích thước phải to bằng quả dừa. Đó là một viên ngọc tròn và trong sáng tuyệt vời. Một vật vô giá. Quá phấn khích khi nhìn thấy viên ngọc diệu kỳ đó, tôi giơ tay định chụp lấy để đo xem nó to bao nhiêu, để thử ước lượng xem nó nặng bao nhiêu. Nhưng thuyền trưởng Nê-mô ra hiệu cho tôi ngừng lại rồi rút ngay con dao ra khỏi vỏ trai, hai vỏ trai liền khép ngay lại. Tôi đã hiểu ý định của thuyền trưởng Nê-mô. Ông ta để nguyên viên ngọc lại dưới lớp áo con trai để cho nó lớn dần lên. Mỗi năm những chất con trai tiết ra lại bồi thêm những lớp tròn đồng tâm cho viên ngọc. Tôi ước lượng viên ngọc này phải trị giá ít nhất một triệu frăng.

Mười phút sau, thuyền trưởng Nê-mô dừng lại. Tôi nghĩ rằng thuyền trưởng Nê-mô đã định chấm dứt chuyến du ngoạn và chuẩn bị quay về. Nhưng không phải như vậy, thuyền trưởng Nê-mô ra hiệu cho chúng tôi nép vào sau khe đá và chỉ cho chúng tôi thấy một chấm đen thấp thoáng xa xa. Tôi căng mắt ra nhìn.

Cách chúng tôi khoảng năm mét có một bóng đen thấp thoáng và đang chìm xuống đáy biển. Đầu óc tôi hốt hoảng

nghĩ ngay đến cá mập, nhưng tôi đã lầm, lần này cũng không phải loài cá dữ của biển cả.

Đó là một người đàn ông, một người còn sống, một thợ mò ngọc trai người Ấn Độ nghèo khổ. Tôi đoán anh ta đến mò ngọc sớm hơn bình thường. Tôi thoáng nhìn thấy đáy thuyền của anh ta bồng bềnh cách anh ta vài mét. Anh ta cứ lặn xuống rồi lại ngoi lên. Khi lặn anh ta kẹp một viên đá vào giữa hai chân, một sợi dây thừng buộc chặt anh ta với chiếc thuyền để anh ta ngoi lên nhanh hơn. Đó là tất cả bộ đồ lặn của anh ta. Khi lặn xuống đáy biển cách mặt nước khoảng năm mét, anh ta buông hòn đá ra, bò lổm nhổm nhặt những con trai nhét đầy vào túi lưới đeo bên hông. Sau đó anh ta ngoi lên, đổ hết trai vào thuyền, kéo hòn đá lên rồi lại tiếp tục một chu kỳ như vậy. Mỗi chu kỳ như vậy kéo dài khoảng ba mươi giây.

Người thợ mò ngọc không nhìn thấy chúng tôi. Những mỏm đá gồ ghề đã che khuất tầm nhìn của anh ta. Vả lại, anh ta có nằm mơ cũng không tưởng tượng được là có những con người thực thụ như anh ta lại có thể đứng đó mà quan sát từng hành động nhỏ của mình. Có nhiều lần anh ta ngoi lên rồi lặn xuống, mỗi lần chỉ mang lên được không quá mười con trai vì anh ta phải dùng sức cậy chúng ra khỏi mặt đá, mà trai thì bám rất chắc. Hơn nữa, có biết bao nhiêu con trai anh ta phải đánh liều cả mạng sống của mình mang lên không có ngọc trong người? Tôi chăm chú theo dõi anh ta, anh ta thực hiện công việc của mình một cách đều đặn, suốt nửa tiếng đồng hồ qua không gặp nguy hiểm gì.

Tôi đã bắt đầu thấy nhàm chán với việc theo dõi việc mò ngọc này, thì bỗng nhiên, lúc người thợ mò ngọc đang ở đáy nước, tôi thấy anh ta làm một động tác hoảng sợ, bật

dậy và vội vàng tìm cách ngoi lên khỏi mặt nước.

Tôi đã hiểu nỗi hoảng sợ của anh ta. Một bóng đen to lớn xuất hiện ngay phía trên người thợ lặn tội nghiệp. Đó là một con cá mập khổng lồ đang bơi đến, mắt đỏ ngầu, nhe những cái răng trắng nhởn. Tôi quá hoảng sợ đờ hết cả người, không còn biết được gì nữa.

Con vật hung hãn lao đến phía người thợ lặn, anh ta quặt ngay sang bên kia để tránh hàm răng nhọn của con cá, nhưng cái đuôi của nó đã đập thẳng vào ngực anh ta làm anh ta ngã lăn ra mặt đất.

Tất cả chuyện đó diễn ra chỉ trong vài giây. Con cá mập quay lại, lật ngửa người ra chuẩn bị lao tới cắn đứt đôi người anh thợ lặn. Đúng lúc đó, tôi thấy thuyền trưởng Nê-mô đứng bật dậy, lăm lăm con dao trong tay tiến thẳng đến chỗ con cá, sẵn sàng đối mặt với nó. Con cá mập đang chuẩn bị lao tới người thợ lặn, bỗng nhận ra mục tiêu mới liền quay người lại lao thẳng về phía thuyền trưởng Nê-mô.

Tôi không còn phân biệt được vị trí của thuyền trưởng Nê-mô nữa. Thuyền trưởng Nê-mô hết sức bình tĩnh chờ con vật máu lạnh đến sát gần rồi mới nhẹ nhàng hơi ngửa mình về phía sau với vẻ nhanh nhẹn tuyệt vời, tránh được cú tấn công, rồi ông ta cắm phập con dao găm vào bụng cá, ngập tới tận chuôi. Nhưng đó không phải là đòn kết liễu mà chỉ báo hiệu một cuộc chiến đấu quyết liệt chắc chắn sẽ xảy ra.

Con cá mập như nổi khùng lên, máu từ vết thương vọt ra như suối. Nước biển nhuộm một màu đỏ sẫm, qua làn nước mờ đục tôi chẳng còn phân biệt được gì. Cho đến tận khi chỗ nước nhuốm máu bị cuốn đi, tôi mới nhìn thấy thuyền trưởng Nê-mô đang rất dũng cảm bám chặt vào vây

con cá mà đâm liên tiếp vào bụng nó. Nhưng ông ta không có khả năng đánh đòn quyết định.

Con cá mập bị thương quẫn quại vùng vẫy làm cuộn lên những đợt sóng ngầm khiến tôi không còn đứng vững được nữa.

Tôi muốn lao đến giúp thuyền trưởng Nê-mô, nhưng nỗi sợ hãi đã dính chặt chân tôi xuống đất.

Tôi nhìn thấy đôi mắt mệt mỏi của thuyền trưởng Nê-mô, tôi nhận ra rằng cục diện trận đấu đã thay đổi. Thuyền trưởng Nê-mô ngã xuống đất, bị thân hình to lớn của con cá đè lên. Con cá mập nhe hàm răng nhọn hoắt như hai hàm của một chiếc cần cẩu khổng lồ, tính mạng của thuyền trưởng Nê-mô như ngàn cân treo sợi tóc. Nhưng nhanh như cắt, Nét-len tay cầm lao xông tới phóng thẳng vào con cá mập.

Nước biển lại nhuốm đỏ màu máu. Con cá mập điên cuồng lồng lộn làm cuộn lên từng đợt sóng lớn. Nét-len không để mất vũ khí, đâm cho nó một đòn trí mạng. Con cá mập hấp hối, quẫn quại làm Công-xây bị sóng xô ngã.

Nét-len giúp thuyền trưởng Nê-mô đứng dậy. Ông ta không hề bị thương, đi thẳng về phía người thợ mò ngọc trai, nhanh chóng cắt dây nối anh ta với hòn đá, rồi ôm người đó nhún chân nổi lên mặt biển.

Cả ba chúng tôi cũng bơi lên theo thuyền trưởng Nê-mô, mấy giây sau đã lên đến thuyền của anh chàng thợ lặn. Thuyền trưởng Nê-mô ngay lập tức tiến hành mấy động tác để anh ta hồi tỉnh. Tôi không tin là thuyền trưởng Nê-mô có thể cứu sống được anh ta. Anh ta ở dưới nước không lâu nhưng đuôi cá mập đập mạnh có thể giết chết anh ta.

May mắn thay, nhờ có sự giúp đỡ đúng đắn của Nét-len và Công-xây, người bị nạn dần dần tỉnh dậy. Anh ta từ từ

mở mắt ra. Anh ta quá sửng sốt, thậm chí là hoảng sợ khi nhìn thấy bốn cái đầu đội mũ tròn bằng đồng đang cúi xuống nhìn anh ta. Nhưng hơn hết cả, cái làm anh ta bàng hoàng hơn cả là khi thuyền trưởng Nê-mô rút trong áo ra một túi ngọc trai dúi vào tay anh ta. Đó là món quà nhân nghĩa mà ông hoàng biển cả trao cho người thợ lặn nghèo khổ. Anh ta run run đưa tay nhận lấy túi ngọc. Ánh mắt sửng sốt của anh ta cho thấy anh ta đang tự hỏi không biết những siêu nhân mà anh ta đã nợ cả tính mạng và tiền bạc kia là ai.

Thuyền trưởng Nê-mô ra hiệu cho chúng tôi trở lại mặt biển. Sau nửa tiếng đồng hồ đi trên con đường đã đi lúc trước, chúng tôi trở lại chỗ đang thả neo con thuyền của tàu Nau-ti-lux.

Khi lên đến thuyền, những thuỷ thủ giúp chúng tôi cởi mấy cái mũ đồng nặng nề ra.

Lời đầu tiên của thuyền trưởng Nê-mô khi thoát ra khỏi chiếcmũ là nói với Nét-len:

- Cảm ơn ông, ông Nét.

- Đó chỉ là nghĩa vụ của tôi, có gì mà ngài phải cảm ơn - Nét-len đáp - Tôi đã chịu ơn ngài nhiều.

Thuyền trưởng Nê-mô hơi mỉm cười và không nói gì thêm nữa. Ông ta nói với các thuỷ thủ:

- Về tàu Nau-ti-lux!

Chiếc thuyền trôi trên sóng nước. Mấy phút sau chúng tôi gặp xác con cá mập nổi lên mặt biển. Nhờ những đốm đen trên vây cá, chúng tôi nhận ra đó là loại cá mập ăn thịt người rất đáng sợ ở vùng biển Ấn Độ Dương. Nó dài gần tám mét, chiếc mồm rộng ngoác đầy răng nhọn tua tủa chiếm tới một phần ba chiều dài thân hình. Đó là con

cá mập đã trưởng thành vì có tới sáu hàng răng xếp thành hình tam giác ở hàm trên.

Công-xây nhìn con cá mập với con mắt thích thú của một nhà khoa học, tôi chắc chắn rằng anh ta sẽ không ngần ngại xếp nó vào bộ những con cá mập nguy hiểm nhất vì những lý do riêng của mình.

Trong khi tôi đang xem xét thân hình to lớn của con cá mập thì có đến hàng tá các con cá mập khác xuất hiện quanh tàu. Không để ý gì đến chúng tôi, chúng xông và xâu xé xác con cá bị chết.

Khoảng tám giờ rưỡi, chúng tôi đã ở trên boong con tàu Nau-ti-lux. Những ý nghĩ của tôi lại trở về với những sự kiện đã xảy ra trong chuyến viếng thăm vùng biển Ma-na.

Tôi rút ra hai kết luận rõ ràng. Một là lòng dũng cảm vô song của thuyền trưởng Nê-mô, còn kết luận thứ hai là sự hi sinh của ông ta cho một người bình thường, một đại diện của cái xã hội mà ông ta đã chối bỏ. Dù con người này có nói gì đi chăng nữa thì ông ta vẫn không thể hoàn toàn huỷ diệt được lòng thương người trong trái tim mình được.

Khi tôi nói lại những suy nghĩ này với thuyền trưởng Nê-mô, ông ta nói với tôi bằng một giọng thật xúc động.

- Người đàn ông đó là một người Ấn Độ, một đại diện của giai cấp bị áp bức. Mà tôi, cho đến hơi thở cuối cùng thì mãi vẫn là và sẽ là một trong số những người như vậy.

CHƯƠNG IV

BỜ BIỂN ĐỎ

Ngày 29 tháng Giêng, đảo Xây-lông dần khuất sau chân trời, con tàu Nau-ti-lux chạy với tốc độ hai mươi dặm một giờ chạy vào con kênh ngăn cách vùng Man-đi-vơ với vùng Lác-ca-đi-vơ.

Vậy là kể từ khi xuất phát từ bờ biển Nhật Bản đến nay, chúng tôi đã đi được 16.220 hải lý hay 7.500 dặm.

Ngày hôm sau, ngày 30 tháng Giêng, con tàu Nau-ti-lux nổi lên mặt nước. Bốn bề là nước mênh mông. Tàu đang đi về hướng Tây Bắc, về phía biển Ô-man, nằm giữa bán đảo Ả Rập và bán đảo Ấn Độ, đó cũng là cửa vào vịnh Ba-tư. Đó là một con đường không có lối ra. Thuyền trưởng Nê-mô đang dẫn chúng tôi đi đâu? Tôi không thể biết được. Điều này làm Nét-len thoả mãn, anh ta đến chỗ tôi hỏi xem chúng tôi đang đi đâu.

- Ông Nét này, chúng ta chỉ biết đi đến đâu mà thuyền trưởng Nê-mô đưa chúng ta đến.

- Ông ta không thể dẫn chúng tôi đi xa được -Nét-len nói - Vịnh Ba tư không có lối ra nào khác, nếu vào đó thì chẳng lâu sau chúng tôi sẽ phải đi ra bằng đường cũ mà thôi.

- Thế cũng được, chúng ta sẽ đi ra bằng đường cũ thôi, có gì đâu hả anh Nét. Sau khi vào vịnh Ba Tư, nếu con tàu Nau-ti-lux muốn tới thăm Biển Đỏ thì chúng ta có thể đi qua eo

biển Báp-en Man-dép.

- Tôi không cần nói thì ngài cũng biết, Biển Đỏ cũng như vịnh Ba Tư không có lối ra nào khác. Kênh Xuy-ê thì chưa đào xong, vả lại có đào xong rồi thì một chiếc tàu ngầm bí mật như con tàu Nau-ti-lux có dám mạo hiểm đi vào nơi có nhiều đập nước như vậy không? Nói gì thì nói, Biển Đỏ không phải là đường đưa chúng ta về Châu Âu.

- Nhưng tôi có bao giờ nói chúng ta sẽ quay trở lại Châu Âu đâu?

- Thế ngài định như thế nào?

- Tôi cho rằng, sau khi di thăm mấy vùng biển đáng tò mò như vùng biển A rập và Ai cập, con tàu Nau-ti-lux sẽ quay lại Ấn Độ Dương, hoặc sẽ vượt qua eo biển Mô-dăm-bích, hoặc qua quần đảo Ma-xca-ren rồi sau đó sẽ tới mũi Hảo Vọng.

- Tới mũi Hảo Vọng rồi thì sao nữa? - Nét-len sốt ruột hỏi.

- Chúng ta sẽ ra Đại Tây Dương, vùng biển mà chúng ta chưa được tới. Mà này anh Nét, chẳng lẽ anh đã chán chuyến đi ngầm dưới nước này lắm rồi ư? Chẳng lẽ anh không muốn được ngắm nhìn những kỳ quan dưới đáy đại dương nữa sao. Còn về phần tôi, tôi sẽ rất buồn nếu phải kết thúc chuyến du lịch thú vị mà ít người được vinh hạnh hưởng như chúng ta thế này.

Suốt bốn ngày, cho đến tận ngày 3 tháng Hai, con tàu Nau-ti-lux chạy trong vùng biển Ô-man với vận tốc khác nhau, tại những độ sâu khác nhau. Hình như nó đang phân vân không biết đi đường nào, nhưng chúng tôi chưa từng vượt qua hạ chí tuyến một lần.

Trên đường ra khỏi vùng biển Ô-man, chúng tôi nhìn

thấy thành phố Mút-ca trong chốc lát. Đó là một thành phố quan trọng của nước Ô-man. Tôi say sưa ngắm nhìn diện mạo lạ mắt của thành phố, xung quanh là những dãy núi đá đen xì bao bọc, bên trong lại nổi lên những ngôi nhà và những pháo đài trắng xoá, tất cả như chìm trong một đức tin huyền bí. Tôi nhìn thấy những mái vòm của các nhà thờ Hồi giáo, những ngọn tháp giáo đường vươn thẳng lên trời, những đồng cỏ xanh tươi... Nhưng tất cả chỉ trong chốc lát, con tàu Nau-ti-lux ngay sau đó đã lặn xuống nước.

Chúng tôi chạy dọc theo bờ biển A rập, cách bờ khoảng sáu hải lý, thỉnh thoảng lại nhìn thấy những dãy núi hai bên bờ bị phá huỷ do chấn động địa chấn từ thời xa xưa. Ngày 5 tháng Hai, chúng tôi vào vịnh A đen, nơi đây nước của Ấn Độ Dương hoà lẫn với nước Biển Đỏ.

Ngày 6 tháng Hai, con tàu Nau-ti-lux đã trong tầm nhìn của thành phố A-đen, thành phố được xây dựng trên một mũi đất nhô ra tại nơi eo đất nối liền với lục địa. Tôi ngắm nhìn những tháp chuông nhà thờ hình bát giác của thành phố, nơi đã từng có một thời theo nhà sử học Ét-si-ri là kho thuốc súng lớn nhất dọc miền duyên hải.

Tôi đã tưởng rằng thuyền trưởng Nê-mô chỉ đi đến đây rồi sẽ quay lại, nhưng tôi lại nhầm, trước sự ngạc nhiên tột cùng của tôi, ông ta chẳng có biểu hiện gì là sẽ quay lại cả.

Ngày hôm sau, ngày 7 tháng Hai, chúng tôi đến eo biển Báp-en-man-đép, tên của eo biển này theo tiếng Ả Rập có nghĩa là -Cửa nước mắt" .

Eo biển này rộng hai mươi hải lý mà chỉ dài ba mươi hai hải lý. Con tàu Nau-ti-lux nếu chạy hết tốc lực thì chỉ mất một tiếng đồng hồ là vượt qua. Nhưng tôi chẳng nhìn thấy gì xung quanh cả, ngay cả đảo Pe-rim mà nhờ có nó chính

phủ Anh đã đẩy vị trí của thành phố A-đen lên tới bốn mươi lần. Có quá nhiều thuyền bè của Anh, Pháp trên đường từ eo biển Xuy-ê tới Bom-bay, từ Can-cút-ta tới Men-boen, từ Buốc-bông tới Mau-ri-ti-út đi lại trên eo biển này, do vậy con tàu Nau-ti-lux không dám xuất đầu lộ diện, chỉ lặn xuống dưới sâu. Cuối cùng, đến trưa hôm đó, tàu vào tới Biển Đỏ.

Tôi cũng chẳng muốn tìm hiểu động lực thất thường nào khiến cho thuyền trưởng Nê-mô quyết định đi vào vịnh này. Nhưng tôi rất tán thành việc con tàu Nau-ti-lux đi theo hướng đó. Tốc độ tàu giảm dần, đôi lúc nó lại nổi lên mặt biển, lúc nào gặp tàu thì lại lặn xuống. Do vậy, tôi có thể quan sát vùng biển này cả ở trên mặt nước lẫn dưới sâu.

Ngày 8 tháng Hai, thành phố Mô-cha hiện lên trước mắt chúng tôi khi buổi bình minh vừa ló rạng. Đó là một thành phố đã bị phá huỷ, tường thành đã sụp đổ vì bị đạn súng bắn, tuy vậy nó vẫn là một thành phố quan trọng, bao gồm sáu khu chợ công cộng, hai mươi sáu nhà thờ hồi giáo. Những bức tường thành có đến mười bốn pháo đài bảo vệ làm thành một vành đai chắc chắn hình tròn có đường kính hai hải lý.

Con tàu Nau-ti-lux tiến gần vào bờ biển Châu Phi, nơi đây độ sâu của biển rất lớn. Ở đó, dưới những lớp nước trong như pha lê, qua ô cửa kính trong phòng khách con tàu Nau-ti-lux, chúng tôi được thoả sức ngắm nhìn những đám san hô đủ màu sắc lộng lẫy, những tảng đá to tướng phủ đầy rêu và tảo biển xanh rì. Thật là những cảnh tuyệt vời không bút nào tả xiết. Tuy nhiên, cảnh tượng đẹp mắt nhất phải kể đến là những loài thực vật ở bờ biển phía đông mà con tàu Nau-ti-lux đã đi qua. Đó không chỉ là đời

sống thực vật phong phú dưới biển sâu, mà nó còn dựng nên một bức tranh sống động gần hai chục mét trên mặt biển, đa dạng hơn nhưng lại ít màu sắc hơn so với những loài sống trong lòng sức mạnh vô tận của nước.

Những giờ phút ngồi ngắm vẻ đẹp của biển sâu qua ô cửa kính trong phòng khách con tàu Nau-ti-lux thật tuyệt vời. Tôi đã được tận mắt chứng kiến nhiều loài động thực vật quý hiếm rực rỡ dưới ánh sáng đèn pha của con tàu Nau-ti-lux.

Ngày 9 tháng Hai, con tàu Nau-ti-lux tới chỗ rộng nhất của Biển Đỏ. Buổi trưa hôm đó, sau khi đã đo đạc vị trí của con tàu, thuyền trưởng Nê-mô trèo lên boong, tôi tình cờ cũng đang có mặt ở đó. Tôi định bụng sẽ cố dò hỏi cho bằng được kế hoạch của ông ta trong những ngày sắp tới. Khi vừa nhìn thấy tôi, ông ta liền đi ngay tới, mời tôi một điếu xì gà và hỏi:

- Thế nào, thưa giáo sư, Biển Đỏ có làm ngài vừa lòng không? Ngài đã quan sát thoả thích những kỳ quan của nó chưa, ngài đã quan sát thế giới cá biển, thế giới thực vật, những cánh đồng bọt biển, những khu rừng san hô chưa? Ngài có thấy những thành phố bên bờ biển không?

- Vâng, thưa thuyền trưởng, tôi có quan sát. Và con tàu Nau-ti-lux quả thật rất thích hợp với việc này. Nó quả là một con tàu thông minh.

- Vâng, thưa ngài, con tàu rất thông minh và bất khả xâm phạm. Nó không hề sợ hãi những cơn bão lớn thường hoành hành ở vùng Biển Đỏ, cũng chẳng sợ những luồng nước mạnh cũng như những dải đá ngầm ở đây.

- Tất nhiên là như vậy - tôi nói - Biển Đỏ được coi là một trong những vùng biển nguy hiểm nhất, và nếu tôi không lầm thì từ thời cổ đại nó đã có tiếng là vùng biển không

lành rồi.

- Rất không lành, thưa Giáo sư A-rô-nát. Nhưng nhà sử học người Hy lạp và La tinh đã nhận xét về nó khá không lành. Như Stra-bô nói rằng nó rất nguy hiểm trong mùa gió Ê-te-si-an và trong mùa mưa. Ed-ri-si người A-rập nói rằng rất nhiều thuyền bè đã vị đắm ở đây vì gặp phải những dải cát nổi, và không thuyền trưởng nào dám mạo hiểm cho tàu chạy qua đây vào ban đêm. Theo họ, vùng biển này gắn liền với những cơn bão thảm khốc, rải rác các hòn đảo không hiếu khách và theo họ là vùng đất chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp cả ở trên mặt biển lẫn dưới đáy sâu.

- Rõ ràng là vì họ không được đi trên con tàu Nau-ti-lux - Tôi nói.

- Tất nhiên là như vậy - Thuyền trưởng Nê-mô đáp, hơi mỉm cười - Và trong lĩnh vực này thì người hiện đại cũng chẳng tiến bộ hơn người cổ đại là mấy. Phải mất hàng mấy thế kỷ con người mới tạo ra được tàu hơi nước. Không biết đến mấy trăm năm sau có ai phát minh ra được con tàu thứ hai giống như con tàu Nau-ti-lux hay không? Tốc độ phát triển thật khiêm tốn, Giáo sư A-rô-nát ạ.

- Đúng là như vậy - Tôi đáp - Con tàu của ngài quả là một phát kiến tiến trước thời đại cả thế kỷ, có thể tới cả một kỷ nguyên. Nhưng thật đáng tiếc là con tàu này rồi sẽ vĩnh viễn ra đi cùng với người sáng tạo ra nó.

Thuyền trưởng Nê-mô không trả lời. Sau mấy phút im lặng ông ta nói:

- Ngài đang nói về những ý kiến của các nhà sử học cổ đại về sự nguy hiểm của Biển Đỏ phải không?

- Vâng, đúng vậy - Tôi đáp - Nhưng chẳng phải nỗi sợ hãi đó là hơi cường điệu đó chăng?

- Đúng mà cũng sai, thưa Giáo sư A-rô-nát -Thuyền

trưởng Nê-mô, người có vẻ thông thạo vùng Biển Đỏ như lòng bàn tay, đáp - Vùng biển này chỉ không còn là nguy hiểm với những tàu hiện đại, được trang bị đầy đủ, được đóng chắc chắn, và thành thạo đường biển, tàu có máy tốt, có thể vượt qua được những hiểm hoạ mà tàu của thời cổ đại đã trải qua. Nhưng ngài hãy tưởng tượng có những con tàu đóng bằng những tấm ván dày, nối với nhau bằng dây thừng chất đầy mỡ hải cẩu, vỏ ngoài sơn bằng nhựa thông, chúng thậm chí không hề có một thiết bị đo nào cả, chúng chỉ chạy theo cảm tính giữa những dòng hải lưu mà họ chẳng hay biết gì. Trong những điều kiện như vậy thì rất dễ hiểu tại sao có nhiều xác tàu đắm đến thế. Nhưng trong thời đại hiện nay, tàu chạy qua lại giữa kênh Xuy-ê và biển Nam không còn sợ những cơn thịnh nộ của vùng vịnh này nữa. Các thuyền trưởng và hành khách không còn phải chuẩn bị tinh thần sẵn sàng hy sinh khi xuất phát, và khi trở về họ cũng không phải treo vòng hoa và sườn bò để cảm ơn Chúa vì đã không nổi cơn thịnh nộ nữa.

- Tôi đồng ý với ngài - tôi nói - nhờ có phát minh ra máy hơi nước mà các thuỷ thủ không còn phải sợ hãi nữa. Nhưng thưa thuyền trưởng, ngài có vẻ nghiên cứu rất kỹ vùng biển này, xin ngài cho biết về nguồn gốc cái tên Biển Đỏ.

- Thưa Giáo sư A-rô-nát, có rất nhiều cách giải thích khác nhau về vấn đề này. Ngài có muốn biết ý kiến của một người chép sử biên niên ở thế kỷ mười bốn không?

- Tôi rất sẵn lòng.

- Nhà sử học này cho rằng vùng biển này được đặt cái tên đó sau khi vua Ai cập cổ đại vượt qua Ít-ra-e-lít và bỏ mạng trong sóng nước vùng biển này.

- Đó chỉ là cách giải thích của các nhà thơ, thưa thuyền trưởng Nê-mô - Tôi đáp - Tôi không bằng lòng với cách giải

thích đó. Tôi muốn nghe ý kiến riêng của ngài cơ.

- Được thôi, thưa Giáo sư A-rô-nát. Theo tôi, tên Biển Đỏ là do chữ Do Thái "Edom" mà ra. Và nếu người cổ đại đã đặt ra tên đó thì hẳn là họ đã căn cứ vào màu nước biển.

- Nhưng tôi chẳng thấy nó có màu sắc gì đặc biệt cả, biển ở đây cũng trong xanh như ở các vùng biển khác mà thôi.

- Có thể là như vậy, nhưng khi vào sâu trong vịnh ngài sẽ nhìn thấy hiện tượng lạ lùng, có lần tôi nhớ là ở Vịnh To-rơ, tôi đã thấy nước biển đỏ rực như máu.

- Và ngài cho rằng nước biển có màu như vậy là do những loài vi tảo nhỏ li ti có phải không?

- Đúng vậy. Đó là do kết quả bài tiết của một loài tảo biển rất nhỏ. Muốn phủ kín một mi-li-mét vuông mặt biển, cần có bốn vạn đơn vị. Có lẽ ngài sẽ được gặp hiện tượng trên khi vào vịnh To-rơ.

- Vậy, thưa thuyền trưởng Nê-mô, đây chắc hẳn không phải lần đầu tiên ngài cho con tàu Nau-ti-lux vượt qua Biển Đỏ.

-Không phải lần đầu tiên, thưa ngài. Tiếc rằng tôi không thể cho ngài qua kênh Xuy-ê được, nhưng ngày kia khi vào biển Địa Trung Hải, ngài sẽ được thấy con đê dài ở Pót-Xa-ít.

- Địa Trung Hải ư? - Tôi sửng sốt kêu lên.

- Vâng, thưa giáo sư. Ngài ngạc nhiên lắm ư?

- Điều làm tôi ngạc nhiên là chúng ta sẽ có mặt ở Địa Trung Hải vào ngày kia.

- Ngài ngạc nhiên thật sao?

- Vâng, thưa thuyền trưởng, mặc dù tôi đã tự nhủ là

không nên ngạc nhiên về điều gì khi đi trên con tàu Nau-ti-lux.

- Nhưng điều gì làm ngài ngạc nhiên đến vậy?

- Tôi không hiểu con tàu Nau-ti-lux phải chạy với tốc độ khủng khiếp đến thế nào để có thể trong một ngày có mặt tại Địa Trung Hải, sau khi phải vòng qua Châu Phi và mũi Hảo Vọng?

- Ai bảo ngài là chúng ta phải vòng qua Châu Phi và mũi Hảo Vọng?

- Trừ khi con tàu Nau-ti-lux chạy trên đất liền, hay bay qua eo biển đó...

- Hoặc là đi ngầm dưới đó, thưa Giáo sư A-rô-nát.

- Đi ngầm phía dưới?

- Tất nhiên - Thuyền trưởng Nê-mô thản nhiên đáp - Thiên nhiên đã từ lâu tạo nên bên dưới cái eo ấy cái mà con người hiện nay đang cố làm ở bên trên.

- Sao? Có một lối đi như vậy ư?

- Tất nhiên, có một đường ngầm mà tôi đặt tên là đường ngầm A-ra-bi-a. Nó sẽ dẫn chúng ta qua eo biển Xuy-ê và vịnh Pen-lu-si-um.

- Nhưng eo biển đó là do cát phù sa bồi đắp thôi mà?

- Chỉ ở một độ sâu nhất định thôi, xuống dưới khoảng bốn mươi nhăm mét là một lớp đá hoa cương rắn chắc.

- Ngài chỉ tình cờ phát hiện ra đường ngầm đó thôi à? - Tôi hỏi, càng hỏi càng thấy ngạc nhiên hơn.

- Do tình cờ và do có tính toán, thưa ngài, và do tính toán thì nhiều hơn là do ngẫu nhiên. Đường hầm đó là có thật, và tôi đã cho tàu chạy qua đấy vài lần rồi, nếu không thì tôi chẳng dại gì mất cả ngày trời cho tàu vào vùng biển

không có lối ra cả. Tôi để ý thấy rằng ở Biển Đỏ và Địa Trung Hải có những loài cá giống hệt nhau. Biết được điều đó rồi, tôi tự hỏi liệu có thể có một lối thông nhau giữa hai vùng biển này không. Nếu như có thì đường ngầm đó sẽ phải chạy từ Biển Đỏ sang Địa Trung Hải vì mặt nước Biển Đỏ cao hơn. Tôi đã bắt một số loài cá khác nhau ở vùng biển gần kênh Xuy-ê, tôi đeo một chiếc vòng bằng đồng vào đuôi của chúng rồi thả chúng xuống nước. Mấy tháng sau, ở gần bờ biển Xi-ri, tôi bắt được một số cá có vòng đồng ở đuôi mà tôi đã thả ra. Do đó, tôi biết được có lối đi ngầm giữa hai vùng biển. Sau đó tôi tìm kiếm con đường ngầm này, phát hiện ra nó và liều cho con tàu Nau-ti-lux chạy vào. Thưa Giáo sư A-rô-nát, chẳng bao lâu nữa ngài sẽ được đi qua đường ngầm A-ra-bi-a của tôi thôi.

CHƯƠNG V

ĐƯỜNG NGẦM A-RA-BI-A

Buổi tối ngày hôm đó, khi đang ở vĩ tuyến 21,30 độ bắc, con tàu Nau-ti-lux trôi bềnh bồng trên mặt nước, tiến tới gần bờ biển A rập. Tôi nhìn thấy Djeddah, một trung tâm tài chính lớn của Ai cập, Si-ri-a, Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ. Tôi nhìn thấy rõ từng ngôi nhà, từng con tàu đang thả neo ở cảng và những con tàu đang rẽ sóng ra khơi. Mặt trời lặn xuống khá thấp sau đường chân trời chiếu những tia sáng cuối cùng của mình xuống mọi vật. Bên ngoài, thấp thoáng những ngôi nhà bằng gỗ, bằng lau sậy cho biết đó là nơi cư trú của dân vùng Bê-đu-in. Chẳng mấy chốc, Djeddah chìm hoàn toàn trong bóng tối, con tàu Nau-ti-lux lại dập dình trong sóng nước bàng bạc.

Ngày hôm sau, mùng 10 tháng Hai, chúng tôi nhìn thấy mấy con tàu đang đi theo chiều gió. Con tàu Nau-ti-lux lại lặn xuống biển, nhưng đến trưa, lúc tàu cần được đo đạc các thông số, vùng biển lại trở nên vắng lặng, tàu lại nổi lên mặt nước.

Tôi cùng Nét-len và Công-xây đang ngồi trên boong. Dải bờ biển phía đông như một khối to lớn thấp thoáng ẩn hiện trong sương mù dày đặc.

Chúng tôi đang tựa người vào cạnh lan can tàu nói chuyện phiếm thì bỗng Nét-len nhoài hẳn người ra ngoài chỉ một điểm nào đó trên biển và nói:

- Ngài có nhìn thấy gì kia không, thưa Giáo sư A-rô-nát?

- Không thấy gì cả, Nét-len ạ - Tôi đáp - Anh biết là tôi không thể có cặp mắt tinh tường như anh được.

- Giáo sư hãy nhìn kỹ xem - Nét-len nói tiếp - Ở phía trước mặt chúng ta, cách tàu khoảng một tầm đèn pha đấy. Ngài có nhìn thấy một vật to lớn hình như đang chuyển động không?

- Thấy rồi! - Tôi la to sau khi chăm chú nhìn một lúc - Tôi thấy như có một vật gì đó rất to và dài đang lặn ngụp trên sóng nước.

Cái vật đen đen dài dài to lớn đó cách chúng tôi không quá một hải lý. Trông nó giống như một dải cát lớn nổi lên giữa biển. Đó là một con bò nước khổng lồ!

Nét-len nhìn con vật một cách thèm thuồng, mắt anh ta chứa đầy sự thèm khát khi nhìn thấy con vật. Tay anh ta đã sẵn sàng phóng một mũi lao về phía nó. Ai nhìn thấy anh ta trong lúc đó cũng phải nghĩ là anh ta sắp sửa nhảy bổ xuống nước chiến đấu với con vật.

Đúng lúc đó thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện trên boong tàu. Ông ta nhìn thấy con bò nước và ngay lập tức hiểu được tâm trạng của Nét-len. Thuyền trưởng Nê-mô nói:

- Nếu trong tay ông bây giờ mà có một mũi lao thì ông không để nó trong tay đâu nhỉ?

- Chắc hẳn là như vậy, thưa thuyền trưởng Nê-mô.

- Và ông sẽ không hối hận khi trở lại - dù chỉ một ngày thôi, với nghề săn cá voi của mình, và sẽ thêm con quái vật biển này vào danh sách những con vật đã tiêu diệt được của mình chứ?

- Tôi sẽ không hối hận, thưa thuyền trưởng Nê-mô.

- Tốt, vậy ông có thể thử.

- Cám ơn thuyền trưởng Nê-mô - Nét-len nói, mắt anh ta rực sáng.

- Tôi chỉ xin nhắc ông một việc - Thuyền trưởng Nê-mô nói tiếp - Vì quyền lợi của ông, đừng bắn trượt con vật đó nhé.

- Săn bò nước có nguy hiểm lắm không ạ? - Tôi hỏi khi anh chàng Nét-len đang nhún vai.

- Rất nguy hiểm - Thuyền trưởng Nê-mô đáp - Vì bò nước đôi khi có thể xông thẳng tới kẻ thù rồi lật úp thuyền. Nhưng đối với ông Nét đây thì chẳng có gì đáng ngại vì ông ta có đôi tay thật khoẻ và đôi mắt rất tinh.

Lúc đó, bảy người thuỷ thủ của con tàu Nau-ti-lux leo lên boong, vẫn im lặng và vô cảm như mọi khi. Một người mang theo chiếc lao buộc vào sợi dây, giống như mũi lao vẫn thường dùng để săn cá voi. Họ tháo xuồng khỏi tàu rồi hạ xuống biển. Sáu người xuống chèo thuyền, một người cầm lái, Nét-len, Công-xây và tôi xuống ngồi ở phía sau.

- Thuyền trưởng Nê-mô không đi cùng chúng tôi sao? - Tôi hỏi.

- Không, thưa ngài. Nhưng tôi chúc các ngài một chuyến đi vui vẻ.

Xuồng do sáu người chèo lặng lẽ rời khỏi tàu, hướng thẳng tới phía con bò nước đang cách con tàu Nau-ti-lux khoảng hai hải lý.

Khi chúng tôi đến cách con vật khoảng mấy trăm mét thì thuyền đi chậm lại, mái chèo buông thẳng xuống nước. Nét-len cầm sẵn mũi lao trong tay đứng ở mũi. Lao dùng để săn cá voi thường được buộc với một sợi dây rất dài để dễ dàng rút ra khỏi mình con cá bị thương khi nó kéo sợi

dây theo. Nhưng ở đây sợi dây dài không quá hai chục mét, một đầu nối với một cái thùng rỗng để báo hiệu con cá bị thương đang nằm ở vùng nào dưới biển.

Tôi đứng lên chăm chú nhìn đối thủ của Nét-len. Con vật có hình thon dài, đuôi nhọn, vây to, hàm trên có hai cái răng nhọn hoắt chĩa sang hai bên như hai cái ngà voi.

Con bò nước mà Nét-len chuẩn bị tấn công quả là một con vật to lớn, nó phải dài đến hơn bảy mét, nằm yên không động đậy như đang ngủ say trên sóng nước. Điều kiện đó khiến nó dễ bị hạ gục hơn.

Chiếc thuyền tiến đến gần hơn, chỉ còn cách con bò nước khoảng sáu mét. Mái chèo được gác hẳn lên trên thuyền. Tôi hơi nhổm dậy. Nét-len hơi lùi ra phía sau lấy đà rồi phóng mạnh mũi lao bằng đôi tay dầy dạn kinh nghiệm.

Bất chợt có một tiếng rít nhẹ, rồi con bò nước biến mất. Chắc hẳn là mũi lao dù được phóng đi hết tốc lực đã rơi xuống nước.

- Chết tiệt! - Nét-len điên tiết hét lên -Tôi ném trượt mất rồi.

- Có trượt đâu - Tôi nói - Nhìn vệt máu trên mặt nước kìa, con quái vật đã bị thương nhưng mũi lao của ông không cắm được vào mình nó.

- Mũi lao của tôi, mũi lao của tôi! - Nét-len rên rỉ kêu.

Mấythuỷ thủ chèo thuyền lại phía chiếc thùng rỗng, họ nhặt mũi lao lên và chúng tôi tiếp tục đuổi theo con bò nước.

Con bò nước thỉnh thoảng lại nổi lên mặt nước để thở, rõ ràng là vết thương đó chẳng làm cho nó yếu đi vì nó bơi với tốc độ rất nhanh.

Các thuỷ thủ khoẻ mạnh theo dấu vết con vật chèo

thuyền đuổi theo. Mấy lần chúng tôi đã đến gần được con vật, Nét-len đã sẵn sàng phóng lao nhưng nó lại lặn ngay xuống nước khiến chúng tôi không thể tiếp cận được nó.

Các bạn có thể tưởng tượng được Nét-len nổi cơn thịnh nộ như thế nào. Anh ta nói về con vật tội nghiệp kia bằng thứ tiếng Anh khó nghe nhất. Còn tôi thì thất vọng vì con bò nước cứ liên tục thoát khỏi sự tấn công của chúng tôi.

Chúng tôi rượt đuổi theo nó cả một tiếng đồng hồ không nghỉ. Tôi bắt đầu thấy rằng rất khó có thể bắt được con vật này thì nó bỗng có ý định trả thù những người đang cố công đuổi bắt nó. Nó quay lại và xông thẳng về phía chiếc thuyền.

Hành động của con bò nước không lọt được qua mắt Nét-len. Anh ta kêu lên:

- Coi chừng!

Người thuỷ thủ cầm lái nói vài câu gì đó bằng thứ ngôn ngữ lạ lùng, chắc hẳn là bảo những người khác phải cẩn thận.

Khi tới cách thuyền khoảng hơn sáu mét, con vật bỗng dừng lại, hít không khí vào đầy hai cái lỗ mũi rất rộng (hai lỗ mũi của con vật không phải ở trên đầu mũi mà là ở phía trên phần cơ), rồi như lên dây cót, nó lao về phía chúng tôi.

Chiếc thuyền không thể tránh được cú va chạm, thuyền nghiêng sắp lật nhào, ít nhất khoảng hai tấn nước tràn vào thuyền, chúng tôi phải tát ngay ra, nhưng nhờ có sự khéo léo của người lái mà thuyền không bị lật úp. Trong khi Nét-len liên tục phóng lao về phía con vật, nó điên tiết dùng hai cái răng nhọn hoắt của mình đội cả cái thuyền lên khỏi mặt nước, y như một con sư tử nhấc bổng con dê lên trời. Chúng tôi bị xô ngã dúi dụi vào nhau, tôi không

biết chuyện gì còn có thể xảy ra nữa nếu như Nét-len không dũng cảm phóng lao trúng vào tim con vật.

Tôi nghe thấy tiếng răng nó cào trên mặt thuyền bọc thép. Rồi nó biến mất mang theo cả mũi lao. Chẳng mấy chốc sau, chiếc thùng rỗng nổi lên khỏi mặt nước, theo đó là xác con vật, lật ngửa. Con thuyền chèo tới chỗ con bò nước và lôi thẳng nó về con tàu Nau-ti-lux.

Chúng tôi phải mất rất nhiều công sức mới lôi được con bò nước lên boong tàu. Nó nặng phải đến năm tấn.

Ngày hôm sau, ngày 11 tháng Hai, bếp ăn trên tàu lại được bổ sung một loại thịt thật ngon khác. Rất nhiều chim biển bay đến đậu trên boong tàu. Đó là loài chim biển đặc trưng của vùng biển Ai cập, mỏ đen, đầu nhọn màu xám, mắt có viền màu trắng, lông đuôi, cánh và lưng đều màu xám nhạt, bụng và cổ họng màu trắng, móng vuốt màu đỏ. Có cả hàng chục con vịt Ni-lê, một loài vịt trời thịt rất ngon, cổ và phần trên đầu màu trắng có điểm những đốm đen.

Khoảng năm giờ chiều, chúng tôi nhìn thấy mũi Rát Mô-ha-mét. Con tàu Nau-ti-lux vượt qua eo biển Gu-ban rồi vào vịnh Xuy-ê.

Tới sáu giờ, con tàu Nau-ti-lux lúc nổi trên mặt biển, lúc chìm xuống dưới sâu chạy ngang qua thành phố To-rơ nằm ở tít sâu trong vịnh. Nước biển ở vùng này đúng là có màu đo đỏ giống như thuyền trưởng Nê-mô đã nhiều lần được thấy. Màn đêm tĩnh mịch ập xuống xung quanh chúng tôi. Thỉnh thoảng một con chim bồ nông hay một loài chim biển nào khác bay qua, cùng với tiếng sóng biển ầm ì, tiếng mái chèo vỗ nhịp mạn thuyền, tiếng còi tàu phía xa văng vẳng dội lại làm phá tan bầu không khí tĩnh lặng.

Từ tám giờ đến khoảng chín giờ, con tàu Nau-ti-lux chạy

dưới mặt biển khoảng vài mét. Theo tính toán của tôi, chúng tôi đang ở rất gần vùng Xuy-ê. ánh đèn pha của con tàu Nau-ti-lux vẫn chiếu sáng rực rỡ một vùng biển rộng, qua ô cửa kính ở phòng khách, tôi say mê ngắm những dãy núi đá khổng lồ. Chúng tôi đang bỏ lại eo biển phía sau ngày càng xa.

Chín giờ mười lăm phút, con tàu Nau-ti-lux lại nổi lên mặt nước. Tôi leo ngay lên boong vì nóng lòng muốn đi qua con đường ngầm của thuyền trưởng Nê-mô. Tôi không thể đứng yên một chỗ, nên tranh thủ lên đây hít thở không khí trong lành của buổi đêm.

Chẳng mấy chốc sau, trong ánh sáng lờ mờ qua màn sương dày đặc, tôi nhìn thấy một ánh sáng le lói ở cách chúng tôi khoảng một hải lý.

- Đó là ngọn hải đăng nổi - Có tiếng ai đó nói ngay sau lưng tôi.

Tôi quay lại, đó là thuyền trưởng Nê-mô.

- Đó là ngọn hải đăng nổi Xuy-ê - Thuyền trưởng Nê-mô nói tiếp - Chẳng mấy chốc nữa mà chúng ta sẽ đến cửa đường ngầm.

- Chắc hẳn vào đường ngầm không phải là việc dễ dàng phải không ạ?

- Tất nhiên là không dễ, thưa ngài. Do vậy, tôi phải đích thân lên phòng hoa tiêu để lái tàu. Bây giờ xin mời giáo sư đi xuống vì con tàu Nau-ti-lux sắp lặn xuống nước, nó chỉ nổi lên sau khi tàu đã vượt qua đường ngầm A-ra-bi-a.

Tôi cùng thuyền trưởng Nê-mô đi xuống thang. Đi được nửa đường, ông ta mở một cánh cửa, lại đi ngược lên phía trên tàu đến phòng lái nhô hẳn lên trên. Đó là một căn phòng rộng khoảng bốn mét vuông, chính giữa là bánh lái,

bốn bên là những bức tường bằng kính cho phép người lái tàu có thể quan sát được cả bốn phía.

Phòng lái tối om, nhưng mắt tôi quen ngay với bóng tối trong phòng. Tôi nhận ra bóng người hoa tiêu, một thuỷ thủ khoẻ mạnh đang cầm lái. Ở bên ngoài, ánh đèn pha chiếu sáng rực một vùng biển từ phía sau buồng lái trải dài đến tận phía cuối tàu.

- Bây giờ chúng ta sẽ tìm cửa vào đường ngầm- Thuyền trưởng Nê-mô nói.

Buồng lái nối với phòng máy bằng dây điện, từ đó thuyền trưởng Nê-mô có thể điều khiển cả tốc độ lẫn phương hướng con tàu Nau-ti-lux. Ông ta ấn một cái nút bằng kim loại, ngay lập tức chân vịt của con tàu Nau-ti-lux giảm tốc độ quay.

Tôi im lặng ngắm nhìn bức tường đá hoa cương cao vút, đó là nền móng chắc chắn không lay chuyển của dải cát rộng phía trên. Chúng tôi đi dọc theo bức tường đó hàng giờ liền.

Thuyền trưởng Nê-mô không rời mắt khỏi cái la bàn treo phía trên. Người lái tàu theo từng cử chỉ hiệu lệnh của thuyền trưởng Nê-mô thay đổi hướng tàu chạy từng phút một.

Tôi dán mắt nhìn qua những bức tường kính ngắm nhìn cảnh vật bên ngoài. Tôi thấy những cánh rừng san hô rậm rạp, những bãi tảo, bãi rêu xanh rậm rì vươn những cái vòi ngoe nguẩy từ những vết nứt của bức tường đá.

Mười giờ mười lăm phút, thuyền trưởng Nê-mô đích thân cầm lái. Một đường ngầm sâu hút, tối om mở ra trước mắt chúng tôi. Con tàu Nau-ti-lux hùng dũng tiến vào. Ở mạn tàu bên ngoài có tiếng ầm ầm khác thường, đó là nước Biển Đỏ theo đường hầm đổ xuống Địa Trung Hải. Con tàu Nau-

ti-lux theo dòng nước lao đi như tên bắn mặc dù máy móc trên tàu đã làm việc hết tốc lực để giảm tốc độ bằng cách cho chân vịt quay ngược lại.

Qua những bức tường kính, tôi nhìn ra bên ngoài nhưng chẳng nhìn thấy gì ngoài những tia sáng, những đường thẳng chói loá của ánh đèn pha bị cuốn đi với tốc độ khủng khiếp. Tim tôi đập thình thịch.

Đúng 10 giờ 35 phút, thuyền trưởng Nê-mô trao lại tay lái cho người lái tàu và quay lại phía tôi nói:

- Địa Trung Hải.

Con tàu Nau-ti-lux bị nước cuốn qua eo biển Xuy-ê trong vòng chưa đầy hai mươi phút đồng hồ.

CHƯƠNG VI

QUẦN ĐẢO HY LẠP

Rạng sáng ngày hôm sau, ngày 12 tháng Hai, con tàu Nau-ti-lux nổi lên mặt nước. Tôi vội vàng leo ngay lên boong. Cách tàu ba hải lý về phía nam thấp thoáng bóng dáng thành phố Pe-lu-si-um cổ kính. Dòng nước chảy xiết đã đưa chúng tôi từ vùng biển này sang một vùng biển khác. Nét-len và Công-xây cũng lên boong.

-Thưa ngài giáo sư tự nhiên học - Anh chàng người Ca-na-đa nói với tôi bằng một giọng hài hước - Thế Địa Trung Hải đâu ạ?

- Chúng ta đang đi trên mặt nước Địa Trung Hải rồi đó, anh bạn Nét ạ.

- Cái gì? - Công-xây ngạc nhiên hỏi - Chỉ qua một đêm thôi ư?

- Đúng thế, đêm hôm qua, chỉ trong vòng ít phút chúng ta đã vượt qua eo biển tưởng như không thể vượt quả được.

- Tôi không tin- Nét-len nói.

- Anh sẽ phải tin thôi, anh Nét ạ - Tôi nói tiếp - Bờ biển thấp thấp ở phía nam kia chính là bờ biển Ai cập đấy. Anh có cặp mắt rất tinh, vậy anh có thể nhìn thấy con đê chắn sóng Pót Xa-ít trải dài ra đến tận biển.

Nét-len chăm chú nhìn.

- Ngài nói đúng, thưa giáo sư, ông thuyền trưởng Nê-mô

quả là tài năng kiệt xuất. Chúng ta đã đang ở trên Địa Trung Hải. Tốt lắm! Bây giờ tôi muốn nói về chuyện riêng của chúng ta một chút, nhưng phải đảm bảo là không có ai khác nghe thấy.

Tôi hiểu rõ ý định của Nét-len, trong mọi trường hợp tôi nghĩ rằng tốt nhất là cứ để cho anh chàng này nói ra thì hơn, nếu như anh ta muốn nói. Nghĩ vậy, cả ba chúng tôi ngồi xuống cạnh chiếc đèn pha, nơi ít người để ý đến.

- Được rồi, Nét-len, chúng tôi đang nghe anh đây. Anh có chuyện gì muốn nói với chúng tôi?

- Những gì tôi muốn nói rất đơn giản. Chúng ta đang ở Châu Âu, và trước khi thuyền trưởng Nê-mô có ý định cho tàu lặn xuống đáy biển Bắc cực hay quay lại Châu Đại Dương, chúng ta phải thoát ra khỏi con tàu Nau-ti-lux.

Tôi không bao giờ muốn trói buộc sự tự do của hai người bạn tôi, nhưng tôi cũng không hề muốn chia tay với thuyền trưởng Nê-mô. Nhờ có ông ta, nhờ có những thiết bị của ông ta mà tôi đã gần hoàn thành công trình nghiên cứu về đại dương của mình, tôi đã viết lại cuốn sách về độ sâu dưới đáy biển chính tại trong đáy biển. Tôi sẽ chẳng bao giờ có lại được cơ hội hiếm có như thế này để quan sát những kỳ quan của đại dương nữa. Không thể, chắc chắn là không thể có, và tôi không thể chấp nhận ý kiến rời khỏi con tàu Nau-ti-lux trước khi công trình nghiên cứu của tôi hoàn thành.

- Anh bạn Nét này, anh hãy trả lời tôi một cách thẳng thắn nhé, anh mệt mỏi khi phải ở trên con tàu Nau-ti-lux ư? Hay anh đã hối hận vì số phận đã đẩy anh đến với thuyền trưởng Nê-mô?

Nét-len im lặng một lúc không nói gì, sau đó anh ta khoanh tay trước ngực và nói:

- Nói thực tình là tôi không hề ân hận gì về hành trình ngầm dưới biển này cả. Tôi còn rất vui vì được đi như vậy, nhưng bây giờ chúng ta có cơ hội và chúng ta phải cho nó kết thúc đi thôi chứ. Đó là ý kiến của tôi.

- Rồi nó sẽ kết thúc thôi mà Nét.

- Bao giờ và ở đâu?

- Bao giờ và ở đâu thì tôi chưa biết, nhưng tôi nghĩ chuyến đi này sẽ kết thúc khi đại dương không còn gì để chúng ta nghiên cứu nữa.

- Vậy ngài còn hy vọng điều gì nữa? - Nét-len hỏi.

- Tôi hy vọng rằng nếu tình hình sẽ vẫn cứ thuận lợi như vậy thì đến sáu tháng nữa chúng ta vẫn còn có nhiều điều bổ ích.

- Trời đất - Nét-len kêu lên - Ngài có thể cho tôi biết sáu tháng nữa chúng ta sẽ ở đâu không, thưa ngài giáo sư tự nhiên học?

- Có thể ở Trung Quốc, anh biết con tàu Nau-ti-lux chạy nhanh như thế nào rồi đấy. Nó chạy trên nước như chim én bay trên trời hay như tàu tốc hành chạy trên mặt đất vậy. Nó không sợ gì các vùng biển đông đúc, ai dám nói là nó sẽ không lui tới vùng biển nước Pháp, nước Anh, hay nước Mỹ, ở đó chúng ta sẽ có những điều kiện chạy trốn thuận lợi hơn ở đây thì sao?

- Thưa Giáo sư A-rô-nát, lập luận của ngài không có căn cứ vững chắc nào cả. Ngài toàn nói chuyện tương lai, chúng ta sẽ ở đây, chúng ta sẽ ở kia. Còn tôi chỉ nói về hiện tại, chúng ta đang ở đây và chúng ta phải lợi dụng ngay cơ hội này.

Lập luận của Nét-len làm tôi bối rối, tôi thấy mình đã thua vì bị đuối lý hơn. Tôi biết mình có nó gì cũng không

lại với anh ta được.

- Thưa ngài - Nét-len nói tiếp - Tôi xin được đưa ra một giả thiết, nếu thuyền trưởng Nê-mô muốn trả lại tự do cho ngài ngay trong ngày hôm nay thì ngài có chấp thuận không?

- Tôi không biết - Tôi đáp.

- Và nếu như thuyền trưởng Nê-mô sẽ không bao giờ lặp lại điều đó một lần thứ hai nữa thì ngài có chấp thuận không?

- Anh bạn Nét thân mến, câu trả lời của tôi là như thế này: Anh nói rất có lý, tôi không thể nói lại được anh. Chúng ta không thể dựa hoàn toàn vào thiện ý của thuyền trưởng Nê-mô. Sự thận trọng khôn ngoan của ông ta sẽ không cho phép ông ta thả chúng ta ra. Ngược lại, sự thận trọng của chúng ta cũng không cho phép chúng ta bỏ lỡ thời cơ rời khỏi con tàu Nau-ti-lux.

- Ngài nói quả là chí lý.

- Nhưng chỉ có một điều đáng lưu ý, chỉ một điều thôi, đó là chúng ta phải đợi một cơ hội hết sức thuận lợi, và chúng ta phải đảm bảo rằng lần trốn thoát đầu tiên phải thành công. Nếu thất bại thì chúng ta sẽ không bao giờ có được một cơ hội thứ hai, và thuyền trưởng Nê-mô sẽ không bao giờ tha thứ cho chúng ta.

- Ngài nói đúng - Nét-len nói - Nhưng ý kiến của ngài đúng cho tất cả mọi lần bỏ trốn, cho dù đó là hai năm nữa, hay trong hai ngày nữa. Vấn đề của chúng ta bây giờ là thế này: nếu có cơ hội thoát thân, chúng ta phải chộp ngay lấy.

- Tôi đồng ý! Bây giờ, xin anh nói cho tôi biết anh quan niệm thế nào là cơ hội thuận lợi?

- Là như thế này: vào một đêm trời tối, con tàu Nau-ti-

lux cách bờ biển Châu Âu không xa.

- Và anh sẽ tự cứu sống mình bằng cách tự bơi vào bờ?

- Tất nhiên, nếu như chúng ta gần bờ đủ để có thể bơi được, và con tàu Nau-ti-lux thì đang nổi trên mặt nước. Còn nếu nó lặn xuống và bờ biển cách khá xa thì tôi lại có cách khác.

- Anh sẽ làm thế nào?

- Trong trường hợp đó, tôi sẽ cướp lấy chiếc thuyền. Tối biết cách sử dụng nó. Chúng ta phải ngồi được vào trong thuyền, tháo bu lông ra và sẽ nổi lên mặt nước, đến tay lái tàu cũng không nhận ra chúng ta đang bỏ trốn đâu.

- Được thôi, vậy chúng ta hãy chờ đợi thời cơ, nhưng anh đừng quên là nếu thất bại thì chúng ta sẽ không còn sống sót được đâu.

-Tôi sẽ không quên đâu, thưa ngài.

- Còn bây giờ, anh Nét, anh có muốn biết tôi nghĩ gì về kế hoạch của anh không?

- Tất nhiên là tôi muốn biết, thưa Giáo sư A-rô-nát.

- Tôi nghĩ rằng, chứ không phải là tôi hy vọng rằng, cái cơ hội thuận lợi đó sẽ chẳng bao giờ đến với chúng ta đâu.

- Tại sao không?

- Vì sự tỉnh táo và cảnh giác của thuyền trưởng Nê-mô cho tôi thấy rằng chúng ta không hề có một cơ hội nào thoát thân, và chúng ta sẽ mãi mãi phải ở lại trong vòng kiểm soát của ông ta, trong lòng đại dương và chỉ được nhìn thấy những bờ biển Châu Âu từ phía xa mà thôi.

- Rồi chúng ta sẽ thấy thôi mà - Nét-len vừa nói vừa lắc đầu một cách rất dứt khoát.

- Còn bây giờ, anh Nét-len - Tôi nói tiếp - Chúng ta kết

thúc câu chuyện ở đây, không ai nói gì thêm về đề tài này nữa. Khi nào anh dự định chạy trốn thì hãy báo cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ theo anh. Tôi hoàn toàn trông cậy vào anh.

Câu chuyện của chúng tôi kết thúc ở đó, chẳng bao lâu sau đó đã dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng. Tôi phải nói rằng Nét-len đã rất thất vọng vì sự thực diễn ra theo đúng như dự báo của tôi. Chẳng biết vì thuyền trưởng Nê-mô không tin chúng tôi hay ông ta chỉ muốn giấu hành tung của mình mà khi chạy trong vùng biển Địa Trung Hải tấp nập tàu bè từ đủ các nước, ông ta thường cho tàu lặn sâu xuống nước, cách bờ rất xa. Hoặc đôi khi con tàu Nau-ti-lux có nổi lên thì cũng chẳng nhìn thấy gì ngoài buồng lái. Thỉnh thoảng con tàu lại lặn xuống thật sâu như khi ở giữa quần đảo Hy lạp và Tiểu Á, tàu lặn xuống tận hai ngàn mét mà vẫn chưa chạm đáy.

Ngày hôm sau, 14 tháng Hai, tôi định bụng sẽ dành vài giờ nghiên cứu loài cá ở quần đảo này, nhưng chẳng hiểu vì sao tấm cửa kính trong phòng khách vẫn đóng im ỉm. Sau khi xem xét đường đi của con tàu Nau-ti-lux, tôi nhận ra rằng chúng tôi đang tiến đến Can-đi-a. Vào thời điểm tôi xuống tàu A-bra-ham Lin-côn, cả quần đảo này đang nổi dậy chống lại chế độ phân biệt chủng tộc của người Thổ Nhĩ Kỳ. Kết quả của cuộc nổi dậy đó ra sao từ ngày đó đến giờ tôi hoàn toàn mù tịt, thậm chí cả thuyền trưởng Nê-mô cũng chẳng giúp gì được tôi trong trường hợp này.

Tối hôm đóm tôi gặp thuyền trưởng Nê-mô trong phòng khách. Ông ta như đang có điều gì trăn trở không vui. Trái với ngày thường, ông ta ra lệnh cho mở rộng hai cánh cửa kính ra và đi đi lại lại trước đó, vừa đi vừa nhìn vào khoảng nước mênh mông. Tôi không thể đoán được mục đích của

hành động đó nên tốt nhất là cứ làm việc của mình. Tôi nghiên cứu các loài cá đang tung tăng bơi lội trước mặt.

Bỗng nhiên, trong làn nước mờ mờ, tôi nhìn thấy một người đàn ông, một người thợ lặn đeo một cái túi da ở sau lưng. Đó không phải là một cái xác chết trôi theo dòng nước mà là một người đang còn sống bơi bằng đôi tay rất khoẻ. Thỉnh thoảng anh ta lại ngoi lên mặt nước để lấy không khí.

Tôi quay sang thuyền trưởng Nê-mô thất thanh kêu lên:

- Có người sắp chết đuối, phải cứu anh ta bằng mọi giá.

Thuyền trưởng Nê-mô không trả lời tôi, đi đến bên ô cửa kính.

Người đàn ông đó bơi lại phía chúng tôi, áp mặt vào ô cửa kính nhìn chúng tôi.

Tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy thuyền trưởng Nê-mô lấy tay ra hiệu gì đó, người thợ lặn cũng lấy tay ra hiệu gì đó rồi nổi ngay lên mặt nước, không thấy xuất hiện thêm lần nào nữa.

- Giáo sư đừng lo - Thuyền trưởng Nê-mô nói - Đó là anh Ni-cô-la ở mũi Ma-ta-pan. Anh ta rất nổi tiếng khắp vùng về tài bơi lặn. Nước là môi trường sống của anh ta, anh ta sống ở trong nước nhiều hơn là ở trên cạn. Anh ta thường bơi từ đảo này sang đảo khác, có khi đến cả đảo xa như đảo Crết.

- Thuyền trưởng biết anh ta à?

- Tại sao tôi lại không biết, thưa Giáo sư A-rô-nát.

Nói rồi, thuyền trưởng Nê-mô đi thẳng đến một chiếc tủ kê gần cánh cửa bên trái phòng khách. Gần tủ là một cái hòm bằng sắt, bên trên có một tấm bảng bằng đồng khắc phương châm của con tàu Nau-ti-lux và các hình trang trí.

Thuyền trưởng Nê-mô như không cần biết đến sự có mặt của tôi, ông ta mở cái tủ rất chắc chắn ra, bên trong là vô số những thỏi hình chữ nhật.

Đó là những thỏi vàng. Những thỏi kim loại quý đó từ đâu ra mà nhiều đến như vậy? Thuyền trưởng Nê-mô đã thu thập được chúng từ nguồn nào? Và ông ta định làm gì với chúng?

Tôi không nói thêm lời nào, chỉ đứng nhìn chăm chú. Thuyền trưởng Nê-mô lấy từng thỏi vàng ra, xếp đầy vào cái hòm bên cạnh cho tới khi đầy ắp. Tôi ước tính số vàng đó phải nặng tới hơn một tấn, hay nói cách khác là bằng khoảng năm trăm triệu Frăng.

Thuyền trưởng Nê-mô đậy nắp hòm lại cẩn thận rồi viết địa chỉ lên nắp hòm. Chữ viết giống tiếng Hy lạp.

Sau khi làm những việc đó xong, thuyền trưởng Nê-mô ấn một cái nút điện nối xuống phòng thuỷ thủ. Bốn người thuỷ thủ lực lưỡng xuất hiện và phải khó khăn lắm họ mới khiêng được cái hòm ra khỏi phòng khách. Sau đó tôi nghe thấy họ dùng ròng rọc hạ xuống cái thang bằng sắt.

Lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô quay lại hỏi tôi:

- Giáo sư nói gì vậy?

- Tôi có nói gì đâu, thưa thuyền trưởng.

- Vậy thì, thưa Giáo sư A-rô-nát, nếu ngài cho phép thì tôi xin chúc ngài ngủ ngon.

Nói xong, ông ta quay đi và ra khỏi phòng.

Tôi trở về phòng trong lòng băn khoăn rối bời, tôi cố gắng chợp mắt mà không được. Tôi cố tìm hiểu mối liên quan giữa người thợ lặn và cái hòm đầy vàng. Sau đó, tôi thấy con tàu Nau-ti-lux hơi rung nhẹ, chắc là đang nổi lên mặt nước.

Sau đó, tôi nghe thấy tiếng bước chân đi lại trên boong, tôi biết họ đang tháo thuyền ra khỏi tàu, thả xuống mặt nước. Chiếc thuyền khẽ chạm vào thân tàu, sau đó thì im bặt.

Hai tiếng sau, lại có tiếng lịch kịch hệt như ban nãy trên boong tàu, thuyền lại được kéo lên boong, trả về vị trí cũ, con tàu Nau-ti-lux lại lặn xuống biển.

Thế là hòm vàng đã được đưa đến địa chỉ. Nó đã được đưa đến đâu trên lục địa này? Ai là người liên lạc của thuyền trưởng Nê-mô?

Ngày hôm sau, tôi kể cho Nét-len và Công-xây nghe chuyện đã xảy ra đêm hôm trước. Họ cũng tỏ ra ngạc chẳng kém gì tôi.

- Nhưng thuyền trưởng Nê-mô mang nhiều vàng như vậy đi đâu? - Nét-len hỏi.

Chẳng ai biết phải trả lời anh ta như thế nào. Sau khi ăn sáng, tôi lại đến phòng khách, bắt đầu làm việc. Cho đến tận năm giờ chiều hôm đó, tôi vẫn đang say mê sắp xếp lại các ghi chép của mình. Bỗng nhiên tôi thấy nóng khủng khiếp đến nỗi phải cởi áo khoác ngoài ra. Tại sao lại nóng thế này? Thật lạ lùng vì tàu đã chạy xa vùng biển nhiệt đới, mà có chạy trong vùng đó đi nữa thì thì nhiệt độ trên tàu cũng không thể thay đổi vì con tàu Nau-ti-lux đang lặn dưới nước. Tôi nhìn vào áp kế, đồng hồ chỉ độ sâu mười tám mét dưới mặt biển, ở độ sâu như vậy thì lẽ ra nhiệt độ không khí cũng không thể tác động được gì.

Tôi tiếp tục làm việc, nhưng nhiệt độ không ngừng tăng lên đến nức không thể chịu được nữa.

- Hay là có cháy trên tàu? - Tôi tự hỏi.

Tôi định ra khỏi phòng khách, đúng lúc đó thuyền trưởng

Nê-mô bước vào. Ông ta bước tới chỗ đặt nhiệt kế, đo đo đạc đạc rồi bảo tôi:

- Bốn mươi hai độ.

- Vâng, nóng quá thưa thuyền trưởng - Tôi nói - Nếu nhiệt độ cứ tăng lên nữa thì chúng ta không thể chịu được nữa đâu.

- Thưa Giáo sư A-rô-nát, nếu ta không muốn thì nhiệt độ sẽ không tăng lên nữa.

- Nếu muốn ngài có thể điều chỉnh được nhiệt độ ư?

- Không, nhưng tôi có thể cho tàu ra khỏi cái lò lửa này.

- Đó là nhiệt độ bên ngoài ư?

- Tất nhiên, chúng ta đang đi trong biển nước sôi.

- Có thể như vậy được sao? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Ngài cứ nhìn ra ngoài thì biết.

Ô cửa kính trong phòng khách mở ra, tôi thấy biển xung quanh đều trắng xoá,từng cuộn khói lưu huỳnh bốc lên ngùn ngụt. Tôi sờ tay vào tấm cửa kính, sức nóng khủng khiếp khiến tôi phải rụt tay lại.

- Chúng ta đang ở đâu thế này? - Tôi hỏi.

- Gần quần đảo Xan-tô-rin, thưa giáo sư - Thuyền trưởng Nê-mô đáp - Tôi muốn cho ngài xem cảnh núi lửa ngầm dưới biển.

- Tôi nghĩ rằng quá trình hình thành những đảo mới đã kết thúc rồi chứ.

- Quá trình hình thành núi lửa chẳng bao giờ kết thúc - Thuyền trưởng Nê-mô đáp - Ngọn lửa trong lòng trái đất vẫn liên tục cháy sáng. Nếu như ở Thái Bình Dương, san hô có thể tạo nên các lục địa thì ở vùng biển này núi lửa cũng đóng vai trò như vậy.

Tôi trở lại ô cửa kính, con tàu Nau-ti-lux không nhúc nhích, sức nóng đã đến mức không thể chịu thêm được nữa. Nước biển lúc trước là màu trắng giờ đã chuyển sang màu đỏ do có muối sắt. Mặc dù con tàu Nau-ti-lux được hàn rất kín, nhưng mùi lưu huỳnh ngột ngạt vẫn tràn vào trong phòng không thể thở được. Thỉnh thoảng ánh đèn pha lại bị những ngọn lửa đỏ rực bùng lên bên ngoài làm mờ hẳn đi. Tôi như đang trong phòng tắm hơi, tôi thấy ngột ngạt, tôi thấy như sắp bị chín nhừ.

- Chúng ta không thể ở lâu trong cái chảo nước sôi này được nữa - Tôi nói với thuyền trưởng Nê-mô.

- Vâng, đó là việc nên làm - Thuyền trưởng Nê-mô bình thản đáp.

Theo lệnh của thuyền trưởng Nê-mô, con tàu Nau-ti-lux chạy ngay ra khỏi vùng nước đó mà không bị hư hại gì. Mười lăm phút sau, chúng tôi lại được thở hít bầu không khí trong lành trên mặt biển. Lúc đó tôi chợt nghĩ rằng nếu Nét-len chọn vùng biển đó làm nơi chạy trốn thì chúng tôi chẳng còn ai sống sót.

Ngày hôm sau, ngày 16 tháng Hai, con tàu Nau-ti-lux vòng qua mũi Ma-ta-pan rồi ra khơi, từ biệt quần đảo Hy lạp.

CHƯƠNG VII

BỐN MƯƠI TÁM GIỜ TRÊN ĐỊA TRUNG HẢI

Nước biển ở Địa Trung Hải trong xanh, bao quanh bờ biển là những rừng cam, rừng lô hội, rừng xương rồng, rừng thông xanh tốt, những cánh đồng mía ngào ngạt hương thơm, những dãy núi trùng điệp và khí hậu thật trong lành, nhưng dưới lòng đất núi lửa vẫn hoạt động không ngừng như thể Hải vương và và Diêm vương vẫn đang tranh giành quyền thống trị thế giới.

Nhưng dù nước biển Địa Trung Hải có đẹp đến mấy thì tôi cũng chỉ được nhìn vùng biển có diện tích bề mặt rộng hơn hai triệu dặm vuông đó một cách thoáng qua. Thậm chí tôi cũng không hỏi han gì được từ thuyền trưởng Nê-mô vì con người bí ẩn này không hề xuất hiện lấy một lần trong suốt thời gian con tàu vượt Địa Trung Hải. Tôi ước tính con tàu Nau-ti-lux chạy dưới độ sâu khoảng sáu trăm dặm, và sẽ mất khoảng bốn mươi tám giờ để vượt qua Địa Trung Hải. Chúng tôi rời bờ biển Hi lạp vào buổi sáng ngày 16 tháng Hai thì đến khoảng rạng đông ngày 18 tháng Hai đã vượt qua eo biển Gi-bran-ta.

Tôi rất dễ hiểu vì sao thuyền trưởng Nê-mô lại không thích Địa Trung Hải, bởi vì xung quanh là những vùng đất mà thuyền trưởng Nê-mô vẫn muốn tránh. Sóng nước Địa Trung Hải gợi lại cho thuyền trưởng Nê-mô quá nhiều kỉ

niệm nếu không muốn nói là kỉ niệm đau buồn. Nơi đây, ông ta không có được cái quyền độc lập tự do lựa chọn đường đi như ông ta đang có trên biển rộng, cũng như con tàu Nau-ti-lux của ông ta cũng cảm thấy tù túng bó buộc giữa những vùng biển chật chội của Châu Phi và Châu Âu.

Tàu chạy với tốc độ hai mươi nhăm hải lý một giờ. Cũng dễ hiểu là tại sao Nét-len, dù có tức tối đến mấy cũng phải từ bỏ cái ý định chạy trốn. Anh ta không thể tháo thuyền ra trong khi tàu đang chạy với tốc độ mười hai mười ba mét một giây như vậy. Rời khỏi con tàu Nau-ti-lux trong điều kiện như vậy khác nào nhảy ra khỏi xe lửa đang phóng hết tốc độ. Đó là một điều không thể làm được, ai cũng biết vậy. Hơn nữa, tàu chỉ nổi lên mặt nước để lấy không khí vào ban đêm, còn lại toàn bộ thời gian ban ngày tàu chạy ngầm dưới mặt nước.

Tôi không thể chiêm ngưỡng lòng Địa Trung Hải bao la hơn những gì mà một người lữ khách của tàu tốc hành chiêm ngưỡng cảnh vật hai bên đường. Nói vậy có nghĩa là tôi chỉ có thể nhìn đường chân trời phía xa xa, còn những cảnh vật gần trong tầm mắt thì chỉ như một ánh sáng lướt qua mắt không hơn.

Tuy vậy, trong lòng biển cả mênh mông được ánh đèn pha tàu chiếu sáng rực rỡ, chúng tôi cũng có dịp được quan sát rất nhiều loại động vật, thực vật và cá đặc trưng của vùng biển này. Tuy không được quan sát thật kỳ càng vì tàu chạy nhanh, nhưng những gì thấy được qua ô kính của con tàu Nau-ti-lux cũng giúp cho chúng tôi có được một nhận xét sơ bộ về thế giới động thực vật của Địa Trung Hải.

Chúng tôi vượt qua vùng biển nằm giữa Si-ci-ly và bờ biển Tuy-ni-di. Tại vùng biển hẹp giữa mũi Bon và eo biển

Mê-si-na, mặt biển bỗng nhiên gồ cao hẳn lên. Một bên bờ nước chỉ sâu khoảng hai chục mét, trong khi phía bờ bên kia lại có độ sâu lên đến hàng hai trăm mét.

Do vậy, con tàu Nau-ti-lux phải hết sức cẩn thận mới tránh không va vào những rào chắn dưới biển như vậy.

Suốt đêm ngày 16 và cả ngày 17 tháng hai, con tàu Nau-ti-lux đi vào bể thứ hai của Địa Trung Hải, nơi có độ sâu tới gần ba ngàn mét. Con tàu Nau-ti-lux ngoan ngoãn tuân theo sự điều khiển, trượt bằng tấm ván nghiêng chạy dưới tầng sâu nhất của đáy biển.

Ngày 18 tháng hai, khoảng ba giờ sáng, chúng tôi đã vào tới eo biển Gi-bran-ta. Ở đây song song tồn tại hai dòng hải lưu, một dòng trên đã được phát hiện từ lâu là dòng nước đại dương đổ vào biển Địa Trung Hải, còn một dòng thấp hơn ngược lại qua bao cuộc tranh cãi và đã chứng tỏ là có tồn tại. Thực tế, lượng nước của Địa Trung Hải tăng lên hàng năm do nước Đại Tây Dương và nước từ các dòng sông đổ vào, và vì lượng nước bốc hơi hàng năm không đủ để bù lại lượng nước tăng hàng năm. Do vậy, chúng ta phải thừa nhận có tồn tại một dòng hải lưu mới ngược lại đổ lượng nước quá tải từ Địa Trung Hải vào Đại Tây Dương qua eo biển Gi-bran-ta. Con tàu Nau-ti-lux lợi dụng dòng hải lưu ngược này tăng tốc độ vượt qua eo biển. Chỉ một lát sau chúng tôi đã nhận thấy tàu đang lướt sóng Đại Tây Dương.

CHƯƠNG VIII

VỊNH VI-GÔ

Đại Tây Dương! Đó là một đại dương rộng mênh mông có diện tích mặt nước chiếm tới hai mươi lăm triệu hải lý vuông, chiều dài của nó là chín ngàn hải lý, rộng hai ngàn bảy trăm hải lý. Một đại dương có hai bờ chạy thẳng ôm lấy một vùng nước bao la, nơi bao con sông lớn nhất thế giới đổ vào như sông Sanh Lau-ren, sông Mít-xi-xi-pi, sông A-ma-zon, sông Pla-ta, sông O-ri-nô-cô, sông Sê-nê-gan, sông El-be, sông Loi-rơ..., những con sông chở nước từ những quốc gia văn minh nhất thế giới và những quốc gia lạc hậu nhất thế giới. Một vùng sóng nước bao la, nơi có tàu thuyền mang cờ của tất cả các nước chạy ngang dọc, một vùng biển kết thúc với hai điểm làm các nhà đi biển đều hãi hùng, mũi Hoóc và mũi Tem-pét!

Trong vòng ba tháng rưỡi, vượt qua khoảng một vạn dặm - một khoảng cách còn lớn hơn đường xích đạo, giờ đây con tàu Nau-ti-lux đã rẽ sóng Đại Tây Dương. Chúng tôi sẽ đi về đâu? Có gì đảm bảo cho tương lai của chúng tôi? Vượt qua eo biển Gi-bran-ta, tránh xa khỏi các vùng biển đông đúc, con tàu Nau-ti-lux lại nổi lên mặt nước. Vậy là những cuộc dạo chơi trên boong của chúng tôi lại được tiếp tục.

Tôi leo ngay lên boong tàu, Nét-len và Công-xây cũng đi theo. Cách tàu khoảng mười hai hải lý, tôi nhìn thấy mũi Xanh Vanh-xăng làm thành điểm tây nam của quần đảo Tây Ban Nha hiện lên mờ mờ. Gió nam thổi khá mạnh làm

biển động và cuốn sóng cồn. Con tàu Nau-ti-lux lắc lư. Nước biển giận dữ tung bọt trắng xoá lên chúng tôi, khiến chúng tôi không thể đứng trên boong tàu được nữa. Chúng tôi vội vàng hít lấy hít để một chút không khí trong lành rồi trèo ngay xuống dưới.

Tôi trở về phòng, Công-xây cũng về phòng. Duy chỉ có Nét-len hình như còn băn khoăn điều gì đó nên đi theo tôi. Chặng đường qua Địa Trung Hải diễn ra quá nhanh khiến cho kế hoạch của anh ta không thực hiện được. Anh chàng không giấu nổi sự thất vọng. Khi cánh của phòng tôi đã đóng kín, anh ta ngồi xuống và lặng lẽ nhìn tôi.

- Anh bạn Nét - Tôi nói - Tôi rất hiểu anh, nhưng anh không thể trách mình được. Trong những điều kiện như vậy mà rời khỏi con tàu Nau-ti-lux là một điều ngu xuẩn.

Nét-len không trả lời. Đôi môi anh ta mím chặt, lông mày nhíu lại chứng tỏ anh ta đang tập trung vào một ý nghĩ nào đó.

- Anh đừng vội thất vọng - Tôi nói tiếp - Chúng ta lại sắp tới bờ biển Bồ Đào Nha, gần bờ biển Pháp và Anh, nơi chúng ta dễ tìm được chỗ lẩn trốn. Giờ đây, nếu con tàu Nau-ti-lux rời khỏ eo biển Gi-bra-ta mà chạy về phía nam, nơi không có một lục địa nào thì những lo lắng của ông là có cơ sở, nhưng chúng ta đều biết là thuyền trưởng Nê-mô không có ý định lảng tránh những vùng biển châu Âu, nên chỉ vài ngày nữa thôi, khi có điều kiện thuận lợi anh có thể hành động an toàn hơn.

Nét-len nhìn tôi chằm chằm, cuối cùng, hai môi anh ta bật ra: "Ngay tối hôm nay".

Tôi giật mình nhổm dậy. Thú thực, đề nghị của Nét-len là quá đột ngột đối với tôi, tôi chưa chuẩn bị tinh thần đón nhận. Tôi muốn tra [illegible] ta gì đó, nhưng chẳng biết nói

thế nào.

- Chúng ta đã thoả thuận là sẽ chờ thời cơ thuận lợi - Nét-len nói tiếp - Và bây giờ thời cơ đã tới, tối nay tàu sẽ chỉ cách bờ biển Tây Ban Nha vài hải lý. Trời lại nhiều mây, gió thổi nhẹ. Thưa Giáo sư A-rô-nát, ngài đã hứa với tôi, tôi mong ngài giữ lời.

Tôi vẫn yên lặng không biết nói gì. Nét-len đứng dậy đi đến chỗ tôi và nói:

- Chín giờ tối nay. Tôi đã báo cho Công-xây rồi. Lúc đó thuyền trưởng Nê-mô đang ở trong phòng riêng của mình, có thể đã đi ngủ. Bọn thuỷ thủ và thợ máy cũng không thể nhìn thấy chúng ta. Công-xây và tôi sẽ lẻn ra phía cầu thang giữa, ngài sẽ ở lại thư viện, chờ đợi ám hiệu của tôi. Mái chèo, cột buồm, cánh buồm đã sẵn sàng trong thuyền. Tôi đã để sẵn một ít thực phẩm trong đó. Tôi cũng đã kiếm được một cái cờ lê để vặn đai ốc tháo thuyền ra khỏi tàu. Tất cả đã sẵn sàng, chờ đến tối hành động.

- Nhưng biển đang động, anh Nét ạ.

- Tôi biết - Nét-len đáp - Nhưng chúng ta vẫn phải mạo hiểm thôi. Tự do đáng để chúng ta phải mạo hiểm. Hơn nữa, thuyền khá vững chắc, chèo xuôi chiều gió mấy hải lý cũng không phải là việc cực nhọc lắm. Nếu mọi việc xuôi chèo mát mái thì chỉ khoảng mười một giờ đêm nay chúng ta sẽ đổ bộ lên một mảnh đất nào đó, hoặc là sẽ cùng chết cả. Xin hẹn ngài đến tối.

Nói xong những lời như vậy, Nét-len đi ra bỏ lại tôi một mình trong tâm trạng rối bời. Trước đây, tôi đã nghĩ rằng nếu thời cơ có đến thì phải còn lâu nữa, và tôi sẽ có thời gian suy nghĩ và cân nhắc mọi tình huống. Nhưng anh bạn Nét-len đã không cho tôi thời gian. Nhưng mà tôi lại chẳng thể nói lại được anh ta. Nét-len hoàn toàn đúng. Cơ hội

nay đáng để chộp lấy. Tôi có thể chỉ vì mình mà thất hứa không để rồi phải gánh lấy trách nhiệm về số phận của hai người bạn đi cùng không? Có thể ngày mai thuyền trưởng Nê-mô sẽ cho tàu đi xa khỏi tất cả các lục địa.

Đúng lúc đó, một tiếng rít khá mạnh báo hiệu nước đang tràn vào các bể chứa, và con tàu Nau-ti-lux đang dần dần chìm xuống đáy Đại Tây Dương.

Một ngày căng thẳng trôi qua, tôi phải đấu tranh giữa những ý nghĩ về việc giành lại tự do cho mình, về sự luyến tiếc phải rời bỏ con tàu Nau-ti-lux tuyệt diệu, bỏ lại công trình nghiên cứu đại dương dở dang.

Tôi đã phải trải qua những giờ phút thật nặng nề. Khi thì tôi mơ thấy tôi và hai người bạn an toàn đứng trên đất liền, lúc thì tôi lại ước làm sao một chuyện gì đó bất ngờ xảy ra có thể ngăn cản Nét-len thực hiện được ý đồ của mình.

Tôi đi đến phòng khách hai lần, tôi muốn kiểm tra phương hướng của con tàu Nau-ti-lux, để xem tàu có mang chúng tôi ra xa khỏi bờ biển hay không. Nhưng không, con tàu Nau-ti-lux vẫn đang chạy dọc theo bờ biển Tây Ban Nha.

Do vậy, tôi buộc phải thu xếp hành lý chuẩn bị chạy trốn. Hành lý của tôi chẳng có gì nặng nề, chỉ có vài cuốn sổ ghi chép không hơn.

Tôi tự hỏi thuyền trưởng Nê-mô sẽ nghĩ thế nào về cuộc trốn chạy của chúng tôi. Liệu cuộc chạy trốn này sẽ gây tổn thất gì cho ông ta, nếu ông ta phát hiện ra chúng tôi, ông ta sẽ xử lý như thế nào, còn nếu ông ta không phát hiện ra, ông ta sẽ ra sao? Tất nhiên, tôi không có lý do gì để phàn nàn về thuyền trưởng Nê-mô cả, ngược lại, tôi còn được tự do thoải mái không kém gì ông ta. Nhưng ông ta

cũng không thể kết tội tôi vì đã bỏ đi được. Chúng tôi không có gì ràng buộc với ông ta. Chúng tôi trói buộc với ông ta trên con tàu Nau-ti-lux là do hoàn cảnh, ông ta biết rất rõ như vậy, chứ không phải là vì chúng tôi hứa hẹn gì.

Từ khi đi thăm đảo San-tô-rin, tôi không gặp lại thuyền trưởng Nê-mô. Liệu trước khi chạy trốn tôi có được tình cờ gặp lại thuyền trưởng Nê-mô một lần nữa không? Tôi vừa mong chuyện ấy đừng xảy ra, lại vừa mong được gặp. Tôi lắng nghe tiếng bước chân bên phòng bên cạnh, nhưng không nghe thấy gì cả. Tôi cảm thấy cảm giác bất an đè nặng. Ngày hôm nay như kéo dài vô tận. Thời gian chậm chạp trôi qua như đồng loã với sự không kiên nhẫn của tôi.

Bữa tối vẫn được dọn trong phòng tôi như thường lệ. Tôi chỉ ăn được một chút vì quá lo lắng. Tôi rời khỏi bàn ăn lúc bảy giờ. Từ giờ đến lúc gặp Nét-len theo kế hoạch còn những một trăm hai mươi phút. Tôi bồn chồn ra mặt. Mạch tôi đập nhanh dữ dội. Tôi không thể ngồi yên một chỗ được nữa. Tôi đi đi lại lại trong phòng hy vọng rằng làm như vậy sẽ đẩy xa được nỗi lo lắng. Tôi không lo lắng nhiều về việc mình có thể chết trong khi chạy trốn, nhưng ý nghĩ kế hoạch của chúng tôi sẽ bị bại lộ và thuyền trưởng Nê-mô sẽ phát hiện ra chúng tôi trên đường chạy trốn, tôi sẽ được đưa đến trước mặt thuyền trưởng Nê-mô, ông ta sẽ nổi giận đùng đùng, hay tồi tệ hơn là ông ta sẽ đau buồn thất vọng vì hành vi phản phúc của tôi, ý nghĩ đó làm tôi tôi thắt lại.

Tôi muốn nhìn lại phòng khách một lần cuối. Tôi đi xuống cầu thang và đi vào phòng bảo tàng, nơi tôi đã có biết bao giờ phút thú vị và bổ ích, tôi nhìn những báu vật, những kho báu vô giá ở đây lần cuối cùng với con mắt của một người sắp ra đi vĩnh viễn không bao giờ trở lại. Những kỳ

quan của thiên nhiên, những kiệt tác của nghệ thuật mà bao nhiêu ngày qua tôi đã say mê nghiên cứu, tôi sắp sửa phải chia tay mãi mãi. Tôi muốn ngắm nhìn lần cuối đáy biển Đại Tây Dương, nhưng ô cửa kính đóng kín, tấm thép dày che khuất mất đại dương mà tôi chưa kịp khám phá.

Khi đi qua phòng khách, tôi đến gần cánh cửa dẫn vào phòng thuyền trưởng Nê-mô. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy cánh cửa hơi hé mở. Tôi bất giác lùi ngay lại. Nếu thuyền trưởng Nê-mô đang ở trong phòng, ông ta sẽ có thể nhìn thấy tôi. Nhưng vì không nghe thấy động tĩnh gì, tôi tiến gần lại. Căn phòng trống trơn. Tôi đẩy cửa bước vào. Đồ đạc trong phòng vẫn khắc khổ như phòng thầy tu.

Đột nhiên, đồng hồ điểm tám tiếng. Tiếng chuông đầu tiên đã đánh thức tôi khỏi giấc mộng. Tôi run lẩy bẩy như thể có một con mắt vô hình đang nhìn xuyên thấu những ý nghĩ thầm kín nhất của tôi. Tôi vội vã lao ra khỏi phòng.

Tôi ngước nhìn địa bàn, kim địa bàn vẫn chỉ hướng bắc. Máy đo tốc độ cho thấy tàu vẫn chạy ở tốc độ trung bình ở độ sâu khoảng hai mươi mét.

Tôi quay về phòng mình, mặc quần áo ấm vào - một đôi ủng đi biển, một chiếc mũ da rái cá, một chiếc áo khoác da hải cẩu. Tôi đã sẵn sàng, chờ đợi. Hoàn toàn yên lặng, chỉ có tiếng chân vịt quay nhanh. Tôi chăm chú lắng nghe xem có tiếng la thất thanh của Nét-len vang lên đâu đó vì bị tóm cổ khi đang trên đường chạy trốn không. Một cảm giác rờn rợn bao trùm lên tôi, tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh nhưng vô hiệu.

Chín giờ kém vài phút. Tôi áp tai vào cửa phòng thuyền trưởng Nê-mô nghe ngóng. Không có tiếng động gì. Tôi ra khỏi phòng và đi đến phòng khách. Trong phòng nửa sáng nửa tối nhưng hoàn toàn vắng lặng.

Tôi mở cửa phòng thông sang thư viện. Bên đó cũng mờ mờ và vắng lặng như vậy. Tôi ngồi xuống gần cánh cửa thông sang cầu thang trung tâm, chờ ám hiệu của Nét-len.

Đúng lúc đó, chân vịt của tàu rung nhẹ dần rồi im bặt. Bây giờ chỉ còn nghe thấy tiếng tim tôi đập thình thịnh. Rồi tôi cảm thấy tàu hơi rung nhẹ. Điều đó có nghĩa là con tàu Nau-ti-lux đã dừng lại ở đáy biển. Nỗi lo sợ của tôi càng tăng lên. Vẫn chưa thấy tín hiệu gì của Nét-len cả. Tôi chỉ muốn lao đến chỗ Nét-len và cầu xin anh ta hãy hoãn chuyến chạy trốn này sang lần khác. Tôi có cảm giác là chúng tôi đang chạy trong điều kiện không bình thường.

Đúng lúc đó cửa thông sang phòng khách bật mở, thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện. Ông ta đã nhìn thấy tôi, không cần chào hỏi, ông ta hỏi luôn:

- A! Giáo sư A-rô-nát - Giọng thuyền trưởng Nê-mô rất thân thiện - Tôi đang tìm ngài đây. Ngài có biết gì về lịch sử Tây Ban Nha không?

Trong hoàn cảnh của tôi lúc bấy giờ, nếu thuyền trưởng Nê-mô có hỏi tôi về lịch sử của chính tổ quốc tôi mà tôi đã thuộc làu làu thì tôi cũng chẳng thể nói được lời nào.

- Ngài có nghe tôi nói gì không, thưa Giáo sư A-rô-nát? - Thuyền trưởng Nê-mô hỏi lại - Giáo sư có biết gì về lịch sử Tây Ban Nha không?

- Tôi biết chút ít thôi ạ - Tôi đáp.

- Thế thì ngài sẽ được biết - Thuyền trưởng Nê-mô nói - Ngài hãy ngồi xuống đây, tôi sẽ kể cho ngài nghe một đoạn rất hấp dẫn trong lịch sử Tây Ban Nha. Tôi đảm bảo rằng câu chuyện này một mặt sẽ rất hấp dẫn ngài, còn mặt khác nó sẽ là câu trả lời cho một câu hỏi mà đến giờ ngài vẫn còn đang thắc mắc.

- Tôi xin nghe đây, thưa thuyền trưởng - Tôi nói mà lòng không khỏi thắc mắc liệu thuyền trưởng Nê-mô sẽ dẫn dắt câu chuyện tới đâu, không biết nó có liên quan gì đến cuộc chạy trốn của chúng tôi không?

- Thưa giáo sư, nếu ngài cho phép, tôi xin lùi lại đến năm 1702. Ngài hẳn phải biết rõ rằng vua Lu-i 14 cho rằng chỉ cần ông ta phẩy tay một cái là sẽ đem cả Pi-rê-nê dưới ách thống trị của ông ta. Do vậy, ông ta đã đưa cháu của mình là công tước An-jou lên ngôi vị hoàng đế Tây Ban Nha. Anh chàng hoàng tử trẻ ranh này lấy tên hiệu là Phi-lip đệ ngũ vừa lên ngôi đã phải đối đầu với một thế lực thù địch rất hùng mạnh. Một năm trước đó, các triều đình Hà Lan, Áo, và Anh quốc đã ký một hiệp định liên minh có mục đích lật đổ triều đình Tây Ban Nha của Phi-lip thứ năm, trao ngôi vị đó cho một vương công nào đó mà họ gọi trước là Sác-lơ đệ tam.

Tây Ban Nha phải chống lại liên minh đó, nhưng họ lại không hề có quân đội hay hải quân. Tuy vậy, tiền bạc lại không từ chối họ miễn là tàu chở châu báu họ lấy được ở Mỹ cập được vào một cảng ở Tây Ban Nha. Khoảng cuối năm 1702, họ đang trông ngóng một đoàn tàu chở vàng bạc châu báu do một đoàn gồm hai mươi ba chiếc tàu hạm đội Pháp dưới sự chỉ huy của đô đốc Sa-tô Rơ-nô hộ tống. Sở dĩ phải hộ tống là vì hạm đội của liên quân Hà lan - Áo - Anh đang tuần tiễu khắp mặt biển Đại Tây Dương. Đoàn tàu này đang hướng về phía cảng Ca-đíc, nhưng đô đốc Sa-tô Rơ-nô biết rằng có một hạm đội của hải quân Anh đang tuần tiễu trên vùng biển này nên quyết định cho tàu cập một cảng nào đó của Pháp.

Các thuyền trưởng người Tây Ban Nha của đoàn tàu này phản đối quyết định trên. Ông ta muốn đoàn tàu cập một

cảng nào đó của Tây Ban Nha, nếu không phải là Ca-đíc thì sẽ là vịnh Vi-gô nằm ở phía tây bắc bờ biển Tây Ban Nha, hiện giờ vẫn chưa bị liên quân phong toả.

Đô đốc Sa-tô Rơ-nô nhu nhược nghe theo chỉ thị của các thuyền trưởng, và thế là đoàn tàu chở đầy châu báu tiến vào vịnh Vi-gô.

Chẳng may, vịnh Vi-gô làm thành một con đường hở, không được phòng thủ. Do vậy, lẽ ra họ phải nhanh chóng dỡ hàng ra khỏi tàu trước khi tàu của liên quân ập đến, lẽ ra họ có đủ thời gian để làm việc đó, nhưng do một tranh chấp vớ vẩn bất chợt nảy ra mà họ không làm như vậy.

- Ngài có theo dõi các diễn biến của sự việc tôi đang kể không? - Thuyền trưởng Nê-mô dừng lại hỏi.

- Có chứ, tôi vẫn nghe ngài nói đây - Tôi đáp mà lòng vẫn băn khoăn không hiểu thuyền trưởng Nê-mô kể cho tôi nghe bài học lịch sử này để làm gì.

- Tôi sẽ nói tiếp. Chuyện xảy ra là như thế này. Các lái buôn của vùng Ca-đíc có đặc quyền tiếp nhận hàng hoá đến từ vùng Tây Ấn. Nếu bây giờ họ dỡ vàng bạc châu báu ở vịnh Vi-gô là vi phạm đặc quyền của họ. Họ kiện lên Ma-đrít - thủ đô Tây Ban Nha, và được sự chấp thuận của vua Phi-líp thứ năm bạc nhược, rằng đoàn tàu không được dỡ hàng ở vịnh Vi-gô mà phải đứng yên ở đó chờ cho tới khi hạm đội liên minh rút ra khỏi vùng biển Ca-đíc.

Nhưng trong khi thực hiện mệnh lệnh này, ngày 22 tháng 10 năm 1702, tàu chiến của Anh đã vào đến vịnh Vi-gô, đô đốc Sa-tô Rơ-nô tuy lực lượng yếu hơn đã rất dũng cảm chiến đấu. Nhưng biết trước rằng kho báu mà ông ta có trách nhiệm bảo vệ sẽ rơi vào tay quân địch, ông ta liền đốt cháy và cho toàn bộ tàu chìm xuống đáy biển.

Thuyền trưởng Nê-mô dừng lại. Thú thật là tôi vẫn

không hiểu tại sao ông ta lại cho rằng câu chuyện lịch sử đó sẽ làm tôi thú vị.

- Thế rồi sao, thưa thuyền trưởng? - Tôi hỏi.

- Vâng, thưa Giáo sư A-rô-nát - Thuyền trưởng Nê-mô đáp - Hiện giờ chúng ta đang ở vịnh Vi-gô. Nếu muốn ngài có thể làm quen với bí mật của vùng biển này.

Thuyền trưởng Nê-mô ra hiệu bảo tôi đi theo. Tôi đã có đủ thời gian trấn tĩnh lại. Tôi tuân lệnh ông ta. Phòng khách vẫn tối om, nhưng qua ô cửa kính, biển sáng rực óng ánh. Tôi đi lại phía cửa sổ và nhìn.

Trong vòng nửa hải lý quanh con tàu Nau-ti-lux, nước như được tắm mình trong ánh sáng điện. Đáy cát sạch sẽ và trải dài. Mấy thuỷ thủ tàu Nau-ti-lux mặc đồ lặn đang hối hả khiêng những chiếc hòm đã mục nát trong những xác tàu đắm đen sì. Từ trong những chiếc hòm đó rơi ra biết bao nhiêu vàng bạc châu báu. Ngay lập tức, cát lại phủ đầy lên trên. Khi đã chất đầy vàng bạc châu báu, các thuỷ thủ lại trở lại con tàu Nau-ti-lux, đưa vào tàu rồi lại quay trở lại kho báu vô tận chứa đầy vàng bạc.

Giờ thì tôi đã hiểu. Nơi đây đã diễn ra trận chiến ngày 22 tháng mười năm 1702. Nơi đây đoàn tàu chở vàng cho vua Tây Ban Nha đã bị đánh đắm. Nơi đây thuyền trưởng Nê-mô đã đến, mang vàng bạc về tích trữ trong con tàu Nau-ti-lux. Chỉ một mình ông ta có thể tiếp cận được chỗ của cải đó. Ông ta là người thừa kế duy nhất và trực tiếp kho báu mà Féc-đi-năng Coóc-téc đã chiếm đoạt được của bộ lạc In-cơ.

- Ngài có biết rằng đại dương lại chứa trong mình một kho báu vô tận đến như vậy không? - Thuyền trưởng Nê-mô hoiư mỉm cười hỏi tôi.

- Tôi biết - Tôi đáp - Tôi biết rằng biển cả đang giữ trong

mình hai triệu tấn bạc.

- Không có gì nghi ngờ về điều đó, nhưng để chiết xuất được số tiền đó thì phải tốn kém gấp nhiều lần. Ngược lại, ở đây tôi chỉ việc đưa tay lấy lại những gì mà con người đã đánh mất. Không chỉ ở vịnh Vi-gô, còn hàng ngàn chỗ khác có tàu đắm, tôi đã đánh dấu tất cả những điểm đó trên bản đồ hàng hải của mình. Giờ thì ngài đã biết nguồn gốc của những của cải của tôi, phải không ạ?

- Tôi đã hiểu, thưa thuyền trưởng. Nhưng cho phép tôi được nói rằng, trong việc khai thác vùng biển Vi-gô, ngài chỉ làm trước một công ty khác mà thôi.

- Công ty nào?

- Một Công ty đã được chính phủ Tây Ban Nha cho phép tìm kiếm những tàu chở vàng bị chôn vùi dưới đáy biển. Những người góp cổ phần cho Công ty này đang hy vọng sẽ kiếm được một khoản lợi nhuận khổng lồ vì số vàng bị chôn vùi ước tính giá trị tới năm trăm triệu.

- Đúng là năm trăm triệu, nhưng giờ đây thì đã chẳng còn nữa - Thuyền trưởng Nê-mô đáp.

- Đúng vậy - Tôi nói - Do đó nếu ta làm phúc báo được cho họ về điều này thì sẽ tốt hơn. Nhưng ai biết họ sẽ phản ứng trước tin này như thế nào? Những tay cờ bạc thường tiếc rẻ số tiền họ bị thua nhiều hơn là hối hận về cái hy vọng ngớ ngẩn của họ. Nhưng tôi thì chỉ thương hại hàng ngàn người dân vẫn phải sống nghèo khổ mà lý ra số tiền đó nếu được chia công bằng thì có thể làm cho họ sống đỡ vất vả hơn. Nhưng tiếc rằng số tiền đó đã bị mất sạch.

Vừa nói xong, tôi nhận ra ngay là những lời tôi vừa nói hẳn đã khiến thuyền trưởng Nê-mô bị tổn thương.

- Mất sạch! - Thuyền trưởng Nê-mô quay lại hỏi - Thế

ngài vẫn nghĩ rằng kho báu đó bị mất đi là vì rơi vào tay tôi ư? Tôi chỉ sử dụng nó cho chính tôi thôi ư? Ai nói với ngài rằng tôi không dùng nó để làm việc thiện? Ngài cho rằng tôi có thể khoanh tay làm ngơ trước những con người khốn khổ, những dân tộc đang bị áp bức trên trái đất, trước những người bất hạnh, trước những nạn nhân cần phải được trả thù ư? Chẳng lẽ ngài lại không hiểu?

Thuyền trưởng Nê-mô dừng lại ở đó, có lẽ ông ta hối hận vì đã lỡ nói quá nhiều. Nhưng tôi đã đoán được rằng dù cho bất cứ nguyên nhân gì đã đẩy ông ta phải đi tìm độc lập tự do dưới đáy đại dương, thì ông ta vẫn là một con người. Trái tim của ông ta vẫn hướng về những con người đau khổ. Và số của cải vô tận kia để dành cho những cá nhân và những dân tộc đang bị áp bức. Giờ thì tôi đã hiểu số vàng bạc trị giá hàng triệu kia đi đến đâu trong cái ngày mà con tàu Nau-ti-lux đang tiến vào vùng biển gần đảo Crết.

CHƯƠNG IX

MỘT LỤC ĐỊA ĐÃ BIẾN MẤT

Buổi sáng hôm sau, ngày 19 tháng hai, Nét-len sang phòng tôi, tôi cũng đang chờ anh ta đến. Trông bộ dạng anh ta rất thất vọng.

- Thế nào, thưa giá sư? - Anh ta hỏi.

- Anh Nét ạ, tình thế đêm hôm qua đã không ủng hộ chúng ta phải không.

- Vâng đúng thế, cái ông thuyền trưởng Nê-mô có cần thiết phải dừng tàu lại ngay đúng lúc chúng ta chuẩn bị rời khỏi tàu không nhỉ.

- Đúng đấy, ông ta có việc với chủ ngân hàng.

- Chủ ngân hàng của ông ta?

- Nói đúng hơn là ngân hàng của ông ta, ý tôi nói đến đại dương, nơi của cải châu báu của ông ta được cất giấu an toàn hơn trong bất cứ một ngân hàng nhà nước nào.

Sau đó, tôi kể cho Nét-len nghe chuyện xảy ra đêm hôm trước với hy vọng rằng Nét-len sẽ bỏ ý định muốn trốn khỏi con tàu Nau-ti-lux đi. Nhưng câu chuyện của tôi chẳng có tác dụng gì hơn mà chỉ làm Nét-len tiếc hùi hụi vì không được đi dạo trên đáy chiến trường xưa kia ở vịnh Vi-gô với mục đích riêng của anh ta.

- Tuy nhiên, đây cũng chưa phải là cơ hội cuối cùng. Nó chỉ giống như một mũi lao ném trượt thôi, lần khác nhất

định chúng ta sẽ thành công. Nếu có thể thì tối nay...

- Con tàu Nau-ti-lux đang đi theo hướng nào? - Tôi hỏi.

- Tôi không biết - Nét-len đáp.

- Thôi được, đến trưa chúng ta sẽ lên xác định toạ độ.

Nét-len trở lại phòng tìm Công-xây. Mặc quần áo xong tôi vội vàng đi đến phòng khách. Kim địa bàn đang chỉ hướng tây tây nam, chúng tôi đang quay lưng về Châu Âu.

Tôi nóng lòng mong đợi đến lúc toạ độ của tàu được ghi lên trên bản đồ. Vào khoảng mười một giờ rưỡi, các bể chứa được xả hết, tàu nổi lên mặt biển. Tôi chạy ngay lên boong. Nét-len đã lên đó trước tôi. Trong tầm mắt không thấy bóng dáng lục điạ nào. Không thấy gì cả ngoài đại dương mênh mông. Có mấy cánh buồm xa xa phía chân trời, hẳn là đang trên đường đến San Rốt chờ gió xuôi để vòng qua mũi Hảo Vọng. Trời đầy mây, báo hiệu một cơn bão lớn, Nét-len nổi giận điên lên, anh ta căng mắt cố nhìn xuyên qua đường chân trời đầy mây với hy vọng là sau lớp sương mù dày đặc là mảnh đất mà anh ta đang trông đợi.

Đến giữa trưa, mặt trời ló rạng được một lúc. Viên thuyền phó lợi dụng lúc trời sáng để đo độ cao của mặt biển, biển bắt đầu động dữ dội hơn, nắp tàu đóng lại, tàu chuẩn bị lặn xuống.

Một tiếng sau, sau khi nghiên cứu toạ độ trên bản đồ, tôi xác định được con tàu Nau-ti-lux đang ở toạ độ 16,17 độ kinh và 33,22 độ bắc, nghĩa là cách bờ biển gần nhất khoảng 150 dặm. Tình thế này không thể bỏ trốn được, và không nói thì các bạn cũng có thể tưởng tượng được Nét-len tức giận như thế nào khi nghe tôi thông báo về tình trạng của chúng tôi.

Về phần tôi, tôi không thấy tiếc nhiều lắm. Tôi thấy

gánh nặng đang đè nặng trên vai mấy hôm nay như được dỡ bỏ, tôi lại thấy yên tâm tiếp tục những công việc còn dang dở của mình.

Tối hôm đó, khoảng mười một giờ, tôi được hân hạnh đón tiếp thuyền trưởng Nê-mô vào lúc không mong đợi nhất. Ông ta rất khách sáo hỏi tôi đêm qua có mệt lắm không sau khi xem những cảnh đó. Tôi trả lời là không mệt.

- Thế thì, thưa Giáo sư A-rô-nát, tôi xin mời ngài tham gia một chuyến dạo chơi thú vị.

- Ngài mời ư, thưa thuyền trưởng Nê-mô?

- Ngài đã được dịp dạo chơi đáy biển vào ban ngày, dưới ánh sáng mặt trời. Lần này ngài có muốn quan sát đáy biển vào ban đêm không?

- Tôi rất muốn, thưa thuyền trưởng.

- Tôi xin báo cho ngài biết rằng chuyến đi sẽ rất mệt, chúng ta sẽ phải đi một quãng đường rất xa, có lúc phải leo núi, mà đường đi lại không tốt lắm.

- Những gì ngài vừa nói chỉ làm tôi thêm tò mò thôi. Tôi xin sẵn sàng đi theo ngài.

- Vậy xin mời giáo sư cùng đi. Chúng ta sẽ mặc đồ lặn.

Đến phòng để quần áo, tôi nhìn quanh nhưng chẳng thấy Nét-len hay Công-xây đâu, tôi cũng chẳng nhìn thấy bóng dáng một thuỷ thủ nào sẽ theo chúng tôi trong chuyến du ngoạn này. Thuyền trưởng Nê-mô thậm chí cũng không bảo tôi cho Nét-len và Công-xây đi theo như thường lệ.

Mấy phút sau, chúng tôi đã mặc xong quần áo, mang bình dưỡng khí đã được bơm đầy trên lưng nhưng không có đèn điện. Tôi nhắc thuyền trưởng Nê-mô về điều đó thì ông ta bảo:

- Chúng ta sẽ không cần dùng đến đèn.

Tôi nghĩ hình như mình đã nghe lầm thì phải, nhưng tôi cũng không thể hỏi lại được vì thuyền trưởng Nê-mô đã đội cái mũ bằng đồng to tướng lên đầu. Tôi cũng vội vàng hoàn tất trang phục của mình. Tôi thấy thuyền trưởng Nê-mô nhét vào tay tôi một chiếc gậy đầu bịt sắt. Mấy phút sau, sau khi làm theo những động tác như thường lệ, chúng tôi đã đặt chân xuống đáy Đại Tây Dương ở độ sâu ba trăm mét. Lúc đó đã sắp tới nửa đêm. Đáy biển tối đen như mực, nhưng thuyền trưởng Nê-mô đã giơ gậy chỉ vào một điểm sáng màu đo đỏ cách con tàu Nau-ti-lux một quãng khoảng hai hải lý, trông giống như ánh sáng đang cháy rực rỡ. Ánh sáng đó có thể là gì được nhỉ? Tại sao nó lại có thể sáng như vậy? Cái gì đã tạo nên ánh sáng dưới đáy biển? Tôi không thể trả lời được. Nhưng dù sao đi nữa, ánh sáng đó đã thắp sáng đường đi của chúng tôi, dù là chỉ lờ mờ. Tôi nhanh chóng thích nghi với ánh sáng chập choạng này và hiểu vì sao chúng tôi không cần mang theo đèn điện.

Trên đường đi, tôi nghe thấy có tiếng lộp bộp phát ra phía trên đầu. Tiếng động càng ngày càng to hơn, đôi lúc giống như tiếng mưa rào. Tôi nhanh chóng nhận ra nguyên nhân. Trời đang mưa rất to, làm mặt nước không còn giống như một mặt gương phẳng lặng nữa. Rất bản năng, tôi chợt nghĩ rằng mình sẽ bị ướt sũng! Bởi nước mưa! Trong khi bốn bề là nước! Tôi không khỏi bật cười trước ý nghĩ lạ lùng đó. Nhưng thực tế là trong bộ đồ lặn dầy cộp, tôi không cảm nhận được rằng mình đang đi trong nước, mà chỉ nghĩ rằng mình đang ở trong một môi trường hơi đặc hơn không khí một chút thôi. Không gì hơn.

Sau khi đi được khoảng nửa tiếng đồng hồ, đáy biển bỗng trở nên nhiều đá hơn. Những ánh sáng lân tinh yếu

ớt phát ra từ những con sò, những động vật thuộc lớp giáp xác nhỏ. Tôi thoáng thấy những hòn đá phủ kín một lớp gồm hàng triệu loại tảo biển và thực vật biển. Tôi thường bị trượt chân trên lớp thảm thực vật dính nhơm nhớp đó, nếu không có cái gậy thì tôi đã ngã chổng vó mấy lần rồi. Đôi lúc quay lại, tôi thấy ánh đèn pha của con tàu Nau-ti-lux trăng trắng phía xa đã bắt đầu mờ dần theo khoảng cách.

Nhưng ánh sáng đã soi đường cho chúng tôi ngày càng sáng thêm làm cả một góc trời rực đỏ. Ý nghĩ về một ngọn lửa cháy trong lòng đại dương làm tôi cảm thấy trí tò mò của mình được đẩy đến cao độ. Đó có phải là ánh sáng điện không? Có phải tôi đang được chứng kiến một hiện tượng thiên nhiên kỳ thú mà những người sống trên trái đất chưa từng được biết đến? Một suy nghĩ tự nhiên thoáng xuất hiện trong đầu tôi rằng liệu đó có phải do bàn tay con người can thiệp? Có phải chính con người đã tạo nên ngọn lửa đó? Liệu tôi sẽ được gặp những người bạn của thuyền trưởng Nê-mô, những con người kỳ lạ cũng giống ông ta đang sống một cuộc đời kỳ lạ? Liệu tôi có gặp cả một đám người vì chán ghét những nỗi bất công, những sự thống khổ trên mặt đất mà rủ nhau xuống đáy biển sâu đi tìm độc lập? Tất cả những ý nghĩ ngớ ngẩn và vô lý này cứ ám ảnh tâm trí tôi suốt đường đi. Trong tình trạng tâm trí bị kích thích cao độ như vậy, lại thêm những quang cảnh kỳ vĩ liên tục hiện ra trước mắt, tôi sẽ chẳng quá ngạc nhiên nếu như có gặp một thành phố ngầm dưới nước như thuyền trưởng Nê-mô vẫn hằng mơ ước.

Con đường chúng tôi đang đi ngày càng sáng rõ. Ánh sáng trắng thoát ra từ sau ngọn núi phía trước mặt cao khoảng hai trăm mét. Nhưng những gì tôi nhìn thấy chỉ là sự phản chiếu những tia sáng bị khúc xạ trong nước biển,

còn nguồn sáng của ánh sáng không thể giải thích được này hiện vẫn còn ở sau dãy núi.

Thuyền trưởng Nê-mô vẫn vững bước trên con đường đầy sỏi đá dưới lòng Đại Tây Dương. Ông ta biết rất rõ con đường này. Hẳn là ông ta đã đi trên đó nhiều lần, và không thể lạc đường được. Tôi yên tâm đi theo thuyền trưởng Nê-mô. Ông ta đối với tôi giống như một vị thần biển, khi ông ta đi phía trước tôi, tôi không khỏi không trầm trồ thán phục vóc dáng to lớn của ông ta đang in bóng lên trên mặt đất dưới ánh sáng của ngọn lửa hồng.

Lúc một giờ đêm, chúng tôi lên đến sườn dốc đầu tiên ở chân núi. Nhưng muốn lên được ngọn núi chúng tôi phải leo theo những con đường nhỏ rất khó đi nằm giữa những bụi cây rậm rạp.

Đó là những bụi cây đã chết, không cành, không lá, không nhựa sống, đã hoá đá vì tác động của muối biển. Đây đó có những cây thông cổ thụ, trông giống như những cái hang bằng than đá, chỉ còn bộ rễ cắm xuống đất, tán cây giống như những mảnh giấy đen xé nham nhở in bóng rõ ràng phía trên mặt nước. Tôi cứ cắm cúi đi theo người dẫn đường không biết mệt mỏi của mình. Thật là một cảnh tượng thê thảm không lời nào tả xiết...

Thuyền trưởng Nê-mô vẫn không ngừng tiến lên phía trước. Tôi không thể bị bỏ lại phía sau được nên cố theo sát ông ta. Chiếc gậy quả là rất hữu ích. Chỉ cần bước hụt một bước là có thể trượt chân lao xuống vực thẳm nằm ngay dưới những con đường hẹp. Tôi bước đi vững vàng mà không hề cảm thấy chóng mặt. Tôi có thể nhảy qua những khe núi sâu hút mà nếu như ở trên cạn tôi phải lưỡng lự không dám nhảy qua. Giờ đây tôi có thể bám lấy thân cây mà quăng mình từ bên này sang bên kia, mắt không hề nhìn

xuống dưới, chỉ tập trung vào những cảnh vật hai bên đường.

Ở đó, có những dãy núi to lớn lạ thường đứng chơi vơi trên những cái nền nứt ngang nứt dọc như thách thức mọi quy luật về sự cân bằng. Ở các kẽ nứt chui ra hàng đống những thân cây, những loại thực vật dưới mọi hình thái, mọi góc độ mà định luật hấp dẫn trên mặt đất cũng phải nhường chỗ.

Chúng tôi đã ra khỏi con tàu Nau-ti-lux được hai tiếng đồng hồ, chúng tôi đã băng qua những rừng cây, phía trên, cách chúng tôi khoảng ba mươi mét là một ngọn núi cao toả bóng che phủ ánh sáng chói loá của sườn dốc phía bên kia. Những bụi cây hoá thạch mọc rải rác trên đường. Từng đàn cá lớn túa ra theo những bước chân của chúng tôi như những bầy chim vụt bay lên khỏi bãi cỏ. Những mỏm đá lớn đầy vết nứt ngang dọc, đầy những lỗ, những hang động sâu hoắm, tôi có cảm giác trong lòng hang có những con quái vật đang chuyển động. Tim tôi như ngừng đập mỗi khi một chiếc vòi bạch tuộc to vĩ đại chìa ra chắn ngang đường, hay khi một cái càng cua khủng khiếp lạch cạch trong hang. Hàng ngàn chấm sáng nhỏ long lanh trong bóng tối, đó là những cặp mắt của loài giáp xác to lớn đang lẩn vào trong hang, là những con tôm khổng lồ giơ càng doạ nạt như những chiến binh, những con cua vĩ đại sừng sững như những cỗ đại bác đặt trên xe, những con bạch tuộc đáng sợ ngoe ngoẩy vòi như những con trăn.

Chúng tôi leo lên một vùng đất cao đầu tiên, nơi hứa hẹn có nhiều điều bất ngờ. Trước mặt tôi hiện ra cảnh hoang tàn do bàn tay con người tạo nên chứ không phải là sự xếp đặt của tạo hoá. Từng đống đá chồng chất lên nhau nhưng vẫn có thể phát hiện ra những dấu tích của đền đài lăng tẩm một thời, hiện giờ là một đống đổ nát phủ đầy rêu tảo.

Tôi đang ở đâu đây? Tôi muốn hỏi thuyền trưởng Nê-mô nhưng không thể hỏi được. Tôi chặn ông ta lại, rồi nắm lấy tay ông ta, nhưng thuyền trưởng Nê-mô lắc đầu chỉ lên đỉnh cao nhất của đỉnh núi như có ý muốn nói: "Cứ đi tiếp đi, lên cao nữa".

Tôi đành đi theo, chỉ vài phút sau, tôi đã ở trên đỉnh núi. Xung quanh tôi, trong vòng bán kính mười mét chỉ toàn là những cảnh hoang tàn.

Tôi nhìn xuống dưới sườn núi mà tôi vừa leo lên. Đỉnh núi bên này chỉ cao hơn mặt đất khoảng hơn hai trăm mét,nhưng ở phía bên kia lại cao hơn gấp đôi. Trước mắt tôi trải ra một khoảng không gian sáng loà. Thực tế là chúng tôi đang đứng trên một ngọn núi lửa.

Cách đỉnh núi chừng mười lăm mét tuôn ra một dòng nham thạch cuồn cuộn. Ngọn núi như một bó đuốc khổng lồ thắp sáng cả một vùng đáy biển dưới chân núi. Tôi nói từ miệng núi lửa phun ra dung nham chứ không phải lửa. Vì lửa muốn cháy được phải có không khí, mà ở dưới nước thì lửa không thể cháy được. Từng dòng nham thạch chứa trong mình sự nóng sáng, có thể đạt đến độ sáng trắng chảy trong nước, khiến nước bốc hơi ngùn ngụt.

Trước mắt tôi hiện ra một thành phố đổ nát, hoang tàn, những ngôi nhà tốc mái, những đền đài đổ nát, những mái vòm gãy gục, những cột trụ lăn lóc trên nền, tất cả toát lên nét kiến trúc Tút-can. Xa xa là những ống dẫn nước khổng lồ, xa hơn một chút là vết tích của một hải cảng xưa kia đã từng tấp nập tàu bè, xa hơn nữa là những dãy nhà đổ nát, những dãy phố hoang vu. Đó là toàn cảnh mà thuyền trưởng Nê-mô đã mang đến trước mắt tôi.

Tôi đang ở đâu? Tôi đang ở đâu? Tôi phải được biết điều đó bằng mọi giá. Tôi cố gắng mấp máy môi để nói nên lời,

nhưng thuyền trưởng Nê-mô ra hiệu ngăn tôi lại rồi nhặt một viên đá trắng viết lên một tảng đá đen một từ: "Atlantit"

Đó là một lục địa đã bị xoá sổ trên hành tinh, chỉ còn lại trong những trận tranh cãi của các nhà khoa học. Số phận kỳ lạ nhất đã đưa tôi đặt chân tới một ngọn núi của lục địa đã mất, được tận tay sờ mó những tàn tích của các kiến trúc có cùng niên đại với các tầng địa chất, được bước chân trên những con đường mà người nguyên thuỷ đã từng đi.

Trong khi tôi cố ghi lại cảnh hùng vĩ này trong trí óc, thì thuyền trưởng Nê-mô vẫn câm lặng tỳ người vào một phiến đá đầy rêu. Ông ta đang nghĩ tới những thế hệ đã mất đi, hay đang hỏi họ về bí mật trong số phận của con người? Hay thuyền trưởng Nê-mô đến đây để tìm nguồn sức mạnh mới trong thế giới lịch sử, để sống lại trong giây lát cuộc sống của người xưa, - ông ta, người không cần đến sự tồn tại của con người hiện đại. Đó là những giả thiết tôi đặt ra để cố hiểu thuyền trưởng Nê-mô và để chia sẻ với ông ta. Chúng tôi đứng lại đó khoảng một giờ đồng hồ, ngắm nhìn khoảng đất bằng phẳng trải ra dưới ánh sáng của dung nham cháy đỏ, đôi lúc lại sáng rực lên. Dòng nham thạch chảy quanh núi do những bong bóng bên trong, phát ra những tiếng lục bục truyền trong môi trường nước đang vang dội ra xa. Lúc đó, mặt trăng xuyên qua lớp nước dày rọi những tia sáng yếu ớt xuống lục địa đã bị chôn vùi. Thuyền trưởng Nê-mô đứng dậy, nhìn một lần cuối rồi ra hiệu cho tôi đi theo.

Chúng tôi xuống núi rất nhanh, sau khi vượt qua những khu rừng hoá thạch, tôi nhìn thấy ánh đèn pha của con tàu Nau-ti-lux lấp lánh như một ngôi sao. Thuyền trưởng Nê-mô đi thẳng về phía con tàu, chúng tôi trèo lên tàu đúng lúc tia nắng đầu tiên của mặt trời chiếu rọi trên mặt nước.

CHƯƠNG X

MỎ THAN NGẦM DƯỚI BIỂN

Ngày hôm sau, 20 tháng Giêng, tôi thức dậy rất muộn vì chuyến đi đêm hôm trước khá mệt mỏi. Lúc tôi tỉnh dậy đã là mười một giờ trưa. Tôi vội vàng mặc quần áo rồi đến ngay phòng khách để xem hướng đi của con tàu Nau-ti-lux. Các thiết bị cho thấy tàu vẫn chạy theo hướng nam với tốc độ hai mươi hải lý một giờ ở độ sâu một trăm mét. Tôi và Công-xây say sưa ngắm nhìn các loài cá đang bơi lội qua ô cửa kính của phòng khách.

Đến khoảng bốn giờ chiều, đáy biển bình thường chỉ gồm một lớp bùn dày đặc pha lẫn gỗ hoá thạch thì giờ đây đã thay đổi, càng đi xa càng nhiều đá hơn và còn lẫn cả cuội kết và đất ba zan, rải rác có một chút dung nham và đá vỏ chai. Tôi nghĩ rằng đồng bằng mênh mông đã nhường chỗ cho vùng núi chập trùng đó. Sau đó, khi con tàu Nau-ti-lux quay lượn sang các hướng khác, tôi thấy phía chân trời phía Nam bị một dãy núi cao ngất chắn đường, không thể vượt qua được. Đỉnh của bức tường này chắc chắn vượt lên trên mặt nước. Đó hẳn phải là một lục địa hoặc chí ít là một hòn đảo. Toạ độ hiện giờ của con tàu chưa được ghi trên bản đồ, có lẽ là do cố ý, do vậy tôi hoàn toàn không biết gì về vị trí của chúng tôi trong lúc này. Nhưng dù sao đi nữa, tôi cũng có cảm giác bức tường này là dấu kết thúc của lục địa At-lan-tít, một lục địa mà chúng tôi chỉ mới

được khám phá một phần nhỏ.

Tôi vẫn còn muốn quan sát vẻ đẹp của biển, của trời thêm một lúc nữa, nhưng ô cửa kính của con tàu Nau-ti-lux đã khép lại. Lúc đó, con tàu Nau-ti-lux đã tới sát một bên bức tường cao vút. Tôi không biết là con tàu sẽ vượt qua bức tường đó bằng cách nào. Tôi trở về phòng. Tàu không chuyển động nữa. Tôi lên giường đi ngủ, định bụng là chỉ chợp mắt vài tiếng rồi dậy, nhưng mãi đến tám giờ sáng hôm sau, tôi mới tỉnh giấc và đi đến phòng khách. Tôi nhìn đồng hồ đo độ sâu và biết rằng con tàu Nau-ti-lux đang nổi lên trên mặt biển. Tôi nghe thấy có tiếng bước chân trên boong. Tôi đi đến chỗ nắp tàu, nắp tàu mở nhưng thay vì ánh sáng mặt trời rực rỡ như tôi mong đợi, thì ở bên ngoài chỉ có một màu tối sẫm. Chúng tôi đang ở đâu? Hay là tôi đã lầm? Hay bây giờ đang là ban đêm? Không phải, ngoài trời không có một ánh sao nào toả chiếu, mà kể cả ban đêm cũng không tối sẫm như thế này.

Tôi đang bối rối không biết hiểu thế nào thì bỗng nghe thấy một giọng nói ngay bên cạnh:

- Có phải giáo sư đấy không ạ?

- A, thuyền trưởng Nê-mô - Tôi đáp - Chúng ta đang ở đâu vậy, thưa thuyền trưởng?

- Đang ở dưới đất, thưa ngài.

- Ở dưới đất? - Tôi ngạc nhiên hỏi lại - Con tàu Nau-ti-lux đang nổi trên mặt nước cơ mà.

- Thì nó vẫn luôn nổi đấy thôi.

- Tôi chịu không sao hiểu được.

- Xin ngài chờ cho một lát, tôi sẽ bật đèn pha lên và ngài sẽ hiểu ngay thôi.

Tôi đứng trên boong tàu chờ đợi. Bóng tối đen đặc khiến

tôi thậm chí không nhìn rõ thuyền trưởng Nê-mô, nhưng khi nhìn lên phía trên, ngay thẳng trên đầu, tôi nhìn thấy một vệt sáng lờ mờ như lọt qua từ một lỗ thủng hình tròn. Đúng lúc đó thì ánh đèn pha bật sáng, làm ánh sáng mờ mờ đó biến mất. Ánh sáng chói chang khiến tôi nhắm vội mắt lại trong một lát, lúc mở mắt ra, tôi thấy con tàu Nau-ti-lux đang đỗ bập bềnh gần một đỉnh núi tạo thành một bến cảng. Những bức tường đá quây lại thành một hình tròn, tạo ra một cái hồ có đường kính khoảng hai hải lý, chu vi khoảng sáu hải lý. Mực nước của hồ thể hiện trên đồng hồ đo độ sâu chắc chắn phải bằng mực nước mặt biển bên ngoài, vì hẳn là biển và hồ phải có đường thông nhau. Những bức tường đá chụm lại thành hình một cái phễu lật ngược có độ cao khoảng năm sáu trăm mét. Trên đỉnh phễu, có một cái lỗ nhỏ hình tròn, mà lúc trước qua lỗ đó tôi đã nhìn thấy ánh sáng ban ngày của mặt trời chiếu qua.

- Chúng ta đang ở đâu vậy? - Tôi hỏi.

- Trong lòng một núi lửa đã tắt. Sau một vài cơn địa chấn mạnh, biển đã lọt được vào sâu trong lòng núi. Thưa Giáo sư A-rô-nát, trong lúc ngài đang ngủ, con tàu Nau-ti-lux đã lọt vào lòng núi qua một lạch nước tự nhiên ở độ sâu mười mét so với mặt biển. Đây là một bến cảng, là nơi trú ẩn an toàn, vững chắc, thuận tiện và bí mật, tránh được mọi cơn gió mạnh. Giáo sư không thể tìm được ở đâu ven bờ các lục địa hay ở một hòn đảo nào một nơi trú ẩn tuyệt vời như thế này.

- Tất nhiên là như vậy - Tôi đáp - Ở đây rất an toàn, thưa thuyền trưởng. Không gì có thể đe doạ được chúng ta khi ở trong lòng một núi lửa. Nhưng chẳng phải tôi đã nhìn thấy một lỗ nhỏ trên miệng núi đó sao?

- Đúng vậy, đó là miệng núi lửa, trước đây đã từng phun

ra nham thạch, hơi lưu huỳnh và lửa. Còn bây giờ nó là nơi cung cấp cho chúng ta không khí trong lành để thở.

- Thế ngọn núi lửa này là như thế nào?

- Nó là một trong những ngọn núi lửa mà ở vùng này có rất nhiều. Đối với tàu bè qua lại thì nó chỉ đơn giản là một dải đá ngầm, nhưng đối với con tàu Nau-ti-lux thì nó là một cái hang ngầm rộng lớn. Tôi đã tình cờ phát hiện ra nó, và sự tình cờ đó quả là rất có ích.

- Nhưng chỗ trú ẩn này thì có gì là lợi ích lắm đâu, thưa thuyền trưởng Nê-mô, vì con tàu Nau-ti-lux không cần có bến cảng mà.

- Đúng vậy, thưa Giáo sư A-rô-nát, nhưng nó cần có điện để chuyển động, cần có nhiên liệu để sản xuất ra điện năng, cần có Na-tri để nạp bình điện, cần có than để tạo ra Na-tri, cần có mỏ than để khai thác than. Và chính tại điểm này, từ những thời đại xa xưa, đại dương đã nuốt chửng toàn bộ nhiều khu rừng rộng lớn, rừng cây đã hoá khoáng và biến thành than đá. Đối với chúng tôi, đây là một mỏ than vô tận.

- Vậy những thuỷ thủ của ngài cũng làm cả công việc của thợ mỏ ư?

- Đúng vậy, mỏ than nằm sâu dưới nước, những thuỷ thủ của tôi mặc đồ lặn, đeo cuốc chim xuống đáy biển đào than, tôi thậm chí chẳng cần đến mỏ than trên mặt đất. Khi tôi đốt than để lấy Na-tri, khói thoát ra khỏi miệng núi khiến nó trông như một ngọn núi lửa vẫn đang còn hoạt động.

- Tôi có thể xem các thuỷ thủ của ngài đào mỏ được không?

- Không, ít nhất là không phải lần này. Tôi đang rất vội

hoàn thành chuyến đi vòng quanh thế giới, vì vậy tôi chỉ cho lấy số than dự trữ đã đào sẵn. Chỉ mất một ngày để chuyển than lên tàu, sau đó chúng ta sẽ tiếp tục cuộc hành trình. Nếu giáo sư muốn đi vòng quanh cái hang này và cái hồ này, ngài phải tận dụng ngay ngày hôm nay đi.

Tôi cảm ơn thuyền trưởng Nê-mô rồi đi xuống tìm những người bạn của mình. Họ vẫn đang ở trong phòng. Tôi mời họ đi theo mà không nói rõ chúng tôi đang ở đâu. Họ leo ngay lên boong tàu. Công-xây chẳng ngạc nhiên về điều gì, như thể anh ta thấy việc hôm trước đi ngủ dưới lòng biển sâu, hôm sau thức dậy thấy mình ở trên đỉnh núi là một điều hết sức bình thường. Còn Nét-len thì chẳng nghĩ gì hơn là tìm một con đường thoát ra khỏi cái hang này. Sau khi ăn sáng xong, khoảng mười giờ, chúng tôi đặt chân xuống núi.

- Thế là chúng ta lại được một lần nữa ở trên đất liền - Công-xây nói.

- Tôi chẳng cho đây là đất liền - Nét-len cãi ngay - Hơn nữa, chúng ta không phải ở trên nó mà là ở dưới nó.

Giữa những bức tường đá của núi lửa và hồ có một bờ cát rất rộng, chiều ngang phải lên đến hơn một trăm mét. Nhưng thỉnh thoảng ở những chỗ nhô cao lên thì lại có rất nhiều đá, cả những khối đá to lớn do núi lửa tạo ra, cả những đống đá dăm chất chồng. Tất cả đều bao phủ một lớp bụi do lửa cháy ngầm bên trong tạo ra, phản chiếu ánh đèn pha của con tàu Nau-ti-lux sáng lấp lánh. Lớp bụi mi ca theo từng bước chân của chúng tôi cuộn lên trông như những đám mây lấp loá. Chúng tôi leo lên những cái dốc lòng vòng, dần dần lên cao hơn, nhưng chúng tôi buộc phải đi hết sức cẩn thận giữa những đám đá cuội không có gì gắn kết, chân chúng tôi luôn trượt trên những lớp đá trơn tuột.

Chúng tôi đi sâu vào bên trong, khám phá ra rất nhiều điều bổ ích về thế giới thực vật. Trong lòng núi lửa còn có rất nhiều loài chim trú ẩn làm Nét-len tiếc ngẩn ngơ vì không mang theo súng. Nhưng anh ta liền lấy đá ném thay cho đạn chì, sau vài lần ném trượt, cuối cùng anh ta cũng ném trúng được một con chim thật đẹp. Phải thú thực rằng anh bạn gan lì này đã phải liều cái mạng của anh ta ít nhất là hai chục lần mới cho được con chim vào trong túi. Thật là một thành tích đáng khâm phục. Cuối cùng, cũng đã đến lúc phải quay về, Nét-len và Công-xây còn thu thập được một số loài thực vật và giáp xác bổ sung vào bộ sưu tập phong phú những thành phẩm thu được trong chuyến đi này.

Đến cuối giờ chiều, chúng tôi đã trở về tàu. Các thuỷ thủ đã chất hết than lên tàu, con tàu Nau-ti-lux có thể rời khỏi mỏ than ngầm ngay lúc này nhưng thuyền trưởng Nê-mô không ra lệnh cho tàu khởi hành. Có lẽ ông ta chờ cho đến đêm tối mới ra khỏi lòng núi theo con đường bí mật. Có lẽ vậy. Dù có xảy ra chuyện gì đi nữa thì ngày hôm sau, con tàu Nau-ti-lux sẽ rời khỏi bến cảng này, từ bỏ hết các vùng đất mà tiếp tục cuộc hành trình của mình dưới lớp sóng Đại Tây Dương.

CHƯƠNG XI

BIỂN XÁC-GAX

Ngày hôm đó, con tàu Nau-ti-lux đi qua một vùng độc đáo của Đại Tây Dương. Không ai có thể làm ngơ trước sự hiện diện của một dòng hải lưu nóng được biết dưới cái tên Gơn-xtơ-rim. Sau khi rời khỏi vịnh Flo-rít-đa, dòng hải lưu này chảy về hường Spít-béc-ghen. Trước khi vào vịnh Mê-xi-cô ở khoảng 45 độ vĩ bắc, nó chia làm hai nhánh, một nhánh chính chảy theo bờ biển Ai-len và Na-uy, còn nhánh thứ hai theo hướng nam chảy vòng theo nhóm đảo A-đô, sau đó, khi đến bờ biển Châu Phi, nó vòng một vòng tròn và trở về nhóm đảo Ăng-ti.

Nhánh nước nóng thứ hai này chảy vòng một vòng bao quanh một vùng biển lặng gọi là biển Xac-gax. Biển Xác-gax giống như một cái hồ lớn giữa biển cả, dòng hải lưu này phải mất đến không dưới ba năm mới chảy được một vòng quanh cái hồ này. Đó là điểm mà con tàu Nau-ti-lux đang có mặt, một đồng cỏ bao la, một tấm thảm dày gồm tảo biển, rong rêu và các loài thực vật nhiệt đới. Tấm thảm dày và đặc đến nỗi con tàu Nau-ti-lux khó khăn lắm mới rẽ nước đi trong lòng tấm thảm được. Thuyền trưởng Nê-mô không muốn chân vịt tàu bị cuốn vào đám rong tảo dày đặc đó nên cho tàu chạy dưới mặt nước vài mét.

Suốt cả ngày 22 tháng hai, con tàu ở trong vùng biển Xác-gax. Nơi đây, các loài cá ăn thực vật biển và các loài tảo tha hồ tìm kiếm thức ăn. Ngày hôm sau, đại dương lại

trở về với trạng thái bình thường. Từ ngày hôm đó trở đi, suốt trong vòng mười chín ngày, từ ngày 23 tháng hai đến ngày 12 tháng Ba, con tàu Nau-ti-lux chạy trong lòng Đại Tây Dương, đưa chúng tôi về phía nam với tốc độ không đổi là một trăm dặm một giờ trong suốt hai tư tiếng một ngày. Rõ ràng là thuyền trưởng Nê-mô đã vạch sẵn kế hoạch đi vòng quanh thế giới, tôi đoán rằng sau khi đi vòng qua mũi Hoóc, ông ta sẽ trở lại vùng biển nước Úc của Thái Bình Dương. Nỗi lo lắng của Nét-len quả là đã có lý. Giữa biển khơi mênh mông không một bóng dáng lục địa nào như thế này thì quả là không có cơ hội trốn thoát. Hơn nữa, trên con tàu Nau-ti-lux, chúng tôi không thể chống lại ý muốn của thuyền trưởng Nê-mô. Chúng tôi chỉ có một con đường duy nhất là tuân phục. Nhưng tôi nghĩ nếu như không thể chống lại ông ta bằng bạo lực hay bằng mưu mẹo, thì tại sao chúng tôi lại không thể đạt được điều đó bằng cách thương lượng bình đẳng. Khi cuộc hành trình này kết thúc, có thể ông ta sẽ bằng lòng trả lại tự do cho chúng tôi nếu chúng tôi hứa bảo đảm không tiết lộ bí mật của ông ta thì sao? Một lời hứa danh dự mà chúng tôi dù chết cũng phải thi hành. Nhưng chúng tôi phải hết sức cẩn trọng khi đề đạt một yêu cầu khó chấp nhận như vậy với thuyền trưởng Nê-mô. Liệu khi yêu cầu xong tôi còn có thể giữ được mạng sống nhỏ nhoi của mình nữa không? Chẳng phải ông ta đã từng tuyên bố một cách chắc nịch ngay từ đầu rằng chúng tôi sẽ bị trói buộc suốt cả quãng đời còn lại vào con tàu Nau-ti-lux để không ai tiết lộ được bí mật của ông ta. Chẳng phải sự im lặng của chúng tôi trong suốt bốn tháng qua đã là một sự chấp nhận tuyệt đối với yêu cầu của anh ta đó chăng? Liệu yêu cầu của chúng tôi nếu đặt ra có làm cho thuyền trưởng Nê-mô ngờ vực, sau đó ông ta sẽ cảnh giác hơn khiến cho ý đồ chạy trốn của chúng tôi sẽ

khó lòng thực hiện được hay không?

Suốt mười chín ngày ròng rã đó, không có gì đặc biệt xảy ra. Tôi ít dịp được gặp thuyền trưởng Nê-mô, ông ta đang bận công việc. Tôi thường xuyên thấy những cuốn sách của ông ta đang đọc dở để ngỏ trên bàn trong thư viện, nhất là những cuốn về lịch sử tự nhiên. Trong số đó có cả cuốn sách về bí mật biển sâu của tôi, ông ta đọc và đánh dấu chi chít bên lề, thường là những lý lẽ bác bỏ một số lập luận và giả thiết của tôi. Nhưng thuyền trưởng Nê-mô chỉ ghi những ý kiến phản bác đó trên giấy mà rất ít khi trao đổi trực tiếp với tôi. Thỉnh thoảng, tôi lại nghe thấy tiếng đàn phong cầm vang lên những giai điệu buồn buồn vào lúc đêm khuya, khi chỉ có bốn bề tĩnh mịch, khi con tàu Nau-ti-lux đang mơ màng thả mình trong lòng đại dương sâu thẳm. Suốt cả cuộc hành trình đó, tàu chạy cả ngày trên mặt nước. Mặt biển vắng lặng, thỉnh thoảng lắm mới có một bóng thuyền nhằm hướng mũi Hảo vọng đi về phía biển Ấn Độ Dương. Một hôm, có một chiếc tàu săn cá voi cứ chạy theo chúng tôi, chắc nó tưởng con tàu Nau-ti-lux là một con cá biển khổng lồ bán được giá hời. Nhưng thuyền trưởng Nê-mô không muốn họ phí sức lực và thời gian nên cho tàu lặn xuống. Cuộc hành trình của chúng tôi tiếp tục như vậy đến ngày 13 tháng Ba, hôm đó, con tàu Nau-ti-lux được xác định toạ độ, điều đó làm tôi vô cùng thích thú. Thế là chúng tôi đã đi được mười ba ngàn dặm kể từ khi khởi hành tại vùng biển cao ở Thái Bình Dương. Con tàu Nau-ti-lux lúc đó đang ở vị trí 45,37 độ vĩ, và 37,53 độ kinh, ở đúng vị trí mà thuyền trưởng Đen-ham của tàu Hê-ran đã đo được độ sâu mười bốn ngàn mét mà vẫn chưa chạm đáy. Cũng tại đây, thuyền trưởng Pác-kơ của con tàu chiến Prô-grét của hạm đội Mỹ cũng chưa chạm được đáy biển ở độ sâu 30.140 mét. Thuyền trưởng Nê-mô quyết định

cho tàu lặn xuống tận đáy để đo độ sâu chính xác bằng tấm ván trượt ở một góc bốn mươi nhăm độ. Chân vịt quay hết tốc độ, bắn nước tung toé với một sức mạnh không thể tả xiết. Dưới áp lực mạnh như vậy, cả con tàu đồ sộ rung lên như một dây đàn vặn căng rồi nhẹ nhàng chìm xuống nước.

Xuống đến độ sâu mười bốn ngàn mét, tôi nhìn thấy những mỏm núi cao ngất mọc lên trong nước, có thể những dãy núi này thuộc những dãy núi cao như đỉnh Hi-ma-lay-a hay đỉnh Mông-blăng, thậm chí còn có thể cao hơn, vì vực sâu này chưa biết đến đâu mới chạm đáy. Con tàu Nau-ti-lux vẫn tiếp tục lặn sâu xuống dưới, mặc cho áp lực bên ngoài rất lớn. Tôi có cảm giác thân tàu rung lên ở những điểm nối, những thanh thép bị uốn cong, những ô kính ở cửa sổ phòng khách như bị lõm vào vì áp lực của nước. Nếu con tàu Nau-ti-lux không có sức bền như một khối thép đặc như thuyền trưởng Nê-mô đã nói thì hẳn nó đã bị bẹp rúm rồi. Ở độ sâu này, qua ô kính cửa sổ, tôi vẫn nhìn thấy một số loài sò và một số loài sinh vật sống, nhưng đến độ sâu ba dặm thì tất cả đều biến mất, con tàu Nau-ti-lux đã vượt qua giới hạn các lớp nước có sinh vật sống, giống như một quả khinh khí cầu vượt lên cao quá tầng sinh quyển. Chúng tôi đã đến độ sâu một vạn sáu ngàn mét, tức là bốn dặm, vỏ tàu đang chịu một áp lực tới một ngàn sáu trăm át-mốt-phe, có nghĩa là một ngàn sáu trăm ki-lô-gam trên một cen-ti-mét vuông bề mặt.

- Thật không thể tưởng tượng được! - Tôi thốt lên - Chúng ta đang xuống tới một độ sâu mà chưa một con người nào tới được. Thuyền trưởng hãy nhìn xem kìa, những mỏm đá hùng vĩ, những hang ngầm mà không một sinh vật nào có thể trú ngụ, đó là nơi thấp nhất trên toàn địa cầu, nơi sự

sống không hề tồn tại. Nơi có những phong cảnh chưa một ai biết đến. Thật tiếc là chúng ta chỉ có thể mang về những kỷ niệm mà thôi.

- Ngài có muốn mang về một cái gì đấy thực tế hơn là kỷ niệm không? - Thuyền trưởng Nê-mô hỏi.

- Ngài nói vậy là có ý gì

- Tôi muốn nói là chẳng có gì dễ dàng hơn là ghi lại một tấm ảnh về cảnh biển sâu này.

Khi tôi còn chưa có thời gian để biểu lộ sự ngạc nhiên trước đề xuất của ông ta, thuyền trưởng Nê-mô vẫy tay ra hiệu cho một thuỷ thủ mang máy ảnh đến. Qua ô cửa kính mở rộng, biển bên ngoài được ánh đèn pha chiếu sáng rực rỡ, ánh sáng trải đều, không hề có bóng lấp, không hề có vùng đậm nhạt. Con tàu Nau-ti-lux đứng yên một chỗ, chân vịt ngừng quay, chúng tôi hướng ống kính vào một cảnh hùng tráng của đáy đại dương, mấy giây sau, chúng tôi thu được một phim âm bản rất đẹp. Bây giờ, tôi có thể đưa ra đây tấm ảnh cho các bạn chiêm ngưỡng vẻ tráng lệ của những dãy núi đá mà không ai có thể nhìn thấy dưới ánh sáng mặt trời, những tầng đá hoa cương tạo nên nền đáy của cả địa cầu, những hang hốc sâu hun hút trải đầy đá nhọn, những thành hang trên ảnh là những đốm đen như thể được vẽ trong những bức hoạ của các nghệ sĩ đại tài. Tôi không tài nào miêu tả được cái vẻ của những tảng đá đen sẫm, trơn mượt, bóng loáng, không hề phủ rêu, không hề có vết đốm, đủ hình thù kỳ lạ đang đứng sừng sững trên nền cát lung linh dưới ánh sáng đèn điện.

Khi chụp ảnh xong, thuyền trưởng Nê-mô nói:

- Đã đến lúc chúng tôi phải lên rồi, chúng ta không nên lạm dụng khả năng của vỏ tàu mà bắt nó phải chịu quá lâu trong áp suất quá lớn như vậy.

- Vâng, xin ngài cho tàu lên - Tôi nói.

- Vậy ngài đứng cho vững nhé.

Tôi chưa kịp hiểu tại sao thuyền trưởng Nê-mô lại nói với tôi như vậy thì bỗng ngã lăn ra đất. Theo lệnh của thuyền trưởng Nê-mô, chân vịt ngừng quay, tất cả bánh lái điều khiển độ sâu dựng thẳng đứng, con tàu Nau-ti-lux lao như tên bắn lên trên mặt nước như một quả khí cầu. Nó lao với tốc độ chóng mặt và gây ra tiếng rít ầm ầm. Không còn nhìn thấy gì bên ngoài nữa, và trong vòng bốn phút, nó đã vượt lên một quãng mười sáu ngàn mét nổi lên trên mặt nước giống như một con cá bay, làm bắn lên những cột nước cao khủng khiếp.

CHƯƠNG XII

CÁ NHÀ TÁNG VÀ CÁ VOI

Suốt đêm ngày 13 rạng sáng ngày 14 tháng Ba, con tàu Nau-ti-lux tiếp tục hành trình hướng về phía nam. Tôi đã tưởng rằng sau khi vòng qua mũi Hoóc, thuyền trưởng Nê-mô sẽ cho tàu hướng mũi về phía tây vào Thái Bình Dương và kết thúc cuộc hành trình vòng quanh thế giới. Nhưng tôi đã lầm, thuyền trưởng Nê-mô vẫn cho tàu tiếp tục đi về hướng nam. Ông ta đang đi đâu vậy? Tới nam cực chăng? Thật là quá điên rồ! Tôi bắt đầu thấy rằng Nét-len quả là đã đúng khi lo ngại về những hoạt động của thuyền trưởng Nê-mô. Thời gian gần đây, Nét-len không hề nói gì về kế hoạch bỏ trốn, anh ta trở nên dè dặt và ít nói hơn. Tôi nhận thấy rằng cảnh cầm tù kéo dài đã đè nặng lên tâm tư anh ta khiến anh ta trở nên bẳn tính hơn. Mỗi lần gặp thuyền trưởng Nê-mô, ánh mắt anh ta lại như nảy lửa. Tôi sợ rằng với bản tính nóng nảy của mình, một này nào đó anh ta có thể làm liều. Ngày hôm đó, 14 tháng Ba, Công-xây và Nét-len đến tìm gặp tôi trong phòng. Tôi hỏi họ về mục đích chuyến viếng thăm.

- Chúng tôi muốn hỏi ngài một câu hỏi đơn giản thôi - Nét-len lạnh lùng nói.

- Anh cứ hỏi.

- Ngài nghĩ có bao nhiêu thuỷ thủ trên con tàu Nau-ti-lux?

- Tôi không rõ điều này, anh bạn ạ.

- Tôi có thể nói rằng, điều khiển một con tàu như con tàu Nau-ti-lux không cần đến nhiều người.

- Đúng vậy, trong điều kiện bình thường, chỉ cần nhiều lắm là mười người là đủ.

- Vậy có khả năng trên tàu có nhiều người hơn không?

- Tại sao? - Tôi đáp, tôi nhìn thẳng vào mắt Nét-len, ý của anh ta rất dễ đoán - Bởi vì, nếu tôi đoán không nhầm, và nếu tôi không hiểu sai ý nghĩa cuộc sống của thuyền trưởng Nê-mô, thì con tàu Nau-ti-lux không chỉ là một con tàu, nó còn là nơi trú ngụ của những người giống như thuyền trưởng của họ, đã cắt đứt mọi liên hệ với cuộc sống trên trái đất.

- Có thể là như vậy - Công-xây nói - Nhưng trong trường hợp nào đi nữa thì con tàu Nau-ti-lux cũng chỉ chứa một số lượng người nhất định. Thưa Giáo sư A-rô-nát, ngài có thể tính được số lượng người tối đa trên tàu không?

- Bằng cách nào hả Công-xây?

- Bằng cách tính toán. Giáo sư đã biết kích thước con tàu Nau-ti-lux, do đó ngài có thể tính được khối lượng không khí chứa trên tàu, ngài cũng biết mỗi người cần một lượng không khí là bao nhiêu để thở, rồi so sánh những kết quả đó với thực tế là con tàu Nau-ti-lux cứ hai mươi bốn tiếng lại phải nổi lên mặt nước lấy dưỡng khí.

Công-xây chưa kịp nói hết câu thì tôi đã hiểu rõ ý của anh ta.

- Tôi hiểu rồi - tôi nói- nhưng tính toán kiểu đó thì dễ lắm, nhưng kết quả thu được thì không chính xác lắm đâu.

- Không quan trọng - Nét-len giục.

- Vậy thì thế này nhé - Tôi nói - Mỗi tiếng đồng hồ một người tiêu thụ một lượng không khí có trong một trăm lít

không khí, và trong bốn mươi tư giờ sẽ tiêu thụ hết dưỡng khí chứa trong hai ngàn bốn trăm lít. Vậy bây giờ chúng ta phải tính xem dung tích của con tàu Nau-ti-lux gấp bao nhiêu lần con số hai ngàn bốn trăm lít không khí.

- Đúng vậy - Công-xây nói.

- Trọng tải của con tàu Nau-ti-lux là một ngàn năm trăm tấn, mỗi tấn chứa một ngàn lít không khí, như vậy tàu chứa một triệu năm trăm ngàn lít không khí, ta lấy số đó chia cho hai ngàn bốn trăm sẽ được con số là sáu trăm hai mươi nhăm người. Có nghĩa là, nói một cách đúng ra thì con tàu Nau-ti-lux có thể cung cấp đủ dưỡng khí cho sáu trăm hai mươi nhăm người trong vòng hai mươi tư tiếng đồng hồ.

- Sáu trăm hai mươi nhăm người? - Nét-len nhắc lại.

- Nhưng anh phải nhớ rằng, tất cả chúng ta cộng lại, cả hành khách, cả thuỷ thủ, cả sĩ quan trên tàu cũng không thể vượt hơn một phần mười con số đó.

- Như thế cũng là quá nhiều so với ba người - Công-xây lẩm bẩm.

Nét-len lắc đầu, anh ta lấy tay lau trán rồi bước ra mà không nói một lời. Còn lại Công-xây nói với tôi:

- Nếu giáo sư cho phép, tôi sẽ theo dõi anh ta sát sao. Anh chàng Nét tội nghiệp này mong đợi những gì mà anh ta không thể có. Cuộc sống trong quá khứ luôn luôn hiện về trước mắt anh ta, tất cả những gì mà chúng ta không muốn anh ta nuối tiếc. Đầu óc anh ta chỉ toàn là những kỉ niệm cũ. Chúng ta cũng phải thông cảm với anh ta. Ở đây anh ta chẳng biết làm gì. Anh ta không có gì để nghiên cứu như giáo sư, và cũng không có niềm say mê với biển như tôi với ngài. Anh ta sẵn sàng hy sinh hết tất cả để được một lần tới một quán rượu ở quê hương anh ta.

Cuộc sống đơn điệu trên con tàu Nau-ti-lux chắc chắn

làm cho anh chàng Nét-len vốn đã quen với cuộc sống tự do ưa hoạt động không thể chịu đựng nổi. Trên tàu chẳng có mấy sự kiện làm anh ta quan tâm, nhưng có một ngày, một sự kiện xảy ra đã khiến cho Nét-len được sống lại những ngày oanh liệt. Lúc đó là gần mười một giờ trưa, con tàu Nau-ti-lux lúc trôi trên mặt nước rơi đúng vào chỗ một đàn cá voi. Sự xuất hiện của chúng không làm tôi ngạc nhiên vì tôi biết rằng loài động vật có vú này đang bị săn bắt ráo riết nên phải di trú sang những vùng biển ở vĩ độ cao hơn.

Chúng tôi lúc đó đang ngồi trên boong tàu, biển lặng sóng. Ngày tháng mười ở vĩ độ này cho chúng tôi tận hưởng những ngày mùa thu tuyệt đẹp. Chính Nét-len là người đã phát hiện ra một con cá voi ở chân trời đằng đông. Anh ta rất hiếm khi nhìn lầm. Phải nhìn thật kỹ chúng tôi mới thấy cái lưng đen sì của nó lúc nổi lúc chìm xuống mặt nước, cách con tàu Nau-ti-lux khoảng năm hải lý.

- A! - Nét-len reo lên - Nếu tôi đang ở trên một tàu săn cá voi thì con cá kia sẽ là một mục tiêu thú vị đấy. Chú cá này to thật, cứ nhìn cột nước và khí nó phun lên thì biết. Chán thật, tại sao tôi lại bị trói chặt và cái cục thép này không biết chứ.

- Chà, anh Nét - Tôi nói - Anh vẫn còn chưa quên nghề cũ cơ à?

- Có tay thợ săn cá voi nào quên được nghề của mình đâu, thưa ngài. Chẳng ai quên được cảm giác thích thú khi đuổi bắt một con cá to.

- Nhưng anh chưa từng săn cá voi trên vùng biển này phải không?

- Chưa bao giờ, tôi chỉ mới săn ở vùng biển bắc, ở eo Bê-ring và eo Đa-vít.

- Thế thì anh vẫn chưa quen với cá voi miền nam mấy nhỉ, vì cá voi miền bắc thường không vượt qua vùng nước ấm của đường xích đạo. Cá voi là loài có đặc tính định cư lâu dài tại một vùng biển mà nó sinh ra, nó sẽ không bao giờ di trú sang nơi khác. Nếu có một con cá voi nào đó từ eo biển Bê-ring mò sang tận eo biển Đa-vít thì có nghĩa rằng có một lối đi ngầm thông nhau giữa hai biển, nằm gần bờ biển Châu Mỹ hoặc bờ biển Châu Á.

- Nói như vậy thì, nếu tôi chưa từng đi săn ở vùng biển này thì tôi sẽ không biết gì về cá voi ở đây chứ gì.

- Thì tôi đã nói thế mà, anh Nét.

- Đã thế thì càng cần phải làm quen với chúng- Công-xây nói.

- Nhìn kìa! Nhìn kìa! Nét-len kêu tướng lên. Chúng đang tiến đến gần, chúng đang chọc tức tôi, chúng biết là tôi không thể đến gần chúng được mà.

Nét-len giận dữ giậm chân xuống nền tàu, hai tay anh ta giơ lên như thể đang cầm một mũi lao tưởng tượng.

- Cá voi vùng này có to bằng cá voi vùng biển bắc không, thưa Giáo sư A-rô-nát? - Anh ta hỏi.

- Cũng gần gần như vậy. Tôi đáp.

- Tôi đã từng thấy những con cá voi dài đến ba mươi mét, nhưng tôi còn nghe thấy người ta nói rằng ở vùng biển A-lê-út có những con cá voi dài đến năm mươi mét.

- Chắc họ cường điệu lên thôi. Đó không phải là cá voi đâu, mà là cá nhà táng, nhỏ hơn cá voi vùng Grin-len nhiều.

- A! - Nét-len reo lên, mắt vẫn không rời mặt biển chúng đang đến gần, chúng tới sát con tàu Nau-ti-lux rồi.

Rồi anh ta quay sang tôi tiếp tục câu chuyện.

- Ngài nói cá nhà táng là loài cá nhỏ ư? Tôi lại nghe nói

có những con rất to. Đó là loài cá thông minh, có con còn biết nguy trang bằng rong biển và tảo biển nên mọi người thường tưởng lầm chúng là những hòn đảo nhỏ, họ ghé thuyền vào, trèo lên mình nó, định cư ở đó, và đốt lửa...

- Họ còn xây cả nhà trên đó nữa - Công-xây thêm vào.

- Cậu chỉ giỏi đùa thôi - Nét-len nói rồi tiếp tục kể - Rồi một hôm, con cá bỗng lặn xuống nước mang theo toàn bộ dân cư chìm xuống đáy biển.

- Nghe giống như chuyện Cuộc phiêu lưu của thuyền trưởng Sin bát - Tôi vừa cười vừa nói.

Chà! - Nét-len đột nhiên bỗng kêu lên - Không phải chỉ một con cá voi, mà hàng chục con, hai chục con, cả một đàn. Thế mà tôi đành đứng nhìn, chân tay thà bị chặt đứt đi còn hơn.

- Sao anh không xin phép thuyền trưởng Nê-mô cho phép được săn chúng? - Công-xây nói.

Công-xây chưa kịp nói hết câu thì Nét-len đã lao vội xuống cầu thang để đi tìm thuyền trưởng Nê-mô. Mấy phút sau, anh ta quay lại cùng với thuyền trưởng Nê-mô.

Thuyền trưởng Nê-mô đứng nhìn đàn cá voi đang đùa giỡn trên sóng nước cách con tàu Nau-ti-lux khoảng một hải lý.

- Đó là những con cá voi miền nam - Ông ta nói, - Đủ dùng cho cả một đội tàu săn cá voi.

- Vâng, thưa thuyền trưởng, ngài cho phép tôi săn chúng chứ - Nét-len nói - nếu không thì tôi sẽ quên nghề cũ của mình mất.

- Săn cá voi để làm gì? - Thuyền trưởng Nê-mô hỏi - Chỉ là hành động phá hoại mà thôi. Chúng ta không cần mỡ cá voi trên tàu.

- Nhưng, thưa thuyền trưởng - Nét-len vẫn cãi- Thế sao khi ở Biển Đỏ, ngài lại cho phép tôi săn bò nước?

- Lúc đó là vì thuỷ thủ trên tàu cần có thịt tươi. Còn bây giờ săn cá voi chỉ để thoả mãn thú đi săn mà thôi. Tôi biết con người tự cho mình cái quyền đó, nhưng tôi không tán thành cái kiểu tiêu khiển man rợ như vậy. Các đồng nghiệp của ông đã hành động một cách tội lỗi khi giết hại giống cá voi miền nam, một giống vật hiền lành vô hại, thưa ông Nét. Bọn họ đã giết gần hết cá voi ở vịnh Báp-phin rồi, tức là đã làm tuyệt chủng một giống vật hiền lành có ích. Hãy để cho những con vật đó yên, không có các ông thì chúng cũng đã có đủ kẻ thù tự nhiên khác như cá nhà táng, cá kiếm, cá cưa rồi.

Thuyền trưởng Nê-mô nói đúng. Việc giết hại loài động vật này một cách vô tội vạ chẳng bao lâu nữa sẽ làm cho đại dương không còn lấy một bóng cá voi nào. Nét-len ngông nghênh huýt sáo một bài ca vui nhộn, hai tay đút túi quần đứng quay lưng lại chúng tôi. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đứng nhìn đàn cá voi, chỉ cho tôi và nói:

- Tôi đã đúng khi nói rằng ngoài con người ra thì cá voi đã có đủ kẻ thù tự nhiên. Ngay bây giờ đây, ngài sẽ thấy chúng phải đương đầu với một đối thủ nặng ký. Ngài có nhìn thấy những chấm đen đang chuyển động cách chúng ta khoảng tám hải lý không?

- Vâng, tôi nhìn thấy, thưa thuyền trưởng.

- Đó là cá nhà táng, - một loài động vật khủng khiếp, thỉnh thoảng tôi gặp cả một đàn đến hai ba trăm con. Chính loài cá hung hăng và nguy hiểm này mới cần phải bị tiêu diệt.

Nghe thấy vậy, Nét-len vội vàng quay lại ngay.

- Thưa thuyền trưởng - Anh ta nói - Bây giờ vẫn kịp để

bảo vệ lũ cá voi.

- Một mình thì chẳng làm gì được đâu, thưa giáo sư. Con tàu Nau-ti-lux sẽ đánh tan bọn chúng, mũi tàu cũng nhịn chẳng kém gì mũi lao của ông Nét-len cả.

Nét-len chẳng biết làm gì hơn, chỉ nhún vai. Ai đời lại đi săn cá bằng mũi tàu. Chẳng có ai lại làm chuyện như vậy cả.

- Giáo sư A-rô-nát, xin ngài đợi cho một chút - Thuyền trưởng Nê-mô nói - Chúng tôi sẽ mời ngài chứng kiến một cảnh tượng mà ngài chưa bao giờ thấy. Chúng ta chẳng cần phải thương xót lũ cá gớm ghiếc này, chúng chẳng là cái gì ngoài răng và miệng.

Răng và miệng! Chẳng có từ nào tốt hơn để miêu tả đặc điểm của lũ cá nhà táng khổng lồ dài đến hai mươi lăm mét. Cái đầu to tướng của nó chiếm tới một phần ba thân hình. Chúng được trang bị vũ khí tốt hơn cá voi. Cá voi chỉ có phiến sừng ở hàm trên, còn lũ cá nhà táng có tới hai mươi nhăm chiếc răng nhọn hoắt dài tới hai mươi phân, mỗi chiếc phải nặng tới cả một ki-lô-gam. Cá nhà táng là loài cá có hình thù gớm ghiếc, nó chỉ có thể nhìn được bằng một bên mắt phải. Chúng đang đến gần chúng tôi, chúng đã nhìn thấy đàn cá voi và chuẩn bị tấn công. Ai cũng có thể hiểu là trong trận chiến đấu này thì bọn cá nhà táng gớm ghiếc kia sẽ giành phần thắng, không chỉ bởi chúng được trang bị tốt hơn, mà còn vì chúng có khả năng lặn lâu hơn dưới nước. Phải nhanh chóng cứu lấy đàn cá voi. Con tàu Nau-ti-lux lặn ngay xuống nước. Công-xây, Nét-len và tôi ngồi trước ô cửa kính trong phòng khách, thuyền trưởng Nê-mô thì sang buồng lái đích thân điều khiển con tàu, biến nó thành một thứ vũ khí tiêu diệt. Một lúc sau, tôi nghe thấy tiếng chân vịt quay nhanh, tốc độ tàu tăng vọt.

Khi con tàu Nau-ti-lux đến nơi thì trận chiến giữa cá nhà táng và cá voi đã bắt đầu. Lúc đầu chúng chẳng hề tỏ ra sợ hãi khi nhìn thấy một con vật khổng lồ mới tham gia trận chiến. Nhưng chỉ ít phút sau, chúng đã phải chống đỡ với những đòn tấn công không ngớt. Thật là một cuộc chiến kinh hoàng. Con tàu Nau-ti-lux biến thành một mũi lao nhọn đáng sợ dưới sự điều khiển của thuyền trưởng Nê-mô. Nó lao vào khối thịt đồ sộ mà chém chúng đứt lìa thành hai khúc giãy dụa. Vỏ tàu thép cứng rắn không hề gì trước những cú đập khủng khiếp của bầy cá dữ. Tiêu diệt xong con này, con tàu lại quay sang tấn công con khác, tấn công vào điểm mà không con nào tránh được, lúc chạy tới, lúc chạy lui, khi bên phải, khi sang bên trái, lúc lặn sâu xuống nước rượt theo con mồi, lúc lại nổi lên mặt nước, lúc tấn công chính diện, lúc lại đánh ngang sườn, tấn công mục tiêu từ mọi hướng, với mọi tốc độ, băm vằm lũ cá bằng cái mũi nhọn của mình.

Thật đáng sợ! Trên mặt biển dậy lên những tiếng động kinh hồn, tiếng rít, tiếng rống của lũ cá đang giãy chết. Mặt biển vốn phẳng lặng, giờ đây sủi đầy bọt sau những cú đập đuôi của lũ cá. Sau cuộc chiến đấu ác liệt kéo dài hàng tiếng đồng hồ, lũ cá nhà táng không còn đường trốn chạy. Đôi lúc, cả mười, mười hai con cá hợp lực cùng nhau xông vào tấn công tàu. Những cái miệng đầy răng ngoác rộng, những con mắt đỏ ngầu hiện ra ngoài cửa kính khiến Nét-len không kiềm chế được, anh ta nhảy chồm chồm, giơ giơ nắm đấm hù doạ, miệng không ngớt lời chửi rủa chúng. Lũ cá xông tới ngoạm lấy tàu như những con chó sói ngoạm cổ xác một con lợn rừng, nhưng con tàu Nau-ti-lux theo sự điều khiển của thuyền trưởng Nê-mô, lúc thì kéo chúng xuống dưới sâu, khi lại lôi lên mặt nước, chẳng quản gì đến trọng lượng khổng lồ của hàng chục con cá cũng như

những vết sây sát do răng chúng ngoạm lên thân tàu.

Cuối cùng, lũ cá nhà táng bị đánh tan tành, biển lại trở nên phẳng lặng. Con tàu Nau-ti-lux lại nổi lên mặt nước. Nắp tàu mở ra, chúng tôi vội vã lên boong. Mặt biển phủ đầy xác cá bị bầm nát. Một vụ nổ lớn nhất cũng không thể có sức tàn phá hơn vậy. Mấy con may mắn sống sót kinh hoàng bỏ chạy. Nước biển được nhuộm một màu đỏ thẫm trong vòng mấy hải lý, con tàu Nau-ti-lux đi trên một biển máu.

Thuyền trưởng Nê-mô đi tới chỗ chúng tôi và hỏi:

- Thế nào, ông Nét?

- Vâng, thưa thuyền trưởng - Nét-len đáp, có vẻ sự kích động của anh ta đã được kiềm chế lại- Cảnh tượng thật là khủng khiếp. Nhưng tôi không phải là một tên đồ tể, tôi là một thợ săn, tôi gọi đây là một sự tàn sát.

- Đó là trận chiến để diệt trừ những con vật có hại - Thuyền trưởng Nê-mô đáp - Mà con tàu Nau-ti-lux cũng không phải là con dao của đồ tể.

- Tôi vẫn thích mũi lao của tôi hơn - Nét-len nói.

- Mỗi người có một thứ vũ khí riêng - Thuyền trưởng Nê-mô đáp, mắt nhìn thẳng vào Nét-len.

Tôi sợ rằng trong lúc nóng giận, Nét-len có thể gây tai hoạ. Nhưng khi nhìn thấy con cá voi mà con tàu Nau-ti-lux đang tiến lại gần, anh ta liền nguôi giận. Đó là một con cá voi không kịp tránh đòn của lũ cá nhà táng, nó đã bị chết, bụng đầy vết răng, vây cá rách tơi tả vẫn còn mang trên mình một con cá voi nhỏ. Miệng con cá mẹ mở to mặc cho nước biển chảy vào rồi lại chảy ra như những con sóng va vào bờ. Thuyền trưởng Nê-mô ra lệnh ghé sát tàu vào, hai thuỷ thủ trèo lên xác con cá. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy

họ vắt ra từ vú con cá khoảng hai ba tấn sữa. Thuyền trưởng Nê-mô mời tôi một cốc sữa cá voi vẫn còn ấm. Tôi không khỏi tỏ ra ghê sợ thứ nước uống này, nhưng thuyền trưởng Nê-mô trấn an tôi nói rằng nó rất ngon, và tôi sẽ không phân biệt nó với sữa bò. Tôi thử uống, và quả là thuyền trưởng Nê-mô đã nói đúng. Thế là trên tàu lại có thêm một thực phẩm dự trữ dưới dạng bơ và phô mai, khiến khẩu phần của chúng tôi phong phú thêm. Từ ngày đó, tôi lo lắng khi nhận thấy thái độ thù địch của Nét-len đối với thuyền trưởng Nê-mô ngày càng tăng lên. Tôi tự nhủ rằng phải giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của anh ta.

CHƯƠNG XIII

TẢNG BĂNG TRÔI

Con tàu Nau-ti-lux vẫn tiếp tục đi về phía nam dọc theo kinh tuyến thứ năm mươi với tốc độ vừa phải. Chẳng lẽ thuyền trưởng Nê-mô muốn cho tàu chạy đến Nam cực? Tôi thì không nghĩ như vậy, vì mọi nỗ lực của con người nhằm đi đến vùng đất đó đều đã bị thất bại. Giờ đã là thời điểm chuyển mùa, vì ngày 13 tháng Ba ở vùng nam cực tương ứng với ngày 13 tháng chín ở các vùng phía bắc, là thời điểm xuân, thu phân.

Ngày 14 tháng Ba, tôi thấy có vài tảng băng trôi ở vĩ độ thứ 55. Đó chỉ là những tảng băng xám như chì, cao khoảng sáu, bảy mét, nổi lên giữa biển tạo thành một vật cản làm sóng biển xô tới ào ào. Con tàu Nau-ti-lux vẫn đi trên mặt biển. Nét-len đã từng săn cá voi trên những vùng biển bắc cực nên những tảng băng trôi đối với anh ta chẳng có gì là lạ, nhưng tôi và Công-xây thì mới được thấy lần đầu. Tít xa xa phía chân trời phương nam hiện lên một dải mờ mờ màu trắng. Những thợ săn cá voi người Anh đã đặt cho nó cái tên là "ánh băng". Dù mây có dày đến đâu cũng không thể che khuất được ánh sáng đó, nó báo hiệu sự hiện diện của một cánh đồng băng phía sau. Càng đi sâu, chúng tôi lại gặp nhiều tảng băng lớn hơn, phản chiếu ánh sáng mặt trời. Có những tảng băng ánh lên màu xanh của sun-phát đồng, những tảng khác lại có ánh tím thạch anh, nhiều tảng băng phản chiếu ánh sáng mặt trời như qua một lăng

kính vạn hoa bằng pha lê, lại có những tảng băng lấp lánh nhiều màu sắc rực rỡ trông như một thị trấn làm bằng đá cẩm thạch. Càng tiến về phía nam, chúng tôi càng gặp nhiều tảng băng trôi lớn hơn.

Ở vĩ tuyến thứ sáu mươi, tất cả mọi con đường đều đã biến mất. Nhưng sau khi tìm kiếm kỹ lưỡng, thuyền trưởng Nê-mô thường tìm thấy một khe nhỏ giữa những tảng băng và mạnh dạn lái tàu vào mặc dù vẫn biết rằng băng có thể lấp kín con đường đó. Thuyền trưởng Nê-mô đích thân khéo léo lái con tàu Nau-ti-lux đi qua những tảng băng trôi khổng lồ, những ngọn núi băng, những cánh đồng băng, những dòng sông băng như trải dài đến vô tận. Nhiệt độ xuống rất thấp, nhiệt kế chỉ mức âm hai, ba độ nhưng chúng tôi có đủ quần áo ấm làm bằng da gấu biển và da hải cẩu. Con tàu Nau-ti-lux phía bên trong được sưởi ấm bằng điện nên có thể đánh bại được cái giá rét bên ngoài. Hơn nữa, nó còn chỉ cần chạy ngầm dưới mặt nước mấy mét là có thể tìm một nhiệt độ thích hợp dễ chịu hơn. Cách đây hai tháng, ở vùng đất này tràn ngập ánh sáng mặt trời, nhưng đến giờ này chúng tôi chỉ còn được thấy ánh sáng trong vòng ba đến bốn ngày nữa, rồi từ đó trở đi, toàn bộ vùng băng giá địa cực này sẽ chìm vào bóng tối mênh mông trong vòng sáu tháng dài đằng đẵng. Ngày 15 tháng Ba, chúng tôi đến vùng đảo Niu Shét-len và Nam óoc-kơ-nêy,thuyền trưởng Nê-mô kể với chúng tôi rằng trước đây ở chỗ này có rất nhiều hải cẩu sinh sống, nhưng những tàu đánh cá voi của Anh và Mỹ đã đến tiêu diệt toàn bộ loài hải cẩu ở đây, cả lớn lẫn bé, khiến cho vùng biển này trước đây đầy sự sống là vậy, mà giờ chỉ còn lại sự im lặng và chết chóc.

Tám giờ sáng ngày 16 tháng Ba, con tàu Nau-ti-lux đang chạy dọc kinh tuyến thứ 55, cắt ngang vòng Nam cực. Bốn

bề là băng giá, băng kết lại ngày càng nhiều che khuất đường chân trời. Nhưng thuyền trưởng Nê-mô vẫn cho tàu chạy về phía trước, ngày càng tiến sâu hơn. Tôi không thể nào tả xiết sự bàng hoàng trước cảnh đẹp hùng vĩ của vùng đất mới này. Băng tạo thành rất nhiều hình thù kỳ lạ. Ở chỗ này là một thị trấn phương đông với vô số đền đài, chỗ kia lại là hình một thành phố như từ trên trời rơi xuống đất sau một cơn địa chấn nào đó. Toàn bộ cảnh tượng lại thay đổi khi ánh nắng mặt trời đổi hướng hay chìm khuất vào một đám mây mù báo hiệu một cơn bão tuyết. Bốn phía xung quanh chúng tôi vang lên những tiếng nổ lách tách và tiếng băng lở, từng tảng băng khổng lồ rơi xuống làm cảnh vật thay đổi giống như trong một bộ phim. Nhiều lần, không tìm được lối ra, tôi nghĩ rằng chúng tôi đã trở thành những tù nhân trong băng tuyết, nhưng nhờ có bản năng tuyệt vời của mình mà thuyền trưởng Nê-mô chỉ thoáng nhìn là phát hiện ra ngay con đường thoát hiểm. Ông ta không bao giờ nhầm lẫn, những tia nước màu xanh chỉ đường cho ông ta. Tôi đoán chắc rằng trước đó thuyền trưởng Nê-mô đã nhiều lần đến vùng biển này.

Tuy nhiên đến ngày 16 tháng Ba, chúng tôi đã bị băng bao bọc cả bốn phía. Đó không phải là băng vĩnh viễn mà chỉ là những cánh đồng băng do nhiệt độ thấp kết liền lại với nhau. Nhưng trở ngại này không cản được bước của thuyền trưởng Nê-mô, ông ta cho tàu lao với tốc độ kinh hoàng vào giữa đám băng. Con tàu Nau-ti-lux đâm thẳng vào đám băng làm chúng vỡ tan, kêu răng rắc. Những mảnh băng vỡ bắn tung lên trời rồi lại rơi xuống như quanh chúng tôi. Do lực rất mạnh đẩy tới, tàu tạo thành một dòng kênh trên đường đi, nhưng đôi khi do quán tính, nó nhảy chồm lên trên băng rồi dùng sức nặng đè vỡ khối băng, thỉnh thoảng tàu lại bị chôn vùi dưới lớp băng, nó lại dùng sức

mạnh đâm thủng phiến băng bên trên. Những ngày đó gió rất mạnh kèm theo sương mù dày đặc bao trùm. Đứng trên boong tàu, từ đầu này đến đầu kia không nhìn thấy gì. Gió thổi mạnh từ mọi hướng, tuyết rơi dày đến nỗi sau một đêm tạo thành một lớp băng dày trên boong, chúng tôi phải dùng cuốc chim cậy lên. Nhiệt độ luôn ở mức năm độ âm, mọi vật bên ngoài con tàu Nau-ti-lux đều đóng băng. Trong điều kiện này thuyền buồm không thể nào hoạt động được vì buồm sẽ bị mắc vào bão tuyết, chỉ có tàu động cơ điện không cần buồm, không chạy than mới có thể chạy được ở vĩ độ này. Cuối cùng, đến ngày 18 tháng Ba, sau nhiều nỗ lực không có kết quả, con tàu Nau-ti-lux đã bị mắc chặt vào băng. Bây giờ không còn sông băng, không còn tảng băng, hay đồng băng nữa mà chỉ có một vật cản bất di bất dịch, trải dài vô tận và không thể vượt qua được, đó là những núi băng khổng lồ kết lại vào nhau.

- Núi băng! - Nét-len nói với tôi.

Tôi biết rằng đối với Nét-len cũng như tất cả những người đi biển trước đó thì trở ngại này là không thể vượt qua được. Đến giữa trưa, mặt trời ló ra một chút, thuyền trưởng Nê-mô xác định toạ độ con tàu, chúng tôi đang ở vị trí 51,30 độ kinh và 67,39 độ vĩ nam. Chúng tôi đã tiến vào rất sâu trong Nam cực. Bây giờ mặt biển không còn ánh lóng lánh của chất lỏng nữa, xung quanh con tàu Nau-ti-lux chỉ còn là một cánh đồng trải dài vô tận. Đây đó trồi lên những tảng băng hình hộp cao hàng chục mét đâm thẳng lên trời như những tấm gương khổng lồ phản chiếu ánh sáng mặt trời đã bị che khuất một nửa trong sương mù. Cảnh thiên nhiên buồn bã ảm đạm chìm trong im lặng mông lung, chỉ thỉnh thoảng mới có tiếng đập cánh của một con chim báo bão. Tất cả đã đóng băng, tất cả... kể cả âm thanh

cũng đã đóng băng. Con tàu Nau-ti-lux buộc phải ngừng cuộc hành trình mạo hiểm của mình lại giữa bốn bề là băng. Biết bao nỗ lực bỏ ra, biết bao công sức để phá băng, con tàu Nau-ti-lux vẫn đứng im bất động. Bình thường, khi không có thể tiến lên phía trước thì người ta vẫn có thể quay lại, nhưng trong trường hợp này thì tiến cũng như lùi đều không thể được nữa rồi, bởi vì mọi con đường đều đóng lại, chúng tôi hoàn toàn bị kẹt cứng. Cho đến khi một chuyện xảy ra chính xác là vào hai giờ chiều ngày hôm đó, khi băng bốn bề đông lại với tốc độ rất nhanh. Tôi phải thừa nhận rằng thuyền trưởng Nê-mô quả là qúa mạo hiểm. Lúc đó, tôi đang đứng trên boong, thuyền trưởng Nê-mô cũng đã đứng đó quan sát tình hình từ bao giờ, ông ta nói với tôi:

- Thưa Giáo sư A-rô-nát, ngài thấy tình hình của chúng ta thế nào?

- Tôi nghĩ rằng chúng ta đang bị mắc kẹt, thưa thuyền trưởng.

- Vậy, thưa Giáo sư A-rô-nát, ngài nghĩ rằng con tàu Nau-ti-lux không thể tự giải thoát được?

"Rất khó, thưa thuyền trưởng, lý do là chúng ta đã tiến vào quá sâu, khó mà trông chờ vào việc phá băng để thoát ra ngoài được.

- À, thưa giáo sư - Thuyền trưởng Nê-mô nói giọng hơi có vẻ mỉa mai - Ngài quả là lúc nào cũng vậy. Ngài chỉ nhìn thấy có khó khăn và trở ngại mà thôi. Tôi khẳng định với ngài rằng con tàu Nau-ti-lux không những có thể thoát ra được mà nó còn tiến sâu vào trong nữa.

- Vẫn tiếp tục tiến sâu về phía Nam ư? - Tôi ngạc nhiên hỏi thuyền trưởng Nê-mô.

- Đúng vậy đấy, thưa ngài, chúng ta sẽ tiến vào Nam cực.

- Đến nam cực! - Tôi thốt lên, sửng sốt đến nỗi không giấu được vẻ nghi ngờ.

- Vâng - Thuyền trưởng Nê-mô lạnh lùng đáp - Tới nam cực, tới những chỗ mà chưa ai biết, tới nơi tất cả các kinh tuyến trên trái đất giao nhau. Ngài biết rằng, với con tàu Nau-ti-lux, tôi có thể đi đến bất cứ đâu theo ý muốn của mình.

Vâng, tôi biết điều đó. Tôi cũng biết rằng con người này rất dũng cảm, dũng cảm đến mức liều lĩnh. Nhưng để chinh phục được những khó khăn đầy rẫy trên đường đến Nam cực, thậm chí còn khó tiếp cận hơn Bắc cực, nơi mà chưa một người đi biển dù là gan góc nhất từng chinh phục được, thì có phải là quá điên rồ không? Tự nhiên trong đầu tôi nảy ra một ý định, tôi muốn hỏi xem liệu thuyền trưởng Nê-mô đã từng có lần đến được địa cực mà con người chưa từng đặt chân đến đó chưa.

- Chưa bao giờ, thưa ngài - Thuyền trưởng Nê-mô đáp - Nhưng chúng ta sẽ cùng nhau làm việc đó. Chúng ta sẽ thành công ở những nơi người khác đã thất bại. Tôi chưa bao giờ cho con tàu Nau-ti-lux tiến sâu vào trong như thế này nhưng tôi nhắc lại, tôi sẽ cho tàu đi tiếp.

- Tôi rất tin tưởng vào ngài, thưa thuyền trưởng - Tôi nói, giọng hơi mỉa mai - Tôi rất tin ngài. Chúng ta cứ việc tiến sâu vào trong nữa, chẳng có gì ngăn cản được chúng ta cả. Chúng ta sẽ phá tan biển băng này, chúng ta sẽ hất tung chúng lên, còn nếu chúng cứng đầu thì ta sẽ chắp cánh cho con tàu Nau-ti-lux bay lên trên mặt băng.

- Bay trên băng ư, thưa ngài? - Thuyền trưởng Nê-mô hỏi - Không, chúng ta sẽ không bay lên trên, mà chúng ta đi xuống dưới băng.

- Xuống dưới băng! - Tôi thốt lên, tôi chợt hiểu rõ ý định

của thuyền trưởng Nê-mô. Nhưng đặc tính riêng biệt của con tàu Nau-ti-lux sẽ phục vụ chúng tôi trong hành trình nguy hiểm này.

- Tôi thấy chúng ta đã bắt đầu hiểu nhau rồi đấy, thưa ngài- Thuyền trưởng Nê-mô hơi mỉm cười nói- Ngài đã bắt đầu nhìn ra tính khả thi, tôi muốn nói đến sự thành công của chuyến đi này. Những gì mà một con tàu bình thường không thể làm được thì con tàu Nau-ti-lux sẽ dễ dàng làm được. Nếu như trên đường đi có gặp một lục địa chắn ngang đường thì chúng ta sẽ dừng lại, còn nếu chỉ có đại dương mênh mông thì chúng ta sẽ đến tận Nam cực.

- Tất nhiên - tôi nói, tôi bắt đầu bị những lý lẽ của thuyền trưởng Nê-mô thuyết phục - Nếu bề mặt của đại dương có đóng băng thì bên dưới vẫn là nước vì vẫn có chỗ nhiệt độ tối đa của nước vẫn cao hơn nhiệt độ đóng băng một độ. Và nếu như tôi không lầm thì phần nổi của một tảng băng chiếm một phần tư phần chìm dưới nước, có phải không ạ?

- Cũng gần đúng như vậy, thưa giáo sư, vì một tảng băng nổi một phần trên mặt nước thì có ba phần chìm dưới nước. Nếu tảng băng này cao không qua một trăm mét so với mặt biển thì phần chìm dưới nước của nó là không quá ba trăm mét. Ba trăm mét đối với con tàu Nau-ti-lux có nghĩa lý gì đâu?

- Vâng, không đáng gì thưa thuyền trưởng.

- Tàu thậm chí còn có thể xuống sâu hơn, nơi nhiệt độ của tất cả các đại dương đều bằng nhau, lúc đó, ta còn sợ gì nhiệt độ âm ba mươi, bốn mươi độ dưới không trên mặt băng nữa.

- Đúng vậy, quả là như vậy - Tôi phấn khởi hưởng ứng.

- Chỉ có một khó khăn duy nhất - Thuyền trưởng Nê-mô

tiếp tục - Đó là chúng ta phải ở dưới nước mấy ngày không thể cho tàu nổi lên lấy không khí được.

- Chỉ thế thôi sao? Con tàu Nau-ti-lux có những bể chứa rất lớn, chúng ta có thể bơm đầy khí vào bể chứa, chúng sẽ cung cấp cho ta đủ dưỡng khí mà ta cần.

- Ngài nghĩ vậy cũng phải lắm, thưa Giáo sư A-rô-nát - Thuyền trưởng Nê-mô mỉm cười đáp - Nhưng tôi không muốn bị ngài trách là liều lĩnh, nên muốn nói ra đây tất cả những trở ngại của chúng ta.

- Còn có trở ngại gì nữa ạ?

- Chỉ một điều nữa thôi. Đó là nếu như ở Nam cực có đại dương thì chúng sẽ bị đóng băng, con tàu Nau-ti-lux sẽ không thể nổi lên mặt nước để lấy dưỡng khí được.

- Đúng vậy, thưa ngài. Nhưng ngài quên là con tàu Nau-ti-lux có mũi tàu rất nhọn sao, chúng ta có thể cho tàu chạy ngược chéo lên trên rồi dùng sức mạnh phá vỡ lớp băng trên mặt?

- A, hôm nay ngài quả là nhanh trí.

"Hơn nữa, thưa thuyền trưởng - Tôi hào hứng nói tiếp - Tại sao chúng ta lại không tìm những vùng biển không đóng băng ở nam cực như ở bắc cực vậy? Cực đóng băng và địa cực của trái đất không hoàn toàn trùng nhau, kể cả ở phía bắc và phía nam, cho đến khi có người chứng minh được điều ngược lại, chúng ta vẫn có thể tìm được một lục địa hay một đại dương không bị đóng băng giữa hai cực trái đất.

- Tôi cũng nghĩ như vậy, thưa Giáo sư A-rô-nát - Thuyền trưởng Nê-mô đáp - Tôi chỉ muốn nói một điều nữa là, sau khi đưa ra bao nhiêu trở ngại để phản đối kế hoạch của tôi, thì giờ đây ngài lại cố gắng thuyết phục tôi, chứng

minh là nó hợp lý.

Thuyền trưởng Nê-mô bắt tay ngay vào việc chuẩn bị. Những chiếc máy bơm rất mạnh của con tàu Nau-ti-lux hoạt động hết công suất bơm đầy khí vào các bể chứa dưới áp lực cao. Khoảng bốn giờ chiều, thuyền trưởng Nê-mô ra lệnh đóng nắp tàu. Tôi đưa mắt nhìn lần cuối những khối băng đồ sộ mà chúng tôi sắp sửa đi qua. Thời tiết thật đẹp, trời quang mây tạnh, không khí trong lành mặc dù nhiệt độ khá thấp, khoảng âm mười hai độ, nhưng gió không thổi mạnh nên nhiệt độ này vẫn có thể chịu được. Khoảng mười thuỷ thủ cao lớn trèo ra bên ngoài, dùng cuốc chim phá vỡ lớp băng bám quanh vỏ tàu, công việc này diễn ra rất nhanh vì lớp băng vẫn còn rất mỏng. Chúng tôi đi xuống dưới. Những bể chứa được bơm đầy nước, con tàu Nau-ti-lux chìm dần xuống dưới. Tôi và Công-xây đến phòng khách, qua ô kính cửa sổ, chúng tôi được chiêm ngưỡng những lớp nước sâu của Nam Băng Dương. Nhiệt kế trên tàu nhích lên dần, kim của đồng hồ đo độ sâu dần chuyển động. Đến độ sâu khoảng ba trăm mét như thuyền trưởng Nê-mô đã đoán trước, chúng tôi đã xuống phía dưới lớp băng. Nhưng con tàu Nau-ti-lux vẫn tiếp tục lặn sâu hơn nữa, đến độ sâu tám trăm mét. Nhiệt độ trên mặt nước là âm mười hai độ, nhưng xuống đến đây chỉ còn âm mười một độ, thế là thêm được một độ. Tôi không cần nói thêm là nhiệt độ bên trong con tàu Nau-ti-lux ấm hơn nhiều do có những máy sưởi chạy điện, tất cả hoạt động của các máy móc trên tàu đều chính xác tuyệt đối.

- Nếu giáo sư muốn, chúng ta sẽ vượt qua được, thưa giáo sư - Công-xây nói.

- Tôi tin là chúng ta sẽ không vượt qua được - Tôi đáp với giọng tin tưởng.

Ở vùng biển không bị đóng băng này, con tàu Nau-ti-lux vẫn thẳng hướng về nam cực với vận tốc hai mươi sáu hải lý một giờ, bằng vận tốc của một con tàu tốc hành. Nếu cứ giữ vận tốc này thì chỉ trong bốn mươi giờ nữa, chúng tôi sẽ đến nam cực.

Suốt cả đêm hôm đó, cảnh vật mới lạ của vùng biển mới giữ chúng tôi lại bên cửa sổ. Biển sáng lấp lánh dưới ánh đèn pha, nhưng xung quanh vắng lặng, không một chú cá nào sống được ở vùng nước đóng băng này, chúng chỉ mượn đường qua đây để tìm đến những vùng biển ít băng giá hơn. Tàu chạy rất nhanh nhưng chúng tôi chỉ nhận thấy vỏ tàu hơi rung nhè nhẹ. Khoảng hai giờ sáng, tôi và Công-xây về phòng ngủ một lát. Khi đi dọc hành lang, tôi không nhìn thấy thuyền trưởng Nê-mô trong phòng, chắc ông ta đang trong phòng hoa tiêu.

Sáng hôm sau, ngày 19 tháng Ba, tôi lại đến phòng khách. Đồng hồ trong phòng cho tôi thấy vận tốc của con tàu Nau-ti-lux đã chậm lại. Tàu đang từ từ bơm nước ra khỏi bể chứa và thận trọng nổi lên mặt nước. Tim tôi đập mạnh. Chúng tôi sắp sửa nổi lên và sẽ được hít thở không khí trong lành của vùng địa cực? Không! một cú va đập mạnh báo hiệu cho tôi biết con tàu Nau-ti-lux đã va vào mặt dưới của tảng băng gây ra một tiếng động mạnh. Thế là phía trên đầu chúng tôi là một biển băng dày đến hàng ngàn mét, ba trăm mét băng nổi trên mặt nước, sáu trăm mét chìm dưới nước. Chỗ này băng còn dày hơn chỗ chúng tôi cho tàu lặn xuống. Đúng là một tình thế gay go. Hôm đó, mấy lần con tàu Nau-ti-lux lại nổi lên, nhưng lần nào cũng đụng phải bức tường làm thành mái trần ngăn cách phía trên. Cũng có lúc tàu đụng băng ở độ sâu chín trăm mét, nghĩa là có hai trăm mét băng nổi trên mặt nước, dày gấp

đôi chỗ băng mà con tàu Nau-ti-lux lặn xuống. Tôi cẩn thận ghi lại sự chênh lệch độ sâu dưới biển và tìm ra chu kỳ thay đổi. Cả đêm hôm đó, tình hình không có gì sáng sủa hơn, chiều dày của lớp băng xê dịch trong khoảng bốn năm trăm mét, rõ ràng là có mỏng đi nhiều nhưng giữa chúng tôi và mặt nước vẫn còn một khoảng cách khá lớn. Đến tám giờ, theo thông lệ thì con tàu Nau-ti-lux phải nổi lên mặt nước để lấy không khí từ bốn tiếng trước đó, nhưng tôi vẫn thấy không khí trong tàu chưa thiếu lắm mặc dù thuyền trưởng Nê-mô chưa ra lệnh mở bể chứa không khí dự trữ. Đêm hôm đó, tôi ngủ không yên, trong lòng tràn ngập nỗi sợ hãi chen lẫn hi vọng. Mấy lần tôi tỉnh giấc. Con tàu Nau-ti-lux vẫn thỉnh thoảng nổi lên thăm dò độ dày lớp băng phía trên. Đến ba giờ sáng hôm sau, tôi nhận thấy rằng lớp băng bên trên chỉ còn dày khoảng năm mươi mét. Chúng tôi chỉ còn cách mặt biển có năm mươi mét. Tôi không rời mắt khỏi đồng hồ đo độ sâu. Chúng tôi đang theo đường chéo nổi lên trên mặt nước. Lớp băng bên trên cứ mỏng dần. Cuối cùng, đến sáu giờ sáng ngày 19 tháng Ba đáng ghi nhớ ấy, cánh cửa phòng khách bật mở, thuyền trưởng Nê-mô xuất hiện và nói một từ duy nhất:

- Biển!

CHƯƠNG XIV

NAM CỰC

Tôi chạy ngay lên boong tàu. Đúng là biển rồi, chỉ còn mấy khối băng trôi rải rác xung quanh. Một vùng biển mênh mông, một thế giới các loài chim trên trời, và hằng hà sa số các loài cá dưới nước. Nước biển chuyển từ màu xanh nhạt chuyển sang sắc xanh ô liu, tuỳ thuộc vào tính chất đáy biển. Nhiệt kế chỉ âm ba độ. Thời tiết có vẻ như đang mùa xuân, đằng sau là biển băng mà chúng tôi đã bỏ lại, giờ chỉ còn là một vệt sáng mờ mờ phía đường chân trời phương bắc.

- Chúng ta đã đến nam cực chưa? - Tôi hồi hộp hỏi thuyền trưởng Nê-mô.

- Tôi không biết - Ông ta đáp - Đến trưa chúng ta sẽ đo toạ độ.

- Nhưng liệu mặt trời có chiếu trong lớp sương mù dày đặc này không? - Tôi hỏi, mắt ngước lên nhìn bầu trời xám xịt.

- Chỉ cần ló ra một chút là đủ - Thuyền trưởng Nê-mô đáp.

Đi thêm khoảng mười hải lý nữa, chúng tôi thấy một hòn đảo lẻ loi cao khoảng một trăm bốn mươi mét. Chúng tôi từ từ tiến vào đảo, rất thận trọng vì có thể quanh đảo có nhiều mỏm đá ngầm. Một tiếng sau, chúng tôi đến sát đảo, hai tiếng sau, chúng tôi đã đi một vòng quanh đảo.

Tôi ước lượng chu vi đảo khoảng bốn, năm hải lý. Một eo biển hẹp ngăn cách biển với đất liền, có thể là một lục địa vì chúng tôi không nhìn thấy giới hạn của nó. Con tàu Nau-ti-lux sợ bị mắc cạn nên dừng lại cách bờ khoảng hơn năm trăm mét. Thuyền được hạ xuống, thuyền trưởng Nê-mô và hai thuỷ thủ của tàu mang các dụng cụ đo đạc xuống thuyền, tôi và Công-xây cũng nhảy xuống. Lúc đó là mười giờ sáng. Tôi không nhìn thấy Nét-len đâu, có lẽ anh ta nhất định không chịu thừa nhận sự hiện diện của nam cực. Chỉ mấy mái chèo là chúng tôi đã đến bờ đảo, Công-xây định nhảy lên bờ nhưng tôi ngăn lại.

- Thưa thuyền trưởng - Tôi nói với thuyền trưởng Nê-mô - Ngài có vinh dự là người đầu tiên đặt chân lên đảo.

- Vâng, thưa ngài - Thuyền trưởng Nê-mô nói - Tôi không ngần ngại đến nam cực này cũng vì một lý do là vùng đất này chưa từng có dấu chân con người.

Nói xong, ông ta nhẹ nhàng nhảy lên bờ. Tôi thấy ông ta rất xúc động. Thuyền trưởng Nê-mô trèo lên một vách đá dựng đứng nhô ra phía ngoài, đến đó ông ta dừng lại, khoanh hai tay đứng im bất động, mắt mở to nhìn chằm chằm về phía trước như thể đang tiếp nhận quyền sở hữu đối với vùng đất đai này. Sau năm phút đứng như vậy, ông ta quay lại chỗ chúng tôi.

- Mời ngài lên, thưa giáo sư.

Tôi nhảy lên bờ, Công-xây đi theo, hai thuỷ thủ ở lại trên thuyền. Đi suốt một lúc lâu, đất có màu đỏ như gạch, giống như muội than, gạch vỡ, dung nham và đá vụn. Chắc chắn trước đây vùng đất này là một núi lửa. Đôi chỗ có một làn khói sặc mùi lưu huỳnh bốc lên, chứng tỏ hoạt động bên trong lòng núi lửa vẫn chưa kết thúc. Tuy nhiên, khi đi lên đỉnh cao nhìn xuống, tôi chẳng thấy một ngọn

núi lửa nào trong vòng bán kính một hải lý. Đời sống thực vật trên hòn đảo này rất hạn chế. Chỉ có một số loài địa y và cây bụi nằm rải rác dưới những phiến đá, bờ biển đầy nhuyễn thể, dưới biển có một số loài san hô, trên mặt biển có những con chim nhỏ đang đùa giỡn cùng sóng biển. Thỉnh thoảng có mấy con chim bói cá to lớn săn mồi. Nhưng cuộc sống trên trời mới thật phong phú. Hàng ngàn con chim đủ loại vừa bay lượn vừa kêu ríu rít, nhiều con đậu trên những mỏm đá giương mắt lơ láo nhìn chúng tôi chẳng có vẻ gì sợ hãi, còn dạn dĩ bay đến chỗ chúng tôi đứng. Có những con chim cánh cụt, ở trong nước chúng thật nhanh nhẹn đuổi bắt cá ngừ, nhưng lên cạn thì lại vụng về. Chúng thường tụ tập thành từng đàn lớn, lạch bạch chạy ra chạy vào kêu la ầm ĩ. Tôi nhận ra một số loài chim quý, Công-xây bắt mấy con làm thịt, mấy con để lấy mỡ thắp sáng.

Vào sâu trong đảo khoảng nửa hải lý, tôi thấy trên mặt đất đầy tổ chim bồ câu áo dài, một loại tổ trên mặt đất mà nhiều loài chim thường làm. Thuyền trưởng Nê-mô liền bắt hàng trăm con, chúng kêu những tiếng be be như tiếng lừa. Những con chim to bằng con ngỗng, lưng màu xám đen, bụng trắng, có đường viền vàng quanh cổ, chúng chẳng biết chạy trốn nên trúng đá là ngã lăn quay ra đất. Nhưng mãi mà sương mù không tan, đến tận mười một giờ trưa mà vẫn chưa thấy bóng dáng mặt trời. Điều này làm tôi thấy hơi sốt ruột, nếu mặt trời không lên thì làm sao chúng tôi quan sát được, làm sao chúng tôi biết đã đến được nam cực hay chưa. Khi tôi đến chỗ thuyền trưởng Nê-mô, ông ta đang đứng dựa vào một tảng đá, đưa mắt im lặng nhìn lên trời. Ông ta có vẻ rất sốt ruột và lo lắng. Nhưng trong điều kiện như thế này, chúng tôi có thể làm được gì? Con người quả cảm và cương nghị này không có đủ quyền lực điều khiển mặt trời như ông ta đã điều khiển đại dương.

Đến giữa trưa mà mặt trời vẫn không hề ló rạng lấy một chút. Chúng tôi cũng không thể đoán được vị trí của mặt trời phía sau làn sương mù dày đặc, cuối cùng, sương mù chuyển thành bão tuyết.

- Đợi đến mai vậy - Thuyền trưởng Nê-mô nói và chúng tôi trở về con tàu Nau-ti-lux trong lòng đầy lo lắng.

Bão tuyết còn kéo dài đến tận sáng hôm sau. Chúng tôi không thể đứng trên boong tàu. Từ trong phòng khách, nơi tôi đang mải mê ghi chép những sự kiện trong cuộc hành trình đến nam cực này, tôi có thể nghe thấy tiếng chim báo bão vừa bay, vừa kêu loạn xị trong bão tuyết. Con tàu Nau-ti-lux không đứng yên một chỗ mà chạy dọc theo bờ biển, tiến thêm được mười hải lý nữa về phía nam. Hôm sau, ngày 20 tháng Ba, tuyết không còn rơi nữa, trời lạnh hơn một chút, nhiệt kế chỉ ở mức âm hai độ. Trời vẫn dày sương mù, nhưng tôi hi vọng đến trưa sẽ có thể quan sát được vị trí của mặt trời. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn chưa xuất hiện, tôi và Công-xây chèo thuyền lên đảo. Mặt đất vẫn có nguồn gốc núi lửa như hôm trước, xung quanh vẫn toàn xỉ than, dung nham và đất ba zan, nhưng tôi nhìn mãi vẫn không thấy miệng núi đâu. Ở đây cũng như chỗ hôm trước, không gian sống động hơn nhờ có hàng ngàn loài chim hót ríu rít, chỉ khác ở chỗ từng đàn lớn động vật có vú sống ở biển giương những cặp mắt hiền lành nhìn chúng tôi. Có nhiều loại hải cẩu sống trên đảo, con thì lười biếng nằm dài trên mặt đất, con thì nằm trên những tảng băng, nhiều con thì lặn ngụp trên mặt nước, thấy chúng tôi đến chúng chẳng hề hoảng sợ, chắc chắn vì chúng chưa hề gặp người bao giờ. Tôi ước tính số hải cẩu ở đây đủ cho hàng trăm tàu săn hải cẩu tha hồ hoạt động.

- Thưa giáo sư - Công-xây nói - ngài có thể cho biết tên

của những loài động vật này không ạ?

- Đó là những con hải cẩu và voi biển - Tôi đáp.

Đã tám giờ sáng, chỉ còn bốn tiếng nữa là đến giờ đo vị trí của mặt trời. Tôi hướng tới một cái vịnh rộng dưới một mỏm núi đá hoa cương. Ở đó, tôi có thể khẳng định rằng đất và băng đã hoàn toàn biến mất nhường chỗ cho hàng triệu con hải cẩu. Tôi bất giác nhớ đến thần Prô-tê, một nhân vật thần thoại, người trông coi súc vật cho Hải vương. Chỉ toàn là hải cẩu, chúng sống thành bầy, hải cẩu đực thì chăm sóc gia đình, hải cẩu cái thì cho con bú, có những chú hải cẩu con chập chững đi được mấy bước. Chúng di chuyển thân hình to lớn một cách rất vụng về bằng cách nhích từng chút những cái chân ngắn ngủn. Nhưng ngược lại, trong môi trường nước quen thuộc của chúng, chúng lại là những sinh vật thật linh hoạt nhờ có bộ da mượt và dày, nhờ những bàn chân có màng, chúng bơi rất giỏi. Khi bò lên bờ nghỉ ngơi, chúng có một tư thế rất duyên dáng. Chẳng thế mà người xưa khi chiêm ngưỡng những cử chỉ duyên dáng, cặp mắt gợi cảm, tư thế quyến rũ và thái độ nên thơ của chúng đã hình tượng hoá chúng thành nhân vật nửa người nửa cá thật hấp dẫn. Tôi lưu ý Công-xây về sự phát triển đáng chú ý của thuỳ não của loài động vật thú vị này. Không một loài động vật có vú nào, trừ con người có bộ não phát triển toàn diện như vậy, chúng có khả năng tiếp thu giáo dục rất cao, do vậy hải cẩu rất dễ thuần dưỡng, và tôi cũng như nhiều nhà tự nhiên học khác cho rằng nếu được dạy dỗ cẩn thận, hải cẩu rất có thể có ích trong việc phục vụ loài người như chó săn cá vậy. Phần lớn hải cẩu đang ngủ trên những người tảng đá hay trên bờ cát. Tôi để ý thấy trong đám hải cẩu các loại, phân biệt rõ ràng với các loài khác vì tai của chúng ẩn vào bên trong,

(các loài rái cá tai thường lồi ra-ngoài), thỉnh thoảng có lẫn vào một vài con voi biển, gần giống hải cẩu nhưng có vòi ngắn và linh hoạt. Những con voi biển này dài khoảng mười mét, cao sáu mét. Khi thấy chúng tôi xuất hiện, chúng cũng chẳng thèm nhúc nhích.

- Những con vật này không nguy hiểm phải không ạ? - Công-xây hỏi.

- Không, trừ phi ta tấn công chúng. Khi chúng phải bảo vệ những con nhỏ, chúng trở nên rất hung dữ, người ta thường thấy chúng phá tan những chiếc tàu đánh cá ra thành từng mảnh.

- Chúng có quyền làm như vậy - Công-xây nói.

- Thì tôi có nói chúng không có quyền đó đâu.

Đi vào sâu thêm khoảng hai hải lý nữa, chúng tôi dừng lại tại một mỏm đá chắn ngang đường, che khuất vịnh khỏi những ngọn gió nam. Từ bên kia mỏm đá vọng lại những tiếng gào rú ầm ĩ như thể có cả một bầy động vật thuộc loài nhai lại. Công-xây nói:

- Giống như một buổi hoà nhạc của những con bò.

- Không, không phải bò mà là hà mã.

- Chúng hình như đang đánh nhau thì phải.

- Chúng đang đánh nhau, hoặc là chúng đang chơi đùa.

Chúng tôi bắt đầu trèo lên đỉnh khối đá đen xì, trơn tuột khiến tôi cứ liên tục vấp ngã. Công-xây chẳng biết vì thận trọng hơn hay vì anh ta vững chân hơn nên không bị ngã, anh ta cứ phải đỡ tôi dậy và luôn miệng nói:

- Thưa giáo sư, nếu ngài bước dài chân hơn một chút nữa thì sẽ dễ giữ thăng bằng hơn đấy ạ.

Khi lên đến đỉnh núi, tôi nhìn thấy một đồng bằng bao la trắng toát trải ra trước mắt, trên đó là vô số hà mã.

Chúng đang mải mê đùa giỡn với nhau, những tiếng rống ầm ĩ mà chúng tôi nghe thấy là tiếng chúng biểu hiện sự thích thú chứ không phải là giận dữ.

Khi đi ngang qua những con vật hiền lành này, tôi thoải mái nghiên cứu chúng vì chúng chẳng hề nhúc nhích. Da của chúng rất dày và nhiều nếp gấp, màu hung hung đỏ, lông ngắn và không dày lắm. Có những con dài đến bốn mét. Hà mã ở đây điềm đạm và bạo dạn hơn đồng loại của chúng ở bắc cực nên chúng không cần có những trạm canh gác cho cả bầy ở vòng ngoài. Sau một hồi thoả sức ngắm nhìn bầy hà mã, tôi nghĩ đến chuyện phải quay về. Lúc đó là mười một giờ, và nếu thuyền trưởng Nê-mô cho rằng có thể xác định được toạ độ thì tôi cũng muốn có mặt ở đó. Nghĩ vậy, tôi men theo con đường hẹp chạy từ đỉnh núi xuống bờ biển, đến mười một rưỡi, chúng tôi về đến điểm xuất phát. Thuyền trưởng Nê-mô đã dùng thuyền lên đảo từ bao giờ. Tôi thấy ông ta đứng trên một tảng đá ba-zan, bên cạnh là những thiết bị đo đạc, đôi mắt ông ta đăm đăm hướng về phía đường chân trời, gần đó, mặt trời đang vẽ nên một đường vòng cung dài. Tôi đến bên cạnh thuyền trưởng Nê-mô, im lặng chờ đợi. Đúng giữa trưa, nhưng cũng như hôm trước, mặt trời không hề ló ra. Thật đáng tiếc! Thế là chúng tôi lại không thể xác định được toạ độ, nếu đến mai mà chúng tôi vẫn không thấy mặt trời thì đành phải bỏ hoàn toàn ý định này. Hôm nay đã là đúng ngày 20 tháng Ba, ngày mai 21 sẽ là ngày xuân phân, mặt trời sẽ biến mất sau đường chân trời trong suốt sáu tháng dòng, bắt đầu đêm nam cực dài đằng đẵng. Mặt trời đã ló rạng trên mảnh đất nam cực này từ ngày thu phân tháng chín đến ngày 21 tháng Ba. Đến thời điểm này điểm hạ chí trên phần nam bán cầu bắt đầu kết thúc, và ngày mai mặt trời sẽ chiếu những tia sáng cuối cùng trên vùng biển này. Tôi bày

tỏ những ý nghĩ lo ngại của mình với thuyền trưởng Nê-mô, ông ta đáp:

- Ngài nói đúng, thưa Giáo sư A-rô-nát, nếu ngày mai chúng ta không xác định được toạ độ của mặt trời thì phải sáu tháng nữa chúng ta mới có cơ hội làm lại. Nhưng chính xác là vì chúng ta rất tình cờ đến vùng biển này đúng vào ngày xuân phân nên nếu trưa mai mặt trời ló ra thì chúng ta sẽ xác định được độ cao hết sức dễ dàng.

- Tại sao lại như vậy, thưa thuyền trưởng?

- Bởi vì lúc đó quỹ đạo của một ngày vẽ nên một đường vòng cung kéo dài, rất khó xác định được chính xác vị trí của mặt trời so với đường chân trời, thiết bị thông thường có thể cho kết quả không đúng.

- Vậy ngài sẽ làm thế nào?

- Tôi sẽ chỉ sử dụng đồng hồ - Thuyền trưởng Nê-mô đáp - Nếu ngày mai, 21 tháng Ba, đĩa mặt trời bị cắt đôi bởi đường chân trời phía bắc thì có nghĩa là chúng ta đang có mặt tại nam cực.

- Đúng vậy - Tôi đáp - Nhưng phương pháp này không đúng về mặt toán học, bởi vì ngày xuân phân không nhất thiết phải bắt đầu từ giữa buổi trưa.

- Rất chính xác, thưa ngài - Nhưng sai số chỉ trong vòng một trăm mét, chúng ta chẳng cần gì hơn. Đợi đến này mai nhé!

Thuyền trưởng Nê-mô quay về tàu, Công-xây và tôi ở lại nghiên cứu bờ biển đến tận năm giờ rồi về tàu. Sau đó trước khi đi ngủ, tôi không quên cầu nguyện giống như người Ấn Độ rằng ngày mai mặt trời sẽ ló rạng. Hôm sau, 21 tháng Ba, lúc năm giờ sáng, tôi lên boong, thuyền trưởng Nê-mô đã đứng đó.

- Thời tiết có vẻ sáng sủa hơn một chút - Ông ta nói - Tôi rất hy vọng, ăn sáng xong chúng ta sẽ lên đảo chọn một chỗ để quan sát.

Kế hoạch là như vậy, tôi đi tìm Nét-len, tôi muốn anh ta đi cùng chúng tôi nhưng anh chàng cứng đầu này từ chối. Tôi nhận thấy sự cáu kỉnh, trầm uất của Nét-len ngày càng tăng lên. Nhưng rốt cục, trong tình huống này, tôi lại thấy anh ta không đi cùng chúng tôi lại là may mắn, vì trên bờ có rất nhiều hải cẩu, anh ta mà đi theo thì chúng tôi sẽ chẳng thể ngăn cản bản năng săn mồi của anh ta. Ăn sáng xong, chúng tôi lên đảo. Đêm qua, con tàu Nau-ti-lux đã đi thêm được một đoạn khá xa, giờ đây chúng tôi đang cách bờ khoảng một dặm, phía xa là dãy núi đá cao khoảng năm trăm mét. Trên thuyền có tôi, thuyền trưởng Nê-mô và hai thuỷ thủ cùng các thiết bị đo gồm một đồng hồ chính xác, một kính viễn vọng và một phong vũ biểu. Trên đường đi, tôi nhìn thấy rất nhiều cá voi thuộc vào ba loài chỉ có ở các vùng biển phía Nam: loài cá voi không có vây lưng, loài cá voi lưng gù và loài có vây đuôi. Từ xa chúng tôi đã nhận ra chúng nhờ có những cột nước lớn phun ra phì phì ầm ĩ. Chúng đang đùa giỡn với nhau một cách yên bình, đây quả là một nơi trú ẩn tuyệt vời, tránh xa khỏi sự nhòm ngó của các tàu đánh cá. Trong khi dõi theo những chiếc vây lưng trắng của cá voi, tôi nhận ra mấy loài nhuyễn thể và những con sứa khổng lồ đang bồng bềnh trôi trên những dải san hô.

Đến chín giờ, chúng tôi cập bờ. Trời đã sáng rõ, từng đám mây trôi về phương nam, màn sương mù như đã rời bỏ mặt biển lạnh giá. Thuyền trưởng Nê-mô đi thẳng đến một mỏm đá, nơi ông ta chọn làm vị trí quan sát. Đây cũng là một vùng núi chỉ có nham thạch và muội than cùng đá

cuội, trong không khí cũng phảng phất có mùi lưu huỳnh, khói bốc ra từ những kẽ núi. Tuy là người đã mất thói quen đi trên bộ, nhưng thuyền trưởng Nê-mô vẫn rất nhanh nhẹn leo lên các mỏm đá dốc đứng, khéo léo đến nỗi các nhà leo núi cũng phải ghanh tị. Mất hai tiếng đồng hồ, chúng tôi lên được đỉnh núi, nửa là đá ba-zan, nửa là đá póc-phia. Từ trên đỉnh núi, chúng tôi thấy cả một vùng biển rộng lớn, kéo dài tới tít tận chân trời phía bắc. Phía dưới chân chúng tôi là một màu trắng xoá, trên đầu là bầu trời trong vắt không một gợn mây. Mặt trời như một quả cầu lửa bị chân trời phương bắc cắt làm đôi. Từ dưới mặt nước loé lên những tia sáng mang màu sắc cầu vồng. Trông xa, con tàu Nau-ti-lux như một con cá voi đang say ngủ trên mặt nước. Phía sau chúng tôi, về hướng nam và hướng đông là một dải màu trắng xoá gồm những đống băng đá không nhìn thấy giới hạn. Khi lên tới đỉnh, thuyền trưởng Nê-mô cẩn thận sử dụng những thiết bị của mình để đo độ cao của mặt trời so với mặt biển, nhờ đó ông ta mới có kết quả quan sát chính xác. Mười hai giờ kém mười lăm, mặt trời như một chiếc đĩa vàng rọi những ánh sáng cuối cùng trên mảnh đất lục địa hoang vắng, lên vùng biển chưa hề có dấu chân con người. Thuyền trưởng Nê-mô tay cầm kính viễn vọng chăm chú quan sát mặt trời đang lặn dần xuống dưới đường chân trời, vẽ thành một đường chéo kéo dài. Tôi cầm đồng hồ lên. Tim tôi đập mạnh, nếu đường chân trời che khuất một nửa đĩa mặt trời đúng vào lúc mười hai giờ trưa thì chúng tôi đang ở giữa nam cực.

- Mười hai giờ! - Tôi thốt lên.

- Nam cực! - Thuyền trưởng Nê-mô nói bằng một giọng từ tốn rồi đưa chiếc kính viễn vọng cho tôi. Tôi đưa lên nhìn, mặt trời đang bị đường chân trời cắt làm hai phần

chính xác bằng nhau.

Tôi đưa mắt nhìn những tia sáng cuối cùng đang ở trên đỉnh núi, bóng núi đổ xuống lan rộng dần. Đúng lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô đặt tay lên vai tôi và nói:

- Tôi, thuyền trưởng Nê-mô, hôm nay ngày 21 tháng Ba năm 1868, đã đặt chân lên mảnh đất nam cực ở 90 độ vĩ, tôi tuyên bố chủ quyền về phần lãnh thổ tương đương với một phần sáu diện tích của tất cả các lục địa đã được biết đến này.

- Nhân danh ai, thưa thuyền trưởng?

- Nhân danh cá nhân tôi, thưa ngài!

Nói xong, thuyền trưởng Nê-mô rút ra một lá cờ màu đen, ở giữa có thêu một chữ "N" màu vàng. Thuyền trưởng Nê-mô quay về phía mặt trời lúc đó đang rọi những tia sáng cuối cùng xuống mặt biển bao la, rồi ông ta nói:

- Vĩnh biệt mặt trời! Ngươi hãy biến đi, hãy mang ánh sáng của ngươi đi đi, hãy ra khỏi giới hạn của vùng biển này, hãy để đêm dài nam cực phủ bóng đêm sáu tháng ròng trên vùng đất mới của ta!

CHƯƠNG XV

TAI NẠN RỦI RO HAY MỘT TÌNH HUỐNG BẤT NGỜ?

Ngày hôm sau, 22 tháng Ba, lúc sáu giờ sáng, con tàu Nau-ti-lux chuẩn bị lên đường. Ánh sáng mờ ảo đã hoàn toàn tan vào bóng đêm. Ngoài trời ngày càng lạnh thêm, trên trời đầy sao lấp lánh. Nhiệt kế chỉ âm mười hai độ, mỗi khi gió thổi như có hàng vạn chiếc kim đâm vào da thịt. Trên mặt biển ngày càng có nhiều băng trôi hơn, mặt biển như sắp sửa đóng băng thành một khối. Thỉnh thoảng có những khối đen đen như những miếng vá trên mặt biển báo hiệu sự hình thành những tảng băng mới. Một sự thật hiển nhiên là không con tàu nào có thể đi lại trên mặt biển nam cực đóng băng suốt sáu tháng mùa đông. Vậy những con cá voi lúc đó sẽ sống như thế nào? Chắc chắn chúng sẽ phải lui xuống phía dưới những tảng băng, tìm kiếm vùng biển có nhiệt độ thích hợp hơn. Còn những con hải cẩu và hà mã đã quen với thời tiết khắc nghiệt thì có thể trụ lại trên những cánh đồng băng. Những sinh vật này có bản năng đục thủng lỗ trên băng để chui lên trên thở. Khi những chú chim không chịu được cái lạnh phương nam phải di cư sang miền bắc tránh rét, thì hải cẩu và hà mã là những chủ nhân duy nhất của cả vùng lục địa rộng lớn.

Con tàu Nau-ti-lux bơm đầy nước vào bể chứa rồi từ từ lặn xuống. Đến độ sâu khoảng hơn ba trăm mét, nó dừng lại, chân vịt quay nhanh hướng về phía bắc với vận tốc

mười lăm dặm một giờ. Từ lúc đó đến đêm, nó cứ trôi đi giữa những tảng băng khổng lồ. Ba giờ sáng, một cơn chấn động mạnh làm tôi tỉnh giấc. Tôi ngồi bật dậy và nghe ngóng thì bỗng bị bắn ra giữa phòng, con tàu Nau-ti-lux sau khi đâm vào vật gì đó đã bị dội nảy lại rất mạnh. Tôi dò dẫm dọc hành lang đến phòng khách, trần nhà vẫn sáng lờ mờ. Tất cả đồ đạc đều bị lật đổ, rất may là các tủ kính được vít chặt xuống sàn nên vẫn đứng vững. Những bức tranh treo ở phía bên phải trên tường không còn thẳng đứng mà bị xô nghiêng, còn những bức tranh treo ở phía bên trái thì lủng lẳng, nghiêng ra cách tường cả mấy chục phân. Con tàu Nau-ti-lux bị nghiêng về phía bên phải và cứ đứng yên như vậy. Tôi nghe có tiếng bước chân, tiếng người nói lao xao, nhưng thuyền trưởng Nê-mô thì vẫn không xuất hiện. Khi tôi rời khỏi phòng khách, Nét-len và Công-xây đang đi tới.

- Chuyện gì vậy? - Tôi lập tức hỏi họ.

- Chúng tôi đang định đến để hỏi ngài đây ạ- Công-xây đáp.

- Quỷ tha ma bắt! - Nét-len chửi đổng - Tôi biết chuyện gì rồi, con tàu Nau-ti-lux đâm vào cái gì đó và bây giờ bị lẹt cứng như vậy. Tình hình này, tôi nghĩ nó không dễ dàng thoát ra được như hồi ở eo biển Tô-rê đâu.

- Nhưng, dù sao thì nó cũng đã nổi lên mặt nước được chứ? - Tôi hỏi.

- Chúng ta không biết gì ca - Công-xây nói.

- Biết điều đó không khó - Tôi nói và đi về phía những máy đo. Tôi cực kỳ sửng sốt khi thấy con tàu đang ở độ sâu gần bốn trăm mét.

- Điều này có nghĩa là sao? - Tôi thốt lên.

- Chúng ta phải hỏi thuyền trưởng Nê-mô xem sao -

Công-xây nói.

- Nhưng hiện giờ thuyền trưởng Nê-mô đang ở đâu? - Nét-len hỏi.

- Đi theo tôi! - Tôi nói với các bạn của mình.

Chúng tôi ra khỏi phòng khách. Không có ai trong thư viện. Phòng ngủ của các thuỷ thủ trên tàu phía cầu thang trung tâm cũng trống trơn. Tôi đoán chắc thuyền trưởng Nê-mô đang ở phòng lái tàu. Tốt nhất là cứ phải chờ đợi. Tất cả chúng tôi lại quay lại phòng khách. Hai mươi phút trôi qua, chúng tôi căng tai lắng nghe những tiếng động nhỏ nhất trên tàu thì thuyền trưởng Nê-mô bước vào. Ông ta như không nhìn thấy chúng tôi, khuôn mặt vốn đã lạnh lùng giờ đây không giấu được sự lo lắng. Ông ta đến chỗ những máy móc và nghiên cứu thật lâu, lúc đầu là cái la bàn, sau đó là đồng hồ, rồi đến bình đồ địa cầu, ông ta lấy ngón tay chỉ vào một điểm trên bản đồ, điểm Nam Băng Dương. Tôi không dám làm phiền thuyền trưởng Nê-mô, nhưng chỉ mấy phút sau, ông ta quay lại phía tôi, tôi hỏi với giọng giống như ông ta đã nói khi ở eo biển To-rê:

- Một tình huống bất ngờ ư, thưa thuyền trưởng?

- Không, lần này là một tai nạn rủi ro.

- Có nghiêm trọng lắm không?

- Có lẽ là nghiêm trọng.

- Nguy hiểm có xảy ra lập tức không?

- Không.

- Con tàu Nau-ti-lux bị mắc cạn ạ?

- Phải.

- Làm thế nào mà bị mắc cạn?

- Lỗi không phải tại thuỷ thủ lơ là, mà là vì một trở ngại của thiên nhiên. Chúng ta không phạm phải một sai lầm

nào trong việc điều khiển tàu, nhưng chúng ta không thể chống lại được quy luật cân bằng. Chúng ta có thể chống lại được những luật lệ của con người nhưng không thể cưỡng lại được quy luật của thiên nhiên.

Thuyền trưởng Nê-mô đã chọn một thời điểm thật lạ để triết lý. Nhưng dù sao, câu trả lời của ông ta cũng chẳng giúp tôi hiểu vấn đề được mấy.

- Xin thuyền trưởng cho biết nguyên nhân của tai nạn này.

- Một khối băng lớn như trái núi bị lật úp - Ông ta đáp - Khi phía dưới chân một tảng băng có dòng nước ấm hơn bao quanh hoặc bị va chạm nhiều thì trọng tâm của nó sẽ chuyển lên trên, làm cho cả khối băng lật úp xuống. Nguyên nhân là như vậy, một tảng băng bị lật úp đã va vào con tàu Nau-ti-lux, sau đó trượt trên vỏ tàu và nhấc bổng tàu lên lớp nước cao hơn, con tàu thì nằm yên bất động trên khối băng đó.

- Tại sao ta không giải phóng tàu bằng cách bơm hết nước ra khỏi bể chứa, nhờ đó tàu sẽ lấy lại được thăng bằng?

- Thì tôi cũng đang làm như vậy, ngài có thể nghe thấy tiếng máy bơm chạy. Hãy nhìn kim đồng hồ thì thấy con tàu Nau-ti-lux đang nổi lên, nhưng tảng băng cũng nổi lên theo. Nếu không có cách nào cản lại sự di chuyển của tảng băng thì chúng ta chẳng thay đổi được gì cả.

Thực tế thì con tàu Nau-ti-lux vẫn đang nghiêng về bên phải. Tất nhiên, nếu tảng băng không nổi lên trên nữa thì con tàu sẽ lấy lại được vị trí bình thường. Nhưng trong trường hợp này, ai có thể dám chắc rằng khi nổi lên nó sẽ lại va vào một tảng băng phía trên, và bị nghiền nát giữa hai tảng băng lớn. Tôi suy nghĩ về mọi khả năng có thể xảy ra trong tình huống này. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn không

rời mắt khỏi chiếc đồng hồ. Từ lúc bị tảng băng lật va vào, con tàu Nau-ti-lux đã nổi lên khoảng năm mươi mét nhưng vẫn nghiêng như vậy. Bỗng nhiên, thân tàu hơi rung nhẹ, tàu bớt nghiêng đi một chút, nhưng đồ đạc dần dần trở về vị trí bình thường. Những tấm vách ngăn đã gần như đứng thẳng. Không ai nói một lời, tất cả im lặng hồi hộp theo dõi quá trình lấy lại cân bằng của tàu. Mười phút trôi qua, cuối cùng tất cả đã lấy lại vị trí thẳng đứng.

- Cuối cùn g thì chúng ta cũng lấy lại được thăng bằng rồi - Tôi reo lên.

- Đúng vậy! - Thuyền trưởng Nê-mô nói và đi ra phía cửa phòng.

- Nhưng chúng ta vẫn đang nổi lên đấy chứ? - Tôi hỏi.

- Tất nhiên rồi - Ông ta đáp - Vì bể chứa vẫn còn nước, khi bơm hết nước ra thì tàu sẽ nổi lên mặt nước.

Chúng tôi đang ở vùng nước chưa đóng băng, nhưng chỉ cách tàu khoảng mười mét, về cả mọi phía, lờ mờ hiện lên hình dáng những bức tường bằng đá, ở cả phía trên và phía dưới đều có băng. Phía trên là phần băng đóng trên mặt biển tạo thành một bức trần bằng băng, phía dưới là tảng băng bị lật úp đang dần dần nổi lên, con tàu Nau-ti-lux đang nằm trên tảng băng. Nó đang bị giam cầm trong một đường hầm làm bằng băng rộng khoảng bốn mươi mét, chứa đầy nước lặng sóng. Có thể thoát ra ngoài bằng cách chạy tới hoặc chạy lùi, rồi lặn xuống dưới tảng băng khoảng vài trăm mét. Đèn trần trong phòng khách đã tắt đi, nhưng vẫn còn ánh sáng loang loáng do đèn pha tàu phản chiếu ánh sáng của những tảng băng. Tôi không thể miêu tả được hết vẻ lung linh sáng loá của ánh đèn điện khi dội vào băng, chúng tạo thành muôn hình vạn vẻ toả ra muôn màu sắc lung linh huyền ảo giống như trong một mỏ đá quý.

Cường độ ánh sáng của đèn pha được nhân lên gấp hàng trăm lần, giống như một ngọn đèn chiếu qua những tấm kính trong suốt.

- Thật đẹp tuyệt vời, đẹp tuyệt vời! - Công-xây thốt lên.

- Đúng vậy - Tôi nói - Thật là một cảnh đẹp vô cùng, phải không Nét?

- Đúng, chết tiệt, đúng là vậy - Nét-len đáp - Quả là siêu nhiên, tôi thật là điên mới thừa nhận như vậy. Chưa ai từng được chứng kiến cảnh đẹp như thế này bao giờ, nhưng nó có thể khiến chúng ta phải trả giá rất đắt đấy. Tôi nghĩ rằng chúng ta đang được chiêm ngưỡng một cảnh mà Chúa không bao giờ có ý định cho con người chiêm ngưỡng.

Nét-len nói đúng, cảnh vật quá đẹp, nhưng bất chợt Công-xây hét to lên khiến tôi quay người lại:

- Chuyện gì thế? - Tôi hỏi.

- Nhắm mắt vào, thưa ngài! Đừng nhìn - Vừa nói, Công-xây vừa lấy tay che mắt lại.

- Nhưng có chuyện gì vậy, anh bạn thân mến?

- Tôi bị loá mắt, tôi bị mù rồi!

Tôi bất giác đưa mắt về phía ô cửa kính, nhưng ngay lập tức không thể chịu nổi ánh sáng quá chói lọi ở đó. Tôi đã hiểu mọi chuyện. Con tàu Nau-ti-lux đang phóng hết tốc độ. Ánh sáng lung linh huyền ảo lúc trước giờ đã biến thành ánh sáng chói loà như ánh chớp, như ánh sáng phát ra từ một núi kim cương. Chúng tôi phải mất một lúc mới trấn tĩnh lại được, rồi chúng tôi bỏ tay xuống.

- Chúa ơi, tôi không thể nào tin đó là sự thật. Công-xây nói.

Lúc đó là năm giờ sáng, đúng vào thời điểm đó, con tàu

Nau-ti-lux lại rung mạnh, hình như nó lại đâm vào một tảng băng khác. Đó là một sai sót rất dễ gặp phải khi đi trong một đường hầm hẹp đầy băng trôi như thế này. Tôi nghĩ rằng thuyền trưởng Nê-mô trong trường hợp này phải rất khéo léo lái tàu vừa tránh những chướng ngại vật trên đường, vừa phải không để đụng vào những chỗ khúc khuỷu gập ghềnh trên đường đi. Dù thế nào đi nữa thì con đường hầm trước mắt chúng tôi không thể hoàn toàn bị đóng kín được. Nhưng ngược lại với những suy nghĩ của tôi, con tàu Nau-ti-lux bắt đầu đi lùi lại.

- Chúng ta bắt đầu đi lùi lại à? - Công-xây hỏi.

- Đúng - Tôi đáp - Vì đầu kia của đường hầm không có lối ra.

- Thế sau đó thì sao?

- Có gì đâu, chúng ta phải đi ngược lại và ra đầu phía nam. Thế thôi.

Khi nói những lời như vậy, tôi phải cố tỏ ra thật tự tin dù trong lòng vẫn hơi bối rối. Trong lúc đó, con tàu Nau-ti-lux vẫn đang chạy lùi với tốc độ chóng mặt.

- Thế là gặp trở ngại rồi - Nét-len nói.

- Đáng gì đâu, chỉ sớm muộn vài tiếng đồng hồ thôi mà, miễn là thoát ra khỏi đường hầm này là được.

- Vâng - Nét-len nhại lại tôi - Miễn là chúng ta thoát ra khỏi đường hầm này là được.

Tôi cứ đi đi lại lại từ phòng khách sang thư viện. Hai người bạn của tôi thì im lặng không nói gì. Rồi tôi thả người xuống chiếc ghế đệm, rút một quyển sách ra đọc. Những dòng chữ cứ nhảy múa trước mắt tôi. Mười lăm phút sau, Công-xây đi lại phía tôi và hỏi:

- Cuốn sách mà ngài đang đọc có hay lắm không ạ, thưa

giáo sư?

- Rất hay! - Tôi đáp.

- Tôi cũng nghĩ vậy, thưa ngài. Ngài đang đọc cuốn sách của chính mình.

- Cuốn sách của tôi ư?

Quả thật, tôi đang cầm trong tay cuốn "Những bí ẩn của biển sâu" của mình. Tôi thật không ngờ tới điều đó. Tôi gấp sách lại và tiếp tục đi đi lại lại. Nét-len và Công-xây cũng đứng dậy, chuẩn bị đi.

- Hãy ở lại đây, các bạn của tôi - Tôi giữ họ lại-Hãy ở bên nhau cho tới khi tất cả chúng ta thoát ra khỏi đường hầm.

- Nếu như giáo sư muốn vậy - Công-xây nói.

Vài tiếng đồng hồ trôi qua. Tôi liên tục liếc nhìn đồng hồ treo trên tường. Đồng hồ chỉ độ sâu báo con tàu Nau-ti-lux vẫn giữ độ sâu khoảng ba trăm mét, la bàn vẫn chỉ hướng nam, đồng hồ tốc độ chỉ hai mươi dặm một giờ, đó là một vận tốc quá lớn trong khoảng không gian chật chội như thế này. Nhưng thuyền trưởng Nê-mô biết rõ rằng vội vã không phải là thừa, rằng một phút lúc này đối với chúng tôi có ý nghĩa bằng cả một năm. Đến tám giờ hai mươi lăm, tàu lại va vào băng một lần nữa, lần này là ở phía đuôi tàu. Tôi tái mặt. Hai người bạn của tôi vẫn đứng bên cạnh. Tôi nắm lấy tay Công-xây. Chúng tôi không nói gì chỉ đưa mắt nhìn nhau nhưng ánh mắt nói lên bao điều. Đúng lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô bước vào. Tôi đi đến chỗ ông ta.

- Đường phía nam cũng bị tắc ạ? - Tôi hỏi.

- Vâng, thưa ngài. Tảng băng nổi lên, chặn đứng mọi lối ra.

- Vậy là chúng ta đã bị khoá chặt?

- Đúng vậy.

CHƯƠNG XVI

THIẾU KHÔNG KHÍ

Như vậy là con tàu Nau-ti-lux đã bị băng vây kín mọi ngả, cả trên và cả dưới. Chúng tôi đã trở thành tù nhân của băng giá. Tôi đưa mắt nhìn thuyền trưởng Nê-mô, ông ta đã lấy lại được vẻ bình thản như mọi khi.

- Thưa các ngài - Ông ta bình tĩnh nói - Trong trường hợp này chúng ta có hai cách chết - Giọng ông ta giống như một giáo sư toán học đang giảng bài cho những sinh viên của mình - Cách thứ nhất là bị đè nát, còn cách thứ hai là chết vì thiếu không khí. Tôi không nói đến khả năng chết đói vì nguồn dự trữ thực phẩm trên tàu chắc chắn sẽ tồn tại lâu hơn chúng ta. Vậy, chúng ta hãy lựa chọn một cách.

- Về khả năng chết ngạt, thưa thuyền trưởng - Tôi nói - Tôi thấy không đáng sợ vì bể chứa của chúng ta vẫn còn đầy.

- Đúng vậy, nhưng chỉ đủ dùng trong hai ngày. Chúng ta đã ở trên tàu ba mươi sáu tiếng, đã đến lúc con tàu Nau-ti-lux phải được thay đổi không khí. Trong vòng bốn mươi tám tiếng nữa thôi, không khí dự trữ sẽ cạn.

- Nếu vậy thì chúng ta phải thoát được ra ngoài trước bốn mươi tám tiếng nữa.

- Chúng ta sẽ cố gắng, ít nhất là bằng cách phá vỡ bức tường xung quanh.

- Về phía nào?

- Chúng ta sẽ phải thăm dò. Tôi sẽ cho con tàu Nau-ti-lux hạ xuống dưới, các thuỷ thủ sẽ phá vỡ chỗ tường mỏng nhất.

Thuyền trưởng Nê-mô ra ngoài, lúc sau, tôi nghe thấy tiếng nước chảy vào bể chứa. Con tàu Nau-ti-lux từ từ lặn xuống, đỗ lại trên mặt băng ở độ sâu ba trăm năm mươi mét.

- Các bạn - Tôi nói - Tình hình rất nghiêm trọng, nhưng tôi tin vào lòng dũng cảm và nghị lực của các bạn.

- Thưa ngài - Nét-len đáp - Tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì để tất cả cùng thoát nạn.

- Tốt lắm, Nét! - Tôi nắm chặt tay Nét-len.

- Tôi xin nói thêm rằng - Anh ta tiếp tục - Tôi sử dụng được cả cuốc chim lẫn lao nhọn, nếu tôi có thể giúp thuyền trưởng Nê-mô được việc gì thì cứ gọi cho tôi.

- Thuyền trưởng Nê-mô sẽ không từ chối sự giúp đỡ của anh đâu, anh Nét".

Tôi đưa Nét-len đến chỗ phòng mà các thuỷ thủ của con tàu Nau-ti-lux đang mặc quần áo lặn. Tôi nói với thuyền trưởng Nê-mô đề nghị của Nét-len, ông ta chấp nhận. Nét-len mặc đồ lặn vào, sẵn sàng ra ngoài làm việc như những người xung quanh. Trong lúc Nét-len mặc quần áo, tôi đi về phòng khách, ô cửa kính mở rộng. Tôi và Công-xây đến bên cửa sổ nghiên cứu những tảng băng mà con tàu Nau-ti-lux đang đỗ lại. Mấy phút sau, tôi thấy hơn mười thuỷ thủ bước ra, trong đó tôi dễ dàng nhận ra bóng dáng Nét-len. Thuyền trưởng Nê-mô cũng đi cùng với họ. Trước khi đào, ông ta gõ cuốc chim để thăm dò, nhằm đảm bảo sẽ đào đúng hướng. Những mũi khoan dài xoáy vào bức tường băng, nhưng đến khi khoan được khoảng mười lăm mét thì lại đụng phải một bức tường băng dày và bị chặn lại. Không thể phá vỡ được bức tường băng này vì tảng băng đo được

phải dày đến hơn bốn trăm mét. Thuyền trưởng Nê-mô cho thăm dò lớp băng phía dưới. Chỉ có mười mét băng ngăn cách chúng tôi với lớp nước bên dưới. Công việc bây giờ là phải khoét một lỗ có độ lớn bằng với kích thước con tàu Nau-ti-lux, có nghĩa là chúng tôi phải đào lấy ra khoảng sáu ngàn mét khối băng thì con tàu Nau-ti-lux mới có thể lọt xuống dưới. Các thuỷ thủ bắt đầu công việc ngay lập tức với tinh thần hăng hái, không biết mệt mỏi. Thay vì đào một đường vòng quanh thân tàu có thể gặp rất nhiều khó khăn, thuyền trưởng Nê-mô ra lệnh khoan một rãnh thật rộng cách mạn trái tàu khoảng tám mét. Sau đó, các thuỷ thủ thay nhau làm việc theo từng nhóm tại các điểm khác nhau trên chu vi vạch sẵn. Giờ chỉ thấy tiếng cuốc chim nện chan chát xuống mặt băng cứng nhắc, rồi từng mảng băng to lớn được lấy ra khỏi tảng băng. Theo định luật trọng lượng riêng, những tảng băng này nhẹ hơn tỷ trọng nước nên cứ trôi bồng bềnh chạm tới và đọng lại ở bức trần bằng băng bên trên, do đó, lớp nền dưới thì được bóc ra lại làm dày thêm bức trần bên trên. Nhưng điều đó chẳng phải là vấn đề nghiêm trọng, miễn là lớp nền phía dưới cứ mỏng đi là được. Sau hai tiếng làm việc liên tục, Nét-len có vẻ kiệt sức, anh ta và các bạn của mình được một toán thuỷ thủ khác thay thế, tôi và Công-xây cũng tham gia vào toán thuỷ thủ này. Lần này viên thuyền phó chỉ huy chúng tôi. Lúc đầu, nước lạnh buốt nhưng đào một lúc tôi thấy người nóng bừng lên. Tôi cử động rất thoải mái mặc dù đang làm việc trong môi trường có áp suất là ba mươi át-mốt-phe. Sau khi làm việc được hai tiếng, tôi trở về tàu nghỉ ngơi và ăn uống, tôi nhận thấy sự khác biệt rất lớn giữa dưỡng khí trong bình và dưỡng khí trên con tàu Nau-ti-lux đã chứa đầy thán khí. Đã bốn mươi tám giờ không khí trên con tàu Nau-ti-lux chưa được thay đổi nên

chất lượng đã giảm đi nhiều. Vậy mà trong vòng mười hai giờ đồng hồ, chúng tôi mới bóc được một lớp băng dày một mét trên bề mặt của khối băng, tức là khoảng sáu trăm mét khối. Giả sử cứ mỗi ngày chúng tôi lại làm được khối lượng công việc như vậy thì phải mất bốn ngày năm đêm mới hoàn thành kế hoạch đề ra. Bốn ngày năm đêm, trong khi chúng tôi chỉ còn đủ không khí dùng trong hai ngày.

- Đấy là chưa kể đến việc - Nét-len nói - Sau khi thoát ra khỏi cái ngục tù đáng nguyền rủa này rồi, chúng ta lại sẽ bị mắc lại dưới tảng băng chứ chưa được tiếp xúc với không khí ngay đâu.

Chính xác! Ai có thể nói chắc được phải mất bao nhiêu thời gian nữa chúng tôi mới hoàn toàn được giải phóng? Chúng tôi có thể sẽ bị chết ngạt trước khi con tàu Nau-ti-lux nổi lên được trên mặt biển. Liệu con tàu có thể bị chôn vùi trong cái nấm mồ bằng băng này với tất cả những gì nó mang trong mình không? Tình hình này thật đáng sợ, tất cả mọi người đều đối mặt với nguy hiểm, và họ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ của mình cho đến giây phút cuối cùng.

Như tôi đã dự kiến, đêm hôm đó một lớp băng nữa lại được bóc đi, hố ngày càng rộng ra. Nhưng đến sáng hôm sau, khi mặc bộ đồ lặn vào và bước đi trong vùng nước lạnh có nhiệt độ khoảng âm sáu, bảy độ đó, tôi bỗng nhận thấy hai bức tường hai bên đang xích lại gần nhau. Những lớp nước cách xa chỗ các thuỷ thủ đang đào có xu hướng đông lại. Với sự hiện diện của mối đe doạ mới này, khả năng thoát nạn và sống sót của chúng tôi sẽ ra sao? Liệu nước đóng băng có nghiền nát con tàu Nau-ti-lux như nghiền nát một mảnh thuỷ tinh không?

Tôi không nói với các bạn mình về mối nguy cơ mới này. Làm như vậy chỉ khiến họ nhụt chí trong cuộc đấu tranh

giành lại sự sống này mà thôi. Nhưng khi trở về tàu, tôi nói với thuyền trưởng Nê-mô về mối lo lắng của mình.

- Tôi biết chuyện đó - Ông ta nói bằng một giọng bình thản như trong mọi tình huống dù là gay go nhất - Đó là một mối nguy hiểm khác, nhưng hiện giờ tôi chưa tìm được lối thoát khỏi tình trạng này. Chỉ có một lối thoát duy nhất là phải hành động nhanh hơn tốc độ đóng băng. Chúng ta phải thoát ra ngoài trước, vậy thôi.

Ngày hôm đó, tôi làm việc rất hăng say trong suốt mấy giờ liền. Công việc khiến tôi quên đi nỗi lo lắng. Hơn nữa, làm việc tức là được ra khỏi tàu, được thở không khí trong lành trực tiếp từ các bình dự trữ, tránh xa khỏi không khí ngột thở trên con tàu Nau-ti-lux. Đến tối, chúng tôi lại bóc được thêm một mét băng nữa. Khi tôi quay trở về tàu, suýt nữa thì tôi bị ngạt thở vì thán khí tràn ngập trong tàu. Giá mà chúng tôi có một hoá chất nào đó có thể hấp thụ được loại khí độc này thì hay biết mấy. Chúng tôi có rất nhiều oxy trong nước, chỉ cần chiết xuất được oxy trong nước thì con tàu Nau-ti-lux không sợ ngạt thở nữa. Tôi suy nghĩ rất nhiều về khả năng đó, nhưng trong tình trạng trong tàu đầy khí độc như hiện nay thì làm được gì? Để chiết xuất được oxy, cần phải có kali hydroxid, không thể thay thế bằng chất nào khác, mà chất này lại không có trên tàu. Tối hôm đó, thuyền trưởng Nê-mô buộc phải mở vòi các bình chứa tháo một ít không khí trong lành vào trong tàu. Nếu không làm như vậy, thì có lẽ chúng tôi đã chết ngạt hết cả rồi. Ngày hôm sau, 26 tháng Ba, tôi lại tiếp tục công việc đào mét băng thứ năm. Những bức tường ở tầng băng phía dưới dày lên thấy rõ. Rõ ràng là chúng sẽ đông cứng lại trước khi con tàu Nau-ti-lux giải thoát được ra khỏi khối băng. Trong một khoảnh khắc tự nhiên tôi thấy nản chí

quá, khiến chiếc cuốc chim suýt nữa thì rơi khỏi tay. Đào xới lúc này có nghĩa lý gì không khi mà sớm hay muộn gì thì tôi cũng sẽ bị chết ngạt, bị nước đang dần dần biến thành đá nghiền nát - một hình phạt mà đến cả những bộ tộc man rợ nhất trên trái đất cũng chưa thể nghĩ ra. Đúng lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô đến gần chỗ tôi đứng, tôi chạm vào tay ông ta và chỉ cho ông ta thấy những bức tường. Bức tường băng phía bên trái đã dày thêm ít nhất bốn mét về phía con tàu Nau-ti-lux. Thuyền trưởng Nê-mô hiểu ý tôi, ông ta ra hiệu cho tôi đi theo về tàu. Tôi về tàu và cởi bỏ bỏ bộ đồ lặn, theo thuyền trưởng Nê-mô đến phòng khách.

- Thưa Giáo sư A-rô-nát, chúng ta phải áp dụng một số biện pháp liều lĩnh thôi, nếu không thì chúng ta sẽ bị kẹt cứng trong đá như trong xi măng vậy.

- Đúng vậy, nhưng bằng cách nào?

- Giá mà con tàu Nau-ti-lux của tôi đủ mạnh để có thể chịu được áp lực này mà không bị nghiền nát!

- Thế thì sao ạ? - Tôi hỏi vì vẫn chưa hiểu ý thuyền trưởng Nê-mô.

- Ngài không hiểu sao? - Ông ta đáp - Khi đó hiện tượng nước đóng băng sẽ giúp chúng ta. Chẳng lẽ ngài không thấy rằng nước đóng băng sẽ phá vỡ đồng băng đang bao vây chúng ta thành từng mảnh nhỏ. Chẳng lẽ ngài lại không thấy rằng nó sẽ là phương tiện cứu sống chứ không phải tiêu diệt chúng ta?

- Vâng, có lẽ là như vậy, thưa thuyền trưởng. Nhưng dù cho vỏ tàu Nau-ti-lux có cứng đến đâu đi nữa thì nó cũng không thể chịu được áp lực lớn như vậy, và sẽ bị cán mỏng như một lá thép.

- Tôi biết vậy, thưa ngài. Do vậy, tôi không thể trông

chờ vào sự giúp đỡ của thiên nhiên trong trường hợp này, mà chỉ dựa vào sự nỗ lực của chính chúng ta. Chúng ta phải ngăn chặn quá trình đóng băng lại. Không chỉ những bức tường hai bên đang tiến sát lại gần nhau, mà cả phía trước và phía sau tàu cũng chỉ không còn đến ba mét nước. Như vậy có nghĩa là chúng ta đang bị bao vây từ bốn phía.

- Dưỡng khí trong các bể chứa còn đủ dùng trên tàu được bao lâu nữa?

Thuyền trưởng Nê-mô nhìn thẳng vào mắt tôi và nói:

- Sau ngày mai sẽ hết sạch.

Tôi rùng mình. Tuy nhiên, tôi có cần thiết phải tỏ ra ngạc nhiên trước câu trả lời đó không? Ngày 22 tháng Ba, con tàu Nau-ti-lux đã ở trên mặt biển, hôm nay là ngày 26, có nghĩa là chúng tôi đã ở trên tàu năm ngày đêm. Dưỡng khí trong bể chứa phải được dành cho những người đang làm việc. Thậm chí cho đến tận bây giờ, khi ngồi viết lại những dòng chữ này, tôi vẫn cảm thấy một nỗi khiếp sợ đang bao trùm lấy tôi, hai lá phổi của tôi vẫn như đang quặn thắt vì thiếu không khí. Trong lúc đó, thuyền trưởng Nê-mô vẫn bình tĩnh suy nghĩ, một ý kiến nảy ra trong đầu ông ta, nhưng ông ta có vẻ như không muốn thừa nhận sáng kiến đó. Cuối cùng, thuyền trưởng Nê-mô bật ra:

- Nước sôi!

- Nước sôi? - Tôi thốt lên.

- Vâng, thưa ngài. Chúng ta đang bị mắc kẹt trong một khoảng không gian rất hẹp, nếu ta liên tục phun nước sôi từ những bình nước nóng ra thì lẽ nào lại không tăng nhiệt độ nước trong khu vực này và làm giảm quá trình đóng băng lại?

- Chúng ta hãy thử xem - Tôi nói một cách cương quyết.

- Chúng ta hãy thử xem, thưa giáo sư.

Nhiệt kế chỉ nhiệt độ bên ngoài là âm bảy độ. Thuyền trưởng Nê-mô đưa tôi đến một gian phòng đặt nước máy chưng cất nước ngọt khổng lồ bằng phương pháp làm bốc hơi. Họ bơm đầy nước vào những máy đó rồi dẫn một dòng điện từ máy phát điện vào, chỉ mấy phút sau, nước sôi lên sùng sục rồi được dẫn vào máy bơm, trong khi đó, một lượng nước lạnh tương đương lại thế chỗ vào trong bình chưng cất. Nhiệt ở trong bình cao đến nỗi nước lạnh chỉ cần qua bình là sôi lên ngay. Họ bắt đầu bơm nước nóng ra ngoài, chỉ ba tiếng sau, nhiệt kế chỉ âm sáu độ. Thế là tăng lên được một độ. Hai tiếng sau, nhiệt độ nước bên ngoài chỉ còn âm bốn độ.

- Chúng ta sẽ thành công - Tôi nói với thuyền trưởng Nê-mô sau khi lo lắng theo dõi kết quả công việc.

- Tôi nghĩ rằng chúng ta không còn sợ bị đè bẹp nữa, chỉ còn lại mối lo thiếu không khí nữa thôi, thuyền trưởng Nê-mô đáp.

Suốt đêm hôm đó, nhiệt độ tăng lên ở mức âm một độ. Bơm nước sôi nữa cũng không thể tăng nhiệt độ lên hơn mức đó được. Nhưng nước chỉ đóng băng ở âm hai độ nên ít nhất tôi cũng yên tâm về mối hoạ bị đông cứng.

Ngày hôm sau, 27 tháng Ba, chúng tôi lại bóc thêm được một mét băng nữa, vậy là chỉ còn bốn mét băng cần phá vỡ nữa, nghĩa là phải làm việc trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ. Không khí trong tàu không thể được cải thiện chút nào. Cả ngày hôm đó chúng tôi thật khổ sở. Một gánh nặng như đang đè lên ngực tôi. Đến ba giờ chiều, tôi cảm thấy không thể chịu đựng được thêm nữa. Hai hàm răng như sái đi vì ngáp quá nhiều. Hai lá phổi như bỏng rát vì phải thở hít thứ không khí cháy bỏng mà ngày càng trở

nên khan hiếm này. Tôi thấy đờ đẫn cả người. Tôi không còn chút sinh khí nào nữa, gần như đã bất tỉnh. Người bạn trung thành Công-xây của tôi - người cũng đang phải chịu chung một hoàn cảnh như tôi - không rời tôi lấy nửa bước. Anh ta cầm lấy tay tôi, an ủi tôi, tôi nghe thấy anh ta lẩm bẩm: "Ôi, giá như tôi có thể ngừng thở để dành chút không khí lại cho giáo sư".

Nghe anh ta nói vậy, hai hàng nước mắt trào ra trên khoé mắt tôi. Nếu như ở trên tàu tất cả chúng tôi đều trong tình trạng không thể chịu đựng được, thì mỗi khi đến phiên lao động ai nấy đều phấn chấn vui mừng mặc ngay bộ đồ lặn vào. Tiếng cuốc chim va vào băng vang lên chan chát. Tay chúng tôi đau rát, phồng rộp cả da. Nhưng sự mệt mỏi và những vết thương đó có nghĩa lý gì đâu khi không khí trong lành ùa vào hai lá phổi. Chúng tôi thoả sức mà thở... Thở...

Trong suốt thời gian đó, dù rất muốn nhưng không một ai trong số chúng tôi cố tình kéo dài công việc dưới nước của mình quá thời gian quy định. Khi hết giờ, chúng tôi chuyển ngay bộ đồ lặn cho người tiếp theo để truyền sự sống cho bạn mình. Thuyền trưởng Nê-mô luôn là tấm gương sáng trong việc thực hiện kỷ luật, cứ hết giờ là ông ta trao ngay bộ đồ lặn cho người tiếp theo và trở về con tàu đầy khí độc, luôn bình thản, không phàn nàn, không kêu ca.

Hôm đó, công việc thường ngày được tiến hành với tốc độ khẩn trương khác thường. Chúng tôi chỉ còn phải bóc thêm hai mét băng nữa, chỉ còn hai mét băng ngăn cách chúng tôi với vùng nước sâu. Nhưng dưỡng khí trong bể chứa hầu như đã cạn sạch, còn lại một chút không khí quý giá phải dành cho những người đang lao động, không thể

cấp cho con tàu Nau-ti-lux thêm một chút nào nữa. Khi trở lại tàu, tôi gần như ngạt thở. Thật là một đêm khủng khiếp, tôi không thể nào tả xiết cái cảm giác của mình lúc đó. Sáng hôm sau, tôi có cảm giác như có ai đó chặn lấy cổ mình. Tôi hoa mặt chóng mặt như người say rượu. Các bạn của tôi cũng có triệu chứng y như vậy, mấy thuỷ thủ chỉ còn có thể thở khò khè.

Đến hôm đó là ngày thứ sáu kể từ khi chúng tôi bị cầm tù. Thuyền trưởng Nê-mô nhận thấy cuốc chim là dụng cụ lao động quá chậm chạp nên quyết định sẽ sử dụng cách khác để phá vỡ lớp băng còn lại. Con người quả cảm này không bao giờ đánh mất sự tự tin và bình tĩnh của mình. Ông ta dùng sức mạnh tinh thần để đánh tan sự đau đớn về thể xác.

Theo lệnh của thuyền trưởng Nê-mô, các thuỷ thủ bơm bớt nước ra khỏi bể chứa để tàu chuyển trọng tâm lên trên và nổi lên khỏi nền băng. Khi nổi lên, nó sẽ để lại một cái hố lớn đang đào theo hình tàu. Sau đó, ông ta lại cho bơm nước đầy bể chứa và cho tàu đỗ xuống đúng vào cái hố đó.

Lúc đó, tất cả mọi người đều lên tàu, các cửa đều đóng lại. Con tàu Nau-ti-lux nằm trên lớp băng dày không đầy một mét đã được đục thủng nhiều chỗ. Các vòi của bể chứa mở hết cỡ, hàng trăm mét khối nước ùa vào nâng trọng lượng tàu lên tới 1800 tấn. Chúng tôi nghe ngóng, chờ đợi, quên cả đau đớn. Cơ hội sống sót của chúng tôi hoàn toàn phụ thuộc vào lần thử cuối cùng này. Tuy đầu nhức nhối khó chịu vô cùng, tôi vẫn nghe thấy tiếng răng rắc dưới thân tàu. Lớp băng đang dần vỡ tan thành từng mảnh, rào rào như tiếng xé giấy. Con tàu Nau-ti-lux chìm xuống nước.

- Chúng ta thoát rồi! - Công-xây khẽ nói thầm vào tai tôi.

Tôi không đủ sức để trả lời anh ta. Tôi nắm chặt lấy tay anh ta và xiết mạnh.

Ngay lúc đó, do trọng lượng lớn mà con tàu Nau-ti-lux chìm xuống nước như tên bắn, có thể nói là giống như rơi tự do trong không trung. Thuyền trưởng Nê-mô ra lệnh dốc toàn lực bơm nước ra khỏi bể chứa. Mấy phút sau, tàu không còn chìm xuống nữa và bắt đầu nổi lên. Chân vịt quay hết tốc độ khiến cho toàn thân tàu rung lên từng chập, tàu lao vun vút đưa chúng tôi về phía bắc. Nhưng nếu cứ phải chạy dưới tảng băng trôi thế này một ngày nữa mới được nổi lên mặt biển thì chúng tôi đã chết trước lúc đó rồi.

Tôi nửa nằm nửa ngồi trên chiếc đi văng trong thư viện, ngạt thở. Mặt tôi tím ngắt, môi tái nhợt, các bộ phần trên cơ thể bắt đầu suy thoái. Tôi không thể nghe thấy gì cũng không nhìn thấy gì. Tôi mất khái niệm về thời gian, các cơ bắp không thể co bóp được nữa. Tôi không nhớ rõ đã trải qua bao nhiêu giờ trong tình trạnh như vậy, tôi chỉ biết là mình sắp chết. Bỗng nhiên tôi tỉnh lại, một luồng không khí mát lành tràn vào phổi. Chúng tôi đã lên được mặt nước rồi sao? Chúng tôi đã thoát khỏi tảng băng rồi ư? Không, đó là Công-xây và Nét-len, hai người bạn trung thành của tôi, họ đang hy sinh chính bản thân mình để cứu tôi. Còn sót lại một ít không khí trong bình dưỡng khí, họ đã không dùng nó cho bản thân mình trong khi họ cũng đang sắp chết ngạt, mà họ dành lại cho tôi, từng chút, từng chút. Tôi muốn đẩy cái bình ra nhưng họ giữ chặt tay tôi lại, thế là tôi được tự do hít thở thoải mái một lúc. Tôi nhìn đồng hồ, lúc đó là mười một giờ sáng, hôm đó là ngày 28 tháng Ba, con tàu Nau-ti-lux đang chạy với tốc độ kinh hoàng như xé toang mặt nước, bốn mươi hải lý một giờ. Thuyền trưởng Nê-mô đang ở đâu? Ông ta đã chết ngạt rồi ư? Các thuỷ thủ của ông ta đã chết cùng ông ta rồi sao? Lúc đó, đồng hồ chỉ độ sâu báo hiệu chúng tôi chỉ còn cách

mặt nước không đầy sáu mét. Chúng tôi chỉ còn cách bầu khí quyển một lớp băng mỏng, liệu chúng tôi có thể phá vỡ lớp băng đó không? Có thể. Trong mọi trường hợp, con tàu Nau-ti-lux cũng sẽ cố gắng làm như vậy. Tôi có cảm giác nó đang hướng mũi tàu lên, hạ đuôi tàu xuống, sau đó mở hết tốc lực lao thẳng lên lớp băng phía trên giống như một viên đạn. Băng phải nhường chỗ cho tàu, và cuối cùng tàu xuyên thủng được một chỗ trên mặt biển đóng băng rồi dùng sức nặng của mình phá tan lớp băng đó. Nắp tàu mở ra, có người sẽ nói là nó được giật phăng ra, và không khí trong lành ùa vào bên trong mọi ngóc ngách của con tàu Nau-ti-lux.

CHƯƠNG XVII

TỪ MŨI HOÓC ĐẾN A-MA-ZÔN

Tôi không biết bằng cách nào mà mình lại ở trên boong tàu. Có lẽ Nét-len đã khiêng tôi lên đó. Nhưng dù thế nào đi nữa thì tôi cũng đang hít thở không khí trong lành của biển. Hai người bạn của tôi cũng đang ở bên cạnh hít lấy hít để. Những người bị đói dài ngày còn phải hạn chế không được ăn quá nhiều, nhưng chúng tôi thì lại khác, chúng tôi chẳng cần thiết phải kiềm chế bản thân mình, chúng tôi cứ thoải mái hít đầy buồng phổi cái thứ không khí mà bao ngày chúng tôi khao khát.

- Ôi! - Công-xây nói - Không khí trong lành thật là tuyệt vời. Giáo sư chẳng nên e dè làm gì cả, vì không khí có đủ cho tất cả chúng ta.

Nét-len thì không nói gì nhưng anh ta cứ ngoác mồm ra hít thở khiến cá mập trông thấy anh ta lúc đó cũng phải khiếp sợ. Chúng tôi nhanh chóng phục hồi sức khoẻ, khi đưa mắt nhìn quanh, tôi thấy chỉ có chúng tôi trên boong tàu. Những thuỷ thủ khác bằng lòng với không khí ùa vào bên trong con tàu Nau-ti-lux, không một ai lên boong để lấy không khí ngoài trời cả.

Những lời đầu tiên của tôi nói ra là cảm ơn hai người bạn của mình. Chính họ đã cứu sống tôi trong những giờ phút hấp hối kéo dài. Dù tôi có cảm ơn thế nào cũng không thể trả hết được ân nghĩa này.

- Các bạn thân mến - Tôi nói - Chúng ta sẽ mãi mãi gắn bó với nhau, các bạn có toàn quyền với cuộc sống của tôi.

- Vậy thì tôi sẽ tận dụng cái quyền đó - Nét-len nói.

- Anh có ý gì vậy? - Công-xây hỏi.

- Tôi muốn nói là tôi sẽ mang giáo sư đi theo khi nào tôi rời bỏ con tàu Nau-ti-lux chết tiệt này.

- Tốt thôi - Công-xây nói - Sau tất cả những chuyện này, chẳng phải chúng ta vẫn ổn là gì?

- Đúng vậy - Tôi nói - Bởi vì chúng ta đang đi về hướng mặt trời, mà mặt trời ở đây là phương bắc.

- Không nghi ngờ gì nữa - Nét-len nói - Nhưng vấn đề là phải xem thuyền trưởng Nê-mô sẽ cho tàu đi về phía Thái Bình Dương hay Đại Tây Dương, nghĩa là về vùng biển đông tàu bè hay vùng biển hoang vắng.

Tôi không thể trả lời câu hỏi của Nét-len, tôi sợ rằng thuyền trưởng Nê-mô sẽ cho tàu chạy thẳng đến vùng biển rộng nằm giữa bờ biển Châu Á và Châu Mỹ. Tới đó, ông ta sẽ kết thúc hành trình vòng quanh thế giới dưới biển và cho con tàu Nau-ti-lux trở lại vùng nước rộng để nó tha hồ vùng vẫy sóng biển. Chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ được biết điều đó. Con tàu Nau-ti-lux chạy với tốc độ khá cao, chẳng bao lâu đã bỏ lại Nam cực rồi hướng về mũi Hoóc. Đến bảy giờ tối ngày 31 tháng Ba, chúng tôi đã vượt qua châu Mỹ. Tất cả những gian khổ vừa qua đã chìm vào quên lãng, những kỉ niệm về những ngày bị giam cầm trong băng giá cũng dần phai mờ đi trong tâm trí. Chúng tôi chỉ nghĩ đến tương lai. Thuyền trưởng Nê-mô không hề xuất hiện, cả trong thư viện lẫn trên boong tàu. Mỗi ngày qua đi viên thuyền phó lại đánh một dấu trên bản đồ khiến tôi theo dõi được sát hành trình của con tàu Nau-ti-lux. Tối hôm

đó, tôi rất sung sướng khi nhận thấy con tàu Nau-ti-lux đang tiến về hướng bắc, về Đại Tây Dương. Gần trưa ngày hôm sau, mùng một tháng tư, khi tàu nổi lên mặt nước, tôi nhận thấy lờ mờ có một dải đất ở hướng tây. Đó là Miền Đất Lửa, một cái tên mà các nhà đi biển đã đặt cho vùng đất này khi nhìn thấy khói bốc lên từ những túp lều của thổ dân. Bờ biển có vẻ thấp, nhưng trong bờ tôi nhìn thấy nhiều dãy núi cao nhô lên. Tôi thậm chí còn nghĩ là đã nhìn thấy bóng dáng đỉnh Sa-mi-en-tô nhọn hoắt, cao đến hơn hai ngàn mét, chỉ cần nhìn vào đỉnh núi nhiều mây mù hay quang đãng mà người ta có thể biết thời tiết tốt hay xấu. Vào lúc này, đỉnh núi hiện rõ ràng trên nền trời xanh. Con tàu Nau-ti-lux lại lặn xuống nước, tiến gần vào bờ, chạy dọc theo bờ biển, cách đất liền khoảng vài hải lý. Qua ô của kính trong phòng khách, tôi được thấy rất nhiều loài tảo biển, rong biển khổng lồ đủ màu sắc sặc sỡ. Đến chiều tối, tàu đã đến gần đảo Phôn-clen, sáng hôm sau những ngọn núi thuộc nhóm đảo này hiện ra trong sương sớm. Vùng biển này nước không sâu lắm, lưới của con tàu Nau-ti-lux thả ra thu về được nhiều loại tảo biển rất đẹp và một số loài tảo thạch y, trên rễ của chúng còn bám lại vài con trai đẹp tuyệt vời, từng đàn ngỗng và vịt trời bay đến đậu trên boong tàu, và chỉ một lúc sau chúng đã nằm trong bếp con tàu Nau-ti-lux. Còn về cá, tôi thấy rất nhiều loài cá bống, có con dài đến sáu mươi phân, toàn thân có đốm vàng và trắng, và những con sứa loài đặc trưng của vùng biển Phôn-clen. Tôi muốn lưu giữ một vài tiêu bản của những loài quý hiếm này nhưng chỉ tiếc rằng chúng cũng giống như mây khói, bóng hình và ma quỷ, nếu ra khỏi môi trường tự nhiên của mình sẽ tan biến mất.

Khi những ngọn núi cao nhất của đao Phôn-clen biến mất khỏi đường chân trời, con tàu Nau-ti-lux lặn xuống độ

sâu khoảng hai mươi đến hai mươi nhăm mét, dọc theo bờ biển nước Mỹ. Thuyền trưởng Nê-mô không hề xuất hiện. Cho đến ngày mồng ba tháng tư, chúng tôi vẫn chưa ra khỏi bờ biển Pa-ta-gô-ni-a, lúc thì chạy trên mặt biển, khi lại lặn xuống dưới sâu. Rồi con tàu Nau-ti-lux chạy qua vùng cửa sông Pla-ta và đến ngày mồng bốn tháng tư thì đến U-ru-goay nhưng chạy cách bờ biển năm mươi sáu hải lý. Tàu chạy về hướng bắc dọc theo bờ biển uốn khúc quanh co của Nam Phi. Vậy là tính từ thời điểm xuất phát ở vùng biển Nhật Bản cho đến nay, chúng tôi đã đi được tổng cộng mười sáu ngàn dặm. Khoảng mười một giờ trưa, tàu chạy qua chí tuyến nam, qua mũi Phri-ô nhô ra biển. Nét-len rất khó chịu khi thuyền trưởng Nê-mô không ưa gì vùng biển đông đúc tàu bè sát bờ biển Bra-xin, ông ta cho tàu chạy vun vút. Không một loài cá hoặc loài chim nào theo kịp tàu, do đó tôi cũng mất cơ hội nghiên cứu và quan sát vùng biển đầy quyến rũ này.

Chúng tôi chạy với tốc độ cao như vậy trong suốt mấy ngày, đến tối ngày mùng chín tháng tư, chúng tôi đến điểm cực tây của Nam Mỹ tạo thành mũi San Rốc. Nhưng con tàu Nau-ti-lux lại đổi hướng và lặn xuống lớp nước sâu nhất của lòng chảo nằm giữa mũi đất này và dãy núi Xi-ê-ra Lê-ôn trên bờ biển Châu Phi. Dưới đáy thung lũng này nổi lên vài dãy núi khiến cho cảnh vật tựa như một bức tranh. Tuy nhiên, tôi nói như vậy là chỉ dựa vào những tấm bản đồ tìm thấy trong thư viện của con tàu Nau-ti-lux, những tấm bản đồ rõ ràng là do chính tay thuyền trưởng Nê-mô phác hoạ nhờ những quan sát riêng của mình. Hai ngày sau đó, con tàu Nau-ti-lux dùng bánh lái nghiêng lặn xuống sâu dưới vùng biển tĩnh lặng đó. Con tàu Nau-ti-lux có thể dừng lại tại bất cứ độ sâu nào nó muốn. Tuy nhiên, đến ngày 11 tháng tư, nó đột nhiên nổi

lên, ở mũi tàu hiện lên một vùng biển rộng lớn do cửa sông A-ma-zôn tạo nên. Con sông này đổ vào biển một khối lượng nước lớn đến nỗi nước biển bị pha loang đi đến vài dặm.

Chúng tôi vượt qua đường xích đạo. Cách hai mươi hải lý về phía Tây là đất nước Guy-an thuộc địa của Pháp, ở đó chúng tôi sẽ dễ dàng tìm được chỗ nương náu, nhưng ngoài trời gió đang thổi mạnh làm nổi lên những đợt sóng hung hãn, một con thuyền mỏng manh hẳn không thể chống chọi được trong điều kiện thời tiết như vậy. Nét-len cũng hiểu điều đó, hẳn vậy, vì anh ta không hề nói một lời về việc chạy trốn. Còn về phần tôi, tôi cũng không hề đả động gì đến chuyện đó vì tôi không muốn thúc giục anh ta làm một việc mà chắc chắn sẽ thất bại. Tôi sử dụng thời gian rất thoải mái đó để nghiên cứu và quan sát. Trong suốt hai ngày 11 và 12 tháng tư, con tàu Nau-ti-lux không rời mặt biển, lưới sau tàu tha hồ mang về bao nhiêu loài cá, thực vật và bò sát. Tôi chỉ xin kể ra đây một loài cá mà Công-xây hẳn sẽ nhớ rất lâu vì anh ta quả là có lý do để nhớ. Đó là một con cá đuối điện rất to mắc vào lưới, nó trong và dẹt đến nỗi nếu như cắt phăng cái đuôi của nó đi thì trông nó giống hệt một cái đĩa. Con cá này cân nặng đến hai mươi ki-lô-gam, bụng trắng, lưng đỏ, trên mình có những đốm màu xanh viền đen, da trơn nhẵn, có vây hai bên. Con cá quẫy đạp rất hung hăng trên boong tàu hòng thoát xuống biển, nó quẫy mạnh đến nỗi suýt nữa thì rơi tòm xuống dưới. Công-xây nhìn thấy vậy, vì tiếc con cá đẹp nên lao bổ tới, nắm lấy nó bằng cả hai tay trước khi tôi kịp ngăn anh ta lại. Khi vừa chạm tay vào con cá thì anh ta liền ngã bổ chửng, chổng cả hai chân lên trời, nửa thân anh ta tê liệt, anh ta rú lên:

- Ôi, giáo sư, cứu tôi với!

Đó là lần đầu tiên anh ta xưng hô với tôi không bằng lối nói trang trọng hàng ngày. Tôi và Nét-len chạy đến nâng anh ta dậy, xoa bóp chỗ bị đau cho đến khi anh ta có cảm giác trở lại. Anh chàng Công-xây đáng thương vừa gặp phải một loài nguy hiểm nhất của giống cá đuối điện. Loài cá này có thể tấn công con mồi bằng cách phóng điện ở khoảng cách đến vài mét, nên nó mang dòng điện rất mạnh. Hai lớp cơ tích điện trên cơ thể nó có diện tích bề mặt lên đến tám mét vuông. Ngày hôm sau, 12 tháng tư, tàu chạy đến bờ biển Hà Lan, gần cửa sông Ma-rô-ni. Ở đây có rất nhiều giống bò biển, những con vật đẹp đẽ và hiền lành vô hại, dài sáu, bảy mét, nặng bốn tấn. Tôi nói với Nét-len và Công-xây rằng thiên nhiên đã trao cho giống bò biển này một vai trò quan trọng. Bò biển cũng như hải cẩu là loài ăn cỏ trên những cánh đồng cỏ ngầm, nhờ có chúng mà các cửa sông nhiệt đới mới không bị cỏ dại và rong tảo chất đầy.

- Và các bạn biết không - Tôi nói tiếp - Chuyện gì đã xảy ra kể từ khi con người thả sức tiêu diệt gần hết giống vật có ích này không? Cỏ rêu chất đống thối rữa làm ô nhiễm không khí gây ra bệnh sốt vàng da làm các quốc gia xinh đẹp ven bờ biển bị phá hoại. Dưới đáy biển cỏ dại mọc đầy, và bệnh dịch hoành hành ngang ngược từ cửa sông Riô-đờ-la Pla-ta đến tận Phlo-ri-đa.

Tuy nhận thức rất rõ điều này, các thuỷ thủ của con tàu Nau-ti-lux vẫn hạ khoảng nửa tá bò biển. Bếp ăn đang rất cần thịt tươi dự trữ, mà thịt bò biển thì ngon tuyệt, vượt xa thịt bò và thịt bê. Cuộc săn đuổi những chú bò biển này chẳng có gì là thú vị, chúng cứ để cho người ta giết mà chẳng hề chống cự. Mấy tấn thịt được sấy khô rồi đưa vào kho dự trữ. Cũng ngày hôm đó, lưới đánh cá sau tàu bắt được một mẻ thành công. Có rất nhiều cá bám, loài cá có

một cái đĩa dẹt hình bầu dục. Cái đĩa này gồm những bản sụn nằm ngang di động, có khả năng tạo nên giữa những bản sụn này một khoảng chân không giúp nó bám vào các vật khác như một ống giác.

Khi việc đánh cá kết thúc, con tàu Nau-ti-lux tiến lại gần bờ. Có rất nhiều rùa biển đang say ngủ trên mặt nước. Nhưng rất khó có thể bắt được loài động vật quý hiếm này vì chỉ cần một tiếng động nhẹ là chúng sẽ tỉnh giấc, hơn nữa cái mai cứng như đá bảo vệ chúng khỏi những mũi lao. Nhưng nếu dùng cá bám thì lại có thể bắt được chúng một cách dễ dàng. Loài cá này quả là một chiếc lưỡi câu sống, có nó thì một người đi câu vụng về cũng có thể gặp may. Thuỷ thủ tàu Nau-ti-lux buộc vào đuôi cá một vòng dây, đủ rộng để không cản trở hoạt động của chúng, một đầu dây buộc vào tàu. Những con cá bám này khi được thả xuống nước liền lập tức bắt đầu cuộc săn mồi của mình, chúng lao đến những con rùa biển và bám chặt vào mai chúng. Chúng bám chặt đến nỗi thà bị vỡ cái đĩa trên đầu chứ nhất định không chịu thả ra. Các thuỷ thủ chỉ việc kéo dây buộc cá là bắt được những chú rùa biển bị chúng bám vào. Chúng tôi bắt được mấy con rùa dài cả mét, nặng đến hai trăm ki-lô-gam. Mai rùa phủ một lớp sừng mỏng, trong suốt, màu nâu xám có đốm trắng vàng, rất có giá trị trên thị trường. Ngoài ra chúng còn rất giá trị trong lĩnh vực ẩm thực, thịt của nó cũng ngon như thịt rùa nước ngọt. Cuộc đánh cá ngày hôm nay là điểm kết thúc những ngày trên vùng biển A-ma-zôn. Tối hôm đó, con tàu Nau-ti-lux rẽ sóng ra khơi.

CHƯƠNG XVIII

BẠCH TUỘC

Con tàu Nau-ti-lux đã đến bờ biển Châu Mỹ mấy ngày hôm nay, rõ ràng là nó không muốn vào khu vực vịnh Mê-xi-cô hay vùng biển An-tin. Ngày 16 tháng tư, chúng tôi đến vùng biển cách đảo Mac-ti-níc và Gua-đơ-lúp khoảng ba mươi hải lý. Tôi nhìn thấy những đỉnh núi cao thấp thoáng trong sương. Trước đó, Nét-len định thực hiện kế hoạch bỏ trốn của mình bằng cách hoặc chèo thẳng lên bờ, hoặc là tới chỗ một con tàu nào đó trong số vô vàn con tàu đi lại từ đảo này sang đảo khác. Nhưng trong tình hình này thì anh ta hoàn toàn thất vọng. Nếu Nét-len chiếm được chiếc thuyền mà thuyền trưởng Nê-mô không hay biết gì thì kế hoạch chạy trốn của chúng tôi cũng có thể thực hiện được, nhưng giữa biển khơi thế này thì ai dám nghĩ gì đến chuyện đó. Nét-len, Công-xây và tôi đã bàn bạc với nhau rất lâu về chuyện đó. Chúng tôi đã làm tù binh trên con tàu Nau-ti-lux sáu tháng nay rồi, chúng tôi đã đi được một quãng đường dài mười bảy ngàn dặm dưới biển và như Nét-len nói thì không có lý do gì để không kết thúc hành trình này đi. Chúng tôi không thể hy vọng gì ở thuyền trưởng Nê-mô, mà chỉ trông chờ ở nỗ lực của chính mình. Hơn nữa, thời gian qua ông ta ngày càng tỏ ra trầm lặng, xa cách và ít cởi mở hơn trước. Ông ta hình như muốn tránh mặt tôi, tôi rất hiếm khi gặp được ông ta. Trước đây, ông ta luôn sẵn lòng giải thích cho tôi những kỳ quan dưới đáy

biển, còn giờ đây, ông ta để mặc tôi tự tìm hiểu nghiên cứu, ông ta rất ít khi lui tới phòng khách. Đã xảy ra sự thay đổi nào trong con người bí ẩn này? Vì nguyên cớ gì? Về phần mình, tôi chẳng muốn mang theo xuống mồ những nghiên cứu mới lạ và kỳ thú của mình. Giờ đây, tôi hoàn toàn có thể viết một cuốn sách thật sự về đại dương, và tôi muốn cuốn sách đó của tôi sớm hay muộn cũng phải được mọi người biết đến. Ngay bây giờ đây thôi, trong vùng biển của đảo An-tin này, cách mặt biển mười mét, qua ô kính cửa sổ có bao nhiêu điều kỳ thú mà tôi có thể ghi lại trong cuốn sổ ghi chép của mình.

Đến ngày 20 tháng tư, con tàu Nau-ti-lux nổi lên độ sâu cách mặt biển một ngàn năm trăm mét. Gần chúng tôi nhất là quần đảo Ba-ha-ma, những mỏm đá lớn, dựng đứng phủ đầy tảo khổng lồ nổi lên mặt biển. Đến mười một giờ trưa, Nét-len chỉ cho tôi thấy một vết châm khủng khiếp trên người anh ta, vết châm giống như vết kiến cắn, chắc là do một loại tảo nào đó chọc vào.

- Đúng - Tôi nói - Hang động ở đây rất thích hợp để loài bạch tuộc trú ngụ, nếu có một con quái vật như vậy xuất hiện ở đây thì tôi cũng chẳng ngạc nhiên đâu.

- Cái gì mà gọi là quái vật? - Công-xây hỏi với một giọng nghiêm trọng - Bạch tuộc thuộc bộ mực, lớp thân mềm chứ gì?

- Không - Tôi đáp - Bạch tuộc có kích thước khổng lồ cơ.

- Tôi chẳng bao giờ tin có tồn tại loại động vật đó cả - Nét-len nói.

- Sao không? - Công-xây nói - Tôi nhớ chính xác là đã từng nhìn thấy một chiếc vòi bạch tuộc kéo chìm hẳn một chiếc tàu lớn xuống đáy biển.

- Anh nhìn thấy ư? - Nét-len hỏi.

- Đúng vậy.

- Tận mắt nhìn thấy?

- Tận mắt tôi nhìn thấy.

- Ở đâu, lạy Chúa, anh nhìn thấy ở đâu?

- Ở Xanh Ma-lô - Công-xây đáp.

- Ở cảng à? - Nét-len mỉa mai hỏi.

- Không, trong một nhà thờ - Công-xây đáp.

- Trong nhà thờ? - Nét-len thắc mắc.

- Đúng vậy, ông Nét, trong một bức tranh vẽ những con bạch tuộc mà chúng ta đang nói đến.

- Đúng, đúng - Nét-len nói rồi phá lên cười.

- Công-xây nói đúng đấy - Tôi nói - Tôi đã nghe nói về bức tranh này, chủ đề đó lấy trong một truyền thuyết, mà các bạn biết người ta nhìn nhận những truyền thuyết về lịch sử tự nhiên như thế nào rồi. Hơn nữa, khi đó là vấn đề về quái vật thì mọi người lại tha hồ được dịp tưởng tượng. Người ta không chỉ tưởng tượng vòi bạch tuộc thò lên nhấn chìm một chiếc tàu xuống đáy biển, mà một ông Mác-nút nào đó đã nói về một loài động vật thân mềm dài đến cả một hải lý, nghĩa là giống một hòn đảo hơn là một con vật. Người ta cũng kể rằng Giám mục xứ Ni-drô khi xây một bệ thờ trên một tảng đá lớn, khi làm lễ xong thì bỗng nhiên tảng đá chuyển động về phía biển. Hoá ra tảng đá lớn đó là một con bạch tuộc. Cuối cùng, các nhà tự nhiên học cổ đại nói về những con quái vật mà miệng của nó rộng như một cái vịnh, to đến nỗi không thể lọt qua được eo biển Ghi-bran-ta.

- Nhưng những câu chuyện đó có thật không? - Công-xây hỏi.

- Không hề, anh bạn của tôi ạ. Ít nhất thì nó cũng vượt

quá giới hạn sự thật mà mang tính chất hoang đường, thần thoại. Tuy nhiên, những người kể chuyện cũng phải có một cơ sở nào đó thì mới tưởng tượng ra như vậy được. Người ta không thể phủ nhận rằng có những loài bạch tuộc và mực khổng lồ mặc dù chúng không lớn bằng cá voi. A-rít-tốt đã từng miêu tả một con mực dài tới hơn hai mét. Những người dân chài thường nhìn thấy những con bạch tuộc dài hơn một mét. Ở viện bảo tàng Tri-ét và Mông-pe-li-ê còn lưu giữ những bộ xương bạch tuộc dài đến hai mét. Hơn nữa, theo tính toán của một số nhà tự nhiên học, thì một con bạch tuộc dài hai mét phải có vòi dài tới tám mét. Như thế cũng là khủng khiếp lắm rồi.

- Ngày nay họ có còn bắt được những con bạch tuộc to như vậy nữa không? - Nét-len hỏi.

- Dù không bắt được thì ít nhất họ cũng nhìn thấy. Một người bạn của tôi, thuyền trưởng Pôn Bốt tại Ha-vrơ thường khẳng định rằng ông ta đã từng gặp một trong những con quái vật đó ở vùng biển Ấn Độ. Nhưng một thực tế đáng ngạc nhiên nhất khiến người ta không thể phủ nhận sự tồn tại của những loài vật khổng lồ này xảy ra vài năm trước đây, năm 1861.

- Sự thật gì vậy? - Nét-len hỏi.

- Chuyện là như thế này, năm 1861, về phía tây bắc đảo Tê-nê-ríp, ở rất gần nơi chúng ta đang đứng, thuỷ thủ của tàu A-lếc-tơ đã phát hiện ra một con bạch tuộc rất to đang bơi trong nước. Thuyền trưởng Bu-guê ra lệnh cho tàu đến gần con vật, dùng lao và súng phóng thẳng vào nó nhưng không ăn thua. Đạn và mũi lao chỉ trượt trên thân thể mềm nhũn của nó. Sau vài giờ tấn công không có kết quả, các thuỷ thủ quyết định sẽ quăng dây thòng lọng quanh người nó. Thòng lọng mắc vào vây đuôi và dừng lại ở đó. Họ cố

gắng kéo con vật lên tàu nhưng nó nặng quá đến nỗi đuôi bị đứt rời ra, thế là bỏ mặc mẩu đuôi bị đứt, nó biến mất trong nước biển.

- Chuyện này có thật không?

- Một sự thật không thể chối cãi được, anh Nét thân mến ạ. Chẳng thế mà họ đề nghị đặt tên cho loài bạnh tuộc này là "Bạch tuộc của Bu-guê"

- Nó dài bao nhiêu? - Nét-len lại hỏi.

- Có phải nó dài sáu mét không ạ? - Công-xây đang đứng trước ô cửa sổ hỏi.

- Chính xác - Tôi đáp.

- Có phải trên đầu nó có tám cái vòi, ngoe nguẩy trong nước như một bầy rắn không ạ? - Công-xây lại hỏi tiếp.

- Chính xác - Tôi đáp.

- Có phải trên đầu nó có những con mắt rất to không ạ?

- Đúng vậy, Công-xây ạ.

- Và miệng của nó trông rất giống mỏ vẹt phải không?

- Đúng vậy, Công-xây ạ.

- Thế thì đúng rồi. Thưa giáo sư - Anh ta khẽ khàng nói - Nếu đây không phải là con bạch tuộc của Bu-guê, thì chí ít cũng là anh em của nó.

Tôi nhìn Công-xây, còn Nét-len lao đến ô cửa kính.

Thật là một con vật khủng khiếp! - Anh ta kêu lên.

Tôi cũng chạy đến xem mà không khỏi rùng mình. Trước mắt tôi là một con quái vật khủng khiếp, đáng được đưa vào các câu chuyện thần thoại. Con bạch tuộc dài khoảng tám mét, đang bơi ngang qua mũi tàu với tốc độ rất lớn, giương những con mắt to tướng, xanh lè nhìn chúng tôi. Tám cánh tay của nó, không, phải nói là tám chân thì đúng

hơn, mọc ra từ cái đầu tròn ung ủng, dài gấp hai lần thân đang uốn éo trong nước. Trong vòi của nó phải có đến hai trăm năm mươi cái giác hút, miệng con vật giống như mỏ vẹt cứ đóng vào mở ra liên tục. Lưỡi nó bằng sừng có đầy răng nhọn cứ rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi miệng. Thật là một trò đùa của tự nhiên, một cái mỏ chim trên một con vật thân mềm. Thân hình trục quay của nó là một khối thịt khổng lồ phải nặng đến hai mươi, hai nhăm tấn. Màu sắc thân hình thay đổi rất nhanh tuỳ theo trạng thái tức giận của con vật, từ màu xám chì sang màu nâu đỏ. Điều gì làm cho nó tức tối như vậy? Chắc chắn là vì sự hiện diện của con tàu Nau-ti-lux, một thứ còn to lớn khủng khiếp hơn nó, hơn nữa, răng nhọn và các xúc tu của nó chẳng làm gì được. Con bạch tuộc này quả là khủng khiếp, quả là tạo hoá đã ban cho nó một sức mạnh vô địch. Nó chuyển động mới mạnh mẽ làm sao! Con bạch tuộc này có đến ba quả tim! Quả là dịp may hiếm có đã đưa chúng tôi đến quan sát được con vật này, tôi không muốn bỏ lỡ cơ hội nghiên cứu cặn kẽ. Tôi đã vượt qua được nỗi hoảng sợ ban đầu, vớ lấy một cây bút chì và bắt đầu vẽ.

- Đây có phải chính con bạch tuộc mà tàu A-lếc-tô đã gặp không? - Công-xây hỏi.

- Không phải - Nét-len đáp - Vì con này còn nguyên, còn con kia đã bị đứt mất đuôi rồi.

- Không phải vì lý do đó đâu - Tôi nói - Vì đuôi và vòi của bạch tuộc có khả năng tự mọc lại, trong bảy năm qua, có thể con bạch tuộc của Bu-guê đã có đủ thời gian mọc một cái đuôi mới.

Dưới ánh đèn pha của tàu Nau-ti-lux xuất hiện thêm vài con bạch tuộc khác nưa. Tôi đếm được tất cả bảy con, chúng đi thành một hàng theo sau tàu. Tôi nghe thấy tiếng

mỏ của chúng gõ chan chát vào vỏ tàu bằng thép. Tôi vẫn tiếp tục công việc của mình. Nhưng con quái vật này vẫn bám theo tàu sát đến nỗi chúng dường như đứng yên bất động trước ô cửa kính. Bỗng nhiên, con tàu Nau-ti-lux đứng khựng lại, toàn thân tàu rung lên.

- Chúng ta đụng phải cái gì à? - Tôi hỏi.

- Trong trường hợp nào thì cũng không sợ vì chúng ta đang nổi lên - Nét-len nói.

Đúng là con tàu Nau-ti-lux đang nổi lên, nhưng nó không chuyển động. Một phút trôi qua. Thuyền trưởng Nê-mô, theo sau là viên thuyền phó bước vào phòng khách. Lâu lắm rồi tôi không gặp thuyền trưởng Nê-mô. Ông ta có vẻ uể oải hơn. Ông ta đi thẳng đến chỗ ô cửa mà không hề để ý hay nói gì với chúng tôi, ông ta nhìn ra ngoài một lúc, nói gì đó với viên thuyền phó. Sau đó, viên thuyền phó đi ra ngoài. Ô cửa kính bị đóng lại. Đèn trần bật sáng. Tôi đi đến chỗ thuyền trưởng Nê-mô và hỏi:

- Thật là một bộ sưu tập các loài bạch tuộc phải không ạ?

- Vâng, đúng vậy, thưa Giáo sư A-rô-nát - Ông ta đáp - Và chúng ta chuẩn bị chiến đấu với chúng, một cuộc chiến giữa con người và quái vật.

Tôi sửng sốt nhìn ông ta. Tôi nghĩ là mình đã nghe nhầm.

- Con người với quái vật? - Tôi hỏi lại.

- Vâng, thưa ngài. Chân vịt đã ngừng quay. Tôi nghĩ rằng một con bạch tuộc nào đó đã cắm hàm răng nhọn bằng sừng vào chân vịt làm cho tàu không chuyển động được.

- Thế ngài định làm thế nào?

- Nổi lên mặt nước và tiêu diệt sạch lũ quái vật này.

- Một công việc khó khăn đấy.

- Vâng, quả là vậy. Đạn có điện không có tác dụng gì khi xuyên qua lớp thịt mềm vì không có sức cản để đạn nổ. Nhưng chúng ta sẽ tấn công chúng bằng rìu.

- Và cả bằng lao nữa, thưa thuyền trưởng - Nét-len nói - Nếu như ngài không từ chối sự giúp đỡ của tôi.

- Tôi sẵn sàng đón nhận, ông Nét ạ.

- Chúng tôi xin theo thuyền trưởng - Tôi nói và đi theo thuyền trưởng Nê-mô, chúng tôi đi tới cầu thang trung tâm.

Ở đó đã có khoảng mười thuỷ thủ đứng chờ sẵn, tay cầm rìu sẵn sàng nghênh chiến. Công-xây và tôi cũng vớ lấy một cái rìu, Nét-len thì cầm lao. Con tàu Nau-ti-lux đã nổi hẳn lên khỏi mặt biển. Một thuỷ thủ trèo lên thang để tháo êcu của nắp tàu, nhưng anh ta chưa kịp buông tay thì nắp tàu đã bật ra với một sức mạnh ghê gớm, rõ ràng là một con bạch tuộc nào đó đã dùng giác hút trên vòi hút ra. Lập tức một cái vòi dài như một con trăn thò xuống theo lỗ hổng, còn khoảng hai chục cái vòi khác thì cứ uốn éo ở phía trên. Thuyền trưởng Nê-mô vung rìu chặt đứt cái vòi khủng khiếp đó, khiến nó rơi tõm xuống thang trong tàu. Chúng tôi người nọ nối tiếp người kia trèo lên boong thì bỗng nhiên hai cái vòi khác lao tới một thuỷ thủ đứng trước thuyền trưởng Nê-mô và nhấc bổng anh ta lên với một sức mạnh không gì cản nổi. Thuyền trưởng Nê-mô kêu lên một tiếng và chạy tới. Chúng tôi hối hả chạy theo ông ta.

Thật là một cảnh tượng đáng sợ! Người thuỷ thủ xấu số vừa bị vòi bạch tuộc cuốn chặt, vừa bị giác hút dính đang chới với trên không trung. Anh ta bị cuốn vào cổ họng và bị nghẹt thở, anh ta kêu “Cứu tôi với! Cứu tôi với!” Tiếng kêu bằng tiếng Pháp khiến tôi bàng hoàng. Tôi có một đồng hương trên con tàu Nau-ti-lux, có thể còn có vài người khác nữa. Tiếng kêu xé ruột. Suốt cuộc đời này tôi không sao

quên được tiếng thét đó. Tiếng kêu tắc nghẹn. Ai có thể cứu được anh ta khỏi sức ép khủng khiếp đó? Tuy nhiên, thuyền trưởng Nê-mô vẫn xông đến chỗ con vật, vung rìu chặt đứt một cái vòi của nó. Viên thuyền phó thì đối đầu với một con khác đang cố trèo lên tàu. Các thuỷ thủ, Nét-len, Công-xây và tôi dùng vũ khí chiến đấu với những khối thịt khổng lồ, mùi xạ hương bốc lên ngào ngạt cả không trung. Thật là kinh khủng!

Đã có lúc tôi nghĩ rằng anh chàng thuỷ thủ bất hạnh đang bị vòi bạch tuộc cuốn chặt kia hẳn đã bị xé tan dưới lực hút của những giác hút rồi. Bảy trong số tám vòi của nó đã bị chặt đứt, cái vòi duy nhất còn lại giữ chặt nước thuỷ thủ vẫn ngoe nguẩy trên không trung, huơ huơ như một cái lông chim. Hễ thuyền trưởng Nê-mô hay viên thuyền phó vừa lao tới thì nó liền phun ra một chất lỏng màu đen. Chúng tôi lập tức tối sầm mặt mũi không nhìn thấy gì nữa. Khi mở được mắt ra thì con quái vật đã biến mất mang theo người đồng hương xấu số của tôi. Trên thành tàu và trên boong tàu hiện có khoảng mười hai con bạch tuộc. Chúng tôi xông thẳng vào giữa những tổ rắn mà dùng rìu chặt, chúng quằn quại giữa đống máu và mực. Trông những cái vòi nhầy nhụa giẫy dụa giống như đầu của một con rắn nhiều đầu. Nét-len phóng lao đâm thẳng vào những con mắt xanh xám của lũ quái vật. Nhưng khi anh bạn can đảm của tôi chưa kịp quay lại thì đã bị một cái vòi to lớn quật ngã.

Tôi hoảng hốt. Cái mỏ khủng khiếp của con quái vật mở to ngay phía trên Nét-len. Anh bạn của tôi sẽ bị cắt làm đôi mất thôi. Tôi lao tới cứu anh ta, nhưng thuyền trưởng Nê-mô đã nhanh chân hơn tôi, lưỡi rìu của ông ta cắm phập vào mồm con quái vật và cứu Nét-len thoát chết. Nét-len

đứng bật dậy, phóng ngập mũi lao vào tim con quái vật.

- Tôi có bổn phận trả ơn ông - Thuyền trưởng Nê-mô nói với Nét-len.

Nét-len cúi đầu không nói gì. Trận chiến đấu kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc bại trận, thương tích đầy mình cuối cùng phải bỏ chạy, biến mất dưới làn nước. Thuyền trưởng Nê-mô mình đầy máu gần như kiệt sức đứng lặng người nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người bạn của mình, mắt ông ta ứa lệ.

CHƯƠNG XIX

DÒNG BIỂN GƠN XTƠ-RIM

Chúng tôi không thể nào quên được cảnh tượng kinh hoàng diễn ra trong ngày 20 tháng tư đó. Khi viết ra đây những dòng chữ này tôi vẫn rất xúc động. Khi chỉnh sửa lại bản thảo, tôi có đọc cho Nét-len và Công-xây nghe, họ cũng công nhận là tôi đã thuật lại câu chuyện một cách hết sức chân thật nhưng chưa được sinh động lắm.

Tôi đã nói rằng thuyền trưởng Nê-mô đã khóc khi nhìn xuống biển, nỗi đau khổ của ông ta thật lớn. Đó là người bạn thứ hai đã mất đi kể từ khi chúng tôi lên con tàu Nau-ti-lux, mà cái chết của anh ta mới bi thảm làm sao. Bị nghiền chặt, bị ngạt thở, bị thâm tím dưới những cái giác hút của con quái vật, bị những chiếc răng cứng như thép nghiền nát, không được an nghỉ cùng những người bạn của mình ở nghĩa trang san hô. Những tiếng kêu xé lòng của anh ta giữa trận chiến đấu quyết liệt khiến tôi không thể cầm lòng được. Người Pháp bất hạnh đó trong lúc sắp chết đã quên đi thứ ngôn ngữ thường dùng hàng ngày mà kêu lên những tiếng kêu cứu cuối cùng bằng tiếng mẹ đẻ. Trong số những thuỷ thủ trên con tàu Nau-ti-lux, những người giống như thuyền trưởng Nê-mô đã từ chối mọi quan hệ với thế giới loài người, liệu có bao nhiêu người là đồng hương của tôi? Hay chỉ có một đại diện duy nhất của nước Pháp trong cái tập thể gồm nhiều người thuộc nhiều quốc

gia bí hiểm này? Đó là một câu hỏi cứ luôn vương vấn trong đầu tôi.

Thuyền trưởng Nê-mô về phòng, tôi không gặp được ông ta suốt một thời gian dài sau đó. Nhưng cứ nhìn vào hành trình của con tàu Nau-ti-lux mà ông ta là linh hồn thì biết ông ta buồn bã và lưỡng lự thế nào. Con tàu Nau-ti-lux không đi theo lịch trình cụ thể, nó cứ trôi bồng bềnh như một xác chết theo cơn gió. Nó chạy tới lại chạy lui, không thoát ra khỏi cảnh tượng cuối cùng của trận chiến đấu, khỏi vùng biển đã nuốt mất một người của nó. Mười ngày trôi đi như vậy. Cho đến tận ngày mồng một tháng năm, con tàu Nau-ti-lux mới tiếp tục hành trình hướng về phương bắc của mình. Tàu xuôi theo một dòng biển lớn nhất chảy ra biển, có bờ, các loài cá và nhiệt độ riêng. Tôi muốn nói về dòng biển Gơn Xtơ-rim. Đó là một con sông thực sự, chảy giữa lòng Đại Tây Dương, nước sông này không hoà cùng biển cả. Đó là một con sông nước mặn, thậm chí nước sông còn mặn hơn nước ở vùng biển lân cận. Sông sâu trung bình chín trăm mét, bề rộng trung bình là mười hải lý, ở những chỗ nhất định, tốc độ dòng chảy trung bình là bốn ki-lô-mét một giờ. Lượng nước của con sông này lớn hơn lượng nước của tất cả các con sông trên thế giới cộng lại. Con tàu Nau-ti-lux đang rẽ sóng trên dòng sông này.

Dòng biển Gơn Xtơ-rim chảy mạnh cuốn theo cả một thế giới sinh vật sống thật phong phú. Ban đêm,nước biển lấp lánh lân tinh có thể so sánh được với ánh sáng đèn pha của con tàu Nau-ti-lux, nhất là trong những ngày mưa bão mà chúng tôi rất hay gặp. Ngày 8 tháng năm, tàu chạy qua mũi Hát-tê-ra ở phía bắc Ca-rô-lin. Dòng biển Gơn Xtơ-rim tại vị trí này rộng hai mươi bảy hải lý, sâu khoảng hai trăm mười mét. Con tàu Nau-ti-lux vẫn chạy với tốc độ

không nhất định, tất cả mọi sự kiểm soát trên tàu đều bị lơ la. Tôi nghĩ rằng trong điều kiện này có thể bỏ trốn được. Nhưng bờ biển đông dân cư là nơi trú ẩn rất thuận lợi. Ngoài ra, mặt biển lúc nào cũng có rất nhiều tàu bè qua lại giữa Niu Yooc hoặc Bôt-xtông tới vịnh Mê-xi-cô, còn các con thuyền buồm nhỏ thì chạy cả ngày cả đêm trên những cảng của bờ biển nước Mỹ. Chúng tôi có hy vọng sẽ được họ cứu thoát. Đó là một cơ hội thuận lợi dù rằng chúng tôi còn cách bờ biển nước Mỹ khoảng ba mươi hải lý nữa. Chỉ có một trở ngại duy nhất đối với kế hoạch bỏ trốn của Nét-len, đó là thời tiết rất xấu. Chúng tôi đang tới gần vùng biển rất hay có bão, nơi mà chính dòng biển Gơn Xtơ-rim sản sinh ra gió xoáy và vòi rồng. Trong điều kiện này mà trốn ra ngoài cùng với một con thuyền nhỏ thì cũng đồng nghĩa với việc nắm chắc cái chết trong tay. Nét-len cũng hiểu rất rõ điều này, anh ta cáu kỉnh, bực dọc, luyến tiếc quá khứ mà chỉ có trốn thoát mới giúp được anh ta.

- Thưa giáo sư - Hôm đó anh ta nói với tôi - Phải kết thúc chuyện này thôi. Tôi muốn hành động một cách công khai, thuyền trưởng Nê-mô đang rời khỏi vùng biển này và đi về phía bắc. Nhưng tôi muốn nói với ngài rằng, những ngày ở nam cực đối với tôi là quá đủ rồi và tôi sẽ không theo ông ta đi bắc cực đâu.

- Thế anh định làm thế nào hả Nét khi mà hiện giờ việc bỏ trốn là không thể thực hiện được?

- Tôi sẽ nói thẳng với thuyền trưởng Nê-mô - Nét-len nói - Ngài đã không nói gì với ông ta khi tàu ở vùng biển quê hương ngài, nhưng bây giờ tàu đang ở vùng biển tổ quốc tôi, tôi sẽ nói với ông ta. Tôi nghĩ rằng con tàu Nau-ti-lux đang cách vùng Tây Xcốt-len không xa, gần Niu Phao-len có một cái vịnh rất lớn nơi con sông Xanh Lau-ren đổ

vào, mà con sông này là con sông thân quen của tôi, thành phố Quy-béc quê hương tôi nằm cạnh con sông này, chỉ cần nghĩ như vậy là tôi đã thấy rạo rực, tóc trên đầu dựng đứng cả lên. Thưa ngài, tôi thà quăng mình xuống biển còn hơn, tôi không thể ở đây thêm một lúc nào nữa, tôi không thể kiềm chế được bản thân mình.

Rõ ràng là Nét-len đã mất hết kiên nhẫn. Bản tính hung hăng của anh ta không thể chịu đựng được cảnh tù túng kéo dài như thế này. Vẻ mặt anh ta mỗi ngày lại thay đổi, tính khí thì ngày càng cáu kỉnh hơn. Tôi rất hiểu anh ta đã phải chịu đựng đau khổ như thế nào bởi vì chính bản thân tôi cũng nhớ quê hương da diết. Đã bảy tháng ròng rã trôi qua mà chẳng biết tin tức gì về mặt đất cả, rồi sự lạnh nhạt của thuyền trưởng Nê-mô, sự thay đổi tính tình của ông ta, nhất là từ sau trận chiến đấu với bạch tuộc, sự im lặng của ông ta, tất cả những điều đó đã khiến tôi nhìn nhận sự việc dưới một con mắt khác.

- Ngài nghĩ thế nào, thưa giáo sư? - Nét-len hỏi vì thấy tôi không trả lời.

- Anh muốn tôi hỏi thuyền trưởng Nê-mô xem ông ta định đối xử với chúng ta như thế nào phải không?

- Vâng, thưa ngài. Tôi muốn mọi chuyện rõ ràng. Ngài cứ nói nhân danh cá nhân tôi thôi cũng được.

- Nhưng tôi rất ít khi gặp ông ta. Ông ta tránh mặt tôi.

- Vậy thì ngài lại càng có lý do để tìm gặp ông ta.

Tôi trở về phòng. Kể từ lúc đó trở đi, lúc nào tôi cũng có ý định sang gặp thuyền trưởng Nê-mô. Tôi không thể để lỡ cơ hội gặp ông ta được nữa. Tôi quyết định gõ cửa. Không có tiếng trả lời. Tôi lại gõ tiếp, rồi vặn nắm đấm cửa. Cánh cửa mở ra, tôi bước vào. Thuyền trưởng Nê-mô đang ở trong phòng, ông ta đang cúi người trên bàn làm việc mà không

nghe thấy tiếng tôi. Không thể ra về mà không nói chuyện với ông ta được, tôi liền đến gần. Thuyền trưởng Nê-mô ngẩng đầu lên nhìn tôi, nhíu mày và nói rất gay gắt:

- Ngài ở đây à? Ngài muốn gì?

- Tôi muốn nói chuyện, thưa thuyền trưởng.

- Nhưng tôi đang rất bận, ngài không thấy sao, tôi đang làm việc. Tôi đã để ngài tự do trong thư viện, sao ngài không cho tôi được hưởng cái quyền đó?

Cuộc đón tiếp này thật chẳng tốt đẹp chút nào. Nhưng tôi quyết định phải nghe và nói hết mọi chuyện. Do vậy, tôi bình tĩnh nói:

- Thưa ngài, tôi phải nói với ngài một chuyện mà không thể trì hoãn được.

- Chuyện gì vậy, thưa ngài? - Ông ta đáp, giọng có vẻ mỉa mai - Ngài đã khám phá ra được điều gì mà tôi chưa biết? Hay biển cả vừa tiết lộ cho ngài điều bí mật gì vậy?

Tôi không biết nói gì nữa, nhưng trước khi tôi đáp, thuyền trưởng Nê-mô đã chỉ vào một tập bản thảo trên bàn và nói bằng một giọng nghiêm túc:

- Thưa Giáo sư A-rô-nát, đây là tập bản thảo viết bằng nhiều thứ tiếng. Đó là những công trình nghiên cứu của tôi về đại dương, và nếu may ra thì nó sẽ không mất đi cùng với tôi. Tập bản thảo này ký tên tôi, cùng với câu chuyện hoàn chỉnh về cuộc đời tôi sẽ được đặt trong một cái hòm kín. Người cuối cùng trong số chúng ta sống sót trên con tàu Nau-ti-lux sẽ thả chiếc hòm xuống biển cho nó trôi theo sóng.

Tên thật của người đàn ông này! Câu chuyện cuộc đời ông ta do chính ông ta viết lại! Thế là một ngày nào đó bí mật về cuộc đời con người này sẽ được tiết lộ.

- Thưa thuyền trưởng - Tôi nói - Tôi không thể tán thành ý kiến đó của ngài. Kết quả nghiên cứu của ngài không thể bị mai một được. Nhưng tôi thấy phương tiện mà ngài chọn là quá thô sơ. Ai mà biết được gió sẽ mang tập bản thảo của ngài đi đâu, và nó sẽ rơi vào tay ai? Ngài có thể sử dụng cách khác được không? Chính ngài hoặc một người nào đó...

- Không bao giờ - Thuyền trưởng Nê-mô sẵng giọng ngắt lời tôi.

- Nhưng tôi và các bạn của tôi sẵn sàng nhận bảo đảm tập bản thảo của ngài, miễn là ngài trả lại tự do cho chúng tôi...

- Tự do ư? - Thuyền trưởng Nê-mô đứng hẳn lên hỏi.

- Vâng, thưa thuyền trưởng. Đó chính là vấn đề tôi định nói với ngài. Chúng tôi đã ở trên con tàu Nau-ti-lux được hơn bảy tháng, hôm nay nhân danh chính bản thân tôi, tôi muốn hỏi liệu ngài có định giữ chúng tôi lại đây mãi mãi không?

- Thưa Giáo sư A-rô-nát, hôm nay tôi cũng xin trả lời ngài giống như tôi đã nói bảy tháng trước đây rằng: bất kỳ người nào đã đặt chân lên con tàu Nau-ti-lux thì sẽ không bao giờ ra khỏi tàu được.

- Vậy là ngài thực sự coi chúng tôi là nô lệ ư?

- Ngài muốn gọi là gì thì tuỳ ngài.

- Nhưng ở đâu thì nô lệ cũng có quyền đòi tự do.

- Có ai lấy mất cái quyền đó của ngài đâu? Tôi đã bắt buộc ngài phải hứa hẹn gì đâu?

Ông ta đứng nhìn tôi, hai tay khoanh tròn trước ngực.

- Thưa ngài - Tôi nói - Cả tôi và ngài đều không muốn nói đến đề tài này một lần thứ hai nữa, nhưng một khi đã

đề cập đến thì cũng nên giải quyết đến nơi đến chốn. Tôi xin nhắc lại, chuyện này không chỉ liên quan đến một mình tôi. Đối với tôi, việc nghiên cứu khoa học là sự đam mê, nguồn động viên, an ủi khiến tôi có thể quên hết mọi chuyện khác. Cũng như ngài, tôi có thể sống không cần ai biết đến, sống ẩn dật chỉ với một niềm hy vọng mỏng manh là một ngày nào đó những nghiên cứu khoa học của mình sẽ được mọi người biết đến. Nhưng với Nét-len thì khác. Tất cả mọi người đều có quyền được hưởng sự quan tâm. Ngài có bao giờ tự hỏi rằng lòng yêu tự do, sự căm ghét ách nô lệ có thể sẽ thúc đẩy những người như Nét-len mưu tính, và có hành động trả thù như thế nào không?

Tôi ngừng lại, thuyền trưởng Nê-mô đứng dậy.

- Nét-len dù có mưu tính hay hành động gì đi nữa thì có ảnh hưởng gì đến tôi? Tôi có đi tìm ông ta đâu. Tôi chẳng thú vị gì khi giữ anh ta lại trên tàu. Còn ngài, thưa Giáo sư A-rô-nát, ngài là người có thể hiểu được mọi thứ, kể cả sự im lặng. Tôi không còn gì để nói với ngài nữa. Lần đầu tiên ngài đề cập đến vấn đề này và cũng là lần cuối cùng, vì lần sau tôi sẽ không nghe ngài nói nữa đâu.

Tôi trở về phòng. Tình hình của chúng tôi thật căng thẳng. Tôi thuật lại câu chuyện đó với hai bạn của mình.

- Chúng ta đều biết rằng không thể hy vọng gì vào con người này cả. Con tàu Nau-ti-lux đang ở gần đảo Loong. Chúng ta sẽ bỏ trốn, dù thời tiết thế nào chúng ta cũng phải trốn Net-Len nói.

Nhưng thời tiết ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Đã xuất hiện những dấu hiệu rõ rệt của một cơn bão nhiệt đới. Không khí chuyển sang màu trắng và mù sương. Trên trời đầy mây tích lại thành đống, lại có những mảng mây theo gió thổi ngang qua. Mặt biển cuộn sóng trắng xoá. Tất cả

các loài chim đều đã biến mất chỉ còn lại chim bão bão. Áp kế hạ xuống rất thấp chứng tỏ không khí đã tích tụ rất nhiều nước. Cơn bão nổ ra vào ngày 18 tháng năm khi con tàu Nau-ti-lux vừa đi qua đảo Loong, cách cảng Niu Ióoc vài hải lý. Tôi có thể miêu tả chi tiết được cảnh cơn bão này là do thuyền trưởng Nê-mô, chẳng hiểu vì một lý do nào đó, thay vì cho con tàu Nau-ti-lux lặn xuống nước để tránh bão, ông ta lại muốn cho tàu đương đầu với bão táp trên mặt biển. Trong suốt thời gian xảy ra cơn bão, ông ta có mặt trên boong tàu. Ông ta tự buộc mình vào lan can tàu để khỏi bị sóng dữ cuốn trôi. Tôi cũng lên boong và tự buộc mình như vậy rồi đứng đó vừa ngắm cảnh bão tố, vừa ngắm con người kỳ lạ đang đương đầu với bão táp. Biển gầm gào dữ dội, con tàu Nau-ti-lux lúc thì bị xô nghiêng, lúc thì bị dựng đứng lên như chiếc buồm, bị cuốn theo sóng biển. Khoảng năm giờ, mưa rào bắt đầu ập xuống nhưng sóng vẫn mạnh, gió vẫn to. Cơn bão đi qua với tốc độ gần bốn mươi dặm một giờ. Sức gió ấy có thể làm đổ nhà, giật tung cửa sắt, hất tung một vật nặng mười ki-lô-gam. Tuy nhiên, giữa cơn bão mạnh như vậy, con tàu Nau-ti-lux vẫn chứng tỏ một câu nói của một kỹ sư: "Không có con tàu nào được đóng tốt mà không đương đầu được với biển cả" là đúng. Con tàu là một con thoi thép ngoan ngoãn, cơ động, nó không có cột buồm và các thiết bị bên ngoài. Tôi chăm chú theo dõi các đợt sóng khổng lồ, chúng cao tới mười lăm mét, dài tới một trăm năm mươi đến một trăm bảy mươi lăm mét, và tốc độ của chúng là mười lăm mét một giây. Sức mạnh và khối lượng tăng lên tuỳ theo độ sâu của biển. Tôi nhìn thấy một con tàu lớn đang vật lộn với sóng biển, đó hẳn là một con tàu trêm đường từ Niu Ióoc tới Li-vơ-pun hay Ha-vrơ, rồi nó nhanh chóng khuất sau đường chân trời. Gần mười giờ tối, bầu trời đỏ rực. Mọi vật xung

quanh đều chìm trong ánh chớp chói loà. Tôi không thể chịu được ánh sáng chói lọi ấy, trong khi thuyền trưởng Nê-mô lại nhìn chăm chằm vào nó như muốn thu lại cái tinh hoa của bão tố vào mình. Một tiếng động vang chuyển không gian, một âm thanh phức tạp bao gồm tiếng rú rít của sóng biển, tiếng gầm gào của gió và tiếng sấm sét. Dòng biển Gơn Xtơ-rim quả là xứng danh "Vua bão", những cơn gió xoáy khủng khiếp được sinh ra do sự chênh lệch nhiệt độ giữa không khí và các dòng hải lưu của nó. Một trận mưa lửa đổ ập xuống, những giọt nước đã biến thành những tia lửa lập loè. Mọi người có thể nghĩ rằng thuyền trưởng Nê-mô đang đối mặt với cái chết, chết do sét đánh vì con tàu Nau-ti-lux bị gió giật mạnh, nhô cả mũi thép lên cao đóng vai trò như một vật dẫn điện, tôi nhìn thấy những tia sáng loằng ngoằng phát ra từ thân tàu. Mệt lả, kiệt sức, tôi bò đến chỗ nắp tàu mở ra và xuống phòng khách. Cơn bão đang ở đỉnh điểm, trên tàu không một cái gì có thể đứng vững được. Khoảng mười hai giờ đêm, thuyền trưởng Nê-mô cũng đi xuống. Tôi nghe thấy tiếng nước chảy vào bể chứa, con tàu Nau-ti-lux từ từ lặn xuống nước. Qua ô cửa kính trong phòng khách, tôi nhìn thấy những con cá lớn đang hoảng hốt lao qua như những bóng ma trong nước biển, vài con lao cả đầu vào cửa kính của tàu. Con tàu Nau-ti-lux vẫn tiếp tục lặn xuống. Tôi đã nghĩ rằng đến độ sâu khoảng mười lăm mét thì biển sẽ yên, nhưng không phải vậy, vì những lớp nước phía trên cồn lên quá dữ dội, nên muốn yên tĩnh chúng tôi phải lặn sâu tới năm mươi mét nữa. Ở độ sâu này, đại dương thật phẳng lặng, thanh bình, yên ả, ai có thể ngờ rằng phía trên mặt biển đang có một cơn bão nhiệt đới khủng khiếp hoành hành.

CHƯƠNG XX

TỪ 47,24 ĐỘ VĨ ĐẾN 17,28 ĐỘ KINH

Chúng tôi bị trôi dạt về phía đông do tác động của cơn bão. Tất cả mọi hy vọng bỏ trốn trên bờ biển Niu Ióoc hay Xanh Lô-răng đã hoàn toàn tiêu tan. Nét-len tội nghiệp thất vọng quá nên cũng lảng tránh mọi người giống như thuyền trưởng Nê-mô, còn tôi và Công-xây thì không rời nhau lấy nửa bước. Tôi đã nói rằng tàu bị trôi dạt về hướng đông, chính xác hơn là về hướng đông bắc. Suốt mấy ngày liền, khi thì trên mặt biển, lúc lại lặn xuống sâu, con tàu cứ trôi lang thang trên biển giữa đám sương mù dày đặc mà những người đi biển rất kinh hãi. Đã có biết bao nhiêu tai nạn khủng khiếp do sương mù gây ra, biết bao tàu thuyền đã đâm phải đá ngầm khi bị gió cuốn đi trên sóng nước, biết bao tàu thuyền đã đâm vào nhau mặc dù đã phát đèn tín hiệu, đã hú còi và chuông báo động. Đáy biển ở đây trông giống hệt như một bãi chiến trường, chôn vùi tất cả các nạn nhân của sóng dữ đại dương, có những chiếc tàu đã mục nát, có những chiếc vẫn còn mới nguyên, những bộ phận bằng sắt và đồng phản chiếu loang loáng dưới ánh đèn pha của con tàu Nau-ti-lux.

Ngày 15 tháng năm, chúng tôi đang ở điểm cực nam của bờ Niu Phao-len. Vùng biển Niu Phao-len có độ sâu trung bình không lớn lắm, nhưng ở vùng phía nam này độ sâu lên tới ba ngàn mét. Tại đây, dòng biển Gơn Xtơ-rim mở rộng ra, tốc độ dòng chảy và nhiệt độ giảm hơn một chút,

đến đây nó đã hoà cùng biển cả.

Ngày 17 tháng năm, ở độ sâu hai ngàn tám trăm mét, tôi đã nhìn thấy một đường dây cáp điện nằm dưới đáy biển. Lúc đầu Công-xây tưởng lầm đó là một con rắn biển thuộc loại khổng lồ và định phân loại nó, nhưng tôi đã cho anh ta thấy rằng anh ta đã lầm. Để an ủi anh ta, tôi liền kể một số sự kiện liên quan đến đường dây cáp này. Đường dây cáp đầu tiên được đặt xuống đáy biển năm 1857 và năm 1858, nhưng sau khi chuyển được khoảng bốn trăm bức điện, nó không hoạt động được nữa. Năm 1863, các kỹ sư đã lắp đặt một đường cáp khác dài hai ngàn hải lý, nặng bốn ngàn năm trăm tấn rồi đưa lên tàu Grết I-xtơn. Nỗ lực đó cũng bị thất bại.

Ngày 25 tháng năm, con tàu Nau-ti-lux đang ở độ sâu ba ngàn năm trăm mét, đúng tại cái điểm xưa kia dây cáp bị đứt khiến những người chủ của nó bị phá sản. Dây cáp đứt vào lúc hai giờ ba mươi phút chiều cách bờ biển Ai-len 638 dặm. Hôm đó, họ nhận ra liên lạc với Châu Âu bỗng nhiên bị đứt quãng. Các kỹ sư trên tàu quyết định cắt đứt dây cáp trước rồi mới vớt lên, sau đó, đến mười một giờ đêm họ đã khôi phục được chỗ đứt. Họ nối lại cẩn thận rồi lại thả xuống biển. Nhưng chỉ vài hôm sau, dây cáp lại bị đứt, lần này ở giữa đại dương nên họ không thể vớt lên được. Nhưng những người Mỹ không nản lòng. Người đề xướng ra việc này, ông Xi-rux Phin đã mang hết cả gia sản của mình ra để xin làm một đường dây mới, đề nghị của ông ta lập tức được chấp nhận và một đường dây mới được lắp đặt trong điều kiện tốt hơn. Các dây điện được bọc trong một lớp cao su cách điện, bên ngoài lại có một lớp vải đặc biệt, ngoài cùng là một lớp vỏ kim loại. Vào ngày 13 tháng Bảy năm 1866, con tàu Grết I-xtơn lại ra khơi. Đường dây

hoạt động rất tốt, nhưng lại vẫn có chuyện xảy ra. Khi tháo dây cáp ra, mấy lần họ phát hiện ra có đinh bị đóng vào, rõ ràng là có mục đích phá hoại. Thuyền trưởng An-đéc-xơn - người vừa là sĩ quan, vừa là kỹ sư - đã phải tham khảo ý kiến của toàn thể những người khác và tuyên bố nếu phát hiện ra người nào có hành vi phá hoại trên tàu sẽ bị xử ném xuống biển ngay không cần xét xử. Từ đó trở đi, việc phá hoại mới không còn xảy ra nữa.

Tôi không hy vọng sẽ được nhìn thấy đường dây cáp trong tình trạng nguyên thuỷ như khi mới xuất xưởng. Con rắn khổng lồ hiện giờ được bao bọc trong một lớp vỏ gồm các loại vỏ sò, vỏ ốc... Tạo thành một lớp bảo vệ an toàn khỏi các loài giáp xác nghịch ngợm. Đường dây cáp nằm yên dưới nước, không bị sóng biển tác động, dưới một áp lực thuận lợi cho việc truyền dòng điện từ Châu Âu sang Châu Mỹ chỉ mất có ba mươi hai phần trăm của một giây đồng hồ. Đường dây cáp này sẽ tồn tại mãi mãi với thời gian, vì lớp vỏ cao su càng ngâm trong nước biển càng tốt. Hơn nữa, họ đã chọn được độ sâu rất tốt để đặt đường dây, dây sẽ không bao giờ xuống được độ sâu có thể làm nổ. Con tàu Nau-ti-lux theo đường dây đến chỗ sâu nhất, nó vẫn nằm ở đó chẳng cần có neo giữ gì. Sau đó, tàu chạy đến chỗ xảy ra tai nạn năm 1863. Đến ngày 28 tháng năm, chúng tôi chỉ còn cách Ai-len hơn một trăm hai mươi hải lý.

Không biết liệu thuyền trưởng Nê-mô có cho tàu tới quần đảo Anh quốc không nhỉ? Không, tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy thuyền trưởng Nê-mô lại quay về hướng nam, một lần nữa quay trở lại vùng biển Châu Âu. Một câu hỏi quan trọng nảy ra trong đầu tôi: Liệu thuyền trưởng Nê-mô có dám cho tàu vào eo biển Măng-xơ không? Kể từ khi chúng tôi đến gần đảo, Nét-len lại xuất hiện và cứ luôn mồm hỏi

tôi như vậy. Tôi biết trả lời thế nào đây? Thuyền trưởng Nê-mô vẫn không chịu xuất hiện. Sau khi đã cho Nét-len nhìn thấy bờ biển nước Mỹ, liệu ông ta có cho tôi được nhìn thấy bờ biển nước Pháp không?

Nhưng con tàu Nau-ti-lux vẫn đi về hướng nam. Ngày 30 tháng năm, nó chạy qua Len-xen nằm giữa nước Anh và quần đảo Xi-li về bên phải. Nếu thuyền trưởng Nê-mô định cho tàu vào eo biển Măng-xơ, ông ta phải chạy về hướng đông, nhưng ông ta lại không làm vậy.

Suốt cả ngày 31 tháng năm, con tàu Nau-ti-lux cứ chạy lòng vòng trên biển làm tôi hết sức thắc mắc. Hình như nó đang cố tìm một điểm nào đó trên mặt biển mà chưa tìm ra. Đến trưa, đích thân thuyền trưởng Nê-mô cầm lái. Ông ta không nói với tôi một lời, trông ông ta buồn bã hơn lúc nào hết. Điều gì đã khiến ông ta u uất như vậy? Có phải vì ở đây gần với bờ biển Châu Âu? Điều đó khiến ông ta nhớ lại bờ biển quê hương mà ông ta đã bỏ đi? Nếu không phải như vậy thì cảm giác của ông ta như thế nào? Hối tiếc hay ân hận? Những ý nghĩ đó cứ bám riết trong đầu tôi và tôi có một linh cảm rằng chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ có cơ hội khám phá ra những bí mật của thuyền trưởng Nê-mô.

Hôm sau, mồng một tháng sáu, con tàu Nau-ti-lux vẫn đi lòng vòng như hôm trước. Rõ ràng nó đang tìm một điểm nào đó trên đại dương. Thuyền trưởng Nê-mô đo độ cao của mặt trời như ông ta đã làm hôm trước. Thời tiết thật đẹp, trời trong xanh. Phía chân trời đằng đông cách chúng tôi khoảng tám hải lý có một con tàu lớn xuất hiện, trên cột buồm không treo cờ nên tôi không biết đó là tàu của nước nào. Trước khi mặt trời đi qua đường kinh tuyến mấy phút, thuyền trưởng Nê-mô cầm lấy chiếc kính lục phân và nhìn chăm chú. Biển lặng sóng, con tàu Nau-ti-lux đứng

yên một chỗ, không chuyển động cũng không dập dềnh.

Lúc thuyền trưởng Nê-mô đo độ cao của mặt trời, tôi đang ở trên boong, chợt thuyền trưởng Nê-mô nói: "Đây rồi!"

Ông ta quay lại và đi xuống. Có phải ông ta đã trông thấy con tàu lớn kia đã thay đổi hướng đi và hình như đang tiến lại gần chúng tôi? Tôi không biết điều gì cả. Tôi đi xuống phòng khách, ô cửa kính đóng kín, tôi nghe thấy tiếng nước đang chảy vào bể chứa. Con tàu Nau-ti-lux bắt đầu chìm xuống nước theo một đường thẳng đứng vì không thấy chân vịt quay. Mấy phút sau, nó đã ở độ sâu hơn tám trăm ba mươi mét, nằm dưới đáy biển. Đèn trần được tắt đi, ô cửa kính trong phòng khách mở ra, qua ô cửa kính, đáy biển được ánh đèn pha chiếu sáng rực trong vòng hơn một nửa hải lý xung quanh tàu.

Tôi nhìn sang bên phải nhưng không thấy gì ngoài một vùng nước phẳng lặng. Nhưng ở phía bên trái, dưới đáy biển hiện lên một khối to lớn đồ sộ khiến tôi chú ý ngay lập tức. Ai nhìn thấy cũng nghĩ rằng đó là một vật gì đó được phủ một lớp vỏ trắng xoá giống như một lớp tuyết dày. Sau khi nhìn thật kỹ cái khối to lớn đó, tôi đó nhận ra đó là xác một con tàu không có cột buồm bị đắm. Căn cứ vào lớp vôi dày như vậy thì chắc hẳn con tàu đã nằm dưới đáy biển này từ rất lâu rồi.

Chiếc tàu này là như thế nào? Tại sao con tàu Nau-ti-lux lại phải xuống thăm nó tại nơi nó bị đắm? Nó cũng chỉ là xác một con tàu đắm thôi chứ có gì đâu? Tôi đang không biết nghĩ thế nào thì bỗng nghe thấy giọng thuyền trưởng Nê-mô nói nhỏ:

- Con tàu này đã từng mang cái tên Mác-xây-le. Nó mang trong mình bảy mươi tư khẩu đại bác và được hạ thuỷ năm

1762. Đến ngày 13 tháng tám năm 1778, con tàu đã chiến đấu dũng cảm chống lại tàu Prét-xtơn... Năm 1794, nước cộng hoà Pháp đã đổi tên cho nó. Ngày 16 tháng tư năm đó, nó gia nhập hạm đội của Vi-la-rê Gioay-ơ-sơ ở Brét có nhiệm vụ bảo vệ đoàn tàu chở lúa mỳ từ Mỹ về do đô đốc Van Xta-be chỉ huy, sau đó hạm đội này chạm trán với hạm đội của nước Anh. Hôm nay là ngày mùng một tháng sáu năm 1868, đúng bảy mươi tư năm về trước, cũng ở nơi này, tại vĩ tuyến 47,27 độ và kinh tuyến 17,28 độ, con tàu này đã chiến đấu dũng cảm chống lại hạm đội Anh, sau khi bị gãy cả ba cột buồm, tàu bị bắn thủng, nước tràn vào, một phần ba số thuỷ thủ bị thương vong, con tàu đã tự đánh chìm mang theo 356 thuỷ thủ trên tàu. Sau khi cắm cờ tổ quốc ở phía lái, tất cả các thuỷ thủ đồng thanh hô to: "Nước cộng hoà muôn năm!" rồi chìm xuống đáy biển.

- Tàu Báo thù! - Tôi thốt lên.

- Vâng, thưa ngài, tàu Báo thù. Cái tên mới đẹp làm sao! - Thuyền trưởng Nê-mô khẽ nói, hai tay ông ta khoanh trước ngực.

CHƯƠNG XXI

CẢNH TÀN SÁT

Tôi không bao giờ quên được cái cách mà thuyền trưởng Nê-mô đã miêu tả cảnh vật mà tôi không hề chờ đợi đó, lịch sử của con tàu yêu nước ấy được bắt đầu kể bằng một giọng rất lạnh lùng, và tâm trạng xúc động khi ông ta thốt ra những từ cuối cùng - tên của con tàu "Báo thù" - tất cả những điều đó được khắc sâu trong trí nhớ của tôi. Mắt tôi không rời khỏi thuyền trưởng Nê-mô, ông ta giang hai tay ra phía biển, nhìn xác con tàu vinh quang ấy bằng con mắt rực lửa. Có thể tôi sẽ không bao giờ được biết con người bí ẩn này là ai, ông ta từ đâu tới, hay ông ta đang đi về đâu, nhưng càng ngày tôi càng nhìn thấy rõ con người thật của ông ta ngoài con người bác học mà lâu nay tôi vẫn thấy. Không phải chỉ là sự căm ghét bình thường, mà là sự hận thù sâu sắc cho dù là chính đáng hay vô lý mà thời gian không thể xoá nhoà đã khiến thuyền trưởng Nê-mô và các bạn của ông ta gắm liền cuộc đời mình với con tàu Nau-ti-lux. Liệu rằng lòng căm thù này có tìm kiếm cơ hội để báo thù không? Chẳng bao lâu sau, tôi đã có câu trả lời. Con tàu Nau-ti-lux từ từ nổi lên mặt biển, con tàu Báo thù dần dần biến mất trước mắt tôi. Chẳng bao lâu, tàu rung nhẹ cho tôi biết chúng tôi đã lên đến mặt biển, đúng lúc đó chúng tôi nghe thấy một tiếng súng nổ rất to. Tôi nhìn thuyền trưởng Nê-mô nhưng ông ta không hề cử động.

- Thuyền trưởng Nê-mô - Tôi gọi.

Ông ta không trả lời. Tôi để ông ta lại đó và trèo lên boong. Nét-len và Công-xây đã có mặt ở đó.

- Tiếng súng từ đâu phát ra vậy? - Tôi hỏi.

- Đó là tiếng đại bác đấy - Nét-len đáp.

Tôi nhìn thấy một chiếc tàu lớn, nó đang tiến gần về phía con tàu Nau-ti-lux, chúng tôi có thể thấy đó là một con tàu chạy bằng hơi nước, nó chỉ còn cách chúng tôi khoảng sáu hải lý.

- Chiếc tàu đó là gì vậy, Nét-len? - Tôi hỏi.

- Nhìn thiết bị bên ngoài và cột buồm thấp - Tôi cá rằng đó là một con tàu chiến. Nó có thể đến gần chúng ta và nếu cần thì đánh đắm luôn con tàu Nau-ti-lux đáng nguyền rủa này - Net-Len đáp.

- Công-xây liền nói :

- Ông Nét nó thì làm gì được con tàu Nau-ti-lux này chứ? Nó có thể lặn xuống biển mà tấn công chúng ta được không? Nó có thể xuống đáy biển mà bắn đại bác được không?

- Anh Nét này - Tôi nói - Ông có nhận ra con tàu thuộc nước nào không?

Nét-len nhíu mày, nheo mắt nhìn như xoáy vào con tàu. Anh ta đáp:

- Không, thưa ngài, tôi không thể biết được nó thuộc nước nào vì nó không treo cờ. Nhưng tôi có thể khẳng định đó là tàu chiến vì trên cột buồm chính có treo một lá cờ đuôi nheo dài.

Suốt mười lăm phút sau, chúng tôi đứng đó nhìn chiếc tàu đang tiến lại gần. Tuy nhiên tôi không tin rằng nó có thể nhìn thấy con tàu Nau-ti-lux từ khoảng cách đó, mà hơn nữa nó cũng không thể biết cái cục dài dài đen đen

này là cái gì. Một lát sau, Nét-len thông báo với chúng tôi rằng đó la một con tàu chiến lớn, mũi nhọn và có hai khoang bọc thép. Hai ống khói to tướng của nó liên tục nhả khói đen xì. Cột buồm phía trước không hề treo cờ. Vì hai tàu cách nhau một khoảng cách khá xa nên chúng tôi không xác định được màu cờ đuôi nheo đang bay phấp phới như một dải ruy băng. No chạy rát nhanh, nêu thuyền trưởng Nê-mô cho phép nó lại gần thì chúng tôi có cơ hội trốn thoát.

Nét-len lại nói:

Thưa ngài, nếu con tau nay đến cách chúng ta khoảng một hai lý thì toi sẽ nhảy xuống biển, và tôi cũng muốn ngài sẽ nhảy xuống cùng tôi.

Tôi không trả lơi gợi ý của Nét-len mà vẫn tiếp tục quan sát con tau. Cho dù đó la tàu của Anh, Pháp, Mỹ hay Nga thì no cũng sẽ vớt chúng tôi lên nếu như chúng tôi bơi được tới gần nó. Đúng lúc đó, một lan khói trắng phụt ra từ phía mũi tàu, mấy phút sau, một vật gì đó bay đến rơi tõm xuống nước lam nước bắn tung toé lên boong con tàu Nau-ti-lux, ngay sau đó tôi nghe thấy một tiếng nổ lớn dội vào tai.

- Cái gì? Họ bắn chúng ta kìa! - Tôi la lên.

- Ngài bình tĩnh đi, họ nhìn thấy vật lạ và họ bắn về phía chúng ta thôi mà - Nét-len nói.

- Nhưng chắc chắn họ phải nhìn thấy là có người đứng trên boong tàu chứ? - Tôi nói.

- Có thể là chính vì họ nhìn thấy - Nét-len nói và nhìn tôi.

Tất cả những chuyện đã xảy ra lại ùa về trong trí óc tôi. Rõ ràng là họ hiểu phải tin câu chuyện về con quái vật trá

hình như thế nào. Không còn nghi ngờ gì nữa, lúc ở trên tàu A-bra-ham Lin-côn, khi Nét-len phóng mũi lao về phía con cá thì thuyền trưởng Pha-ra-gút nhận ra ngay rằng con cá đó chính là một chiếc tàu ngầm, còn nguy hiểm hơn gấp nhiều lần một con cá voi ngoại hạng. Thật là khủng khiếp nếu như chúng tôi nhận định đúng, rằng thuyền trưởng Nê-mô dùng con tàu Nau-ti-lux như một phương tiện để trả thù. Cái đêm mà chúng tôi bị nhốt trong phòng kín ở vùng biển Ấn Độ Dương, nó chẳng phải đã tấn công mấy con tàu đó sao? Người thuỷ thủ được mai táng trong nghĩa trang san hô chẳng phải là một nạn nhân của trận tấn công của con tàu Nau-ti-lux đó sao? Đúng vậy, tôi phải nhắc lại rằng điều đó là chắc chắn. Một phần cuộc đời bí ẩn của thuyền trưởng Nê-mô đã được vén lên, cho dù không ai biết rõ lai lịch của ông ta, nhưng chính phủ các nước đã hợp sức chống lại ông ta và biết rằng họ không phải đang chống lại một con quái vật biển hão huyền nào đó nữa mà là một con người với lòng căm thù không đội trời chung. Tất cả quá khứ kinh hoàng đó lại hiện lên trước mắt tôi. Chúng tôi những tưởng sẽ được gặp những người bạn nhưng hoá ra họ lại là kẻ thù của chúng tôi. Đạn đại bác vẫn liên tục bắn về phía chúng tôi, nhiều viên rơi xuống mặt biển gần con tàu Nau-ti-lux nhưng không viên nào bắn trúng. Con tàu chỉ còn cách chúng tôi không đầy ba hải lý. Nhưng mặc dù đạn súng bắn như mưa, thuyền trưởng Nê-mô vẫn không thấy xuất hiện, chỉ cần một viên đạn đại bác bắn trúng là rất nguy hiểm. Lúc đó, Nét-len nói:

- Thưa ngài, chúng ta phải làm tất cả những gì có thể để cứu chúng ta khỏi tình trạng nguy hiểm này. Chúng ta hãy ra hiệu cho họ, có thể họ sẽ hiểu rằng chúng ta là những người lương thiện.

Nét-len nói xong liền rút khăn tay ra vẫy vẫy, nhưng

vừa mới giơ lên anh ta đã bị một bàn tay sắt đánh gục xuống sàn, mặc dù anh ta là một người rất khoẻ.

- Đồ khốn khiếp! - Thuyền trưởng Nê-mô quát to - Mi có muốn bị mũi con tàu Nau-ti-lux đâm thủng trước khi nó tiêu diệt con tàu kia không?

Giọng thuyền trưởng Nê-mô thật khủng khiếp, nhưng trông ông ta còn khủng khiếp hơn nhiều. Mặt ông ta tái nhợt vì tim bị co thắt và như thể sắp ngừng đập trong giây lát. Con ngươi trong mắt ông ta trợn trừng lên, ông ta không phải đang nói mà là đang gầm lên, ông ta cúi xuống lắc vai Nét-len rồi bỏ đi, quay lại phía chiếc tàu chiến lúc đó vẫn đang xả đạn như mưa về phía con tau Nau-ti-lux. Ông ta lại gầm lên với một giọng đầy uy lực:

- A, con tàu của cái đất nước đáng nguyền rủa, mi biết ta là ai rồi đấy. Còn ta thì chẳng cần phải nhìn cờ của mi mới biết mi là ai, hãy nhìn đây, ta sẽ cho mi thấy cờ của ta.

Sau đó, thuyền trưởng Nê-mô treo một lá cờ đen giống hệt lá cờ đã cắm ở nam cực trên mũi tàu. Lúc đo, một viên đạn sượt qua thân tàu, gần chỗ thuyền trưởng Nê-mô đứng rồi rơi tõm xuống biển, con tàu Nau-ti-lux không hề hấn gì. Thuyền trưởng Nê-mô chỉ nhún vai rồi ông ta quay sang chỗ tôi và nói:

- Đi xuống dưới, ngài và các bạn của ngài đi xuống dưới mau.

- Thưa thuyền trưởng - Tôi hỏi - Ngài định tấn công con tàu này sao?

- Thưa ngài, tôi sẽ đánh chìm no .

- Ngài sẽ không làm như vậy chứ?

- Tôi sẽ làm như vậy - Ông ta lạnh lùng đáp - và tôi khuyên ngài đừng nên lên án tôi. Số phận đã cho ngài thấy

cái điều mà ngài lẽ ra không nên thấy. Cuộc tấn công sắp bắt đầu, xuống dưới mau.

- Chiếc tàu này là tàu gì vậy?

- Ngài không biết ư? Thế thì lại càng tốt, ít ra thì quốc tịch của nó sẽ là một bí mật đối với ngài. Đi xuống mau.

Chúng tôi không thể làm gì khác ngoài việc tuân lệnh. Khoảng mười lăm thuỷ thủ đứng quanh thuyền trưởng Nê-mô, họ cũng nhìn chiếc tàu đang đến gần một cách hết sức căm thù. Ai nhìn thấy cảnh này cũng nhận ra sự háo hức được trả thù đang hừng hực cháy trong mỗi người. Tôi đi xuống đúng lúc một viên đạn nữa rơi sượt qua thân tàu, tôi nghe thấy thuyền trưởng Nê-mô hét to:

- Cứ bắn nữa đi, chiếc tàu điên dại kia! Cứ bắn những viên đạn vô ích đó nữa đi, rồi các ngươi sẽ không thoát khỏi mũi con tàu Nau-ti-lux của ta đâu. Nhưng mi sẽ không được chết ở đây đâu, ta không muốn xác tàu Báo thù anh hùng bị ô uế vì nhà ngươi.

Tôi đi về phòng mình. Thuyền trưởng Nê-mô và viên thuyền phó vẫn ở lại trên boong tàu. Các thuỷ thủ đã sẵn sàng chiến đấu, con tàu Nau-ti-lux tăng tốc độ, chẳng mấy chốc đã chạy ra khỏi tầm bắn của con tàu chiến. Cuộc rượt đuổi vẫn tiếp tục, thuyền trưởng Nê-mô vẫn giữ một khoảng cách nhất định.

Khoảng bốn giờ chiều, tôi không thể kiên nhẫn hơn được nữa, tôi đi về phía cầu thang trung tâm. Nắp tàu vẫn mở, tôi đánh liều đi lên boong tàu. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn đang đi đi lại lại với những bước chân bồn chồn. Ông ta đang nhìn con tàu, lúc này đang ở cách khoảng năm sáu hải lý.

Thuyền trưởng Nê-mô cho tàu chạy quanh con tàu chiến như một con thú dữ, ông ta để cho nó đuổi theo vì muốn

như nó về hướng đông. Nhưng ông ta không cho tàu tấn công, có thể ông ta vẫn còn đang lưỡng lự chăng? Tôi muốn khuyên giải ông ta một lần nữa, nhưng lúc tôi chưa kịp nói gì thì ông ta đã chặn lời tôi. Ông ta nói:

- Tôi chính là pháp luật, tôi la toà án, tôi là người bị áp bức, va chúng la những kẻ đàn áp tôi. Chúng đã cướp đi của tôi tất cả những gì tôi yêu quý, tôi trân trọng, tôi tôn thờ: tổ quốc tôi, vợ con tôi, cha mẹ tôi. Tất cả những gì tôi căm thù nhất đều đang ở ngoài kia, ngài đừng nói gì nữa!

Tôi đưa mắt nhìn chiếc tàu chiến lúc này đang tăng tốc đuổi theo lần cuối rồi trở về phòng cùng với Nét-len và Công-xây.

- Chúng ta sẽ bỏ trốn - Tôi nói.

- Tốt lắm! - Nét-len nói - Con tàu kia của nước nào vậy?

- Tôi không biết, nhưng dù là tàu của nước nào thì trước đêm nay nó cũng sẽ bị đánh chìm. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa thì thà hy sinh cùng nó còn hơn là làm những kẻ đồng loã trong việc trả thù mà chúng ta còn chưa biết là có chính đáng hay không.

- Tôi cũng tán thành ý kiến của ngài - Nét-len lạnh lùng nói - chúng ta hãy đợi đến đêm.

Đêm đã tới. Một sự yên lặng tuyệt đối ngự trị trên boong tàu. La bàn cho thấy con tàu Nau-ti-lux vẫn đang giữ đúng hướng đi. Tàu đang trôi nhẹ nhàng trên mặt biển. Tôi và các bạn của mình quyết định sẽ bỏ trốn khi chiếc tàu chiến đến gần đủ để nghe thấy tiếng kêu cứu của chúng tôi hay nhìn thấy chúng tôi. Mặt trăng mười bốn chiếu sáng vằng vặc trên bầu trời. Một khi đã lên được con tàu kia, nếu chúng tôi không thể ngăn chặn được cuộc tấn công đang nhằm vào nó, thì ít nhất chúng tôi cũng sẽ làm tất cả những gì hoàn cảnh cho phép. Đã vài lần tôi nghĩ con tàu Nau-ti-

lux sắp sửa tấn công, nhưng thuyền trưởng Nê-mô vẫn chỉ nhử cho đối thủ đến gần rồi bỏ chạy.

Đêm đã trôi qua một phần mà không có sự cố gì xảy ra. Chúng tôi kiên nhẫn quan sát chờ thời cơ chạy trốn. Chúng tôi quá xúc động nên không ai nói gì. Nét-len đã định lao ngay xuống biển, nhưng tôi buộc anh ta phải chờ thêm một lúc nữa. Theo ý kiến của tôi, con tàu Nau-ti-lux sẽ tấn công trên mặt biển, do vậy kế hoạch bỏ trốn của chúng tôi không chỉ có thể thực hiện mà còn thực hiện dễ dàng hơn.

Ba giờ sáng, tôi thấy bồn chồn không yên nên trèo lên boong tàu. Thuyền trưởng Nê-mô vẫn chưa rời chỗ đó. Ông ta đứng ở mũi tàu gần chỗ treo cờ, gió thổi nhẹ làm lá cờ bay phấp phới. Ông ta không rời mắt khỏi con tàu, ông ta nhìn chăm chú như thể muốn thôi miên, hút lấy nó, kéo nó đi như thể nó bị xích vào con tàu Nau-ti-lux vậy. Mặt trăng đang dần đi qua kinh tuyến. Sao mộc bắt đầu mọc phía đằng đông. Trong cảnh thiên nhiên yên ả thanh bình đó, bầu trời và mặt biển như đang ghanh đua nhau về sự phẳng lặng, mặt biển hiền lành để mặc cho những vì sao thoả sức soi bóng xuống mặt gương êm ả. Khi tôi so sánh sự yên bình của biển trời với tất cả những gì đang sôi sục phía bên trong con tàu Nau-ti-lux mà người ngoài không cảm nhận được, tôi bất giác rùng mình kinh sợ.

Con tàu chiến chỉ còn cách chúng tôi khoảng hai hải lý. Đó là khoảng cách gần nhất mà nó từng tới được khi cứ dõi theo ánh sáng lân tinh của tàu mà rượt đuổi. Tôi có thể nhìn thấy ánh đèn xanh đỏ và chiếc đèn treo trên cột buồm lớn. Các thiết bị trên tàu rung lên bần bật chứng tỏ nồi hơi của tàu đã được đốt đến mức tối đa, từng chùm ánh sáng đỏ rực phun lên phía trên ống khói chiếu trong màn đêm giống như những ánh sao.

Tôi đứng trên boong đến tận sáu giờ sáng nhưng thuyền trưởng Nê-mô chẳng hề quan tâm đến sự có mặt của tôi. Con tàu chiến giờ đây chỉ còn cách chúng tôi một hải lý rưỡi. Mặt trời bắt đầu chiếu những ánh sáng đầu tiên xuống mặt biển cũng là lúc con tàu chiến nổ những phát súng tấn công đầu tiên. Đã đến lúc con tàu Nau-ti-lux tấn công lại rồi đây, đã đến lúc tôi và các bạn tôi phải chia tay mãi mãi với con người bí ẩn này rồi. Tôi đang chuẩn bị đi xuống để báo cho Công-xây và Nét-len biết thì viên thuyền phó cùng vài thuỷ thủ nữa lên boong. Thuyền trưởng Nê-mô cũng không nhìn thấy họ hay ông ta cố tình không để ý đến họ. Họ cứ lặng lẽ chuẩn bị những việc cần thiết có thể gọi là để chuẩn bị chiến đấu. Những việc đó rất đơn giản, lan can quanh boong tàu được hạ xuống, đèn pha và buồng lái được đưa vào trong thân tàu, giờ đây, phía ngoài của điếu xì gà bằng thép này chẳng còn có gì nhô ra cản trở hoạt động của nó nữa. Tôi trở về phòng khách. Con tàu Nau-ti-lux vẫn nổi trên mặt biển, thỉnh thoảng lại có một ánh lửa loé lên trên mặt nước. Qua ô cửa kính phòng khách, mặt biển sáng bừng dưới ánh sáng mặt trời đang lên, cái ngày mùng hai tháng sáu khủng khiếp đã bắt đầu.

Năm giờ sáng, đồng hồ báo con tàu Nau-ti-lux đã giảm tốc độ, tôi biết rằng nó làm vậy để dụ con tàu chiến đến gần hơn. Hơn nữa, tiếng súng đạn đã nghe rõ hơn, đạn pháo rít lên quanh tàu rồi rơi xuống biển. Tôi nói với các bạn của mình:

- Các bạn, đã đến lúc rồi, chúng ta hãy hợp sức cùng nhau, cầu mong thượng đế che chở cho chúng ta.

Nét-len thì quyết tâm, Công-xây vẫn bình thản, còn tôi thì lo lắng đến nỗi không biết làm thế nào để kiềm chế lại. Chúng tôi đi sang thư viện, nhưng đúng lúc tôi mở cửa

thông ra cầu thang trung tâm, tôi nghe thấy tiếng nắp tàu đóng sập lại. Nét-len lao tới cầu thang nhưng tôi kịp ngăn anh ta lại. Một tiếng rít quen thuộc báo hiệu nước bắt đầu chảy vào bể chứa, mấy phút sau con tàu Nau-ti-lux lặn xuống cách mặt biển vài mét. Tôi đã hiểu tất cả, chúng tôi đã quá muộn để hành động. Con tàu Nau-ti-lux không muốn tấn công vào những chỗ bọc thép bên trên mà lặn xuống dưới đánh vào chỗ vỏ tàu không được bọc thép.

Chúng tôi lại một lần nưa bị nhốt vào phòng kín và trở thành những người chứng kiến bất đắc dĩ của tấn thảm kịch sắp xảy ra. Chúng tôi cũng không có thời gian suy nghĩ nhiều về chuyện đó, chúng tôi bị đưa về phòng, chỉ nhìn nhau mà không ai nói lời nào. Đầu óc tôi rối bời, không còn suy nghĩ được gì nữa. Tôi đang trong tâm trạng đau đớn chờ đợi một tiếng nổ vang trời. Tôi chờ đợi, lắng nghe, tất cả mọi giác quan giờ đây chỉ tập trung để nghe. Con tàu Nau-ti-lux tăng tốc độ, nó chuẩn bị lao vào đối thủ. Toàn thân tàu rung lên. bỗng nhiên tôi hét to lên, tôi cảm thấy con tàu đâm vào một vật gì đó, nhưng không mạnh lắm. Tôi cảm thấy sức mạnh khủng khiếp của mũi tàu Nau-ti-lux, tôi nghe thấy tiếng kêu răng rắc, con tàu Nau-ti-lux xuyên qua thân tàu chiến như một chiếc kim khâu xuyên qua tấm vải buồm vậy.

Tôi không thể chịu thêm được nữa. Tôi như phát điên lên, lao đến phòng khách. Thuyền trưởng Nê-mô đứng đó, yên lặng, bất động, ủ ê. Ông ta đang nhìn qua ô cửa kính phía bên phải tàu. Con tàu to lớn đổ ập xuống, và không để lỡ cơ hội chứng kiến cảnh hấp hối của nó, con tàu Nau-ti-lux cũng chìm xuống theo. Cách chỗ tôi đang đứng khoảng mười mét, tôi thấy một lỗ hổng to nước đang tràn vào gây ra những tiếng động như sấm, rồi hai hàng súng lớn và những tấm lưới. Trên đài chỉ huy của thuyền trưởng,

người người đứng chen chúc nhau.

Nước vẫn tiếp tục tràn vào. Những con người bất hạnh trèo lên bấu víu vào mấy cái thang dây, người thì ôm chặt cột buồm, giãy giụa trong nước biển. Trông giống như một tổ kiến bị sóng biển cuốn đi. Tôi đờ người, nghẹt thở vì đau khổ, tóc tai dựng đứng, mắt mở trợn trừng, hơi thở hổn hển, không nói được nên lời. Tôi chỉ biết đứng nhìn, một sức hút không thể cưỡng lại được dán tôi vào tấm cửa kính. Bỗng nhiên có một tiếng nổ lớn vang lên. Không khí bị nén lại làm cho con tàu nổ tung giống như kho thuốc súng gặp lửa. Rồi con tàu tội nghiệp chìm xuống nước, chỉ còn cột buồm chính với đầy người bám bên trên nhô lên trên mặt nước, rồi những trụ cột buồm oằn xuống dưới sức nặng của các nạn nhân. Cuối cùng, cả con tàu chìm hẳn xuống đáy biển mang theo toàn bộ thuỷ thủ.

Tôi quay lại phía thuyền trưởng Nê-mô. Con người đã gây ra một sự trả thù tàn bạo đó vẫn đang đứng nhìn. Khi tất cả đã qua đi, ông ta trở về phòng, mở cửa và bước vào. Tôi đưa mắt nhìn theo ông ta. Trên bức tường đối diện với cửa ra vào, phía trên những bức chân dung các anh hùng, tôi thấy có bức ảnh của một thiếu phụ còn trẻ và hai đứa bé. Thuyền trưởng Nê-mô đứng đó ngắm nhìn bức hình, giang hai tay về phía họ rồi quỳ xuống và bật khóc nức nở.

CHƯƠNG XXII

NHỮNG LỜI CUỐI CỦA THUYỀN TRƯỞNG NÊ-MÔ

Cánh cửa sổ đã đóng lại trước cảnh tượng ghê sợ đó, nhưng đèn trong phòng khách vẫn chưa bật lên, trong con tàu Nau-ti-lux vẫn chỉ có sự im lặng và bóng tối. Con tàu đang chạy hết tốc độ dưới độ sâu ba mươi mét dưới mặt biển tránh xa khỏi cảnh đau thương hoang tàn. Nó đang chạy về đâu? Về phía bắc hay về phía nam? Sau khi gây ra một sự trả thù tàn bạo, con người này muốn đi về đâu? Tôi phải trở về phòng, Công-xây và Nét-len đang ngồi yên lặng chờ tôi. Tôi cảm thấy một nỗi ghê sợ không thể kìm lại được đối với thuyền trưởng Nê-mô. Cho dù ông ta đã phải chịu đựng khốn khổ như thế nào dưới bàn tay những kẻ đó, ông ta cũng không có quyền trừng phạt họ như vậy. Ông ta đã khiến tôi, dù không phải là kẻ đồng loã với ông ta thì ít nhất cũng là người phải chứng kiến sự trả thù ghê sợ của ông ta. Đến mười một giờ trưa, đèn điện mới được bật lại. Tôi đi đến phòng khách, không có một bóng người. Tôi đến nhìn các máy đo trong phòng. Con tàu Nau-ti-lux đang đi về phía bắc với tốc độ hai mươi nhăm hải lý một giờ, khi thì nổi lên trên mặt biển, khi thì lặn xuống khoảng mười mét. Khi xác định toạ độ của con tàu trên bản đồ, tôi thấy tàu đã chạy qua vùng biển Măng-xơ, hiện giờ nó đang lao về vùng biển phía bắc với một tốc độ đáng sợ. Đêm hôm đó, chúng tôi vượt qua hai trăm ngàn dặm trên biển

Đại Tây Dương. Hoàng hôn buông xuống, biển chìm ngập trong bóng tối cho đến khi trăng ló lên. Tôi trở về phòng nhưng không thể ngủ được. Tôi bị những cơn ác mộng ám ảnh. Những cảnh tượng hãi hùng vừa qua cứ liên tục hiện lên trước mắt tôi. Từ ngày hôm đó, ai có thể biết con tàu Nau-ti-lux sẽ đưa chúng tôi đến đâu trong vùng biển Đại Tây Dương rộng lớn? Tàu vẫn chạy hết tốc độ. Tàu vẫn chạy trong sương mù dày đặc. Tàu sẽ đi đến đâu, tôi chẳng thể biết. Tôi cũng không thể biết được bao nhiêu thời gian đã trôi qua. Tất cả đồng hồ trên tàu đã ngừng chạy. Hình như ngày và đêm đã không còn nối tiếp nhau một cách bình thường nữa, giống như tại các nước vùng địa cực. Tôi thấy như mình đang bị đưa đến một vùng xa lạ, nơi những người tạo dựng nên vùng đất đó theo ý thích riêng của họ. Tôi đoán chừng con tàu Nau-ti-lux đã chạy như thế này được khoảng mười lăm đến hai mươi ngày. Tôi không biết nó còn tiếp tục cuộc hành trình mạo hiểm này đến bao giờ nếu không có một tai nạn khủng khiếp kết thúc cuộc hành trình này. Tôi không hề gặp thuyền trưởng Nê-mô trên tàu, cũng không gặp viên thuyền phó và các thuỷ thủ khác dù chỉ một giây. Hầu hết thời gian tàu chạy dưới mặt biển. Khi nổi lên trên lấy không khí, nắp tàu mở ra đóng vào một cách tự động. Không có một dấu hiệu mới nào được ghi trên bản đồ nữa. Tôi không biết hiện giờ con tàu Nau-ti-lux đang ở đâu. Còn về phần Nét-len, anh ta đã quá kiệt sức và chán nản nên cũng tránh mặt. Đến Công-xây cũng không cậy được ở anh ta một lời. Công-xây sợ rằng trong cơn quẫn trí Nét-len sẽ tự sát nên lúc nào cũng bám sát anh ta không rời một bước.

Một buổi sáng, tôi không thể nói chính xác là ngày nào, lúc tôi đang chìm trong giấc ngủ vì trời còn rất sớm, một giấc ngủ nặng nề và đầy ác mộng, thì bỗng nhiên tôi bị lay

dậy. Nét-len đang cúi xuống trước mặt tôi, nói nhỏ:

- Chúng ta phải trốn đi thôi.

Tôi ngồi ngay dậy, hỏi:

- Bao giờ chúng ta sẽ đi?

- Tối nay. Con tàu Nau-ti-lux không còn được kiểm soát nữa, mọi hoạt động trên tàu đã ngừng. Ngài đã sẵn sàng chưa?

- Tôi sẵn sàng, chúng ta đang ở đâu?

- Gần đất liền, sáng nay tôi đã nhìn thấy đất liền qua màn sương, cách khoảng hai mươi hải lý về phía đông.

- Đó là nước nào?

- Tôi không biết, nhưng dù là nước nào thì chúng ta cũng phải trú chân tại đó.

- Được, anh Nét, được. Chúng ta sẽ bỏ trốn tối nay, cho dù biển cả có nuốt chửng tất cả chúng ta.

- Biển động, gió thổi mạnh, nhưng chèo hai mươi hải lý trên thuyền của con tàu Nau-ti-lux không phải là chuyện khó lắm. Tôi có thể bí mật giấu một ít lương thực và mấy chai nước vào trong thuyền.

- Tôi sẽ theo anh.

- Nhưng mà - Nét-len nói tiếp - Nếu chúng phát hiện ra tôi, tôi sẽ chống cự đến cùng, đến khi chúng giết chết tôi thì thôi.

- Chúng ta sẽ cùng chết, anh Nét ạ.

Tôi đã sẵn sàng bỏ trốn. Nét-len đi ra, tôi leo ngay lên boong tàu. Phải khó khăn lắm tôi mới đứng vững được vì sóng rất mạnh. Bầu trời đen kịt, nhưng đất liền lấp ló như một đốm màu nâu xa xa, chúng tôi phải trốn ngay. Tôi trở lại phòng khách, trong lòng vừa mong lại vừa không muốn gặp lại thuyền trưởng Nê-mô. Tôi sẽ nói gì với ông ta đây?

Liệu tôi có giấu được nỗi kinh hoàng mà ông ta đã gây ra cho tôi không? Không, tốt nhất là tôi không nên chạm trán với ông ta vào lúc này, tốt nhất là nên quên ông ta đi. Cái ngày hôm đó sao mà dài đến vậy, cái ngày cuối cùng tôi còn ở lại trên con tàu Nau-ti-lux. Tôi ngồi lại một mình. Nét-len và Công-xây cũng tránh không gặp tôi để khỏi bị lộ. Tôi dùng bữa tối lúc sáu giờ mặc dù không cảm thấy đói chút nào. Tôi ép mình phải ăn thật nhiều để còn lấy sức. Sáu giờ rưỡi, Nét-len vào phòng tôi nói: - Chúng ta sẽ không gặp nhau từ nay cho đến lúc xuất phát. Cho đến tận mười giờ tối sẽ không có trăng, chúng ta sẽ lợi dụng lúc trời còn tối. Ngài hãy đi đến chỗ để thuyền, tôi và Công-xây sẽ đợi ngài ở đó.

Nét-len đi ngay ra ngoài không để tôi kịp trả lời. Tôi đến phòng khách để xem hướng đi của con tàu Nau-ti-lux. Chúng tôi đang chạy theo hướng đông bắc với tốc độ kinh hoàng ở độ sâu năm mươi mét. Tôi đưa mắt nhìn lại những kiệt tác của thiên nhiên một lần cuối cùng, cả những tác phẩm nghệ thuật tuyệt diệu đang chen vai sát cánh trong viện bảo tàng này, những báu vật có một không hai mà một ngày nào đó sẽ chìm xuống đáy biển cùng với người đã sở hữu nó. Tôi muốn in sâu mãi hình ảnh của chúng vào ký ức mình. Tôi đứng đó hàng giờ liền, tắm mình trong ánh sáng lung linh trên trần nhà, đi đến ô cửa kính ngắm nhìn cảnh vật dưới đáy biển. Sau đó tôi trở về phòng.

Tôi mặc quần áo thật ấm và thu dọn những ghi chép của mình giấu kín trong người. Tim tôi đập thình thịch. Tôi không thể kiềm chế được cảm xúc của mình. Tất nhiên vẻ bối rối và lúng túng của tôi sẽ không thể qua được mắt của thuyền trưởng Nê-mô. Lúc này ông ta đang làm gì? Tôi áp tai để nghe tiếng động bên phòng ông ta. Có tiếng bước

chân. Thuyền trưởng Nê-mô đang ở đó. Ông ta không ngủ. Lúc nào tôi cũng có cảm giác là ông ta sắp xuất hiện ngay trước mặt tôi, rồi hỏi tôi tại sao tôi lại chạy trốn. Tôi lúc nào cũng trong trạng thái đề phòng. Óc tưởng tượng lại càng làm tôi lo sợ bội phần. Sự căng thẳng tăng lên đến tột cùng đến nỗi khiến tôi cuối cùng phải tự hỏi mình liệu chạy ngay sang phòng thuyền trưởng Nê-mô, nhìn thẳng vào mặt ông ta mà thách thức thì có tốt hơn không?

Đúng là một ý nghĩ điên rồ. May mà tôi kìm lại được và quay lại quăng mình xuống giường để cho đỡ căng thẳng. Thần kinh tôi hơi dịu xuống một chút, nhưng đầu óc vẫn tràn ngập những hình ảnh, những kỷ niệm vui buồn trên con tàu Nau-ti-lux. Tất cả hiện về, tất cả những sự kiện xảy ra từ lúc tôi bị văng ra khỏi tàu A-bra-ham Lin-côn: chuyến đi săn ngầm dưới biển, eo biển To-rê, thổ dân đảo Pa-pua, nghĩa trang san hô, chuyến vượt qua kênh Xuy-ê, đảo Xan-tô-rin, người thợ lặn ở đảo Crết, vịnh Vi-gô, thành phố Át-lan-tít, tảng băng trôi, nam cực, sự cầm tù trong khối băng, cuộc chiến đấu với bạch tuộc, cơn bão trên dòng biển Gơn Xtờ-rim, tàu Báo thù và cảnh tượng chiếc tàu chiến bị đắm cùng toàn bộ thuỷ thủ. Tất cả những cảnh tượng đó lướt qua trước mặt tôi như trong một vở kịch. Hình ảnh thuyền trưởng Nê-mô hiện lên rõ nét nhất trong tất cả các sự kiện. Ông ta không còn là một con người bình thường như tôi nữa, mà là một người ngự trị sóng nước, một thần biển.

Lúc đó là chín giờ ba mươi. Hai tay tôi ôm chặt lấy đầu cho khỏi vỡ tung ra. Tôi nhắm chặt mắt lại, không muốn nghĩ đến điều gì nữa. Còn nửa tiếng nữa mới đến giờ hẹn, tức là còn nửa tiếng cho những cơn ác mộng khiến tôi phát điên lên được.

Đúng lúc đó, tôi nghe văng vẳng có tiếng đàn ai oán, có giọng cầu kinh não nề, tiếng rên rỉ của một linh hồn sắp lìa bỏ những xiềng xích của cuộc sống trần tục. Tôi chăm chú lắng nghe, không dám thở mạnh, nghe như tiếng thuyền trưởng Nê-mô trong tiếng đàn bập bùng như vọng lại từ cõi chết.

Một ý nghĩ chợt đến làm tôi hoảng sợ. Thuyền trưởng Nê-mô đã rời khỏi phòng. Ông ta đang ở trong phòng khách, mà tôi thì phải qua phòng khách mới tới được nơi chạy trốn. Tôi có thể gặp ông ta lần cuối cùng ở đó. Ông ta có thể sẽ nhìn thấy tôi, có thể sẽ nói chuyện với tôi. Một cử chỉ của ông ta có thể giết chết tôi, một lời nói của ông ta có thể trói buộc tôi mãi mãi vào chiếc tàu này.

Nhưng đã gần đến mười giờ. Tôi không thể chần chừ ở mãi trong phòng được nữa, tôi phải đến chỗ hẹn với các bạn của mình.

Không còn thời gian để do dự nữa, cho dù thuyền trưởng Nê-mô có đứng ngay trước mặt tôi thì tôi cũng phải đi. Tôi cẩn thận mở cửa phòng, nhưng tiếng cửa kẹt trên bản lề hình như tạo ra một tiếng động mạnh. Có thể tiếng động đó chỉ do tôi tưởng tượng ra mà thôi.

Tôi mò mẫm dọc theo những cầu thang tối mò trên con tàu Nau-ti-lux, mỗi bước lại phải dừng lại cho tim đỡ đập mạnh. Tới cửa phòng khách, tôi nhẹ nhàng mở cửa. Tất cả vẫn chìm trong bóng tối, tiếng đàn phong cầm vẫn ai oán thoảng nhẹ, thuyền trưởng Nê-mô đang ở đó, ông ta không nhìn thấy tôi. Ông ta đang say sưa với tiếng nhạc đến nỗi tôi có cảm giác ngay cả khi phòng khách sáng trưng thì ông ta cũng không để ý đến tôi.

Tôi bò dọc theo tấm thảm dưới nền, tránh không gây ra một tiếng động nào dù là nhỏ nhất để ông ta có thể phát hiện

ra tôi. Phải mất đến năm phút tôi mới tới cánh cửa phòng khách thông sang thư viện.

Tôi đang định chạy sang thư viện thì bỗng một tiếng thở dài của thuyền trưởng Nê-mô làm tôi dán mình xuống nền. Tôi biết ông ta đang đứng dậy. Tôi thậm chí còn nhìn thấy ông ta vì ánh sáng trong thư viện chiếu sáng sang phòng khách. Ông ta bước về phía tôi, yên lặng, hai tay khoanh trước ngực. Ngực ông ta phập phồng, tôi nghe thấy ông ta lẩm bẩm những từ sau, những từ cuối cùng còn đập vào tai tôi:

- Ôi thượng đế, thế là đủ, thế là đủ rồi.

Đó có phải là lời thú tội của sự hối hận thốt ra từ lương tâm con người ông ta không?

Liều lĩnh trong sự tuyệt vọng, tôi lao sang thư viện, trèo lên thang trung tâm rồi men theo lối cầu thang trên đến chỗ để thuyền, tôi trèo qua lỗ hổng vào thuyền, hai người bạn của tôi đang chờ sẵn ở đó.

- Đi ngay thôi! Đi ngay thôi! - Tôi giục.

- Đi ngay đây - Nét-len đáp.

Chúng tôi đậy lỗ hổng vào chỗ để thuyền lại, rồi cài chặt bằng một cái then mà Nét-len mang theo, thế là lỗ hổng thông xuống thuyền đã được đóng chặt. Nét-len bắt đầu tháo bu lông giữ thuyền gắn chặt với con tàu.

Bỗng nhiên tôi nghe thấy một tiếng động bên trong con tàu Nau-ti-lux. Đó là tiếng mọi người gọi nhau í ới. Có chuyện gì đã xảy ra vậy? Hay họ đã phát hiện ra chúng tôi bỏ trốn? Tôi thấy Nét-len giúi vào tay tôi một con dao găm.

- Đúng - Tôi thì thào - Chúng ta sẽ chết một cách xứng đáng".

Nét-len ngừng công việc của mình lại. Nhưng trên tàu

họ cứ nhắc đi nhắc lại một từ duy nhất, một từ khủng khiếp, nhờ đó mà tôi hiểu nguyên nhân của sự náo loạn trên con tàu Nau-ti-lux. Không phải họ đang đuổi bắt chúng tôi.

- Man-xtơ-rim! Man-xtơ-rim! - Tôi thốt lên.

Man-xtơ-rim! Trong hoàn cảnh khốn khổ của chúng tôi bây giờ liệu có từ nào khủng khiếp hơn từ đó đập vào tai chúng tôi được nữa không? Chúng tôi đang ở trên vùng biển nguy hiểm nhất của Na-uy. Liệu con tàu Nau-ti-lux có bị cuốn vào vòng nước xoáy mà tan thành từng mảnh không? Chúng tôi đều biết rằng khi nước triều dâng giữa nhóm đảo Phê-rô và đảo Lô-phô-đen đổ vào với một sức mạnh vô cùng khủng khiếp tạo thành một xoáy nước mà tất cả tàu bè nếu lọt vào đó thì sẽ không thể thoát ra được. Từ bốn phía chân trời, các con sóng lớn dồn về tạo thành một vực thẳm mà người ta thường gọi là "Cái rốn của đại dương", mạnh đến nỗi hút hết tất cả mọi vật trong vòng bán kính mười hai hải lý. Ở đó, không chỉ tàu bè mà cả cá voi và gấu trắng từ biển bắc cũng trở thành nạn nhân của nó.

Con tàu Nau-ti-lux đã rơi vào xoáy nước đó một cách vô tình, hay cũng có thể là theo ý muốn của thuyền trưởng Nê-mô.

Nó quay tròn theo hình xoáy ốc mà bán kính ngày càng ngắn lại mang theo con thuyền vẫn đang gắn chặt vào chiếc tàu. Những vòng tròn liên tục một lúc lâu như vậy khiến tôi thấy chóng mặt khủng khiếp.

Chúng tôi sợ hãi kinh hoàng. Máu trong người như ngừng chảy, thần kinh tê liệt, mồ hôi toát ra lạnh ngắt giống như mồ hôi của người đang hấp hối. Xung quanh tàu vang lên tiếng gầm rú vang vọng xa tới vài dặm, là tiếng nước cuốn đổ xuống những ngọn núi đá sắc nhọn, nơi những vật cứng rắn nhất cũng vỡ tan thành từng mảnh nhỏ.

Chúng tôi đang ở trong một tình thế vô cùng nguy hiểm. Con tàu Nau-ti-lux đang vật lộn như một con người. Thân tàu bằng thép như đang vỡ ra từng mảnh. Đôi lúc, tàu như dựng đứng lên mang theo cả chúng tôi trong đó.

- Chúng ta phải giữ thật chắc - Nét-len nói - Và phải canh chừng bu lông, nếu thuyền còn bám được vào tàu thì chúng ta còn có cơ sống sót...

Vừa nói đến đó thì chúng tôi nghe thấy một tiếng động mạnh, bu lông bị bật tung ra, chiếc thuyền bị hất tung như một hòn đá xuống vùng nước xoáy.

Đầu tôi bị đập mạnh vào thành thuyền bằng thép, tôi ngất đi không biết gì nữa.

CHƯƠNG XXIII

KẾT LUẬN

Tới đây, cuộc hành trình của chúng tôi đã kết thúc. Chuyện gì đã xảy ra vào cái đêm đó, làm thế nào mà chiếc thuyền của chúng tôi thoát ra được khỏi vùng nước xoáy khủng khiếp ấy, làm thế nào mà Công-xây, Nét-len và tôi thoát ra khỏi cái vịnh ấy? Tôi không thể biết được tại sao.

Nhưng khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trong một chiếc lều đánh cá ở Đảo Lô-phô-đen. Hai người bạn đồng hành của tôi vẫn bình yên vô sự đang ở bên cạnh, nắm chặt lấy tay tôi. Chúng tôi ôm hôn nhau thắm thiết.

Lúc đó, tôi không nghĩ gì đến chuyện trở lại Pháp cả vì giao thông liên lạc giữa hai miền Bắc và Nam Na Uy rất khó khăn, tôi đành chờ chuyến tàu hàng tháng chạy đến mũi Bắc vậy.

Trong thời gian lưu lại với những người dân chài đã đón tiếp chúng tôi rất nồng hậu, tôi ôn lại câu chuyện về cuộc phiêu lưu của chúng tôi thêm một lần nữa. Không một sự thật nào bị bỏ qua, không một chi tiết nào bị thổi phồng, đó hoàn toàn là một câu chuyện xác thực về chuyến thám hiểm kỳ lạ tới một nơi mà chưa một con người nào được đặt chân tới. Nhưng biết đâu sự tiến hoá của nhân loại một ngày nào đó sẽ mở ra con đường cho mọi người đều được lui tới.

Liệu mọi người có tin tôi không? Tôi không biết. Nhưng

thật ra điều đó cũng không quan trọng lắm. Những gì mà tôi muốn khẳng định ở đây là tôi có quyền nói về những vùng biển mà tôi đã mất mười tháng trời ròng rã, đi hết hai vạn dặm trên một con tàu ngầm đi vòng quanh thế giới, nơi tôi đã được tận mắt chứng kiến vô vàn kỳ quan của thế giới đại dương.

Thế nhưng con tàu Nau-ti-lux sẽ ra sao? Liệu nó có chống chọi lại được với vùng nước xoáy đó không? Liệu thuyền trưởng Nê-mô có còn sống sót không? Liệu ông ta có còn tiếp tục hành trình dưới đáy đại dương để hoàn tất cái công việc trả thù khủng khiếp đó không? Hay là ông ta đã đặt dấu chấm hết cuộc đời mình tại cái nghĩa địa khổng lồ vừa qua?

Liệu sóng nước một ngày nào đó có mang lại cho chúng ta tập bản thảo viết tay chứa đựng những bí mật của cuộc đời ông ta không? Liệu tôi có bao giờ được biết tên thật của con người đó không? Liệu chiếc tàu bị mất tích có giúp tôi khám phá được quốc tịch của thuyền trưởng Nê-mô không?

Tôi hy vọng là có, tôi cũng hy vọng rằng con tàu vững chắc đó đã chinh phục được vùng biển dữ dội nhất, và con tàu Nau-ti-lux vẫn còn nguyên vẹn ngay cả ở nơi tất cả các con tàu khác đều bị đắm. Nếu những điều tôi hy vọng là sự thật, nếu thuyền trưởng Nê-mô vẫn tiếp tục sống trong lòng đại dương, thì tôi cầu mong sao cho trái tim ông ta sẽ không còn chứa chất lòng căm thù sôi sục đối với mảnh đất mà ông ta đã lìa bỏ. Chỉ mong rằng sự tuyệt diệu của những kỳ quan thiên nhiên có thể dập tắt được ngọn lửa hận thù ngùn ngụt. Mong sao cho người quan toà trong ông ta biến mất nhường chỗ lại cho nhà bác học hiền hoà tiếp tục say sưa với công việc nghiên cứu đại dương. Nếu

số phận của thuyền trưởng Nê-mô có thật kỳ lạ đi nữa thì ông ta vẫn là một người cao cả... Có phải là tôi đã không thể hiểu được chính mình? Chẳng phải chính tôi đã sống cả mười tháng trời ròng rã với cuộc sống siêu nhiên đó ư? Chẳng phải là trong kinh thánh ba ngàn năm trước đây người ta đã đặt ra câu hỏi: "Vực sâu thăm thẳm có ai đặng dò?" Trên đời này chỉ có hai người có thể trả lời câu hỏi đó - thuyền trưởng Nê-mô và tôi.

MỤC LỤC

PHẦN II

NHA XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

43 Lò Đúc - Hà Nội

HAI VẠN DẶM DƯỚI ĐÁY BIỂN

Biên dịch: NGỌC ANH

Chịu trách nhiệm xuất bản

VŨ AN CHƯƠNG

Chịu trách nhiệm bản thảo

PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập BÍCH HẰNG-QUỲNH TRANG

Vẽ bìa: ĐẠI THẮNG

Trình bày: THU OANH

Sửa bản in: QUỲNH TRANG

In : 1000 cuốn, khổ 14,5 cm x 20,5 cm tại Nhà in KH & CN
Giấy phép xuất bản số 1486-XB-QLXB 110-VHTT
In xong nộp lưu chiểu tháng Quý 4 năm 2003



Jules Verne

HAI VẠN DẶM DƯỚI BIỂN



GIÁ: 39.000Đ